

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
Dự án Thúc đẩy Tăng trưởng xanh
Khu vực Vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

(Giai đoạn 2 – Giai đoạn thực thi)

Báo cáo Hoàn thành Dự án

Tháng 1 năm 2020

Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA)

Công ty NHHH Nippon Koei
Ủy ban Quốc tế Môi trường Hồ (ILEC)
Trung tâm Phát triển Quốc tế Nhật Bản (IDCJ)

| |
|---------------|
| GE |
| JR |
| 20-006 |

Tỷ giá hối đoái

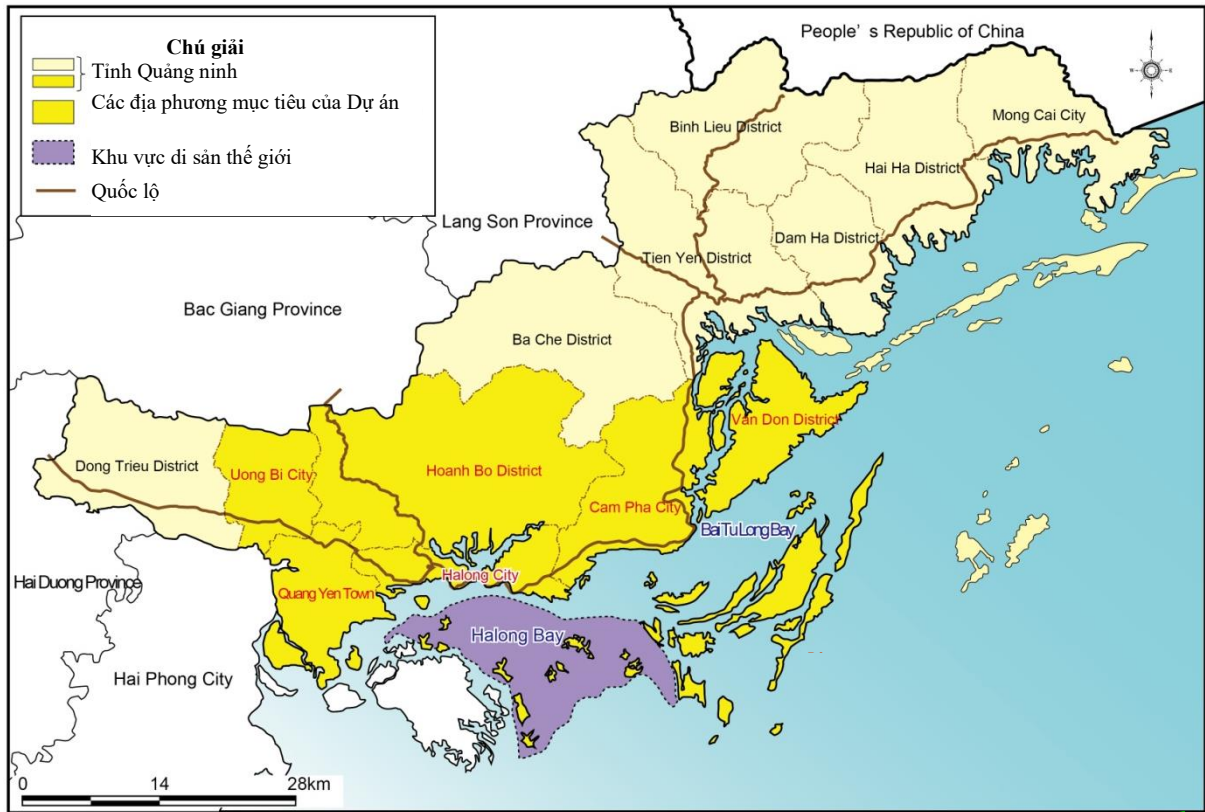
1 JPY = VNĐ 213.37¹

1 USD = VNĐ 23.175

(ngày 6/12/2019)

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

¹ Tỷ giá chéo phục vụ mục đích đánh giá thuế



Khu vực Dự án

DỰ ÁN THỨC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG XANH KHU VỰC VỊNH HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH (GIAI ĐOẠN 2 – GIAI ĐOẠN THỰC THI)

Báo cáo Hoàn thành Dự án

Mục lục

Bản đồ khu vực dự án

Danh mục từ viết tắt

| | Trang |
|-------|---|
| 1 | Giới thiệu..... 1-1 |
| 1.1 | Tiêu sử và Mục tiêu Dự án 1-1 |
| 1.2 | Thông tin cơ bản về Dự án 1-2 |
| 1.3 | Lịch sử sửa đổi Ma trận thiết kế Dự án (PDM) 1-4 |
| 1.4 | Thiết kế hoạt động thí điểm..... 1-6 |
| 1.5 | Các phương pháp tiếp cận thực thi và vận hành Dự án 1-7 |
| 1.5.1 | Phương pháp tiếp cận kỹ thuật..... 1-8 |
| 1.5.2 | Phương pháp tiếp cận vận hành dự án 1-11 |
| 1.6 | Quy trình Dự án..... 1-13 |
| 2 | Kết quả thực thi Dự án 2-1 |
| 2.1 | Đầu vào phục vụ Dự án 2-1 |
| 2.1.1 | Bổ trí nhân sự phía đối tác 2-1 |
| 2.1.2 | Nhóm Chuyên gia JICA..... 2-5 |
| 2.1.3 | Nhóm chuyên gia trong nước thuộc Nhóm chuyên gia JICA 2-5 |
| 2.1.4 | Công việc thuê thầu phụ 2-6 |
| 2.1.5 | Mua sắm Thiết bị 2-8 |
| 2.1.6 | Đào tạo tại Nhật Bản..... 2-9 |
| 2.1.7 | Khác 2-9 |
| 2.2 | Kết quả thực hiện Dự án căn cứ theo Ma trận thiết kế Dự án (PDM) 2-10 |
| 2.2.1 | Kết quả thực hiện các Đầu ra 2-10 |
| 2.2.2 | Kết quả hoàn thành Mục tiêu Dự án 2-14 |
| 2.2.3 | Triển vọng hoàn thành mục tiêu tổng thể của Dự án 2-18 |
| 3 | Các hoạt động chủ yếu của Dự án 3-1 |
| 3.1 | Quản lý Dự án và các hoạt động Dự án..... 3-1 |
| 3.1.1 | Hội thảo Khởi động Dự án..... 3-1 |
| 3.1.2 | Họp Ban Chỉ đạo Dự án..... 3-2 |
| 3.1.3 | Hội thảo Thúc đẩy tăng trưởng xanh 3-7 |
| 3.1.4 | Hội nghị tổng kết Dự án 3-10 |
| 3.1.5 | Họp giao ban..... 3-12 |
| 3.1.1 | Các hoạt động và cuộc họp tổ công tác..... 3-14 |
| 3.2 | Hoạt động thí điểm và Kết quả đạt được 3-15 |
| 3.2.1 | Tổ công tác số 1: Cơ chế ngân sách và Cơ chế tài chính..... 3-15 |
| 3.2.2 | Tổ công tác số 2: Quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả 3-25 |
| 3.2.3 | Tổ công tác số 3: Thúc đẩy du lịch bền vững 3-34 |
| 3.2.4 | Tổ công tác số 4: Kiểm soát Tài lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh..... 3-56 |
| 3.2.5 | Tổ công tác số 5: Sách Trắng Tăng trưởng xanh..... 3-65 |
| 3.3 | Hoạt động tư vấn 3-73 |
| 3.3.1 | Đề xuất thể chế hóa thúc đẩy tăng trưởng xanh (Đề xuất Nghị quyết mới) của Nhóm Chuyên trách (Taskforce) thuộc TCT-1 3-73 |

| | | |
|-------|---|------|
| 3.3.2 | Quan hệ công chúng | 3-74 |
| 3.3.3 | Đánh giá năng lực | 3-74 |
| 3.4 | Hợp tác với tỉnh Shiga | 3-82 |
| 3.4.1 | Bối cảnh | 3-82 |
| 3.4.2 | Đoàn cố vấn làm việc với tỉnh Quảng Ninh..... | 3-82 |
| 3.4.3 | Triển lãm Kinh doanh Môi trường (Hồ Biwa) Biwako | 3-83 |
| 3.4.4 | Hoạt động hợp tác trong khuôn khổ Biên bản Ghi nhớ (MOU) ký kết giữa tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh..... | 3-84 |
| 3.5 | Đào tạo tại Nhật Bản | 3-85 |
| 3.5.1 | Chương trình đào tạo tại Nhật Bản (2017 và 2018)..... | 3-85 |
| 3.5.2 | Kết quả chương trình đào tạo tại Nhật Bản | 3-89 |
| 4 | Bài học kinh nghiệm đóng góp cho nhiệm vụ mở rộng hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh..... | 4-1 |
| 5 | Khuyến nghị | 5-1 |
| 5.1 | Khuyến nghị phát huy bền vững kết quả của Dự án..... | 5-1 |
| 5.2 | Khuyến nghị về hoạt động hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga theo MOU đã ký | 5-5 |
| 5.3 | Đề xuất Chương trình thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn sau Dự án | 5-10 |
| 5.4 | Những khía cạnh thiết yếu cần quan tâm khi thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh..... | 5-11 |
| 6 | Các biện pháp đã vận dụng và Bài học kinh nghiệm trong vận hành Dự án..... | 6-1 |

Danh mục Tài liệu đính kèm

- Đính kèm 1 Biên bản Sửa đổi Biên bản Ghi nhớ (R/D) về những thay đổi trong PDM và PO
- Đính kèm 2 Lịch Nhân sự của Nhóm Chuyên gia JICA
- Đính kèm 3 Danh mục Tài liệu và số liệu thu thập
- Đính kèm 4 Phiếu theo dõi (Từ số 1 đến số 6)
- Đính kèm 5 Danh sách các Cơ chế đã xây dựng và thể chế hóa trong khuôn khổ Dự án
- Đính kèm 6 Danh mục các hoạt động tổng quát của các tổ công tác

Danh mục Phụ lục

(Biên tập riêng trên đĩa DVD, kèm theo báo cáo này)

- Phụ lục 1 Danh sách thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý Dự án và các Tổ công tác
- Phụ lục 2 Tài liệu Hội thảo Khởi động Dự án
- Phụ lục 3 Tài liệu Họp Ban Chỉ đạo lần thứ nhất – lần thứ 5 (tổng kết)
- Phụ lục 4 Tài liệu Hội thảo Thúc đẩy Tăng trưởng xanh lần thứ nhất và lần thứ hai
- Phụ lục 5 Tài liệu Hội nghị tổng kết Dự án
- Phụ lục 6 Báo cáo của Sở KH&ĐT trình UBND tỉnh về Dự thảo Đề cương Cơ chế tài chính, ngày 31/8/2018
- Phụ lục 7 Chỉ đạo của UBND tỉnh ngày 31/10/2018 căn cứ báo cáo của Sở KH&ĐT
- Phụ lục 8 Báo cáo ngày 3/12/2018 của Sở KH&ĐT trình UBND tỉnh về cơ chế tài chính
- Phụ lục 9 Đề xuất Cơ chế khung cho từng Tổ công tác
- Phụ lục 10 Biên bản Ghi nhớ giữa tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh, ký ngày 20/10/2017
- Phụ lục 11 Hội thảo Kỹ thuật lần thứ nhất của tỉnh Shiga, tháng 11/2017
- Phụ lục 12 Hội thảo Kỹ thuật lần thứ hai của tỉnh Shiga, tháng 1/2019
- Phụ lục 13 Hội thảo Kỹ thuật lần thứ ba của tỉnh Shiga, tháng 11/2019
- Phụ lục 14 Triển lãm Kinh doanh Môi trường Biwako (Hồ Biwa) từ ngày 18 đến 20/10/2017
- Phụ lục 15 Nội dung họp giao ban giữa Ban QLDA và Nhóm Chuyên gia JICA
- Phụ lục 16 Tài liệu Kỹ thuật lập trong quá trình hoạt động và các cuộc họp của TCT-1
- Phụ lục 17 Tài liệu Kỹ thuật lập trong quá trình hoạt động và các cuộc họp của TCT-2
- Phụ lục 18 Tài liệu Kỹ thuật lập trong quá trình hoạt động và các cuộc họp của TCT-3
- Phụ lục 19 Tài liệu Kỹ thuật lập trong quá trình hoạt động và các cuộc họp của TCT-4
- Phụ lục 20 Tài liệu Kỹ thuật lập trong quá trình hoạt động và các cuộc họp của TCT-5
- Phụ lục 21 Biên bản Bàn giao và Lắp đặt Thiết bị Dự án mua sắm
- Phụ lục 22 Ảnh các hoạt động của Dự án
- Phụ lục 23 Báo cáo kết quả hoạt động Dự án

DANH MỤC BẢNG

| | |
|--|------|
| Bảng 1.3-1 Sửa đổi PDM và PO lần thứ hai | 1-5 |
| Bảng 1.3-1 Sửa đổi PDM và PO lần thứ ba..... | 1-6 |
| Bảng 2.1-1 Danh sách các thành viên Ban chỉ đạo Dự án..... | 2-1 |
| Bảng 2.1-2 Danh sách các thành viên Ban Quản lý Dự án | 2-1 |
| Bảng 2.1-3 Danh sách thành viên các tổ công tác..... | 2-2 |
| Bảng 2.1-4 Thành viên Ban Du lịch sinh thái cộng đồng trên đảo Quan Lạn..... | 2-4 |
| Bảng 2.1-5 Tổng hợp nhân sự Nhóm chuyên gia JICA..... | 2-5 |
| Bảng 2.1-6 Nhóm chuyên gia trong nước thuộc Nhóm chuyên gia JICA..... | 2-5 |
| Bảng 2.1-7 Danh mục các công việc thuê thầu phụ (kế hoạch) | 2-6 |
| Bảng 2.1-8 Danh mục các công việc thuê thầu phụ (thực hiện)..... | 2-7 |
| Bảng 2.1-9 Danh mục thiết bị Dự án mua sắm | 2-8 |
| Bảng 2.1-10 Danh mục chương trình đào tạo tại Nhật Bản (Kế hoạch)..... | 2-9 |
| Bảng 2.1-11 Danh mục chương trình đào tạo tại Nhật Bản (Thực hiện) | 2-9 |
| Bảng 2.2-1 Các hoạt động thực hiện thuộc Đầu ra 2..... | 2-11 |
| Bảng 2.2-2 Các Quy định và Cơ chế được thể chế hóa đã được phê chuẩn trong Dự án (liên quan tới Mục đích Dự án)..... | 2-14 |
| Bảng 3.1-1 Tóm tắt nội dung Hội thảo khởi động Dự án..... | 3-1 |
| Bảng 3.1-2 Tóm tắt cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án lần thứ nhất | 3-2 |
| Bảng 3.1-3 Tóm tắt cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án lần thứ hai | 3-3 |
| Bảng 3.1-4 Tóm tắt cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án lần thứ ba..... | 3-4 |
| Bảng 3.1-5 Tóm tắt cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án lần thứ tư..... | 3-5 |
| Bảng 3.1-6 Tóm tắt cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án lần thứ năm (Tổng kết) | 3-7 |
| Bảng 3.1-7 Tóm tắt nội dung Hội thảo phổ biến và thúc đẩy Tăng trưởng xanh lần thứ nhất..... | 3-8 |
| Bảng 3.1-8 Tóm tắt nội dung Hội thảo thúc đẩy Tăng trưởng xanh lần thứ hai..... | 3-9 |
| Bảng 3.1-9 Tóm tắt Chương trình Hội nghị tổng kết Dự án..... | 3-10 |
| Bảng 3.1-10 Tóm Các cuộc họp giao ban với Ban QLDA..... | 3-12 |
| Bảng 3.1-11 Danh mục các cuộc họp và hoạt động của các TCT | 3-14 |
| Bảng 3.2-1 Một số ví dụ hệ thống cấp ngân sách và tài chính tại Nhật Bản..... | 3-17 |
| Bảng 3.2-2 Các biện pháp cần thiết tăng cường Quỹ BVMT hiện tại..... | 3-19 |
| Bảng 3.2-3 Đề xuất phương hướng xây dựng hoặc cải thiện Quỹ và Cơ chế tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh..... | 3-22 |
| Bảng 3.2-4 Khái quát các Chương trình đã xây dựng | 3-25 |
| Bảng 3.2-6 Thảo luận và khảo sát tại cơ sở cho hoạt động thí điểm..... | 3-26 |
| Bảng 3.2-7 Dự toán ngân sách cho chương trình thí điểm..... | 3-27 |
| Bảng 3.2-8 Trình bày nội dung báo cáo kiểm toán tại đơn vị | 3-28 |
| Bảng 3.2-9 Trình bày Báo cáo đề xuất ESCO tại đơn vị..... | 3-28 |
| Bảng 3.2-10 Thực hiện các chương trình thí điểm..... | 3-28 |
| Bảng 3.2-11 Bài học kinh nghiệm từ các dự án thí điểm | 3-29 |
| Bảng 3.2-12 Thực hiện thí điểm Chương trình trao Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả..... | 3-31 |
| Bảng 3.2-13 Danh sách các DEU được trao Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả..... | 3-32 |
| Bảng 3.2-14 Tổng hợp các phỏng vấn nhóm..... | 3-37 |
| Bảng 3.2-15 Các tài liệu và công cụ thông tin du lịch đã chọn..... | 3-39 |
| Bảng 3.2-16 Các Chương trình tập huấn và Hội thảo PPP đã thực hiện | 3-41 |
| Bảng 3.2-17 Các hoạt động quảng bá xúc tiến..... | 3-42 |
| Bảng 3.2-18 Tăng lượng theo dõi trang mạng xã hội..... | 3-43 |
| Bảng 3.2-19 Hai hành trình khám phá..... | 3-44 |
| Bảng 3.2-20 Hệ thống vận hành các hành trình khám phá..... | 3-45 |
| Bảng 3.2-21 Các chương trình tập huấn trong giai đoạn từ tháng 10/2018 đến tháng 11/2018..... | 3-48 |

| | | |
|-------------|--|------|
| Bảng 3.2-22 | Chương trình tổ chức đoàn FAM trip tại đảo Quan Lạn..... | 3-49 |
| Bảng 3.2-23 | Các hoạt động trong thủ tục chính thức phê duyệt Chứng nhận cánh buồm xanh | 3-52 |
| Bảng 3.2-24 | Các hoạt động trao Giấy chứng nhận CBX | 3-52 |
| Bảng 3.2-25 | Các hoạt động đăng ký và trao Giấy chứng nhận CBX..... | 3-52 |
| Bảng 3.2-26 | Các hoạt động theo dõi kết quả Đầu ra và tác động của hoạt động thí điểm..... | 3-53 |
| Bảng 3.2-27 | Phác thảo hoạt động thí điểm được thiết kế thuộc TCT-4 | 3-57 |
| Bảng 3.2-28 | Hoạt động của Nhà vệ sinh sinh thái cho tàu du lịch..... | 3-57 |
| Bảng 3.2-29 | Hoạt động của Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ và sử dụng sản phẩm | 3-59 |
| Bảng 3.2-30 | Tóm tắt Kết quả giám sát hoạt động hệ thống tái chế chất thải hữu cơ | 3-60 |
| Bảng 3.2-31 | Mục lục Sách trắng năm thứ nhất và phân công nhiệm vụ viết bài | 3-66 |
| Bảng 3.2-32 | Kế hoạch hoạt động nâng cao nhận thức | 3-67 |
| Bảng 3.2-33 | Các cuộc họp TCT chia sẻ kinh nghiệm xây dựng Sách trắng của Nhật Bản..... | 3-67 |
| Bảng 3.2-34 | Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ nhất..... | 3-69 |
| Bảng 3.2-35 | Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ hai | 3-69 |
| Bảng 3.2-36 | Tổng hợp hoạt động nâng cao nhận thức (năm 2018) | 3-70 |
| Bảng 3.3-1 | Danh sách phỏng vấn..... | 3-76 |
| Bảng 3.3-2 | Mục đích phân tích năng lực..... | 3-76 |
| Bảng 3.3-3 | Phiếu hỏi Đánh giá năng lực thời kỳ đầu Dự án..... | 3-76 |
| Bảng 3.3-4 | Phiếu hỏi Đánh giá năng lực giữa kỳ thực thi Dự án..... | 3-77 |
| Bảng 3.3-5 | Phiếu hỏi Đánh giá năng lực cuối kỳ thực thi Dự án..... | 3-78 |
| Bảng 3.3-6 | Khảo sát phỏng vấn từ đầu triển khai và phân tích kết quả | 3-78 |
| Bảng 3.3-7 | Kết quả và phân tích khảo sát phỏng vấn giai đoạn giữa kỳ Dự án..... | 3-80 |
| Bảng 3.3-8 | Kết quả và phân tích khảo sát phỏng vấn giai đoạn cuối kỳ Dự án | 3-80 |
| Bảng 3.4-1 | Khái quát các đợt làm việc của đoàn cố vấn tỉnh Shiga, giai đoạn 2016-2019 | 3-82 |
| Bảng 3.4-2 | Hoạt động của đoàn cố vấn tỉnh Shiga trong khuôn khổ MOU đã ký kết | 3-84 |
| Bảng 3.5-1 | Khái quát các đợt đào tạo tại Nhật Bản (2017, 2018)..... | 3-85 |
| Bảng 3.5-2 | Thành viên tham dự đào tạo tại Nhật Bản | 3-86 |
| Bảng 3.5-3 | Chương trình học hàng ngày và nội dung đào tạo tại Nhật Bản..... | 3-87 |
| Bảng 3.5-4 | Kết quả chương trình đào tạo tại Nhật Bản theo tổ công tác | 3-89 |
| Bảng 5.3-1 | Đề xuất Chương trình Thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn sau Dự án | 5-10 |

DANH MỤC HÌNH

| | |
|---|------|
| Hình 1.1-1 Khái niệm tăng trưởng xanh của Dự án | 1-2 |
| Hình 1.2-1 Cơ cấu tổng thể Dự án..... | 1-4 |
| Hình 1.5-1 Phương pháp tiếp cận thực thi Dự án..... | 1-8 |
| Hình 1.5-2 Lộ trình thực thi Dự án giai đoạn 3 năm..... | 1-9 |
| Hình 1.5-3 Phương pháp tiếp cận xây dựng năng lực thúc đẩy tăng trưởng xanh trong Dự án | 1-10 |
| Hình 1.5-4 Mô hình hồ Biwa (Tỉnh Shiga) | 1-11 |
| Hình 1.5-5 Cơ cấu thực thi dự án tỉnh Quảng Ninh | 1-12 |
| Hình 1.5-6 Tổng quan cơ cấu vận hành Dự án..... | 1-12 |
| Hình 1.6-1 Quy trình Dự án được lập trong Giai đoạn Khởi động Dự án (Giai đoạn 2) | 1-14 |
| Hình 3.1-1 Quang cảnh các cuộc Hội thảo thúc đẩy tăng trưởng xanh..... | 3-10 |
| Hình 3.1-2 Quang cảnh hội nghị tổng kết Dự án..... | 3-12 |
| Hình 3.2-1 Ảnh chụp xe tưới đường mua từ nguồn vốn vay lãi suất ưu đãi của Quỹ BVMT | 3-16 |
| Hình 3.2-2 Quang cảnh Hội thảo kỹ thuật giới thiệu công nghệ Nhật Bản..... | 3-18 |
| Hình 3.2-3 Khảo sát kiểm toán năng lượng tại cơ sở | 3-27 |
| Hình 3.2-4 Lễ trao Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả..... | 3-31 |
| Hình 3.2-5 Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (cấp độ 2 sao)..... | 3-31 |
| Hình 3.2-6 Đề xuất 4 chủ đề mở rộng thương hiệu khu vực vịnh Hạ Long..... | 3-38 |
| Hình 3.2-7 Bản đồ Du lịch khu vực vịnh Hạ Long | 3-39 |
| Hình 3.2-8 Mẫu trang SNS được thiết lập quảng bá xúc tiến du lịch (Facebook)..... | 3-40 |
| Hình 3.2-9 Bài viết giới thiệu về hoạt động cấp Chứng nhận cánh buồm xanh..... | 3-40 |
| Hình 3.2-10 Tổ chức hội thảo PPP..... | 3-42 |
| Hình 3.2-11 Hình ảnh hoạt động trong hai hành trình khám phá..... | 3-44 |
| Hình 3.2-12 Phác thảo ý tưởng hệ thống quản lý Ban DLSTCĐ trên đảo Quan Lạn | 3-45 |
| Hình 3.2-13 Thiết kế tập gấp các hành trình khám phá..... | 3-46 |
| Hình 3.2-14 Sơ đồ hệ thống biển chỉ dẫn du lịch sinh thái cộng đồng trên đảo Quan Lạn | 3-47 |
| Hình 3.2-15 Thiết kế sơ bộ biển chỉ dẫn | 3-47 |
| Hình 3.2-16 Mặt bằng tổng thể hệ thống biển chỉ dẫn trên đảo Quan Lạn | 3-48 |
| Hình 3.2-17 Quy trình đánh giá và cấp nhãn sinh thái Cánh buồm xanh..... | 3-51 |
| Hình 3.2-18 Nhà vệ sinh sinh thái cho tàu du lịch | 3-58 |
| Hình 3.2-19 Hoạt động của Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ..... | 3-59 |
| Hình 3.2-20 Phòng vấn người sử dụng nhà vệ sinh sinh học | 3-60 |
| Hình 3.2-21 Quang cảnh Hội thảo Phổ biến Hoạt động tái chế Chất thải hữu cơ..... | 3-61 |
| Hình 3.2-22 Hoạt động nâng cao nhận thức (năm 2018) | 3-70 |
| Hình 3.2-23 Sơ đồ tổ chức xuất bản Sách Trắng tăng trưởng xanh..... | 3-72 |
| Hình 3.3-1 Sơ đồ chu trình đánh giá năng lực..... | 3-75 |
| Hình 3.5-1 Các hoạt động trong khuôn khổ chương trình đào tạo tại Nhật Bản..... | 3-89 |
| Hình 5.4-1 Mô phỏng vận dụng Chu trình PDCA đối với trường hợp Dự án..... | 5-12 |

Danh mục các từ viết tắt

| | |
|----------------|---|
| B2B | Dành cho doanh nghiệp |
| B2C | Dành cho khách hàng |
| Ban QLDA | Ban Quản lý Dự án |
| Ban QLKKT | Ban Quản lý khu kinh tế |
| Ban QLV | Ban Quản lý vịnh Hạ Long |
| Ban XTĐT | Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư |
| BCĐ | Ban Chỉ đạo |
| Bộ CT | Bộ Công Thương |
| Bộ KH&ĐT | Bộ Kế hoạch và Đầu tư |
| c/p | Đối tác |
| CA | Đánh giá năng lực |
| CBX | Chứng nhận cánh bướm xanh |
| CD | Phát triển năng lực |
| CP | Chính phủ |
| DEU | Cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm |
| DicR | Dự thảo báo cáo khởi động |
| DLSTCĐ | Du lịch sinh thái cộng đồng |
| DMA | Cơ quan tiếp thị điểm đến |
| DPCR | Dự thảo báo cáo hoàn thành Dự án |
| EE | Hiệu quả năng lượng |
| ESCO | Công ty dịch vụ năng lượng |
| FAM | Chuyến khảo sát sản phẩm du lịch |
| FIT | Khách du lịch tự do |
| IcR | Báo cáo khởi động |
| IDCJ | Trung tâm phát triển quốc tế Nhật Bản |
| ILEC | Ủy ban quốc tế môi trường hồ |
| JET | Nhóm chuyên gia JICA |
| JICA | Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản |
| JP | Nhật bản |
| JSC | Công ty cổ phần |
| KKN | Khu công nghiệp |
| KPI | Chỉ số đánh giá thực hiện công việc |
| LED | LED |
| MICE | Loại hình du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo, triển lãm, tổ chức sự kiện, du lịch khen thưởng |
| MOU | Biên bản Ghi nhớ |
| NCT | Nhóm chuyên trách |
| Non-DEU | Đơn vị sử dụng năng lượng thông thường |
| NGO | Tổ chức phi chính phủ |
| OCOP | Mỗi xã phường một sản phẩm |
| PA | Hoạt động thí điểm |
| PcR | Báo cáo hoàn thành Dự án |
| PDM | Ma trận Thiết kế Dự án |
| PO | Kế hoạch Hoạt động |
| PPP | Hợp tác Công - Tư |
| PR | Quan hệ công chúng |
| QN | Quảng Ninh |
| Quỹ BVMT | Quỹ Bảo vệ môi trường |
| Quy hoạch KTXH | Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội |

| | |
|------------------|---|
| R/D | Bản tóm tắt nội dung thảo luận |
| RE | Năng lượng tái tạo |
| SME | Doanh nghiệp vừa và nhỏ |
| SNS | Mạng xã hội |
| Sở CT | Sở Công-Thương |
| Sở DL | Sở Du lịch |
| Sở GT | Sở Giao thông |
| Sở KH&ĐT | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| Sở KHCN | Sở Khoa học và Công nghệ |
| Sở NN&PTNT | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| Sở TC | Sở Tài chính |
| Sở TNMT | Sở Tài nguyên và Môi trường |
| Sở XD | Sở Xây dựng |
| TCT | Tổ công tác |
| TOC | Mục lục |
| TOE | Tân tương đương |
| TOR | Điều khoản tham chiếu |
| Trung tâm TTXTDL | Trung tâm thông tin và xúc tiến du lịch |
| TTX | Tăng trưởng xanh |
| UBND | Ủy ban Nhân dân |
| VEEIE | Dự án tiết kiệm năng lượng cho ngành công nghiệp Việt Nam |
| VINACOMIN | Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam |
| VND | Đồng Việt Nam |
| WB | Sách Trắng |

1 Giới thiệu

1.1 Tiêu sử và Mục tiêu Dự án

Tình trạng môi trường xuống cấp hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, tỉnh nằm ở vùng Đông Bắc Việt Nam, đang ngày càng trở nên nghiêm trọng do sự gia tăng tải lượng ô nhiễm nước thải sinh hoạt và nước thải công nghiệp. Tình trạng đó phát sinh từ các hoạt động tăng trưởng kinh tế nhanh ở khu vực ven biển với thực trạng vận dụng chưa đầy đủ và đồng bộ các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước. Tỉnh Quảng Ninh cũng nhận thấy sự bất cập do quá phụ thuộc vào di sản thế giới vịnh Hạ Long, lấy đó làm nguồn tài nguyên chính để khai thác, phát triển kinh tế nhanh. Để giải quyết vấn đề, tỉnh Quảng Ninh đã xây dựng chính sách tăng trưởng xanh, khuyến khích các ngành tải lượng ô nhiễm thấp hơn, tăng cường cân nhắc môi trường khi triển khai các chính sách phát triển kinh tế, đặc biệt là với ngành du lịch. Tháng Mười Một năm 2015, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành Kế hoạch triển khai chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh, trên tinh thần và nhiệm vụ đặt ra trong Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của Việt Nam. Tuy nhiên, để thực hiện được những mục tiêu đặt ra trong kế hoạch hành động của tỉnh, trong số rất nhiều biện pháp đề xuất, cần liệt kê các hành động và giải pháp ưu tiên, cụ thể hóa phương pháp triển khai các hành động/giải pháp đó và xây dựng hoặc cải thiện thể chế để triển khai thực hiện các hành động/ giải pháp đó, v.v...

Chính phủ Việt Nam đã đề nghị chính phủ Nhật Bản hỗ trợ dự án hợp tác kỹ thuật nhằm giúp tăng cường hoạt động thực thi chính sách và cơ chế thể chế thực hiện Kế hoạch triển khai chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh. Trên cơ sở đề xuất đó, ngày 12 tháng Sáu năm 2015, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh (UBND tỉnh Quảng Ninh) và Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã ký kết Biên bản thảo luận (bản đầu tiên R/D) triển khai Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (sau đây được gọi là Dự án). Dự án được thiết kế thành hai giai đoạn gồm i) Giai đoạn 1: Giai đoạn lập kế hoạch chi tiết (sau đây được gọi là “Giai đoạn 1”) và ii) Giai đoạn 2: Giai đoạn thực thi (sau đây được gọi là “Giai đoạn 2”).

Giai đoạn 1 được triển khai từ tháng Mười năm 2015 đến tháng Chín năm 2016 nhằm mục đích hỗ trợ kỹ thuật giải quyết các vấn đề nêu trên căn cứ theo Biên bản thảo luận ký đầu tiên vào tháng Sáu năm 2015. Trên cơ sở xem xét nội dung đề xuất hỗ trợ kỹ thuật của tỉnh, bản đầu tiên R/D và Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, Giai đoạn 1 đã xác định được khái niệm tăng trưởng xanh (TTX) trong khuôn khổ Dự án như mô phỏng ở hình dưới đây. Quan điểm tăng trưởng xanh tỉnh sẽ dựa vào hai trụ cột định hướng chính, đó là xanh hóa nền kinh tế nâu và xanh hóa cơ cấu tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, Dự án Giai đoạn 1 đã xác định được tính cần thiết phải bổ sung, sửa đổi hoặc xây dựng mới các thể chế, quy định và tổ chức thực hiện thiết yếu nhằm hiện thực hóa tăng trưởng xanh cho Tỉnh. Chính vì vậy, Dự án đã quyết định chọn hướng tập trung tăng cường năng lực cho phía đối tác trong nhiệm vụ xây dựng cơ chế thể chế và nâng cao nhận thức cần thiết phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long thông qua các hoạt động thí điểm, góp phần 1) đạt mục tiêu giảm tải lượng ô nhiễm và tăng trưởng kinh tế theo hướng “phá vỡ sự phụ thuộc vào nền kinh tế nâu” và 2) thúc đẩy phát triển ngành du lịch bền vững nhờ khai thác các tài nguyên thiên nhiên trong khu vực vịnh Hạ Long theo hướng “chuyển đổi sang nền kinh tế xanh”.



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA (JET)

Hình 1.1-1 Khái niệm tăng trưởng xanh của Dự án

Trong bối cảnh đó, tháng 7 năm 2016, JICA đã cử một đoàn công tác tới Quảng Ninh để thảo luận về thiết kế Dự án giai đoạn thực thi (Giai đoạn 2). Ngày 13 tháng Bảy năm 2016, đoàn công tác và tỉnh Quảng Ninh đã ký kết Biên bản chuẩn bị Dự án Giai đoạn 2. Căn cứ biên bản này, tỉnh Quảng Ninh đã có công văn ngày 29 tháng Bảy năm 2016 tới văn phòng JICA Việt Nam xác nhận trạng thái sẵn sàng triển khai Giai đoạn 2 của Dự án. Ngày 7 tháng Chín năm 2016, tỉnh Quảng Ninh và văn phòng JICA Việt Nam đã cùng ký Biên bản sửa đổi lần thứ nhất đối với Biên bản ghi nhớ R/D, thể hiện nội dung kết luận kết quả thiết kế dự án Giai đoạn 1.

1.2 Thông tin cơ bản về Dự án

Thông tin cơ bản về Dự án căn cứ Ma trận thiết kế Dự án (PDM), như sau:

(1) Quốc gia Dự án

Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

(2) Tên Dự án

Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (Giai đoạn thực thi)

(3) Giai đoạn thực thi Dự án

[Kế hoạch]

2016-2018 (3 năm)

[Thực hiện]

Từ tháng Mười Một năm 2016 đến tháng Mười Hai năm 2019 [3 năm]

(4) Mục tiêu tổng thể và mục đích của Dự án

Mục tiêu tổng thể: Thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh thông qua quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nâu sang xanh.

Mục đích của Dự án: Thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long thông qua thực hiện các chính sách môi trường bền vững trong các ngành trọng điểm và thực hiện chính sách phát triển ngành Du lịch.

(5) Kết quả đầu ra của Dự án:

Đầu ra 1: Nâng cao nhận thức dựa trên kết quả của Đầu ra 2 và 3 và rút ra những bài học kinh nghiệm từ các hoạt động dự án, xây dựng các đề xuất thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn sau dự án.

Đầu ra 2: Xây dựng và thực hiện thí điểm những chính sách bền vững về tài chính và môi trường đối với các ngành trọng điểm được chọn.

Đầu ra 3: Thực hiện thí điểm các chính sách phát triển nhằm kích thích tăng trưởng bền vững ngành du lịch.

(6) Khu vực Dự án

Khu vực vịnh Hạ Long: thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, huyện Hoành Bồ, thị xã Quảng Yên và thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

(7) Cơ quan thực thi Dự án

Sở Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT), Sở Tài chính (TC), Sở Tài nguyên & Môi trường (TNMT), Sở Công-Thương (CT), Sở Du lịch (DL), Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN), Sở Nông nghiệp & PT Nông thôn (NN&PTNT), Sở Xây dựng (XD), Sở Giao thông (GT), Ban Quản lý khu kinh tế (Ban QLKKT), Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư (IPA), Ban Quản lý vịnh Hạ Long (Ban QLV), sáu huyện thị xã nằm trong khu vực vịnh Hạ Long (thành phố Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, huyện Vân Đồn, huyện Hoành Bồ, thị xã Quảng Yên và thành phố Uông Bí), Hiệp hội Du lịch Quảng Ninh, Hội Giáo dục và bảo vệ môi trường Hạ Long (GD&BVMT HL) và các cơ quan, tổ chức khác theo yêu cầu.

(8) Cơ cấu thực thi Dự án

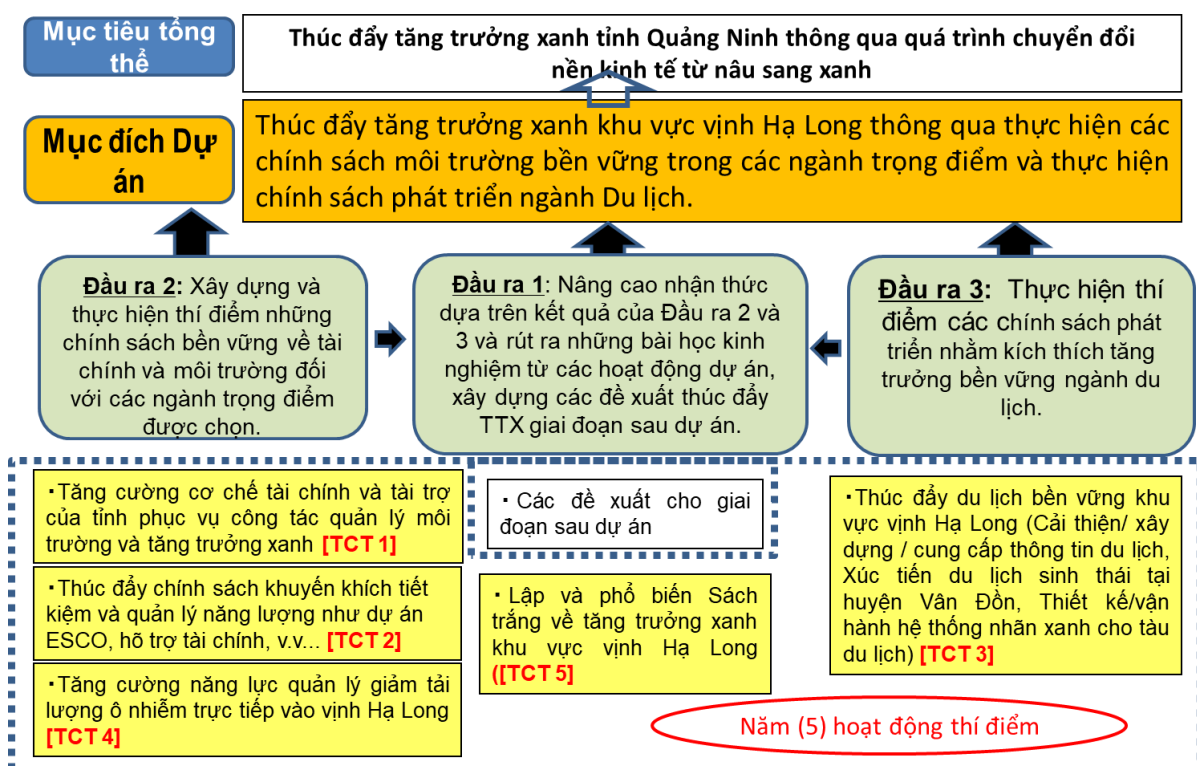
Hình sau đây mô tả cơ cấu thực thi Dự án Giai đoạn 2. Ba kết quả đầu ra được thiết kế trên cơ sở mục đích của Dự án, được thực hiện thông qua i) Năm hoạt động thí điểm đã thiết kế trong Giai đoạn 1 và ii) Các đề xuất cho giai đoạn sau Dự án.

- Tăng cường cơ chế tài chính và tài trợ của tỉnh phục vụ công tác quản lý môi trường và tăng trưởng xanh;
- Thúc đẩy chính sách khuyến khích tiết kiệm và quản lý năng lượng như dự án ESCO, hỗ trợ tài

chính, v.v... ;

- Thúc đẩy du lịch bền vững khu vực vịnh Hạ Long (Cải thiện, xây dựng và cung cấp thông tin du lịch, xúc tiến du lịch sinh thái tại huyện Vân Đồn, thiết kế và vận hành hệ thống nhân xanh cho tàu du lịch);
- Tăng cường năng lực quản lý giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp vào vịnh Hạ Long ;
- Lập và phổ biến Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long.

Các tổ công tác (TCT) đã được thành lập đảm nhận thực hiện các hoạt động thí điểm, trình diễn cơ chế thể chế thực thi tăng trưởng xanh.



Nguồn: Báo cáo hoàn thành dự án (Giai đoạn thiết kế chi tiết), tháng Chín năm 2016, do JET chỉnh sửa.

Hình 1.2-1 Cơ cấu tổng thể Dự án

1.3 Lịch sử sửa đổi Ma trận thiết kế Dự án (PDM)

Phiên bản đầu tiên của PDM và Kế hoạch hoạt động (PO) được lập trước thời điểm triển khai Dự án giai đoạn 1 và được JICA và tỉnh Quảng Ninh ký kết tháng 6 năm 2015. Vào cuối Giai đoạn 1 của Dự án, PDM và PO được sửa đổi lần đầu tiên, phản những kết quả nghiên cứu và kết luận của giai đoạn và cả hai bên đã cùng xác nhận ký kết vào tháng 9 năm 2016 khi triển khai Dự án Giai đoạn 2. Trong quá trình thực hiện Giai đoạn 2 của Dự án, cả hai bên đã cùng đồng thuận sửa đổi PDM và PO (bản chính sửa lần thứ 2 và lần thứ 3), liên quan đến những nội dung sau đây:

- Địa bàn thí điểm thúc đẩy du lịch sinh thái, một trong các tiểu hợp phần thuộc Đầu ra 3 (TCT-3) thay đổi từ thị xã Quảng Yên sang huyện Vân Đồn. Quá trình phát triển công nghiệp nhanh chóng diễn ra trên địa bàn thị xã Quảng Yên sẽ can thiệp tới hoạt động triển khai du lịch sinh thái thông qua chính những tác động trực tiếp từ hoạt động xây dựng, bụi từ các công trình

công nghiệp và sự ưu tiên quan tâm của cộng đồng người dân đối với lao động phục vụ phát triển công nghiệp. Tháng 3 năm 2017, sau khi Ban QLDA và TCT-3 báo cáo Ban Chỉ đạo Dự án về mối quan ngại này đã tiến hành xem xét đánh giá lại địa bàn thí điểm du lịch sinh thái với sự hỗ trợ của JET. Trong quá trình so sánh giữa các địa bàn ứng viên thay thế thuộc khu vực Dự án, huyện Vân Đồn đã được chọn là địa bàn phù hợp với tiêu chí thúc đẩy du lịch sinh thái, cả về chính sách phát triển du lịch ổn định và quy hoạch tổng thể du lịch và là đối tượng phù hợp với du lịch sinh thái. Tại cuộc họp Ban chỉ đạo (BCĐ) dự án lần thứ nhất, đề xuất thay đổi địa bàn thí điểm đã được trình bày và được phê duyệt.

- Đã xác định được cụ thể hai thiết bị dự án sẽ mua sắm để triển khai thực hiện hoạt động thí điểm thuộc Đầu ra 1 (TCT-4) và danh mục thiết bị dự án mua sắm đã được lập để đưa vào các văn bản chính thức phục vụ mục đích làm thủ tục miễn thuế nhập khẩu.

Cả hai bên đã thống nhất chỉnh sửa nội dung PDM và PO lần thứ 2 lần thứ 3 và các biên bản liên quan đã được ký kết lần lượt vào các ngày 27 tháng Mười năm 2017 và 31 tháng Bảy năm 2017. Biên bản ký lần 2 và lần 3 sửa đổi nội dung PDM và PO được đính kèm theo Báo cáo. Nội dung chỉnh sửa cụ thể được trình bày ở bảng dưới đây:

Bảng 1.3-1 Sửa đổi PDM và PO lần thứ hai

| Sửa đổi lần thứ nhất ngày 07/09/2016 | Sửa đổi lần thứ hai ngày 27/10/2017 | Lý do |
|--|---|--|
| Ma trận thiết kế Dự án (PDM) | | |
| (1) Các chỉ số xác minh khách quan đánh giá thực hiện mục đích Dự án - Quy định và tổ chức cho các hoạt động thúc đẩy du lịch sinh thái ở <u>thị xã Quảng Yên</u> | (1) Các chỉ số xác minh khách quan đánh giá thực hiện mục đích Dự án - Quy định và tổ chức cho các hoạt động thúc đẩy du lịch sinh thái ở <u>huyện Vân Đồn</u> | Địa bàn du lịch sinh thái đổi từ thị xã Quảng Yên sang huyện Vân Đồn do thực tế thị xã Quảng Yên không còn phù hợp là địa bàn thúc đẩy du lịch sinh thái do tác động của hoạt động phát triển công nghiệp nhanh chóng. |
| (2) Các chỉ số xác minh khách quan đánh giá thực hiện Đầu ra 3 - Từ hai (2) chương trình du lịch sinh thái trở lên được xây dựng và cung cấp tại thị xã <u>Quảng Yên</u> và đạt từ 5.000 lượt khách <u>du lịch trở lên</u> đến tham quan trong năm cuối cùng của Dự án. - Các quy định và tổ chức về cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị, thúc đẩy du lịch sinh thái ở <u>thị xã Quảng Yên</u> và nhân xanh cho tàu du lịch (Chứng nhận cánh buồm xanh) được xây dựng và lập thành văn bản. | (2) Các chỉ số xác minh khách quan đánh giá thực hiện Đầu ra 3 - Từ hai (2) chương trình du lịch sinh thái trở lên được xây dựng và cung cấp ở <u>huyện Vân Đồn</u> và đạt từ 5.000 lượt khách du lịch trở lên đến tham quan trong năm cuối cùng của Dự án. - Các quy định và tổ chức về cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị, thúc đẩy du lịch sinh thái ở <u>huyện Vân Đồn</u> và nhân xanh cho tàu du lịch (Chứng nhận cánh buồm xanh) được xây dựng và lập thành văn bản. | Tương tự như (1). |
| (3) Phương thức xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 3 - Các văn bản hành chính về cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị, thúc đẩy du lịch sinh thái ở <u>thị xã Quảng Yên</u> và nhân xanh cho tàu du lịch (Chứng nhận cánh buồm xanh). | (3) Phương thức xác minh kết quả thực hiện Đầu ra - Các văn bản hành chính về cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị, thúc đẩy du lịch sinh thái ở <u>huyện Vân Đồn</u> và nhân xanh cho tàu du lịch (Chứng nhận cánh buồm xanh). | Phương thức xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 3 (1). |

| | | |
|---|--|--|
| (4) Hoạt động thuộc Đầu ra3 - Thúc đẩy du lịch sinh thái tại <u>thị xã Quảng Yên</u> thông qua cung cấp hoạt động tập huấn và chuyên giao kỹ thuật phát triển năng lực. | (4) Hoạt động thuộc Đầu ra3 - Thúc đẩy du lịch sinh thái ở <u>huyện Vân Đồn</u> thông qua cung cấp hoạt động tập huấn và chuyên giao kỹ thuật phát triển năng lực. | Tương tự như (1) |
| (5) Thiết bị: - <u>Thiết bị cần thiết phục vụ thực thi hoạt động thí điểm các biện pháp hiệu quả năng lượng ở khu vực vịnh Hạ Long</u> - <u>Thiết bị cần thiết phục vụ thực thi hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua giảm tải lượng ô nhiễm xuống vịnh.</u> | (5) Thiết bị: - <u>Một thiết bị sau đây cần phục vụ hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua giảm tải lượng ô nhiễm xuống vịnh.</u> <u>Nhà vệ sinh sinh thái (BIO LUX hoặc tương đương) cho tàu du lịch: Số lượng: 3 bộ</u> | Đã xác định được một thiết bị phục vụ hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua giảm tải lượng ô nhiễm xuống vịnh. |
| (6) Sản phẩm của hoạt động hợp tác kỹ thuật Đầu ra 3 - Các văn bản hành chính về việc (1) cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị, (2) Thúc đẩy du lịch sinh thái ở <u>thị xã Quảng Yên</u> và (3) Nhân xanh cho tàu du lịch (Chứng nhận cánh bướm xanh). | (6) Sản phẩm của hoạt động hợp tác kỹ thuật Đầu ra 3 - Các văn bản hành chính về việc (1) cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như tiếp thị, (2) Thúc đẩy du lịch sinh thái ở <u>huyện Vân Đồn</u> và (3) Nhân xanh cho tàu du lịch (Chứng nhận cánh bướm xanh). | Tương tự như (1) |
| Kế hoạch hoạt động (PO) | | |
| (1) Hoạt động thuộc Đầu ra 3 - Thúc đẩy du lịch sinh thái tại <u>thị xã Quảng Yên</u> thông qua cung cấp hoạt động tập huấn và chuyên giao kỹ thuật phát triển năng lực. | (1) Hoạt động thuộc Đầu ra 3 - Thúc đẩy du lịch sinh thái tại <u>huyện Vân Đồn</u> thông qua cung cấp hoạt động tập huấn và chuyên giao kỹ thuật phát triển năng lực. | Địa bàn du lịch sinh thái đổi từ thị xã Quảng Yên sang huyện Vân Đồn do thực tế thị xã Quảng Yên không còn phù hợp là địa bàn thúc đẩy du lịch sinh thái do tác động của hoạt động phát triển công nghiệp nhanh chóng. |

Nguồn: JET

Bảng 1.3-1 Sửa đổi PDM và PO lần thứ ba

| Sửa đổi lần thứ hai ngày 27/10/2017 | Sửa đổi lần thứ ba ngày 31/07/2018 | Lý do |
|--|--|--|
| Ma trận thiết kế Dự án (PDM) | | |
| (5) Thiết bị - Một thiết bị sau đây cần phục vụ hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua giảm tải lượng ô nhiễm xuống vịnh. 1) <u>Nhà vệ sinh sinh thái (BIO LUX hoặc tương đương) cho tàu du lịch: Số lượng: 3 bộ</u> | (5) Thiết bị - Hai thiết bị sau đây cần phục vụ hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua giảm tải lượng ô nhiễm xuống vịnh. 1) <u>Nhà vệ sinh sinh thái (BIO LUX hoặc tương đương) cho tàu du lịch: Số lượng: 3 bộ</u> 2) <u>Trạm ủ phân vi sinh có kèm phụ kiện phục vụ tái chế chất thải hữu cơ, số lượng: 1 trạm</u> | Đã xác định thêm được một thiết bị phục vụ hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua giảm tải lượng ô nhiễm xuống vịnh. |
| Kế hoạch hoạt động (PO) | | |
| Không thay đổi | | |

Nguồn: JET

1.4 Thiết kế hoạt động thí điểm

Các hoạt động thí điểm thực hiện trong giai đoạn 2 của Dự án được thiết kế từ giai đoạn 1 với mục tiêu nhằm hiện thực hóa những quy định và tổ chức thực hiện ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long và tỉnh Quảng Ninh. Ngay từ khi bắt đầu triển k hai Giai đoạn 1, các sở ban ngành và địa phương liên quan đã phối hợp thực hiện các cuộc tham vấn chuyên sâu, đánh giá hiện

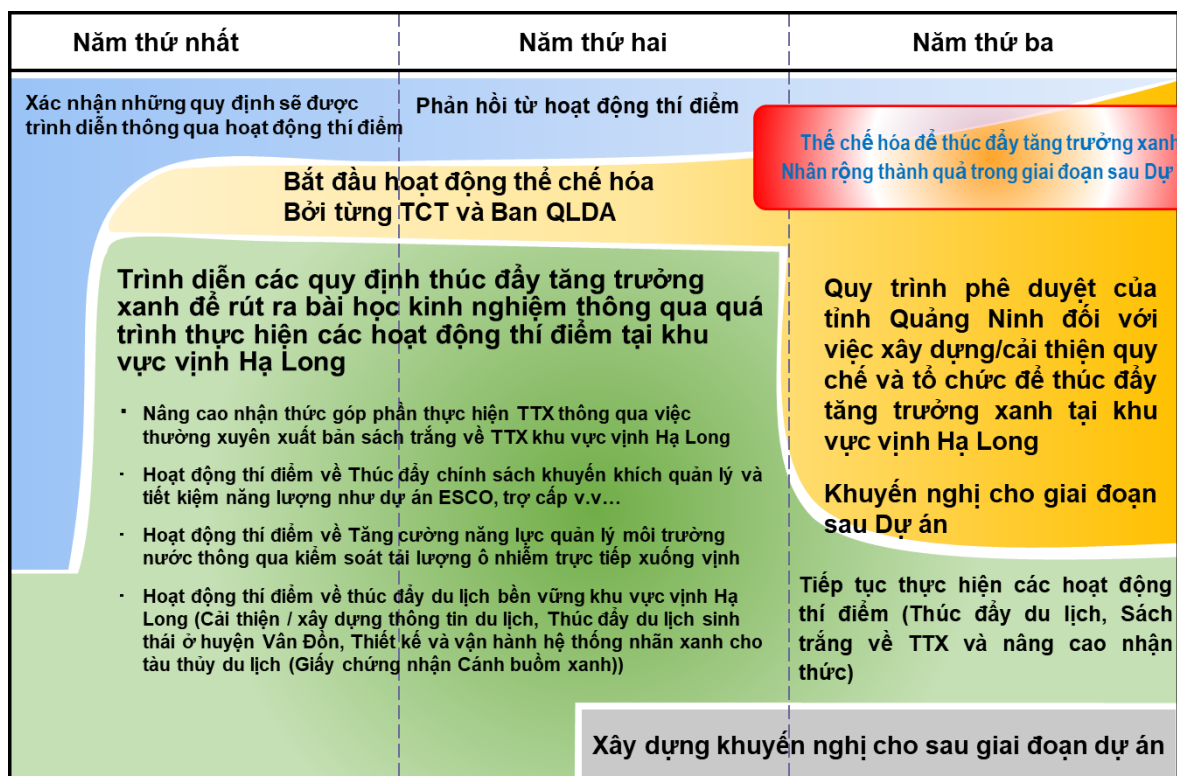
trạng và tình hình thực hiện nhiệm vụ môi trường trong các ngành trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh. Các sở ban ngành và địa phương cũng đã tổ chức các cuộc thảo luận và cùng chia sẻ những vấn đề cần giải quyết trong tiến trình thúc đẩy tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh. Trên cơ sở kết quả đánh giá, đã đề xuất được hai mươi chín nội dung ưu tiên thực hiện thúc đẩy tăng trưởng xanh cho các ngành trọng điểm căn cứ Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội và Kế hoạch triển khai chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của tỉnh, có tham khảo các phương pháp tiếp cận của Nhật Bản trong hoạt động khôn khéo khai thác tài nguyên thiên nhiên và phát triển vùng qua mô hình có tên gọi : “Mô hình hồ Biwa”.

Những nội dung ưu tiên đề xuất đã được sàng lọc căn cứ theo các tiêu chí (i) Tính phù hợp, (ii) Tính ưu tiên, (iii) Tính hiệu quả và (iv) Tính khả thi và chọn ra được bảy hoạt động thí điểm, gồm: (i) Cơ chế cấp ngân sách cấp tỉnh cho quản lý môi trường, (ii) Tăng cường năng lực quản lý môi trường tại khu công nghiệp và khu kinh tế, (iii) Thúc đẩy các cơ chế ưu đãi như dự án ESCO cho quản lý và tiết kiệm năng lượng, (iv) Thúc đẩy du lịch sinh thái thông qua khai thác các tài nguyên văn hóa/ lịch sử (v) Cải thiện Trung tâm Thông tin Du lịch, (vi) Thúc đẩy tái chế chất thải nông nghiệp và tuần hoàn tài nguyên trong hoạt động nông nghiệp quy mô nhỏ/hộ gia đình và (vii) Thường xuyên xuất bản báo cáo quan trắc môi trường (Sách Trắng).

Ban chỉ đạo Dự án giai đoạn 1 đã ra kết luận kết hợp các hoạt động (i) và (ii), (iv) và (v) và thay thế hoạt động (vi) bằng một hoạt động khác “Tăng cường năng lực kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh”. Theo đó, 5 hoạt động thí điểm đã được chọn đưa vào danh mục sẽ triển khai trong Giai đoạn 2 của dự án. Ngoài ra, các dự thảo kế hoạch triển khai từng hoạt động thí điểm được chọn cũng đã được đề xuất, trong đó nêu cụ thể về tổ chức thực hiện các hoạt động thí điểm này. Căn cứ cơ cấu tổ chức thực hiện các hoạt động nêu trên, các tổ công tác đã được thành lập, đảm nhận năm hoạt động thí điểm đã chọn.

1.5 Các phương pháp tiếp cận thực thi và vận hành Dự án

Hình dưới đây mô tả những phương pháp tiếp cận thực thi dự án nhằm hỗ trợ các cơ quan thực thi Dự án phân đầu đạt mục tiêu và đạt các kết quả Đầu ra của Dự án. Chi tiết các phương pháp tiếp cận kỹ thuật và vận hành được mô tả chi tiết như sau:



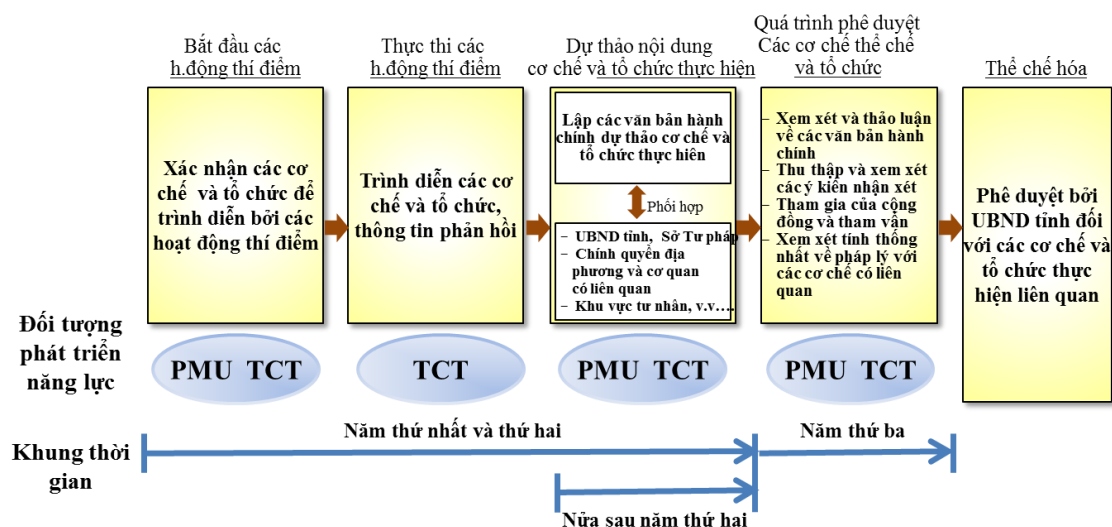
Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 1.5-2 Lộ trình thực thi Dự án giai đoạn 3 năm

Ngay từ năm thứ nhất, Dự án đã khởi động các hoạt động thí điểm, qua đó các tổ công tác (TCT) nhận được những phản hồi và rút ra bài học kinh nghiệm phục vụ cho hoạt động cải thiện hoặc xây dựng thể chế thúc đẩy tăng trưởng xanh với sự hỗ trợ của JET. Đến năm thứ ba của Dự án, triển khai song song với các hoạt động thí điểm, tỉnh Quảng Ninh bắt đầu quy trình phê duyệt những đề xuất sửa đổi hoặc xây dựng mới các quy định và tổ chức thực hiện thúc đẩy tăng trưởng xanh. Khi kết thúc Dự án, các nội dung khuyến nghị cho giai đoạn sau Dự án đã được xây dựng và đề xuất.

(2) Hỗ trợ phát triển năng lực

Phát triển năng lực (CD) của Dự án là một trong những mục đích căn bản thực hiện Dự án và được thực hiện trong quá trình thể chế hóa các cơ chế thúc đẩy tăng trưởng xanh thông qua các hoạt động thí điểm của năm (5) tổ công tác. Phát triển năng lực (CD) trong bối cảnh thực hiện tăng trưởng xanh đã được triển khai trên cơ sở phương pháp tiếp cận thể hiện ở hình sau:

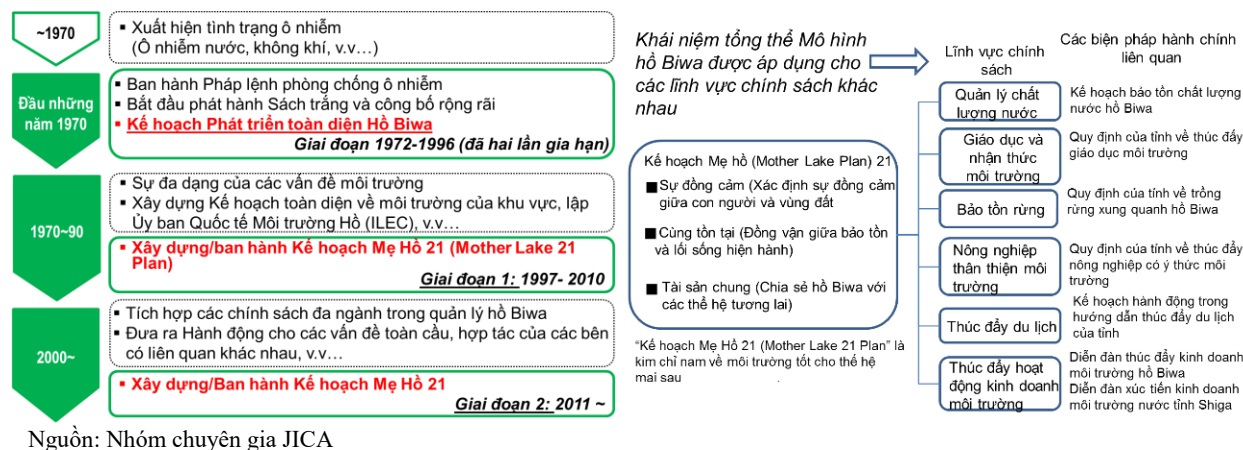


Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 1.5-3 Phương pháp tiếp cận xây dựng năng lực thúc đẩy tăng trưởng xanh trong Dự án

(3) Vận dụng phù hợp những kiến thức và bài học kinh nghiệm của tỉnh Shiga cho khu vực vịnh Hạ Long

Dự án được thiết kế tìm hiểu và vận dụng những kinh nghiệm của tỉnh Shiga, Nhật Bản và Mô hình Hồ Biwa của tỉnh Shiga. Hình dưới đây tóm lược về lịch sử và những bài học kinh nghiệm mô hình Hồ Biwa và tỉnh Shiga. Sơ đồ này mô tả rất rõ về quá trình Hồ Biwa và tỉnh Shiga đã từng bước mở rộng khái niệm quản lý hồ nước thành chính sách đa ngành trong khu vực tỉnh, có tên gọi “Chương trình Mẹ hồ 21 (Mô hình Hồ Biwa)” thông qua quá trình khắc phục ô nhiễm môi trường có sự hợp tác của các bên gồm chính quyền địa phương, khu vực tư nhân, trường đại học và người dân. Những chính sách và biện pháp liên ngành đó sẽ được đề xuất xem xét và điều chỉnh phù hợp để vận dụng cho khu vực vịnh Hạ Long. Trong khuôn khổ thực thi Dự án, đoàn công tác tỉnh Shiga đã thực hiện nhiệm vụ chuyển giao kỹ thuật thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Shiga và tổ chức các hội thảo kỹ thuật liên quan. Bên cạnh đó, tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga đã cùng thúc đẩy và tạo đà nhằm duy trì và mở rộng mối quan hệ hợp tác trung và dài hạn giữa chính quyền hai tỉnh giai đoạn sau dự án.



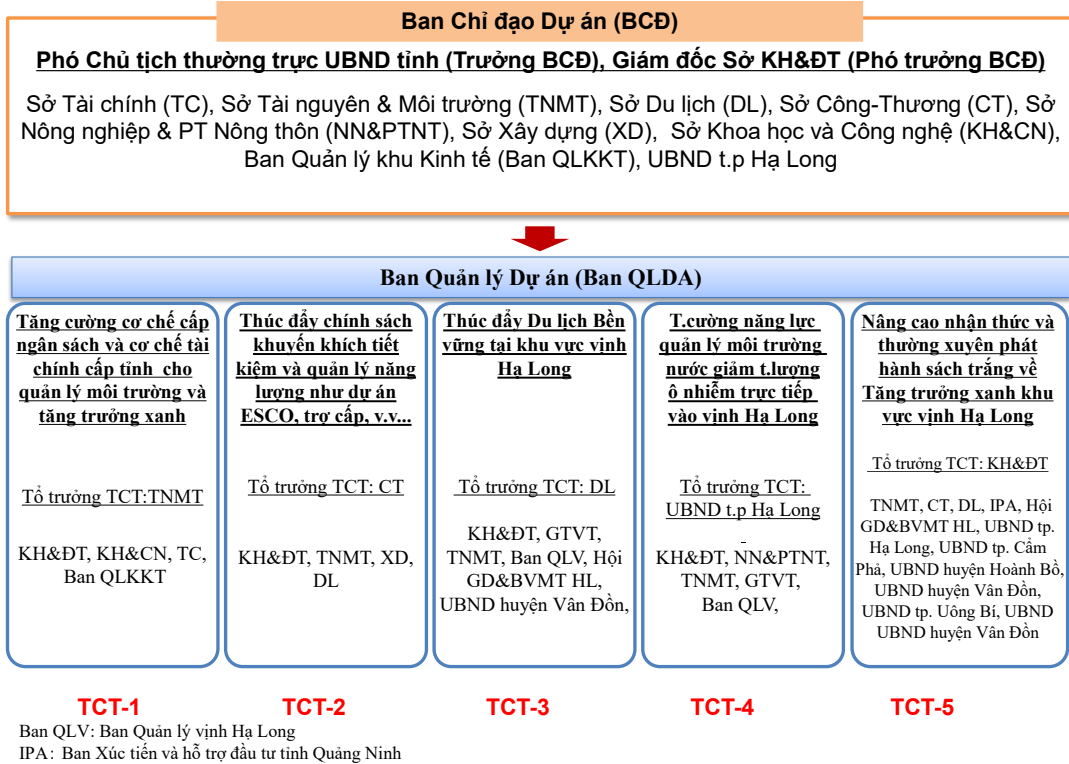
Hình 1.5-4 Mô hình hồ Biwa (Tỉnh Shiga)

1.5.2 Phương pháp tiếp cận vận hành dự án

(1) Cơ cấu thực thi Dự án tỉnh Quảng Ninh

Triển khai Giai đoạn 1 của Dự án (Giai đoạn lập kế hoạch chi tiết), tỉnh Quảng Ninh đã thành lập Ban chỉ đạo (BCĐ) Dự án và Ban Quản lý dự án (Ban QLDA). Hình dưới đây thể hiện thành phần BCĐ. Sở KH&ĐT, sở chủ trì nhiệm vụ thực thi chính sách tăng trưởng xanh của tỉnh đảm nhận vai trò Ban QLDA.

Triển khai Giai đoạn 2 của Dự án, UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành ngay Quyết định số 4304 ngày 22 tháng Mười Hai năm 2016 về việc thành lập các tổ công tác (TCT) thực hiện các hoạt động thí điểm i) trình diễn cơ chế thể chế và ii) xây dựng cơ chế thể chế cần thiết, đề xuất UBND tỉnh duyệt. Quyết định nêu trên của UBND tỉnh chỉ định cụ thể tổ trưởng và cán bộ đầu mối và thành viên các TCT. Nội dung tên gọi của các TCT theo đúng nội dung đã kết luận trong Giai đoạn 1, ngoại trừ đối với TCT-5. Các TCT với sự hướng dẫn của Ban QLDA đã xây dựng kế hoạch và chi tiết hoạt động căn cứ Kế hoạch hoạt động và kế hoạch triển khai hoạt động thí điểm đã dự thảo trong Giai đoạn 1.

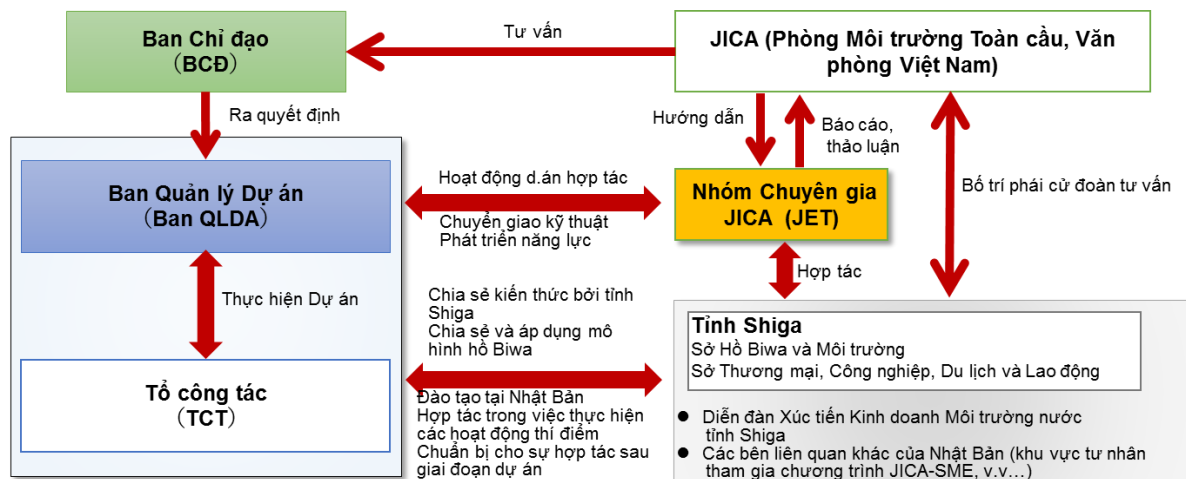


Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 1.5-5 Cơ cấu thực thi dự án tỉnh Quảng Ninh

(2) Tổng quan cơ cấu vận hành dự án

Hình sau đây phản ánh tổng quan cơ cấu vận hành dự án, nhằm i) thực hiện hiệu quả hoạt động phát triển năng lực và chuyển giao kỹ thuật thúc đẩy tăng trưởng xanh, ii) hợp tác với tỉnh Shiga thực hiện Dự án và iii) tăng cường hợp tác và kết nối với các dự án liên quan của JICA và khu vực tư nhân.

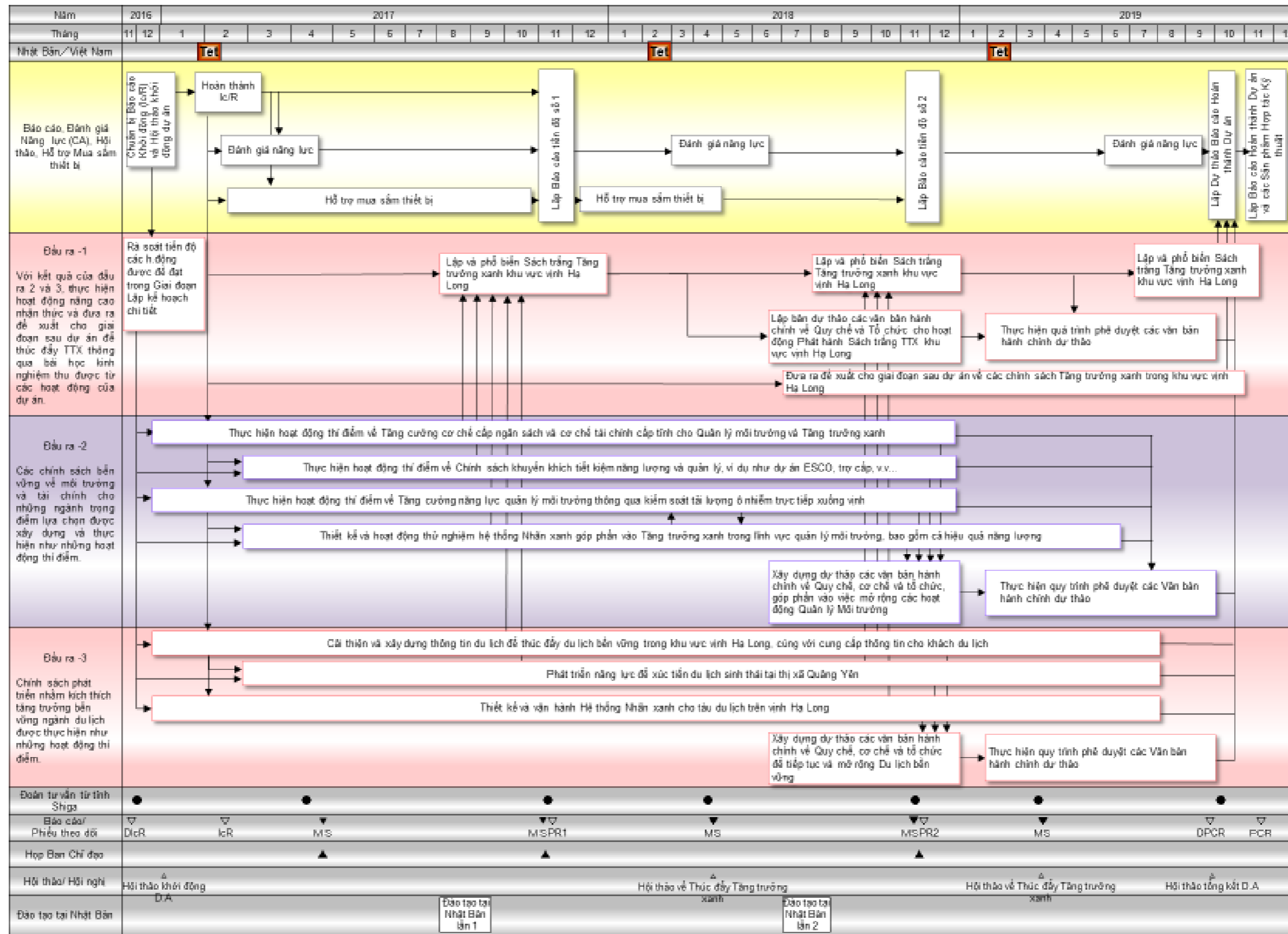


Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 1.5-6 Tổng quan cơ cấu vận hành Dự án

1.6 Quy trình Dự án

Hình sau đây thể hiện Quy trình Dự án, được lập khi khởi động Dự án (Giai đoạn 2):



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 1.6-1 Quy trình Dự án được lập trong Giai đoạn Khởi động Dự án (Giai đoạn 2)

2 Kết quả thực thi Dự án

2.1 Đầu vào phục vụ Dự án

2.1.1 Bố trí nhân sự phía đối tác

[Kế hoạch]

Ma trận thiết kế Dự án xác định cụ thể đầu vào nhân sự như sau: Bố trí nhân sự phía đối tác của Sở Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT), Sở Tài nguyên & Môi trường (TNMT), Sở Công-Thương (CT), Sở Du lịch (DL), Sở Khoa học và Công nghệ (KH&CN), Sở Nông nghiệp & PT Nông thôn (NN&PTNT), Sở Xây dựng (XD), Sở Giao thông (GT), sáu huyện thị xã nằm trong khu vực vịnh Hạ Long, Hiệp hội Du lịch Quảng Ninh, Hội Giáo dục và bảo vệ môi trường Hạ Long (GD&BVMT HL) và các cơ quan, tổ chức khác theo yêu cầu.

[Thực hiện]

Các thành viên phía Việt nam đã được cử tham gia giám sát và thực hiện Dự án. Bảng 2.1-1 liệt kê thành viên Ban chỉ đạo, các bảng sau thống kê cụ thể các thành viên Ban QLDA và các tổ công tác.

Bảng 2.1-1 Danh sách các thành viên Ban chỉ đạo Dự án

| STT | Họ và Tên | Chức danh trong Ban chỉ đạo | Cơ quan | |
|-----|-----------------------|-----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 1 | Ông Đặng Huy Hậu | Trưởng ban | Phó Chủ tịch thường trực | UBND tỉnh |
| 2 | Ông Trần Văn Hùng | Phó trưởng ban | Giám đốc | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 3 | Ông Phạm Văn Tiêu | Thành viên | Phó Giám đốc | Sở Tài chính |
| 4 | Ông Phạm Quang Thái | Thành viên | Phó Giám đốc | Sở Công thương |
| 5 | Ông Nguyễn Mạnh Tuấn | Thành viên | Phó Giám đốc | Sở Xây dựng |
| 6 | Ông Hoàng Trung Kiên | Thành viên | Phó trưởng ban | Ban quản lý Khu kinh tế |
| 7 | Ông Hoàng Vĩnh Khuyến | Thành viên | Phó Giám đốc | Sở Khoa học và Công nghệ |
| 8 | Ông Lê Minh Tân | Thành viên | Phó Giám đốc | Sở Du lịch |
| 9 | Ông Nguyễn Văn Công | Thành viên | Phó Giám đốc | Sở NN&PTNT |
| 10 | Ông Phạm Văn Cường | Thành viên | Phó Giám đốc | Sở TN&MT |
| 11 | Ông Nguyễn Ngọc Sơn | Thành viên | Phó Chủ tịch | UBND TP Hạ Long |

Ghi chú: Ngày 30/3/2018, ông Trần Văn Hùng thay thế ông Nguyễn Văn Minh, nguyên Phó giám đốc Sở KH&ĐT. Ngày 1/2/2019, ông Nguyễn Ngọc Sơn thay thế ông Hồ Quang Huy – Phó Chủ tịch UBND thành phố Hạ Long.

Nguồn: UBND tỉnh Quảng Ninh

Bảng 2.1-2 Danh sách các thành viên Ban Quản lý Dự án

| STT | Họ và Tên | Chức danh trong Ban QLDA | Cơ quan | |
|-----|-------------------------|--------------------------|--------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Phạm Hồng Biên | Tổ trưởng | Phó Giám đốc | Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 2 | Ông Trần Thanh Phong | Thành viên | Trưởng phòng | Phòng Kinh tế Đối ngoại |
| 3 | Bà Trần Thị Thanh Tâm | Cán bộ đầu mối | Phó trưởng phòng | Phòng Kinh tế Đối ngoại |
| 4 | Bà Trần Thị Thanh Nga | Thành viên | Chuyên viên | Phòng Kinh tế Đối ngoại |
| 5 | Bà Trương Thị Bích Hằng | Thành viên | Kế toán | Văn phòng Sở |
| 6 | Bà Hoàng Thị Dầm | Thành viên | Nhân viên hợp đồng | Văn phòng Sở |

Ghi chú: ngày 1/10/2018, ông Phạm Hồng Biên thay thế ông Hoàng Danh Sơn.

Nguồn: UBND tỉnh Quảng Ninh

Bảng 2.1-3 Danh sách thành viên các tổ công tác

| STT | Họ và Tên | Chức danh trong Tổ công tác | Cơ quan | |
|-----------------------------|-------------------------|-----------------------------|---|--------------------------|
| TCT1 | | | | |
| 1 | Ông Phạm Văn Cường | Tổ trưởng | Phó Giám đốc | Sở TN&MT |
| 2 | Bà Phan Thị Duyên | Đầu mối | Phó Giám đốc Quỹ bảo vệ môi trường | Sở TN&MT |
| 3 | Bà Đoàn Hải Lý | Thành viên | | Sở KH&CN |
| 4 | Ông Vũ Văn Đình | Thành viên | Chuyên viên phòng Tài chính Đầu tư | Sở TC |
| 5 | Ông Hoàng Trọng Hòa | Thành viên | Chuyên viên phòng Tổng hợp và Quản lý quy hoạch | Sở KH&ĐT |
| 6 | Ông Bùi Hồng Long | Thành viên | Phó phòng phụ trách Phòng TN&MT | Ban quản lý khu kinh tế |
| TCT1/Tổ chuyên trách | | | | |
| 1 | Ông Trần Thanh Phong | BQL Dự án | Trưởng phòng Phòng KT đối ngoại | Sở KH&ĐT |
| 2 | Ông Hà Văn Thiệu | Thành viên | Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh | Sở KH&ĐT |
| 3 | Bà Trần Thị Thanh Tâm | Thành viên | Phó trưởng phòng Phòng kinh tế đối ngoại | Sở KH&ĐT |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Mai Hiền | Thành viên | Phó trưởng phòng Phòng thanh tra | Sở KH&ĐT |
| 5 | Ông Nguyễn Mạnh Hà | Thành viên | Phó trưởng phòng Phòng Khoa học, giáo dục, Văn hóa và Xã hội | Sở KH&ĐT |
| 6 | Ông Vũ Minh Tâm | Thành viên | Phó trưởng phòng Phòng thẩm định và giám sát đầu tư | Sở KH&ĐT |
| 7 | Ông Lưu Đình Thịnh | Thành viên | Phó trưởng phòng Phòng kinh tế ngành | Sở KH&ĐT |
| 8 | Bà Phạm Quỳnh Ngân | Thành viên | Chuyên viên phòng tổng hợp và quản lý quy hoạch | Sở KH&ĐT |
| 9 | Ông Hoàng Trọng Hòa | Thành viên | Chuyên viên phòng Tổng hợp và Quản lý quy hoạch | Sở KH&ĐT |
| TCT2 | | | | |
| 1 | Ông Phạm Quang Thái | Tổ trưởng | Phó GD | Sở Công Thương |
| 2 | Ông Phạm Đức Đề | Đầu mối | Phó phòng Quản lý năng lượng | Sở Công Thương |
| 3 | Bà Phạm Thị Liên | Thành viên | Chuyên viên phòng Kinh tế ngành | Sở KH&ĐT |
| 4 | Ông Đỗ Văn Ninh | Thành viên | Phó trưởng phòng Hạ tầng kỹ thuật và Phát triển đô thị | Sở Xây dựng |
| 5 | Bà Trần Thu Hà | Thành viên | Phó trưởng phòng Tài nguyên nước, khoáng sản và biến đổi khí hậu | Sở TN&MT |
| TCT3 | | | | |
| 1 | Ông Lê Minh Tân | Tổ trưởng | Phó giám đốc | Sở Du lịch |
| 2 | Ông Nguyễn Đức Quỳnh | Cán bộ đầu mối | Trưởng phòng Kế hoạch – Phát triển tài nguyên du lịch | Sở Du lịch |
| 3 | Ông Nguyễn Thế Huệ | Thành viên | Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký | Hiệp hội du lịch QN |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Thu Trang | Thành viên | Phó phòng Khoa Giáo Văn Xã | Sở KH&ĐT |
| 5 | Bà Phan Thị Hoàng Hào | Thành viên | Chuyên viên phòng Quản lý Bảo tồn Đa dạng sinh học, Chi cục Bảo vệ Môi trường | Sở TN&MT |
| 6 | Ông Vũ Thế Anh | Thành viên | Chuyên viên phòng Quản lý vận tải và phương tiện, Sở Giao thông vận tải | Sở GTVT |
| 7 | Bà Nguyễn Thị Tâm | Thành viên | Chuyên viên phòng Nghiệp vụ nghiên cứu | Ban Quản lý Vịnh Hạ Long |
| 8 | Bà Trần Thị Quỳnh Vân | Thành viên | Chuyên viên phòng Kế hoạch – Phát triển tài nguyên du lịch | Sở Du lịch |

| STT | Họ và Tên | Chức danh trong Tổ công tác | Cơ quan | |
|-------------|------------------------|-----------------------------|--|---|
| 9 | Bà Nguyễn Thị Thùy | Thành viên | Chuyên viên phòng Văn hóa và Thông tin | UBND huyện Vân Đồn |
| 10 | Ông Hoàng Vĩnh Hà | Thành viên | Phó trưởng phòng Quản lý Đô thị | UBND TP Hạ Long |
| TCT4 | | | | |
| 1 | Ông Nguyễn Ngọc Sơn | Tổ trưởng | Phó chủ tịch | UBND t.p Hạ Long |
| 2 | Ông Đặng Quốc Hưng | Đầu mối | Phó trưởng phòng TNMT | UBND t.p Hạ Long |
| 3 | Ông Vũ Minh Tâm | Thành viên | Phó phòng Thẩm định và Giám sát đầu tư | Sở KH&ĐT |
| 4 | Ông Nguyễn Thành Minh | Thành viên | Chuyên viên Kế hoạch - Tài chính | Sở NN&PTNT |
| 5 | Ông Nguyễn Mạnh Tùng | Thành viên | Chuyên viên Phòng Quản lý Vận tải và Phương tiện | Sở Giao thông |
| 6 | Ông Vũ Nam Phong | Thành viên | Chi cục phó Chi cục biển và hải đảo | Sở TN&MT |
| 7 | Ông Lê Lâm Tuấn | Thành viên | Trưởng phòng Quản lý Môi trường | BQLVHL |
| 8 | Ông Vũ Phong Quang | Thành viên | Ủy viên ban thường vụ, Trưởng ban kinh tế | Hội giáo dục và bảo vệ môi trường Hạ Long |
| 9 | Ông Nguyễn Ngọc Sơn | Tổ trưởng | Phó chủ tịch | UBND t.p Hạ Long |
| 10 | Ông Đặng Quốc Hưng | Đầu mối | Phó trưởng phòng TNMT | UBND t.p Hạ Long |
| TCT5 | | | | |
| 1 | Ông Phạm Hồng Biên | Tổ trưởng | Phó GD | Sở KH&ĐT |
| 2 | Bà Đào Thị Thanh Huyền | Đầu mối | Phó phòng Kinh tế đối ngoại | Sở KH&ĐT |
| 3 | Bà Nguyễn Đoàn Mai Anh | Thành viên | Chuyên viên phòng KTĐN | Sở KH&ĐT |
| 4 | Bà Nguyễn Kim Oanh | Thành viên | Chuyên viên VF Sở Công-Thương | Sở Công Thương |
| 5 | Bà Đặng Thị Hải Yến | Thành viên | Trưởng Phòng Quản lý đa dạng sinh học -Chi cục Bảo vệ MT | Sở TN&MT |
| 6 | Bà Hà Thị Minh Phương | Thành viên | NV phòng CSDL và BVMT, TTQTTN&MT | Sở TN&MT |
| 7 | Ông Vũ Quang Hợp | Thành viên | Chuyên viên - Phòng Kế hoạch và PT Tài nguyên du lịch | Sở Du lịch |
| 8 | Bà Nguyễn Lan Anh | Thành viên | Chuyên viên phòng Quản lý MT | UBND t.p Cẩm Phả |
| 9 | Bà Vũ Thị Hà | Thành viên | Chuyên viên phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã | T.x Quảng Yên |
| 10 | Bà Triệu Thị Hồng Hạnh | Thành viên | Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường | UBND huyện Hoành Bồ |
| 11 | Bà Đỗ Thị Thanh | Thành viên | Chuyên viên phòng Văn hóa - Thông tin | UBND thành phố Hạ Long |
| 12 | Bà Nguyễn Cẩm Hà | Thành viên | Phó trưởng phòng Xúc tiến đầu tư | IPA |
| 13 | Ông Đỗ Văn Điệp | Thành viên | Phó Chủ tịch | Hội giáo dục và bảo vệ môi trường Hạ Long |
| 14 | Bà Lưu Thị Lâm | Thành viên | Chuyên viên Phòng TN&MT | UBND Huyện Vân Đồn |
| 15 | Ông Bùi Tuấn Dũng | Thành viên | Chuyên viên Phòng TN&MT | UBND T.P Uông Bí |

Ghi chú đối với tổ 3: Ông Vũ Thế Anh thay cho ông Chu Tuấn Anh từ ngày 11/1/2019.

Ghi chú đối với tổ 4: Ông Nguyễn Ngọc Sơn thay thế ông Hồ Quang Huy từ ngày 11/2/2019

Ông Vũ Nam Phong thay thế ông Bùi Ngọc Hiếu từ ngày 1/1/2019.

Ông Đặng Quốc Hùng thay thế ông Nguyễn Vũ Hải từ 15/10/2019.

Nguồn: UBND tỉnh Quảng Ninh

Ngoài ra, UBND huyện Vân Đồn còn thành lập Ban Du lịch sinh thái cộng đồng đảo Quan Lạn, đảm trách nhiệm vụ thúc đẩy du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn với vai trò như một tổ công tác địa phương hoạt động trên địa bàn thí điểm thuộc Đảo ra 3, như sau:

Bảng 2.1-4 Thành viên Ban Du lịch sinh thái cộng đồng trên đảo Quan Lạn

| | Tên | Chức vụ - Cơ quan | Vị trí trong ban |
|--|-----------------------|--|------------------------|
| Thành viên ban đầu của Ban DLSTCD theo Quyết định ngày 20/6/2017 | | | |
| 1 | Ông Tô Văn Hải | Phó chủ tịch UBND huyện Vân Đồn | Trưởng ban |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Đồng | Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, UBND huyện Vân Đồn | Phó trưởng ban |
| 3 | Ông Đỗ Minh Hoàn | Lãnh đạo xã Quan Lạn | Phó trưởng ban |
| 4 | Ông Bùi Văn Liêm | Lãnh đạo xã Minh Châu | Phó trưởng ban |
| 5 | Ông Phạm Hải Quỳnh | Chi hội trưởng Chi hội du lịch Vân Đồn (sau này Chi hội Du lịch Vân Đồn thay thế người khác) | Phó trưởng ban |
| 6 | Ông Nguyễn Thanh Sơn | PTP Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vân Đồn | Thành viên |
| 7 | Ông Lưu Văn Đạt | PTP Kinh tế hạ tầng, UBND huyện Vân Đồn (Được thay thế tại Quyết định ngày 06/6/2019) | Thành viên |
| 8 | Bà Lưu Thị Sự | Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Minh Châu | Thành viên |
| 9 | Bà Vũ Thị Khánh | Chủ tịch Hội Phụ nữ xã Quan Lạn | Thành viên |
| 10 | Ông Bùi Hoàng Hiệp | Chủ tịch Hội Nông dân xã Minh Châu | Thành viên |
| 11 | Bà Phạm Thị Kim Lý | Chủ tịch Hội Nông dân xã Quan Lạn | Thành viên |
| 12 | Ông Nguyễn Thành Luân | Bí thư Đoàn Thanh niên xã Minh Châu | Thành viên |
| 13 | Ông Hoàng Văn Khương | Bí thư Đoàn Thanh niên xã Quan Lạn | Thành viên |
| 14 | Ông Lý Văn Ngọc | Giám đốc công ty Văn Hải Viglacera | Thành viên |
| 15 | Ông Hoàng Đình Anh | Quản lý bãi biển Minh Châu | Thành viên |
| 16 | Ông Bùi Duy Đông | Chi hội phó Chi hội du lịch Vân Đồn | Thành viên |
| 17 | Ông Nguyễn Văn Hựu | Chủ khách sạn Việt Hưng xã Minh Châu | Thành viên |
| 18 | Ông Hoàng Văn Dục | Thành viên Chi hội du lịch Vân Đồn | Thành viên |
| 19 | Ông Nguyễn Đức Kết | Công ty vận tải tàu Hoàng Vy | Thành viên |
| 20 | Bà Nguyễn Thị Thùy | Chuyên viên phòng Văn hóa Thông tin, UBND huyện Vân Đồn | Thành viên |
| 21 | Ông Hoàng Văn Sầm | Cán bộ Văn hóa xã Quan Lạn | Thành viên |
| 22 | Ông Phạm Văn Lâm | Cán bộ Văn hóa xã Minh Châu | Thành viên |
| 23 | Ông Nguyễn Đức Quỳnh | Sở Du lịch | Thành viên |
| 24 | Ông Phạm Văn Nghị | PGĐ VQG Bái Tử Long | Thành viên |
| 25 | Ông Trần Văn Hiến | GD Trung tâm bảo tồn VQG Bái Tử Long | Thành viên |
| 26 | Ông Phạm Quốc Duyệt | Nguyên cán bộ văn hóa xã Quan Lạn | Cố vấn văn hóa lịch sử |
| Các thành viên được thay đổi, bổ sung theo Quyết định ngày 06/6/2019 và ngày 08/8/2019 | | | |
| 1 | Ông Đào Văn Vũ | Phó Chủ tịch UBND huyện Vân Đồn | Trưởng ban |
| 2 | Bà Phan Thị Lệ Giang | Trưởng phòng VH TT, UBND huyện Vân Đồn | Phó trưởng ban |
| 3 | Ông Đỗ Minh Hoàn | Lãnh đạo xã Quan Lạn | Phó trưởng ban |
| 4 | Ông Bùi Văn Liêm | Lãnh đạo xã Minh Châu | Phó trưởng ban |
| 5 | Ông Bùi Duy Đông | Chi hội trưởng Chi hội Du lịch Vân Đồn | Phó trưởng ban |
| 6 | Ông Nguyễn Thanh Sơn | PTP Tài nguyên Môi trường, UBND huyện Vân Đồn | Thành viên |
| 7 | Ông Nguyễn Ngọc Linh | PTP Kinh tế Hạ tầng, UBND huyện Vân Đồn | Thành viên |
| 8 | Bà Lưu Thị Sự | Chủ tịch Hội phụ nữ xã Minh Châu | Thành viên |
| 9 | Bà Vũ Thị Khánh | Chủ tịch Hội phụ nữ xã Quan Lạn | Thành viên |
| 10 | Ông Bùi Hoàng Hiệp | Chủ tịch Hội Nông dân xã Minh Châu | Thành viên |
| 11 | Bà Phạm Thị Kim Lý | Chủ tịch Hội Nông dân xã Quan Lạn | Thành viên |
| 12 | Ông Nguyễn Thành Luân | Bí thư Đoàn Thanh niên xã Minh Châu | Thành viên |
| 13 | Ông Nguyễn Quốc Đại | Bí thư Đoàn Thanh niên xã Quan Lạn | Thành viên |
| 14 | Ông Lý Văn Lược | Trưởng Công an xã Quan Lạn | Thành viên |
| 15 | Ông Nguyễn Văn Hà | Hiệu phó trường PTH Quan Lạn | Thành viên |
| 16 | Ông Lý Văn Ngọc | Giám đốc C/ty Văn Hải Viglacera | Thành viên |
| 17 | Ông Phạm Hải Quỳnh | Chi hội phó Chi hội Du lịch Vân Đồn | Thành viên |
| 18 | Bà Nguyễn Thị Thùy | Cán bộ Phòng VH TT, UBND huyện Vân Đồn | Thành viên |
| 19 | Ông Hoàng Văn Khương | Cán bộ Văn hóa xã Quan Lạn | Thành viên |
| 20 | Ông Phạm Văn Lâm | Cán bộ Văn hóa xã Minh Châu | Thành viên |
| 21 | Ông Hoàng Văn Dục | Doanh nghiệp du lịch | Thành viên |
| 22 | Ông Lê Minh Tân | Lãnh đạo Sở Du lịch, tỉnh Quảng Ninh | Thành viên (được mời) |
| 23 | Ông Nguyễn Đức Quỳnh | Trưởng Phòng Phát triển tài nguyên Du lịch | Thành viên (được mời) |
| 24 | Ông Phạm Văn Nghị | Lãnh đạo Cục Kiểm Lâm, vườn Quốc gia Bái Tử Long | Thành viên (được mời) |

Nguồn: Ban DLSTCD đảo Quan Lạn

2.1.2 Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng tổng hợp nhân sự Nhóm Chuyên gia JICA:

Bảng 2.1-5 Tổng hợp nhân sự Nhóm chuyên gia JICA

| STT | Tên | Vị trí | Tổng Tháng/người | |
|-----|---|--|------------------|-----------|
| | | | Kế hoạch | Thực hiện |
| 1 | Ông Norihiko INOUE | Cố vấn trưởng/ Tăng trưởng xanh (1) | 6.87 | 7,93 |
| 2 | Bà Junko MASAKI | Phó cố vấn trưởng/Tăng trưởng xanh (2/ Nâng cao nhận thức (1) | 11.32 | 12,75 |
| 3 | Ông Kengo NAGANUMA | Quản lý Môi trường đối với công nghiệp (1) | 4.50 | 2,83 |
| 4 | Bà Tomoe TAKEDA | Quản lý Môi trường đối với công nghiệp (2) | 9.50 | 10,77 |
| 5 | Ông Tetsuo ISONO | Xúc tiến Du lịch | 6.47 | 6,47 |
| 6 | Ông Shinichiro SUGIMOTO/ Ông Shingo SATO | Du lịch sinh thái | 12.53 | 12,53 |
| 7 | Ông Tomoo AOKI | Cơ chế tài chính | 3.57 | 4,87 |
| 8 | Ông Tetsuya MAEKAWA/ Ông Masaru ISHIKAWA | Tiết kiệm năng lượng/Quản lý năng lượng (1) | 2.83 | 4,86 |
| 9 | Ông Hiroki NADOYAMA | Tiết kiệm năng lượng/Quản lý năng lượng (2) | 6.00 | 2,30 |
| 10 | Ông Toshiaki KAGATSUME | Chính sách Môi trường/Quản lý môi trường nước | 4.70 | 5,13 |
| 11 | Ông Yukinori KAWASHIMA | Kiểm soát nguồn ô nhiễm và xử lý | 2.00 | 1,87 |
| 12 | Ông Keiichi MAEDA | Nâng cao nhận thức (2)/ Điều phối viên | 3.23 | 3,70 |
| 13 | Ông Shunichi OKAHISA | Điều phối viên (2) | 2.00** | 2,00** |
| | | Tổng cộng | 73.53 | 76,01 |

Ghi chú: * Số liệu kế hoạch Tổng tháng/người theo Báo cáo Khởi động dự án.

Ghi chú: ** Số tháng người của Điều phối viên (2) không được tính vào tổng số tháng/người bởi Điều phối viên (2) được coi là nhân viên tập sự, không trong diện ngân sách của JICA.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

2.1.3 Nhóm chuyên gia trong nước thuộc Nhóm chuyên gia JICA

Bảng sau đây thống kê chuyên gia trong nước thuộc Nhóm chuyên gia JICA:

Bảng 2.1-6 Nhóm chuyên gia trong nước thuộc Nhóm chuyên gia JICA

| STT | Họ và Tên | Chức danh | Giai đoạn hợp đồng |
|-----|----------------------|--|--------------------|
| 1 | Bà Dương Thị Nhuận | Phiên dịch/điều phối viên | 11/ 2016 –11/2019 |
| 2 | Bà Trần Thị Mai Lan | Phiên dịch /Biên dịch/Trợ lý hành chính | 11/2016 – 11/2019 |
| 3 | Bà Nguyễn Trần Nghĩa | Phiên dịch | Gián đoạn |
| 4 | Bà Trần Thị Van Anh | Phiên dịch | Gián đoạn |
| 5 | Ông Nguyễn Tuấn Anh | Chuyên gia lên kế hoạch hoạt động và hỗ trợ thúc đẩy sáng kiến ESCO và trợ cấp cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng (1) | Gián đoạn |
| 6 | Ông Vũ Tiến Đạt | Chuyên gia lên kế hoạch hoạt động và hỗ trợ thúc đẩy sáng kiến ESCO và trợ cấp cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng (2) | Gián đoạn |
| 7 | Bà Nguyễn Thanh Mai | Chuyên gia lên kế hoạch hoạt động và hỗ trợ thúc đẩy sáng kiến ESCO và trợ cấp cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng (3) | Gián đoạn |
| 8 | Ông Nguyễn Hoài Nam | Chuyên gia lên kế hoạch hoạt động và hỗ trợ thúc đẩy sáng kiến ESCO và trợ cấp cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng (4) | Gián đoạn |
| 9 | Ông Nguyễn Tuấn Anh | Sáng kiến thúc đẩy ESCO và trợ cấp cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng/chọn lựa, đo lường và theo dõi thiết bị (1) | Gián đoạn |

| | | | |
|----|--------------------------|--|--------------------|
| 10 | Ông Vũ Tiến Đạt | Sáng kiến thúc đẩy ESCO và trợ cấp cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng/chọn lựa, đo lường và theo dõi thiết bị (2) | Gián đoạn |
| 11 | Ông Nguyễn Đức Hoa Cương | Du lịch bền vững / hỗ trợ hệ thống cánh buồm xanh | Gián đoạn |
| 12 | Bà Akiko Nagata | Du lịch bền vững / Hướng dẫn công cụ xúc tiến du lịch | Gián đoạn |
| 13 | Ông Lê Duy Khương | Chuyên gia biên tập Sách trắng Tăng trưởng xanh | Gián đoạn |
| 14 | Ông Nguyễn Minh | Chuyên gia biên tập Sách trắng Tăng trưởng xanh | Gián đoạn |
| 15 | Bà Nguyễn Thị Vân | Thúc đẩy du lịch bền vững / Cải thiện thông tin du lịch/Phát triển và hỗ trợ du lịch sinh thái (1) | 3/ 2017 – 4/ 2019 |
| 16 | Bà Nguyễn Thị Thảo Hiền | Thúc đẩy du lịch bền vững / Cải thiện thông tin du lịch/Phát triển và hỗ trợ du lịch sinh thái (2) | 11/. 2016 –4/ 2019 |
| 17 | Ông Hồ Thế Trung | Chuyên gia cơ chế tài chính và quỹ cấp tỉnh (1) /Chuyên gia quản lý môi trường nước kiểm soát tải lượng ô nhiễm xuống vịnh | 3/ 2017 – 4/ 2019 |
| 18 | Bà Phạm Thị Hiền | Hỗ trợ lập Sách trắng tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long (Nhà thiết kế) | 3/ 2018 – 4/ 2018 |
| 19 | Ông Lê Đình Tuấn | Hỗ trợ lập Sách trắng tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long (Biên tập viên) | 1/ 2018-Feb.2018 |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

2.1.4 Công việc thuê thầu phụ

Bảng sau đây thống kê kế hoạch và thực hiện công việc thuê thầu phụ, như sau:

[Kế hoạch]

Bảng 2.1-7 Danh mục các công việc thuê thầu phụ (kế hoạch)

| Tên hoạt động | Phạm vi công việc |
|---|--|
| Thuê thầu phụ hoạt động thí điểm Sách trắng Tăng trưởng xanh | <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ thu thập số liệu và thông tin cho Sách trắng tăng trưởng xanh (40-50 trang) và hỗ trợ thiết kế cuốn sách. In 50 bộ tiếng Anh và 300 bộ tiếng Việt. - Hỗ trợ các hoạt động giáo dục nâng cao nhận thức dưới hình thức các hội thảo và các cuộc họp quy mô nhỏ, khoảng 5 cuộc và mỗi cuộc gồm 20-50 đại biểu. - Xây dựng hướng dẫn thiết kế Sách trắng. |
| Thuê thầu phụ hoạt động thí điểm tăng cường các quỹ và cơ chế tài chính của tỉnh phục vụ công tác quản lý môi trường và tăng trưởng xanh. | <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ thu thập số liệu/thông tin để đánh giá các phương án lựa chọn hoạt động quản lý môi trường trong một khu vực thí điểm quy mô nhỏ và hỗ trợ lên dự toán cho hoạt động thí điểm được chọn. - Hỗ trợ chọn các nhà máy mục tiêu (khoảng 10 doanh nghiệp) trong khu vực thí điểm quy mô nhỏ và hỗ trợ hoạt động liên quan. |
| Hoạt động thí điểm thúc đẩy du lịch bền vững (Thông tin du lịch) | Xây dựng trang web, cải thiện trang web du lịch tỉnh Quảng Ninh. |
| Hoạt động thí điểm thúc đẩy du lịch bền vững (Du lịch sinh thái) | Hỗ trợ thúc đẩy chương trình “Mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP) và các biện pháp quảng bá xúc tiến khác. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA, Báo cáo khởi động Dự án

[Thực hiện]

Trên thực tế đã hủy kế hoạch hoạt động thí điểm tăng cường các quỹ và cơ chế tài chính của tỉnh phục vụ công tác quản lý môi trường và tăng trưởng xanh do thay đổi phương pháp tiếp cận chọn địa bàn cho hoạt động thí điểm và tập trung xem xét xây dựng chính sách thực thi tăng trưởng xanh (xem chi tiết tại mục 3.2.1(1)1)(h). Hoạt động thuê thầu phụ đã bổ sung thêm hai hạng mục hỗ trợ hoạt động của TCT-4: 1) hỗ trợ phát triển hệ thống trạm ủ phân vi sinh tái chế chất thải hữu cơ và 2) Bảo trì và nâng cao nhận thức sử dụng nhà vệ sinh sinh học trên tàu du lịch, góp phần thúc đẩy du lịch bền vững.

Bảng 2.1-8 Danh mục các công việc thuê thầu phụ (thực hiện)

| Tên hoạt động | Phạm vi công việc | Thời gian thực hiện | Kết quả |
|---|--|-----------------------|--|
| Xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh khu vực Vịnh Hạ Long | (1) Hỗ trợ thiết kế Sách trắng tăng trưởng xanh (2) In ấn Sách Trắng (3) Hỗ trợ hoạt động Nâng cao nhận thức (4) Lập Hướng dẫn Thiết kế Sách Trắng và hoạt động nâng cao nhận thức phù hợp | 6/2017 – 12/ 2018 | 1. Kế hoạch công việc 2. Sách trắng tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long 3. Biên bản ghi chép về hoạt động nâng cao nhận thức 4. Hướng dẫn Xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh và hoạt động nâng cao nhận thức |
| Hỗ trợ xây dựng Hệ thống Tái chế chất thải hữu cơ bằng trạm ủ phân vi sinh | (1) Lập Cơ cấu thực thi (2) Lập Kế hoạch vận hành và Ứng dụng Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ (3) Quản lý Sử dụng Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ (4) Mua vật liệu phục vụ vận hành Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ | 10/2018 – 8/ 2019 | 1. Cơ cấu thực thi 2. Kế hoạch vận hành và Ứng dụng Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ 3. Sổ tay vận hành Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ sửa đổi 4. Đề xuất về sử dụng và quảng bá Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ 5. Dự thảo Báo cáo Hoàn thành 6. Báo cáo Hoàn thành |
| Bảo trì và Nâng cao nhận thức đối với Nhà vệ sinh sinh thái (bio-toilet) trên tàu du lịch để Xúc tiến Môi trường bền vững | (1) Bảo trì Bio-toilet (2) Đánh giá và phân tích về các vấn đề đối với Bio-toilet (3) Hoạt động Nâng cao nhận thức và Quan hệ công chúng | 4/2018 – 9/ 2019 | 1. Báo cáo Kiểm tra tổng quát 2. Báo cáo Bảo trì 3. Báo cáo Phân tích phòng thí nghiệm 4. Báo cáo hoạt động Report on nâng cao nhận thức và quan hệ công chúng 5. Dự thảo Báo cáo Hoàn thành 6. Báo cáo Hoàn thành |
| Cải thiện Trang web Du lịch tỉnh Quảng Ninh và Tiếp thị thông qua trang mạng xã hội (SNS) | (1) Hoạt động chuẩn bị (2) Cải thiện Trang Web Du lịch tỉnh Quảng Ninh (3) Xác định và thiết lập mạng xã hội (SNS) (4) Tập huấn, hội thảo và Tiếp thị về Trang web/SNS | 1/ 2018 - /4/ 2019 | 1. Khuyến nghị về cải thiện Trang web Du lịch tỉnh Quảng Ninh và mạng xã hội (SNS) trong giai đoạn chuẩn bị 2. Trang web đã được cải thiện thuộc Trang web Du lịch tỉnh Quảng Ninh 3. Trang tên của mạng xã hội đã được thiết lập 4. Biên bản của các đợt tập huấn và hội thảo, bao gồm ngày tháng, chủ đề, các bài trình bày, thành viên tham dự, nội dung/bài giảng chính, v.v... |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

2.1.5 Mua sắm Thiết bị

[Kế hoạch]

Ma trận Thiết kế Dự án (PDM) ký ngày 7/9/2016, đã nêu cụ thể việc mua sắm những thiết bị sau đây liên quan tới TCT-2 và TCT-4.

- Thiết bị cần thiết để thực hiện hoạt động thí điểm về các biện pháp hiệu quả năng lượng trong Khu vực vịnh Hạ Long
- Thiết bị cần thiết để thực hiện hoạt động thí điểm về tăng cường năng lực quản lý môi trường nước thông qua giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh.

[Thực hiện]

Ngay sau khi khởi động giai đoạn 2 của Dự án, TCT-2 và TCT-4 đã xem xét để chọn lựa các thiết bị cần thiết cho các hoạt động thí điểm thuộc các TCT. Sau khi có kết quả thảo luận, hai hạng mục thiết bị sau đây đã được lựa chọn mua sắm, trong đó đã loại bỏ thiết bị cho TCT-2.

- Nhà vệ sinh sinh thái (BIO LUX hoặc tương đương) cho tàu du lịch: 3 bộ
- Trạm ủ phân vi sinh có kèm phụ kiện (Hệ thống BUIK hoặc tương đương) phục vụ sản xuất phân vi sinh từ chất thải hữu cơ: 1 trạm

Nhiệm vụ lựa chọn nhà vệ sinh sinh thái cho tàu du lịch đã được đưa vào nội dung Ma trận Thiết kế Dự án sửa đổi lần thứ hai, ký vào ngày 27/10/2017, trong khi đó, nhiệm vụ lựa chọn trạm ủ phân vi sinh được đưa vào nội dung Ma trận Thiết kế Dự án sửa đổi lần thứ ba, ký vào ngày 31/7/2018.

Bảng sau tổng hợp tất cả các thiết bị Dự án đã mua sắm. Những thiết bị này đã được bàn giao cho Ban QLDA vào tháng 10/2018. Tại thời điểm kết thúc hoạt động thí điểm vào cuối tháng 8/2019, Ban QLDA, TCT-4 và JET đã xác nhận tất cả thiết bị được thiết kế phù hợp cho các hoạt động thí điểm của TCT-4 và sẽ tiếp tục được khai thác sử dụng tại cơ sở của những Người sử dụng cuối cùng.

Bảng 2.1-9 Danh mục thiết bị Dự án mua sắm

| Hạng mục | Nhà vệ sinh sinh thái cho tàu du lịch | Trạm ủ phân vi sinh và phụ kiện |
|--------------------------------|---|--|
| Tên mẫu | Bio-Lux, SW-43 | Hệ thống BUIK - BUIK-100 |
| Số lượng | 3 bộ | 1 trạm |
| Nhà sản xuất | Công ty TNHH Seiwa Denko | Công ty TNHH Shudensha |
| Nhà phân phối | Công ty TNHH Chodai | Công ty TNHH Shudensha |
| Nơi lắp đặt (Ngày bàn giao) | - Tàu Du lịch QN 4337 (2/3/2018) - Tàu Du lịch QN 6668 (12/5/2018) - Tàu Du lịch QN 8299 (4/7/2018) | Công ty TNHH chế biến thực phẩm Thiên Trường, Lò mổ gia súc gia cầm phường Hà Phong, TP Hạ Long (Ngày 4 tháng 10 năm 2018) |
| Người sử dụng cuối cùng | Các chủ tàu - Công ty Du lịch Công Nghĩa (QN 4337) - Công ty Du lịch Minh Hằng (QN 6668) - Công ty Du lịch VIT (QN 8299) | Công ty TNHH Hoàng Lâm |
| Tổng giá trị (Yên Nhật Bản) | 4.457.826 | 9.432.738 |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Tại thời điểm kết thúc tất cả các hoạt động của TCT-4, tất cả những người sử dụng cuối cùng đã được bàn giao quyền sử dụng thiết bị căn cứ theo biên bản bàn giao thiết bị lập khi Dự án kết thúc, với các điều kiện yêu cầu đảm bảo sử dụng và bảo trì thiết bị đúng quy cách trong giai đoạn sau Dự án:

- Người sử dụng cuối cùng phải chịu trách nhiệm sử dụng thiết bị phù hợp và bền vững;
- Khi có phát sinh thay đổi điều kiện vận hành thiết bị, như thay đổi về vị trí, chỉnh sửa hoặc tháo

dỡ thiết bị hoặc đổi người sử dụng, người sử dụng hiện hành cần phải báo ngay cho Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh thuộc UBND tỉnh Quảng Ninh, thông qua UBND thành phố Hạ Long. Người sử dụng cuối cùng phải tuân thủ theo hướng dẫn của Sở KH&ĐT, theo quy định của tỉnh về quản lý tài sản của UBND tỉnh khi phát sinh thay đổi.

2.1.6 Đào tạo tại Nhật Bản

[Kế hoạch]

Ma trận thiết kế Dự án (PDM) quy định đầu vào sau: Đào tạo tại Nhật Bản, nước thứ ba hoặc Việt Nam (phía Việt Nam). Báo cáo khởi động Dự án đã nêu chi tiết chương trình đào tạo, như sau:

Bảng 2.1-10 Danh mục chương trình đào tạo tại Nhật Bản (Kế hoạch)

| STT | Giai đoạn | Nội dung đào tạo chính | Số thành viên |
|-----|--------------------|---|---------------|
| 1 | Tháng Tám năm 2017 | - Chính sách của tỉnh Shiga căn cứ mô hình Hồ Biwa - Lập và khai thác Sách trắng và các hoạt động du lịch sinh thái tỉnh Shiga | 10 |
| 2 | Tháng Bảy năm 2018 | - Chính sách quản lý môi trường nước và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở tỉnh Shiga - Thể chế và công nghệ phục vụ thúc đẩy quản lý môi trường | 10 |

Nguồn: JET

[Thực hiện]

Hai chương trình đào tạo đã được tổ chức năm 2017 và 2018 cho tổng số 25 cán bộ thuộc Ban Chỉ đạo Dự án, Ban Quản lý Dự án, các tổ công tác và UBND tỉnh. Bảng sau tổng hợp nội dung đào tạo. Chi tiết chương trình, thành phần và kết quả đào tạo được trình bày cụ thể tại mục 3.5 của báo cáo này.

Bảng 2.1-11 Danh mục chương trình đào tạo tại Nhật Bản (Thực hiện)

| STT | Giai đoạn | Nội dung đào tạo chính | Số thành viên |
|-----|------------------------------|--|---------------|
| 1 | 23 /8/ 2017 – 31 /8/ 2017 | - Chính sách môi trường và chính sách du lịch tỉnh Shiga - Tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý môi trường của cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp - Chính sách phát triển kinh doanh và quản lý môi trường ở doanh nghiệp và khu công nghiệp. - Chính sách phát triển du lịch và quản lý môi trường ở doanh nghiệp ngành du lịch - Hoạt động bảo tồn môi trường vùng nước khép kín | 15 |
| 2 | 25 /8/ 2018 – 2 /9/ 2018 | - Chính sách môi trường và chính sách du lịch tỉnh Shiga - Chính sách phát triển kinh doanh và quản lý môi trường ở doanh nghiệp và khu công nghiệp. - Hoạt động bảo tồn môi trường vùng nước khép kín - Thực thi chính sách quản lý môi trường có sự tham gia của cộng đồng | 10 |

Nguồn: JET

2.1.7 Khác

[Kế hoạch]

Ngoài ra, PDM cũng quy định những đầu vào sau:

- Văn phòng làm việc
- Phân bổ ngân sách lương và các khoản kinh phí khác cho nhân sự phía đối tác trong thời gian

tham gia Dự án.

- Phân bổ ngân sách vận hành thiết bị Dự án mua sắm (trong trường hợp thiết bị thuộc quyền sở hữu của UBND tỉnh Quảng Ninh).

[Thực hiện]

- Văn phòng làm việc: JET được bố trí một phòng làm việc tại Trụ sở liên cơ quan số 2 của UBND tỉnh Quảng Ninh.
- Phân bổ ngân sách cho nhân sự phía đối tác: được phân bổ ngân sách cho các cán bộ đối tác tham gia hoạt động dự án trong suốt Dự án.
- Phân bổ ngân sách vận hành thiết bị Dự án mua sắm: Chi phí vận hành nhà vệ sinh sinh thái do người sử dụng cuối cùng chi trả sau khi được trao quyền sử dụng thiết bị. Chi phí vận hành trạm ủ phân vi sinh giai đoạn từ tháng 10/2018 đến tháng 3/2019 được chi trả thông qua hợp đồng thầu phụ trong khuôn khổ giai đoạn chạy thử nghiệm thiết bị. Tuy nhiên, chi phí vận hành trạm ủ phân vi sinh giai đoạn từ tháng 4/2019 trở đi do người sử dụng cuối cùng chi trả sau khi được trao quyền sử dụng thiết bị.

2.2 Kết quả thực hiện Dự án căn cứ theo Ma trận thiết kế Dự án (PDM)

2.2.1 Kết quả thực hiện các Đầu ra

(1) Đầu ra 1

Ma trận thiết kế Dự án (PDM) xác định kết quả Đầu ra 1 và các chỉ số xác minh kết quả thực hiện, như sau:

Đầu ra 1:

Thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức thuộc Đầu ra 2 và 3 và đề xuất những khuyến nghị cho giai đoạn sau Dự án phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh thông qua các bài học kinh nghiệm từ các hoạt động của Dự án.

Các chỉ số đối với Đầu ra 1:

- (1) Lập Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, mô tả các hoạt động ban đầu của việc triển khai chính sách và các hoạt động nâng cao nhận thức về tăng trưởng xanh, được lập và công bố hằng năm.
- (2) Xây dựng và lập thành văn bản các quy định và tổ chức cho hoạt động lập Sách trắng Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh
- (3) Đề xuất nội dung khuyến nghị thúc đẩy tăng trưởng xanh cho giai đoạn sau Dự án.

Căn cứ kết quả đánh giá, đối chiếu với các chỉ số nêu trong PDM, về cơ bản Đầu ra 1 đã thực hiện được tất cả các hoạt động.

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 1-(1)]

Tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện xuất bản hai cuốn Sách Trắng tăng trưởng xanh trong quá trình thực hiện Dự án, gồm “Sách Trắng năm 2017”, xuất bản tháng 8 năm 2018 và “Sách Trắng năm 2018”, xuất bản tháng 11 năm 2019. Dự án đã tổ chức một chuỗi các sự kiện nâng cao nhận thức thông qua sử dụng Sách trắng tăng trưởng xanh cho đối tượng là các cán bộ nhà nước thuộc các sở ban ngành, địa phương, học sinh phổ thông, người dân địa phương, v.v...

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 1-(2)]

Ngày 2 tháng 8 năm 2019, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ký Quyết định (số 3231/QĐ-UBND) đồng ý chủ trương cho phép liên tục xuất bản Sách trắng tỉnh Quảng Ninh.

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 1-(3)]

Trong tháng 11 năm 2019, nhóm chuyên gia soạn thảo đề xuất khuyến nghị cho giai đoạn sau Dự án cho tỉnh Quảng Ninh.

(2) Đầu ra 2

Ma trận thiết kế Dự án (PDM) xác định Đầu ra 2 và các chỉ số xác minh kết quả thực hiện, như sau:

Đầu ra 2:

Xây dựng và thực hiện thí điểm các chính sách bền vững về môi trường và tài chính cho các ngành trọng điểm được chọn.

Các chỉ số đối với Đầu ra 2:

- (1) Thực hiện năm (5) hoạt động trở lên về quản lý môi trường (tăng cường cơ chế cấp ngân sách/tài chính cấp tỉnh, quản lý và tiết kiệm năng lượng, giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh) trong các ngành trọng điểm được chọn.
- (2) Xây dựng và lập thành văn bản những quy định và tổ chức thúc đẩy quản lý môi trường và tiết kiệm năng lượng đối với các ngành trọng điểm được chọn.

Căn cứ kết quả đánh giá, đối chiếu với các chỉ số nêu trong PDM, về cơ bản Đầu ra 2 đã thực hiện được tất cả nội dung các hoạt động.

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 2-(1)]

Chín (9) hoạt động quản lý môi trường tiêu biểu đã triển khai thông qua các hoạt động thí điểm thuộc TCT-1, TCT2 và TCT-4, như sau:

Bảng 2.2-1 Các hoạt động thực hiện thuộc Đầu ra 2

| Số và TCT | Mô tả Hoạt động |
|---------------------------------------|--|
| Trường hợp 1, TCT-1 | Tăng cường hoạt động của Quỹ Bảo vệ Môi trường: - Trong giai đoạn thực thi Dự án, Sở TN&MT đã cho 2 dự án vay thành công vốn Quỹ BVMT với lãi suất ưu đãi - Căn cứ kết quả của hoạt động thí điểm, TCT-1 đã cải thiện điều kiện của Quỹ BVMT. |
| Trường hợp 2, TCT-1/Nhóm Chuyên trách | Xây dựng cơ chế thúc đẩy tăng trưởng xanh: - Nhóm Chuyên trách thuộc TCT-1 đã xem xét các biện pháp xây dựng cơ chế tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh. - Cơ chế tài chính tăng trưởng xanh*1 được xây dựng theo phương hướng lồng ghép, đưa nội dung cơ chế khuyến khích theo hướng tăng trưởng xanh vào nghị quyết của ngành nông nghiệp, căn cứ kết quả hoạt động của TCT-4. |
| Trường hợp 3, TCT2 | Thông tin về hiệu quả năng lượng được thu thập, biên soạn và đăng tải lên trang web của tỉnh Quảng Ninh, theo Chương trình A về “Cung cấp thông tin hiệu quả năng lượng”. |
| Trường hợp 4, TCT2 | Trong khuôn khổ Chương trình B*2 “Kiểm tra Năng lượng sơ bộ”, TCT đã thực hiện kiểm tra năng lượng sơ bộ cho 2 cơ sở tiêu thụ năng lượng thông thường (non-DEU) |
| Trường hợp 5, TCT2 | Trong khuôn khổ Chương trình C*2 “Đề xuất ESCO” (trong thí điểm đợt 2), TCT đã thực hiện kiểm toán năng lượng ở 5 cơ sở và trên cơ sở xác định các biện pháp đề xuất công nghệ phù hợp và các chương trình ưu đãi hỗ trợ tài chính hấp dẫn, TCT đã lập ba (3) đề xuất ESCO cho các đơn vị. |

| | |
|---------------------|--|
| Trường hợp 6, TCT2 | Trong khuôn khổ Chương trình D “Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” dành cho đối tượng là các cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm (DEU), TCT đã tổ chức thẩm định các hồ sơ đăng ký Giấy chứng nhận và có sáu (6) DEU đã được UBND tỉnh ký quyết định trao giấy chứng nhận. |
| Trường hợp 7, TCT2 | Trong khuôn khổ Chương trình E “Xây dựng năng lực cho cán bộ quản lý nhà nước tỉnh Quảng Ninh”, TCT đã tổ chức hoạt động nâng cao năng lực theo hình thức tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao năng lực về quản lý năng lượng tỉnh Quảng Ninh cho đối tượng các cán bộ quản lý nhà nước thuộc các sở, ban, ngành, UBND các địa phương hiện đang quản lý các hoạt động liên quan tới năng lượng, biến đổi khí hậu, tăng trưởng bền vững |
| Trường hợp 8, TCT-4 | Hoạt động giảm tải lượng ô nhiễm xuống vịnh Hạ Long từ tàu du lịch: - Giới thiệu công nghệ thân thiện môi trường áp dụng cho ngành du lịch. - Lắp và đưa vào vận hành ba bộ Nhà vệ sinh sinh thái trên tàu du lịch. - Đã đề xuất đưa nội dung lắp đặt và sử dụng công nghệ bền vững và thân thiện môi trường vào tiêu chí của Chương trình nhân sinh thái Cảnh buồm xanh (CBX) dành cho tàu thủy du lịch đã được thể chế hóa thông qua hoạt động TCT-3. |
| Trường hợp 9, TCT-4 | Hoạt động tái chế chất thải thực phẩm và nông nghiệp bền vững: - Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ đã đi vào hoạt động để xử lý chất thải thực phẩm và sản xuất các chế phẩm có chất lượng cao sử dụng cho nông nghiệp bền vững. - Đã thiết lập được mạng lưới tái chế tại chỗ đối với chất thải thực phẩm và sản xuất nông nghiệp. Đã đề xuất nhân rộng mô hình tái chế chất thải hữu cơ. |

Ghi chú:

*1: Nghị quyết số 194/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về Chính sách khuyến khích đầu tư và liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

*2: TCT-2 đã đề xuất năm chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả như sau:

Chương trình A (Cung cấp thông tin về sử dụng năng lượng hiệu quả và tiết kiệm: cung cấp định kỳ các thông tin liên quan đến tiết kiệm năng lượng tới các doanh nghiệp trong địa bàn Tỉnh.

Chương trình B (Kiểm tra sơ bộ tình hình năng lượng): hàng năm, kiểm toán viên năng lượng phối hợp kiểm tra sơ bộ tình hình sử dụng năng lượng đối với một số doanh nghiệp không thuộc diện cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm được chọn

Chương trình C (Đề xuất ESCO) Căn cứ vào nội dung báo cáo kiểm toán năng lượng bắt buộc do các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm (DEUs) nộp, Sở Công Thương sẽ giao đơn vị ESCO trong nước được chọn lập đề án ESCO, bố trí các cuộc làm việc giữa DEUs và Công ty ESCO nhằm thúc đẩy dự án ESCO.

Chương trình D (Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả: thẩm định hồ sơ đăng ký, trao giấy chứng nhận cho các DEU trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có thành tích trong hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

Chương trình E (Xây dựng năng lực); tổ chức các sự kiện như hội thảo, hội nghị tập huấn về nâng cao năng lực liên quan đến quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 2-(2)]

Thông qua quá trình thể chế hóa và xây dựng chính sách, các cán bộ phía đối tác đã rút ra được những bài học kinh nghiệm về thúc đẩy tăng trưởng xanh. Các TCT đã xây dựng trình UBND tỉnh các văn bản hành chính đề xuất quy định và cơ chế thúc đẩy quản lý môi trường và tiết kiệm năng lượng cho những ngành được chọn, như sau:

[TCT-1]: Quyết định sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ Môi trường, qua đó tăng mức món vay vốn tối đa và thời hạn vay, phân bổ bổ sung vốn điều lệ của Quỹ và bổ sung điều kiện hỗ trợ tài chính như cấp ứng vốn cho nhiệm vụ và hoạt động bảo vệ môi trường của các địa phương.

[TCT-1/Nhóm Chuyên trách/TCT-4]: Nghị quyết ban hành chính sách khuyến khích đầu tư và liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh, hỗ trợ tài chính cho các dự án sản xuất phân bón hữu cơ, góp phần hạn chế, hướng tới không dùng phân bón hóa học để bảo vệ môi trường và sức khỏe con người.

[TCT2]: Tổ chức thực hiện các Chương trình từ A-E sẽ được đưa vào nội dung quyết định mới của tỉnh được soạn thảo theo tinh thần Quyết định số 208/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 13/3/2019.

[TCT-4]: Đề xuất nhân rộng mô hình tái chế chất thải hữu cơ tại TP Hạ Long đang trong quá trình soạn thảo và sẽ được trình báo cáo UBND TP Hạ Long xem xét thông qua, sau khi sản phẩm của Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ được cấp giấy phép lưu hành (tháng 10 năm 2019).

(3) Đầu ra 3

Ma trận thiết kế Dự án (PDM) xác định Đầu ra 3 và các chỉ số xác minh kết quả thực hiện, như sau:

Các chỉ số của Đầu ra 3:

- (1) Xây dựng được từ sáu (6) tài liệu trở lên về thông tin du lịch và công cụ xúc tiến du lịch và được khách du lịch sử dụng thông qua trung tâm thông tin và các website du lịch.
 - (2) Xây dựng được từ hai (2) chương trình du lịch sinh thái trở lên ở huyện Vân Đồn và có trên 500 khách du lịch tiếp cận dịch vụ trong năm cuối thí điểm dự án.
 - (3) Từ mười (10) tàu thủy du lịch trở lên được cấp nhãn sinh thái (Chứng nhận cánh buồm xanh).
 - (4) Xây dựng và lập thành văn bản hành chính những Quy định và cách thức tổ chức công tác phân phát và cập nhật tài liệu thông tin du lịch, quảng bá xúc tiến và thúc đẩy du lịch sinh thái tại huyện Vân Đồn và Giấy chứng nhận Cánh buồm xanh.
-

Căn cứ kết quả đánh giá, đối chiếu với các chỉ số nêu trong PDM, về cơ bản Đầu ra 3 đã thực hiện được tất cả nội dung các hoạt động.

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 3-(1)]

Sáu (6) loại thông tin du lịch và công cụ xúc tiến du lịch đã được xây dựng. Các sản phẩm bao gồm bản đồ du lịch khu vực vịnh Hạ Long, ba loại hình trang mạng xã hội (SNS) để quảng bá du lịch, trang web và v.v... đã được bàn giao cho Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch khai thác, quảng bá tới khách du lịch tham quan khu vực vịnh Hạ Long và phân phát tại các hội thảo quốc tế.

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 3-(2)]

Hai hành trình du lịch khám phá thúc đẩy du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn, huyện Vân Đồn đã được xây dựng, gồm i) Hành trình khám phá 1: Văn hóa và Lịch sử hào hùng của đảo Quan Lạn và ii) Hành trình khám phá 2: Một ngày làm ngư dân trên đảo Quan Lạn. Các công cụ thông tin du lịch đã được thiết lập bao gồm hai bản đồ hành trình khám phá, hệ thống biển thông tin hướng dẫn, thuyết minh tại điểm phục vụ thúc đẩy du lịch sinh thái trên đảo. Số lượng khách tham gia trong tháng 4 và tháng 5 năm 2019 đạt 676 người.

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 3-(3)]

“Giấy chứng nhận Cánh buồm xanh” (CBX) là một chương trình nhãn sinh thái mới mang tiêu chí tăng trưởng xanh dành cho tàu du lịch. Trong hoạt động của tàu thủy du lịch vịnh Hạ Long, CBX tập trung ngăn ngừa và giảm thiểu tiếng ồn và ô nhiễm không khí, giảm thiểu phát sinh rác thải và nước thải và bảo vệ đa dạng sinh thái. Trong khuôn khổ chương trình nhãn sinh thái khu vực vịnh Hạ Long, có 36 tàu thủy du lịch đã được cấp Giấy chứng nhận Cánh buồm Xanh (CBX), trong đó hai (2) tàu du lịch đã được cấp giấy chứng nhận trong đợt trao nhãn đầu tiên tổ chức tháng 9 năm 2018 và 34 tàu còn lại được trao giấy chứng nhận trong đợt cấp nhãn lần thứ hai tổ chức tháng 12 năm 2018.

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Đầu ra 3-(4)]

Các quy định và tổ chức về việc cung cấp và cập nhật thông tin du lịch cũng như quảng bá, xúc tiến du lịch sinh thái tại huyện Vân Đồn và nhãn xanh cho tàu du lịch (Giấy chứng nhận Cánh buồm Xanh) đã được dự thảo và hoàn tất. Danh mục các quyết định, quy định và cơ chế được thể chế hóa trong giai đoạn thực thi Dự án được thống kê cụ thể tại trong phần tiếp theo về nội dung báo cáo kết quả hoàn thành mục đích Dự án.

2.2.2 Kết quả hoàn thành Mục tiêu Dự án

Thiết kế Dự án xác định mục tiêu và các chỉ số xác minh kết quả thực hiện. Sau đây là tóm tắt ba kết quả đầu ra của Dự án và các chỉ số xác minh kết quả thực hiện.

Mục tiêu Dự án:

Thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long thông qua việc thực hiện các chính sách môi trường bền vững trong các ngành trọng điểm và thực hiện các chính sách phát triển ngành du lịch.

Các chỉ số xác minh mục tiêu Dự án:

- (1) Tỉnh Quảng Ninh phê duyệt những quy định, cơ chế và tổ chức phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh sau:
 - [(1)-A] Quy định và tổ chức cho hoạt động liên tục xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh;
 - [(1)-B] Các cơ chế tài chính và cấp ngân sách và tổ chức cho các hoạt động thúc đẩy quản lý môi trường và tiết kiệm năng lượng;
 - [(1)-C] Quy định và tổ chức cho các hoạt động cung cấp và cập nhật thông tin du lịch và quảng bá du lịch;
 - [(1)-D] Quy định và tổ chức cho các hoạt động thúc đẩy du lịch sinh thái ở huyện Vân Đồn;
 - [(1)-E] Quy định và tổ chức cho các hoạt động dán nhãn nhằm thúc đẩy hoạt động tiết kiệm năng lượng và du lịch bền vững;
- (2) Trình tỉnh Quảng Ninh những khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án.

Các đầu ra của Dự án

- Đầu ra 1: Thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức thuộc Đầu ra 2 và 3 và đề xuất những khuyến nghị thúc đẩy tăng trưởng xanh giai đoạn sau Dự án trên cơ sở bài học kinh nghiệm từ các hoạt động của Dự án.
- Đầu ra 2: Xây dựng và thực hiện thí điểm các chính sách bền vững về môi trường và tài chính cho các ngành trọng điểm lựa chọn.
- Đầu ra 3: Thực hiện hoạt động thí điểm các biện pháp kích thích tăng trưởng bền vững ngành du lịch.

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Mục tiêu Dự án -(1)]

Căn cứ kết quả đánh giá, đối chiếu với các chỉ số nêu trong PDM, về cơ bản Dự án đã đạt được mục tiêu đề ra. Các cơ chế thúc đẩy tăng trưởng xanh đã được xây dựng và thể chế hóa trong quá trình thực thi Dự án, như liệt kê sau đây. Danh mục toàn bộ văn bản và cơ chế được thể chế hóa được trình bày trong tài liệu đính kèm.

Bảng 2.2-2 Các Quy định và Cơ chế được thể chế hóa đã được phê chuẩn trong Dự án (liên quan tới Mục đích Dự án)

| Chỉ số chi tiết | Lĩnh vực | Cơ chế | Tên văn bản đã được thể chế hóa |
|-----------------|--|--|--|
| [(1)-A] | Nâng cao nhận thức về TTX | Xuất bản Sách Trắng Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh | Quyết định số 3231/QĐ-UBND ngày 2/8/2019 |
| [(1)-B] | Tăng cường các quỹ của tỉnh và cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh | Sửa đổi điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ BVMT | Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 |
| [(1)-B] | | Chính sách khuyến khích đầu tư và liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp | Nghị quyết số 194/2019/NQ-HDND ban hành tại tỉnh Quảng Ninh, ngày 30 tháng 7 năm 2019. |

| Chỉ số chi tiết | Lĩnh vực | Cơ chế | Tên văn bản đã được thể chế hóa |
|--------------------|--|---|---|
| [(1)-B] | Thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | Thực thi kế hoạch năm 2020 cùng với áp dụng phân bổ ngân sách | Văn bản số 1114/SCT-QLNL tháng 5/2019 |
| [(1)-B] [(1)-E] | | Kế hoạch hành động của tỉnh theo Quyết định của Thủ tướng CP số 280/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình Hiệu quả Năng lượng Quốc gia (VNEEP) cho giai đoạn 2019-2030) | Dự thảo Quyết định về phê duyệt Chương trình Sử dụng Năng lượng Tiết kiệm và Hiệu quả trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh cho tới năm 2030 <i>Sẽ được thể chế hóa trong giai đoạn sau Dự án</i> |
| [(1)-C] | Phổ biến và cập nhật thông tin du lịch và tiếp thị | Phê duyệt việc thiết lập Cơ quan Tiếp thị điểm đến (DMA) | Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 Quyết định số 384/QĐ-SDL ngày 10/9/2019 quy định chức năng nhiệm vụ DMA của TTXTDL |
| [(1)-D] | Thúc đẩy du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn | Quyết định về vai trò, trách nhiệm và hoạt động của Ban Du lịch sinh thái Cộng đồng | Quyết định số 2019/QĐ-UBND, ngày 6/6/2019 |
| | | | Quyết định số 3043/QĐ-UBND, ngày 6/6/2019 |
| | | | Quyết định số 2324/ QĐ-UBND, ngày 1/7/2019 |
| [(1)-E] | Xây dựng hệ thống dán nhãn xanh cấp tỉnh cho tàu thủy du lịch. | Thiết lập hệ thống Cánh buồm xanh | Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung bộ tiêu chí nhãn sinh thái CBX và quy trình thẩm định. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Mục tiêu Dự án -(2)]

Tháng 11 năm 2019, các khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án đã được lập.

[Ngành công nghiệp: Kết quả thực hiện]

Theo đánh giá, Dự án đã thực hiện toàn diện mục đích đặt ra. Đối với ngành công nghiệp, Quỹ Bảo vệ môi trường (Quỹ BVMT) vốn là một cơ chế hỗ trợ tài chính trực tiếp cho doanh nghiệp đã được cải thiện trở thành một chính sách môi trường bền vững. Quỹ đã không chỉ được tăng vốn điều lệ mà còn được đẩy mạnh phổ biến tới đa dạng đối tượng vay vốn tiềm năng và ngoài ra, Quỹ còn áp dụng tăng giá trị món vay và thời gian kéo dài thời hạn trả nợ. Quỹ đã tổ chức các hoạt động phổ biến thông tin về Quỹ (Thư ngõ) tới các doanh nghiệp tìm kiếm tiềm năng đầu tư cho dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường. Các cơ chế liên quan đến khuyến khích hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở các doanh nghiệp cũng đã được thiết lập. Mong rằng việc vận dụng các biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm công nghiệp và khuyến khích hoạt động sản xuất sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ở các doanh nghiệp trong khu vực vịnh Hạ Long sẽ tăng cường các hoạt động môi trường bền vững trong ngành công nghiệp, là kết quả của những đầu ra đã nêu trên. Hơn nữa, điều đó sẽ góp phần cải thiện môi trường vịnh Hạ Long và quá trình tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long.

[Ngành công nghiệp: Vấn đề và thách thức]

Việc xây dựng cơ chế tài chính tập trung cho chính sách tăng trưởng xanh bị vướng mắc đối với một số ngành. Hiện nay, việc thực thi các chính sách của tỉnh được phân theo ngành, gây trở ngại cho việc xây dựng một cơ chế tài chính liên ngành mà đó lại chính là đặc tính thiết yếu trong khái niệm tăng trưởng xanh.

Quỹ BVMT là một cơ chế thực hiện các biện pháp hỗ trợ tài chính cho doanh nghiệp. Mặt khác, song song với hoạt động thúc đẩy vận dụng các biện pháp bảo vệ môi trường bền vững thì tình cần quan

tâm chỉ đạo, giám sát việc chấp hành các quy định môi trường và quy chế phòng chống ô nhiễm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tuy nhiên, hoạt động tăng cường mối liên kết giữa tuân thủ các quy định môi trường và đầu tư bảo vệ môi trường còn hạn chế trong khuôn khổ hoạt động của Dự án.

Dự án đã xây dựng được cơ chế thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả chủ yếu tập trung vào ngành công nghiệp. Trong khuôn khổ hoạt động, Dự án đã tổ chức một số cuộc thảo luận liên quan đến các ngành khác như tiết kiệm năng lượng đối với tàu đánh cá thuộc ngành thủy sản, cải thiện điện chiếu sáng công cộng, tấm năng lượng mặt trời áp mái thuộc ngành năng lượng tái tạo. Ngoài ra, theo quyết định hiện hành của Thủ tướng chính phủ, hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tập trung ở mọi ngành. Trong khuôn khổ Dự án, hoạt động thúc đẩy sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả mới chỉ tập trung ở ngành công nghiệp và còn hạn chế với các ngành khác.

[Ngành du lịch: Kết quả thực hiện]

Theo đánh giá, Dự án đã thực hiện toàn diện mục đích đặt ra. Dự án đã xây dựng và cải thiện thành công các công cụ thông tin du lịch, tạo điều kiện cho Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch (Trung tâm TTXTDL) khai thác, xúc tiến đến các thị trường nội địa và quốc tế, cải thiện mở rộng thương hiệu khu vực vịnh Hạ Long. Ngoài ra, Trung tâm TTXTDL còn được bổ sung và thể chế hóa thêm chức năng Cơ quan tiếp thị điểm đến (DMA) phục vụ mục đích tập trung hóa hoạt động phát triển và xúc tiến du lịch khu vực vịnh Hạ Long. Vì vậy, mong rằng Trung tâm TTXTDL sẽ được trao quyền thực thi chính sách phát triển ngành du lịch và được bố trí ngân sách cần thiết cho hoạt động.

Dự kiến ngành du lịch sẽ phát triển vượt ra khỏi phạm trù du lịch truyền thống, vốn phụ thuộc quá lớn vào Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long. Vì vậy, Dự án đã xây dựng hành trình khám phá phát triển du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn thuộc huyện Vân Đồn nhằm mục đích đa dạng hóa sản phẩm du lịch thông qua khai thác các nguồn tài nguyên môi trường bền vững khác trong khu vực. Thông qua hoạt động xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái, Dự án đã hỗ trợ thiết lập các nội dung về thể chế, tổ chức vận hành du lịch sinh thái ở huyện Vân Đồn và tỉnh Quảng Ninh. Dự kiến hoạt động du lịch sinh thái sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trên đảo Quan Lạn.

Giấy chứng nhận cánh buồm xanh (CBX), một hệ thống dẫn nhãn môi trường dành cho tàu du lịch đã được thiết lập như một biện pháp thực thi chính sách tăng trưởng xanh. Trong giai đoạn dự án, có 6% tổng số tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long đã được cấp Giấy chứng nhận CBX và hiện vẫn đang chấp hành các hoạt động cải thiện và bảo tồn môi trường vịnh Hạ Long. Như vậy, chính sách tăng trưởng xanh trong ngành du lịch đã được thúc đẩy mạnh mẽ ở khu vực vịnh Hạ Long.

[Ngành du lịch: Vấn đề và thách thức]

Để phát huy chức năng DMA cho Trung tâm TTXTDL cần có sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp thuộc ngành du lịch để qua đó bổ sung thêm quyền và ngân sách như nêu ở trên. Hội thảo mở do Dự án tổ chức là cơ hội tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa Trung tâm TTXTDL với các tổ chức, doanh nghiệp du lịch. Tuy nhiên, đó mới chỉ là bước đầu thiết lập mối liên kết và chưa đủ để hỗ trợ phát huy được chức năng DMA cho Trung tâm.

Lượng khách du lịch đến với đảo Quan Lạn tăng lên nhờ có sản phẩm du lịch sinh thái do Dự án xây dựng. Vì điều đó, các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch hiện có trên đảo đang đạt tới mức quá tải công

suất. Ngoài ra còn phát sinh thêm một số vấn đề về bảo tồn và duy trì tài nguyên du lịch, trong đó có vấn đề rác thải phát sinh do khách du lịch.

Hệ thống Giấy chứng nhận CBX do Dự án thiết lập sẽ mang lại sự khác biệt giữa các tàu du lịch trong khía cạnh vận hành và bảo vệ môi trường, cần theo dõi giám sát sự duy trì các hoạt động đó ở những tàu đã được cấp nhãn CBX và tiếp tục xin gia hạn nhãn cho các tàu có động lực tích cực duy trì hoạt động, qua đó khuyến khích các tàu chưa có nhãn hăng hái, tích cực đăng ký.

[Thúc đẩy và phổ biến tăng trưởng xanh: Kết quả thực hiện]

Theo đánh giá, Dự án đã thực hiện toàn diện mục đích đặt ra. Dự án đã xuất bản hai cuốn Sách trắng tăng trưởng xanh. Tỉnh Quảng Ninh đã bố trí toàn bộ kinh phí xuất bản cuốn Sách trắng tăng trưởng xanh năm 2018. Căn cứ kinh nghiệm xây dựng cuốn sách, Tỉnh đã đồng ý chủ trương cho phép xuất bản sách hàng năm. Tỉnh Quảng Ninh đã sử dụng Sách trắng tăng trưởng xanh để tích cực tổ chức hoạt động công bố, phổ biến, nâng cao nhận thức. Sách trắng tăng trưởng xanh là kênh đưa thông tin tới công chúng về chính sách tăng trưởng xanh, các biện pháp thực hiện và tình hình thực hiện tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, trong đó tập trung vào các nội dung thực hiện nhiệm vụ quản lý môi trường trong ngành công nghiệp và các khía cạnh tăng trưởng kinh tế khác, chủ yếu là với ngành du lịch. Ngoài ra, Dự án đã sử dụng Sách trắng tăng trưởng xanh triển khai hoạt động nâng cao nhận thức với đối tượng là ngành giáo dục, gồm các trường học và hợp tác với các ngành công nghiệp chính hoạt động trên địa bàn tỉnh trong đó có ngành khai thác than. Trong quá trình biên soạn nội dung sách trắng, bên đối tác đã tham khảo toàn bộ kinh nghiệm của tỉnh Shiga, Nhật Bản vốn có lịch sử truyền thống lâu năm trong biên soạn và xuất bản Sách trắng môi trường. Hơn nữa, Sách trắng tăng trưởng xanh sẽ được khai thác hiệu quả trong quá trình hình thành “Mô hình vịnh Hạ Long tỉnh Quảng Ninh” áp dụng theo “Mô hình hồ Biwa tỉnh Shiga” trong hoạt động quản lý môi trường. Hoạt động thể chế hóa xuất bản bền vững Sách trắng tăng trưởng xanh không chỉ đảm bảo bố trí ngân sách hàng năm mà còn phân công cụ thể nhiệm vụ cho các sở ban ngành liên quan, phối hợp với các huyện thị trong khu vực vịnh Hạ Long. Dự kiến Sách trắng tăng trưởng xanh sẽ đóng góp mở rộng hoạt động môi trường trong ngành công nghiệp và ngành du lịch theo tiêu chí tăng trưởng xanh và góp phần tăng cường nâng cao nhận thức môi trường và động lực khuyến khích sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là khu vực tư nhân.

[Thúc đẩy và phổ biến tăng trưởng xanh: Vấn đề và thách thức]

Sách trắng tăng trưởng xanh là một công cụ công bố thông tin đã được thiết lập, tuy vậy, vẫn chưa triển khai hiệu quả một số khía cạnh về tăng cường thông điệp chính quyền tỉnh Quảng Ninh muốn gửi gắm tới công chúng và sử dụng công cụ này với ngành công nghiệp và người dân. Hoạt động nâng cao nhận thức đã đạt hiệu quả rõ rệt với đối tượng thuộc ngành giáo dục, thể hiện qua sự tiếp thu hướng ứng nhiệt thành của các trường học. Mặt khác, liên quan đến sự phối hợp với ngành công nghiệp, Dự án mới chỉ dừng lại ở mức độ giới thiệu và chia sẻ thông tin. Ngành công nghiệp chưa tham gia sâu trong khái niệm tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, hoạt động phối hợp với viện nghiên cứu mới cũng chỉ ở mức giới thiệu các hoạt động thí điểm trong các cuộc đối thoại giữa chính quyền tỉnh Shiga và Đại học Hạ Long.

2.2.3 Triển vọng hoàn thành mục tiêu tổng thể của Dự án

Theo Ma trận Thiết kế Dự án (PDM), Dự án xác định mục tiêu tổng thể và các chỉ số xác minh kết quả thực hiện, như sau:

Mục tiêu tổng thể:

Thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh thông qua quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế từ “nâu” sang “xanh”.

Các chỉ số đối với Mục tiêu tổng thể:

- (1) Sách trắng Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh được xuất bản liên tục;
 - (2) Từ mười (10) hoạt động trở lên liên quan tới cơ chế cấp ngân sách/tài chính cấp tỉnh, tiết kiệm năng lượng, giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh được tiến hành thông qua các quy định quản lý môi trường và tổ chức được xây dựng bởi Dự án cho các ngành trọng điểm được chọn ở tỉnh Quảng Ninh;
 - (3) Từ hai (2) chương trình du lịch sinh thái trở lên và các thông tin liên quan được xây dựng và cung cấp thông qua các quy định, cơ chế và tổ chức được Dự án xây dựng cho ngành du lịch tỉnh Quảng Ninh.
-

Kỳ vọng trong một vài năm tới, tỉnh Quảng Ninh sẽ đạt mục tiêu tổng thể được Dự án xác định khi thỏa mãn những điều kiện sau đây:

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Mục tiêu Dự án -(1)]

Sách trắng tăng trưởng xanh được xuất bản liên tục căn cứ quyết định UBND tỉnh đã ban hành trên cơ sở cơ chế do Dự án đề xuất. Quyết định của tỉnh là căn cứ để các sở ngành liên quan lên kế hoạch cho nhiệm vụ lập Sách trắng tăng trưởng xanh trong hoạt động thường nhật và đăng ký phân bổ ngân sách cần thiết. Quyết định đảm bảo cho tương lai liên tục xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh, cả về đầu mục công việc và kinh phí thực hiện.

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Mục tiêu Dự án -(2)]

Sau giai đoạn Dự án, các ngành trọng điểm của tỉnh Quảng Ninh được tạo cơ hội triển khai thêm nhiều hoạt động, dự án, chương trình quản lý môi trường thông qua:

- Sở TN&MT tích cực duy trì hoạt động thúc đẩy quỹ bảo vệ môi trường tỉnh (Quỹ BVMT), mang lại cơ hội cho thêm nhiều doanh nghiệp hơn nữa có hồ sơ đăng ký vay vốn Quỹ.
- UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở KH&ĐT và các sở ngành có liên quan khác tiếp tục quan tâm, nghiên cứu tìm hiểu cơ chế ưu đãi hỗ trợ các hoạt động và đầu tư theo định hướng tăng trưởng xanh.
- Sở Công-Thương là sở chủ trì, phối hợp với các sở ban ngành liên quan triển khai quyết định mới được ban hành trên cơ sở thực hiện Quyết định số 208 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Sở CT tiếp tục thúc đẩy các dự án ESCO và trao Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các đơn vị tiêu thụ năng lượng trọng điểm và các đối tượng khác.
- UBND tỉnh Quảng Ninh sẽ nghiên cứu các cơ chế chính sách ưu đãi hỗ trợ hoạt động tái chế chất thải hữu cơ, phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, UBND tỉnh Quảng Ninh sẽ quan tâm, khuyến khích thúc đẩy hoạt động giảm tải lượng ô nhiễm xuống vịnh không chỉ với đối tượng là tàu thủy du lịch mà còn đối với các nguồn ô nhiễm khác.

[Chỉ số xác minh kết quả thực hiện Mục tiêu Dự án -(3)]

Sự hỗ trợ, hợp tác tích cực, liên tục của Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch và Sở du lịch tỉnh Quảng Ninh sẽ là tiền đề tạo điều kiện phát triển thêm nhiều sản phẩm, chương trình du lịch sinh thái

và phát triển công cụ thông tin thông qua khai thác kinh nghiệm, nhân rộng thành tựu của Dự án như sản phẩm hành trình trải nghiệm du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn, sản phẩm thông tin du lịch, các công cụ quảng bá xúc tiến hiện Dự án đã bàn giao cho Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch quản lý và khai thác.

Phân tích triển vọng hoàn thành mục tiêu tổng thể trong các lĩnh vực i) ngành công nghiệp, ii) ngành du lịch và iii) thúc đẩy và phổ biến Tăng trưởng xanh:

[Triển vọng đối với ngành công nghiệp]

Thông qua Dự án, Quỹ BVMT đã phát huy khai thác hiệu quả hơn, phục vụ các hoạt động quản lý môi trường của các đơn vị thuộc lĩnh vực công nghiệp, so với giai đoạn trước khi có Dự án. Trong giai đoạn tiếp theo, Quỹ BVMT sẽ tiếp tục tăng cường hoạt động tuyên truyền phổ biến quỹ mạnh mẽ hơn nữa và tiếp tục khai thác ổn định. Quỹ sẽ đóng góp cho thành tựu thúc đẩy tăng trưởng xanh trong lĩnh vực công nghiệp. Ngoài ra, nỗ lực triển khai những dự án, nhiệm vụ tuân thủ các quy định môi trường trong ngành công nghiệp sẽ cũng sẽ góp phần tích cực thúc đẩy tăng trưởng xanh.

Quyết định của UBND tỉnh ban hành trên tinh thần thực hiện Quyết định 280 của Thủ tướng Chính phủ là điều kiện tiên quyết để Tỉnh hướng tới đạt mục tiêu cao hơn trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Dự thảo quyết định của tỉnh được soạn thảo trong giai đoạn Dự án phản ánh kết quả của các hoạt động thí điểm và phù hợp với chính sách của chính quyền trung ương, Tỉnh chắc chắn sẽ hoàn thành mục tiêu tiết kiệm năng lượng với những biện pháp đề ra trong quyết định Tỉnh sẽ ban hành. Ngoài ra, hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức và hướng dẫn của Sở Công Thương sẽ hết sức cần thiết, cùng với sự phối hợp của các sở ban ngành liên quan trong thực hiện các biện pháp đã đặt ra.

Để khai thác bền vững môi trường vịnh Hạ Long với vai trò là tài nguyên khu vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cần thiết phải giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh. Dự kiến những kết quả của hoạt động giảm tải lượng ô nhiễm phát sinh từ hoạt động tàu du lịch và hoạt động sản xuất nông nghiệp đã triển khai trong khuôn khổ Dự án sẽ tiếp tục được phát huy và nhân rộng trong khu vực và thậm chí lan tỏa sang những ngành, lĩnh vực khác. Điều kiện hiện tại chưa thuận lợi đối với nhiệm vụ xây dựng một cơ chế tài chính riêng thúc đẩy tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, thông qua hoạt động của Dự án, tỉnh Quảng Ninh ngày càng nhận diện rõ rệt vai trò quan trọng của các chính sách ưu đãi tài chính động viên khuyến khích sự tham gia của các doanh nghiệp trong tiến trình thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh. Thông qua những cơ chế chính sách tài chính của tỉnh trên cơ sở được xây dựng mới và/hoặc được bổ sung sửa đổi theo ngành và được vận dụng trong thực tiễn, tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh chắc chắn sẽ được thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa trên cơ sở tiêu chí tăng trưởng xanh được tích hợp vào cơ chế riêng của các ngành.

[Triển vọng của ngành du lịch]

Thông qua Dự án, các biện pháp quảng bá xúc tiến du lịch đã được vận dụng thông qua hoạt động thúc đẩy du lịch sinh thái và tăng cường chức năng cơ quan tiếp thị điểm đến cho Trung tâm XTDL. Sự tiếp nối các hoạt động như vậy chắc chắn sẽ phát huy hiệu quả tích cực, kể cả đối với Giấy chứng nhận CBX. Tỉnh cần duy trì vận hành những cơ chế và những mô hình điển hình Dự án đã xây dựng mà Sở Du lịch sẽ đóng vai trò chủ trì, phối hợp với UBND huyện Vân Đồn và Trung tâm XTDL để triển khai trong những năm sau này.

[Triển vọng thúc đẩy và phổ biến tăng trưởng xanh]

Trong quá trình thực thi, Dự án đã xuất bản được hai cuốn Sách trắng tăng trưởng xanh và thiết lập hệ thống cho phép liên tục xuất bản cuốn sách này. Đặc biệt trong quá trình biên soạn Sách trắng số thứ hai năm 2018, Dự án đã đề xuất cơ chế liên tục xuất bản sách giai đoạn sau Dự án và nội dung Sách trắng năm thứ hai đã nhận được tham gia tích cực của các sở ngành địa phương liên quan.

Sách trắng Tăng trưởng xanh năm thứ nhất đã được biên soạn với sự hỗ trợ toàn diện của chuyên gia JICA. Trên cơ sở những kinh nghiệm có được từ hoạt động xây dựng Sách trắng năm thứ nhất, các thành viên tổ công tác, chủ yếu là Sở kế hoạch và Đầu tư đã chủ động đảm đương nhiệm vụ lập Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ hai. Hoạt động biên soạn Sách trắng năm thứ 2 đã được tổ chức hợp lý và triển khai hiệu quả với sự phối hợp với các sở ban ngành địa phương liên quan.

UBND tỉnh Quảng Ninh đã cam kết liên tục duy trì xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh thường niên. Theo thời gian, nội dung Sách trắng tăng trưởng xanh sẽ dần được biên soạn với nội dung ngắn gọn, rõ ràng và dễ hiểu. Thông qua hoạt động xây dựng Sách trắng tăng trưởng xanh, thông tin và số liệu môi trường sẽ được tích lũy hàng năm và được sử dụng để đánh giá những thay đổi tình trạng môi trường khu vực vịnh Hạ Long. Từ giai đoạn 2020 – 2021 trở đi, nên xây dựng phụ bản Sách trắng tăng trưởng xanh cho các nhóm đối tượng khác nhau, trong đó có nhóm các doanh nghiệp, nhóm học sinh phổ thông, nhóm khách du lịch, v.v...

3 Các hoạt động chủ yếu của Dự án

3.1 Quản lý Dự án và các hoạt động Dự án

Sau đây tóm tắt tổng thể các hoạt động của Dự án. Tháng 11 năm 2016, Dự án tổ chức Hội thảo khởi động Giai đoạn 2. Trong quá trình thực hiện, Dự án đã tổ chức năm (5) cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án để kiểm điểm tiến độ và đưa ra những quyết sách cần thiết, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong các hoạt động của Dự án. Thông qua các cuộc họp giao ban, Ban Quản lý Dự án và Nhóm chuyên gia JICA đã phối hợp rất chặt chẽ trong quản lý thường nhật các hoạt động tổng thể của Dự án trong khi đó các tổ công tác chủ động tổ chức các cuộc họp liên quan trực tiếp tới các hoạt động thí điểm của TCT. Ngoài ra, Dự án đã tổ chức hai cuộc hội thảo phổ biến và thúc đẩy tăng trưởng xanh năm 2018 và 2019, chia sẻ những đầu ra và kết quả thực hiện Dự án với các đối tượng gồm không chỉ các bên liên quan đến hoạt động dự án trong đó có các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh mà còn cả các bộ ngành trung ương và các địa phương khác trên cả nước. Hội nghị tổng kết Dự án diễn ra tháng 11 năm 2019 đã chia sẻ kết quả tổng thể của Dự án và công bố định hướng thúc đẩy tăng trưởng xanh của tỉnh. Nội dung chương trình và kết quả các hoạt động được trình bày sau đây và mục 3.2 trình bày chi tiết hoạt động thí điểm.

3.1.1 Hội thảo Khởi động Dự án

Ngày 30 tháng 11 năm 2016, tại Trung tâm Hội nghị tỉnh Quảng Ninh, đồng chí Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh/Trưởng Ban Chỉ đạo Dự án đã chủ tọa Hội thảo khởi động dự án, xác nhận các mục tiêu của Dự án giai đoạn 2 và những hành động cần thiết triển khai. Các đại biểu dự hội thảo đã thảo luận sôi nổi và xác nhận vai trò và nhiệm vụ của các sở ban ngành/cá nhân thuộc từng TCT và chuẩn bị sẵn sàng triển khai hoạt động TCT.

Bảng 3.1-1 Tóm tắt nội dung Hội thảo khởi động Dự án

| Tên mục | Nội dung |
|-----------------------|--|
| Ngày | 30/11/2016 |
| Địa điểm | Trung tâm hội nghị Tỉnh |
| Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> • Chia sẻ với các bên liên quan về mục tiêu và mục đích của Dự án Giai đoạn 2; • Chia sẻ với các bên liên quan về các hoạt động đã thực hiện trong Dự án Giai đoạn 1; • Chia sẻ những kinh nghiệm của tỉnh Shiga trong các hoạt động quản lý môi trường và tăng trưởng xanh có sự phối hợp của các cơ quan quản lý nhà nước, người dân địa và doanh nghiệp; và • Thảo luận các hoạt động cần thiết khi triển khai Dự án. |
| Chương trình | <ol style="list-style-type: none"> 1. Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh phát biểu khai mạc 2. Đại diện tỉnh JICA hội sở phát biểu 3. Đại diện tỉnh Shiga phát biểu 4. Đại diện tỉnh Shiga giới thiệu những kinh nghiệm của tỉnh Shiga trong triển khai thực hiện những hoạt động phối hợp giữa các đơn vị hành chính, người dân địa phương và doanh nghiệp trong công tác quản lý môi trường và tăng trưởng xanh ở đảo Cát Bà. 5. Sở KH&ĐT báo cáo tiến độ các hoạt động chuẩn bị (Giai đoạn 1) và những hoạt động các bên liên quan cần thực hiện 6. JET giới thiệu về mục tiêu, chỉ tiêu và kết quả mong đợi của Dự án (Giai đoạn 2) 7. Thảo luận 8. Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh kết luận và bế mạc hội nghị |
| Thành phần | UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở KH&ĐT, Sở TC, Sở DL, Sở TN&MT, Sở XD, Ban QLKKT, UBND thành phố Hạ Long, UBND huyện Hoành Bồ, UBND thị xã Quảng Yên, Ban Quản lý vịnh Hạ Long, Hội giáo dục và bảo vệ môi trường Hạ Long, Sở TN&MT thành phố Hải Phòng, Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VAST), Tỉnh Shiga, Đại học tỉnh Osaka, Hội sở JICA, JET, cơ quan truyền thông. |
| Ý kiến tham gia chính | <p>Ý kiến của ông Lê Minh Tân, phó giám đốc sở Du lịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Cần xem xét đánh giá hoạt động du lịch hiện tại trên khu vực vịnh Hạ Long để kiểm soát/hạn chế số |

| Tên mục | Nội dung |
|----------|---|
| | <p>lượng khách du lịch tham quan tại một điểm và số lượng tàu hoạt động trên biển.</p> <ul style="list-style-type: none"> Trung tâm TTXTDL hiện nay của sở DL chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin du lịch. Dự kiến Cơ quan tiếp thị điểm đến sẽ hỗ trợ cung cấp thông tin cho khách du lịch. <p>Ý kiến của ông Nguyễn Văn Minh, giám đốc Sở KH&ĐT</p> <ul style="list-style-type: none"> Sở KH&ĐT sẽ triển khai thành lập các tổ công tác để khởi động các hoạt động dự án. Yêu cầu cán bộ đại diện cho các sở ban ngành địa phương liên quan nghiêm túc triển khai các hoạt động dự án Yêu cầu các bên liên quan rà soát kỹ lưỡng bản dự thảo phân công nhiệm vụ TCT, đảm bảo phù hợp với chức năng nhiệm vụ liên quan. <p>Ý kiến chỉ đạo của ông Đặng Huy Hậu, phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đề xuất thành lập Trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long ngay từ đầu Dự án. Tỉnh Quảng Ninh đề nghị chia sẻ bài học kinh nghiệm mô hình hồ Biwa. |
| Kết luận | <ul style="list-style-type: none"> Tất cả các thành viên dự họp đồng thuận sẵn sàng triển khai Dự án giai đoạn 2. Các bên liên quan xác nhận mục tiêu và nhiệm vụ của từng sở ban ngành, địa phương thực hiện Dự án. Các bên xác nhận các sở ngành liên quan sẽ cử cán bộ tham gia vị trí tổ trưởng các TCT thuộc các sở ngành liên quan. Yêu cầu Sở KH&ĐT cùng JET xây dựng kế hoạch hoạt động năm và chi tiết kế hoạch triển khai tháng, tránh bị chậm tiến độ. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

3.1.2 Hợp Ban Chỉ đạo Dự án

Các bảng sau trình bày nội dung chương trình và kết luận tại 5 cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án. Tại các cuộc họp này, các TCT báo cáo tiến độ triển khai các hoạt động thí điểm và kế hoạch cho giai đoạn tiếp theo. JET chia sẻ những thách thức lớn và đề xuất các hoạt động xử lý cần thiết để đạt mục tiêu Dự án. Với kinh nghiệm mô hình hồ Biwa, đoàn công tác tỉnh Shiga đã cố vấn các nội dung biện pháp hiệu quả duy trì môi trường nước ổn định nhờ những nỗ lực đóng góp từ các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp. Tại các cuộc họp này, Ban chỉ đạo Dự án đã đưa ra những ý kiến chỉ đạo hoạt động thí điểm và các hoạt động liên quan khác của dự án như thay đổi địa bàn thí điểm thúc đẩy du lịch sinh thái từ Quảng Yên ra Vân Đồn, chọn thiết bị mua sắm cho hoạt động TCT-4, cấp nhãn Cánh buồm xanh cho tàu du lịch và xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh.

Tại cuộc họp Ban chỉ đạo tổng kết Dự án, tổ trưởng các TCT và JET báo cáo kết quả thực hiện tổng thể các hoạt động dự án. Đồng chí Đặng Huy Hậu, phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo Dự án đã cam kết sẽ liên tục duy trì những hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Bảng 3.1-2 Tóm tắt cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án lần thứ nhất

| Hạng mục | Nội dung |
|--------------|--|
| Ngày | 25/4/2017 |
| Địa điểm | Phòng họp UBND tỉnh |
| Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> Chia sẻ tiến độ thực hiện Dự án tổng thể và kết quả đạt của các hoạt động thí điểm; Thông báo kế hoạch hoạt động năm 2017 của các Tổ công tác; và Ban Chỉ đạo kết luận về một số vấn đề nổi cộm của Dự án. |
| Chương trình | <ol style="list-style-type: none"> Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh phát biểu khai mạc Đại diện VF JICA Việt Nam phát biểu JET trình bày về thiết kế tổng thể và khái quát tiến độ thực hiện của Dự án; Trình bày lịch thực thi các hoạt động thí điểm trong thời gian tới Ban QLDA trình bày về thiết kế tổng thể và khái quát tiến độ thực hiện của Dự án; Trình bày lịch thực thi các hoạt động thí điểm trong thời gian tới Thảo luận Ý kiến của Văn phòng JICA VN và tỉnh Shiga Ông Nguyễn Đức Long (Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh) phát biểu chỉ đạo hội nghị Ông Đặng Huy Hậu (Trưởng Ban chỉ đạo, Phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh) phát |

| Hạng mục | Nội dung |
|---|---|
| | biểu kết luận và bế mạc hội nghị. |
| Thành phần | Các thành viên BCD Dự án, Ban QLDA, các tổ trưởng tổ công tác và cán bộ đầu mối của năm (5) tổ công tác, các đại biểu từ UBND các địa phương, Đoàn cố vấn tỉnh Shiga và Văn phòng JICA Việt Nam |
| Báo cáo và thảo luận những nội dung chính | <ul style="list-style-type: none"> TCT-1: Xem xét khái niệm cơ bản và nguồn tài chính cho quỹ mới phục vụ tăng trưởng xanh. TCT-2: Ban Chỉ đạo dự án xác nhận các cơ sở mục tiêu được chọn và tiến độ kiểm toán năng lượng cho hoạt động thí điểm. TCT-3: TCT-3 đề xuất thay đổi địa bàn thí điểm các hoạt động thúc đẩy du lịch sinh thái từ Quảng Yên sang Vân Đồn. Ban Chỉ đạo yêu cầu giải trình lý do chọn địa bàn Quảng Yên trong giai đoạn 1 của Dự án và lý do cân nhắc lại địa bàn này, địa bàn Vân Đồn được chọn như thế nào.. TCT-4: TCT đã chọn nhà vệ sinh sinh học là loại thiết bị sẽ do TCT-4 lắp. Tổ sẽ tiến hành rà soát tìm kiếm địa điểm để lắp trạm ủ phân vi sinh trong số các doanh nghiệp quan tâm và các nhà đầu tư trên toàn địa bàn dự án. TCT-5: Ban CD dự án xác nhận mục lục Sách trắng. |
| Nội dung kết luận trọng yếu | <ul style="list-style-type: none"> Ban Chỉ đạo yêu cầu TCT-3, 1) làm việc với JET để lập và trình giải trình kỹ thuật xác minh việc thay đổi địa bàn thí điểm từ Quảng Yên sang Vân Đồn để Ban Chỉ đạo có ý kiến quyết định. BCD xác nhận Ban QLDA làm việc với UBND thành phố Hạ Long, TCT-1, Sở TC và các TCT hoặc các sở ngành liên quan để họp bàn về việc thành lập cơ chế quỹ thúc đẩy tăng trưởng xanh. Ban QDLA có báo cáo trình đề xuất Ban Chỉ đạo dự án. Ban CD đồng ý đề xuất lắp nhà vệ sinh sinh thái (bio-toilet) trên tàu du lịch thuộc khuôn khổ hoạt động của TCT-4. Ngoài ra, Ban CD yêu cầu TCT-4 tổ chức một cuộc hội thảo giới thiệu chi tiết về thiết bị cho các đối tượng là các nhà đầu tư và các doanh nghiệp, .v..v.. thuộc các huyện thị ngoài thành phố Hạ Long. |

Nội dung kết luận trọng yếu căn cứ Thông báo (số 3162/ UBND-MT, 2017) của UBND tỉnh Quảng Ninh gửi Văn phòng JICA Việt Nam.

Nguồn: JET

Bảng 3.1-3 Tóm tắt cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án lần thứ hai

| Mục | Nội dung |
|--------------------------------|---|
| Ngày | 21/11/2017 |
| Địa điểm | Phòng họp UBND tỉnh |
| Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> Chia sẻ tiến độ thực hiện tổng thể và kết quả các hoạt động thí điểm của các tổ công tác và hoạt động thực thi chung của Dự án; Thông báo kế hoạch hành động trong giai đoạn tới căn cứ Biên bản Ghi nhớ (MOU) về hợp tác đã được tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh cùng ký kết; Ban Chỉ đạo Dự án ra ý kiến và kết luận đối với những vấn đề nổi cộm. |
| Chương trình | <ol style="list-style-type: none"> Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh phát biểu khai mạc Văn phòng JICA Việt nam phát biểu JET Trình bày về thiết kế dự án tổng thể và khái quát về tiến độ của từng hoạt động thí điểm; lịch thực thi trong thời gian tới của từng hoạt động thí điểm Tổ trưởng các Tổ công tác và Trưởng Ban Du lịch Sinh thái Cộng đồng đảo Quan Lạn trình bày Kết quả thực hiện từng hoạt động thí điểm Các tổ trưởng TCT tham gia ý kiến Các đại biểu dự họp tham gia ý kiến Trình bày về hành động trong thời gian tới trên cơ sở Biên bản Ghi nhớ đã ký giữa tỉnh QN và tỉnh Shiga JICA và tỉnh Shiga tham gia ý kiến Trưởng Ban chỉ đạo dự án phát biểu kết luận và bế mạc hội nghị |
| Thành phần | Thành viên BCD Dự án, Ban QLDA, Tổ trưởng và cán bộ đầu mối của các Tổ công tác, đại diện của UBND các địa phương, đoàn cố vấn tỉnh Shiga, trụ sở chính của JICA và văn phòng JICA Việt Nam. |
| Báo cáo và thảo luận những nội | <ul style="list-style-type: none"> TCT-1: TCT-1 báo cáo kế hoạch trình UBND tỉnh đề xuất sửa đổi quy chế Quỹ Bảo vệ môi trường TCT-2: Các biện pháp tiết kiệm năng lượng đề xuất cho 4 doanh nghiệp và Sở CT đề xuất áp dụng ESCO cho 2 doanh nghiệp. |

| Mục | Nội dung |
|-----------------------------|--|
| dung chính | <ul style="list-style-type: none"> TCT-3: Ban Du lịch sinh thái cộng đồng (DLSTCD) đề xuất hai hành trình khám phá trong khuôn khổ hoạt động thúc đẩy du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn. Sớm làm rõ các tiêu chí để triển khai cấp nhãn Cảnh buồm xanh. TCT-4: TCT-4 đề xuất mua trạm ủ phân vi sinh và nhà vệ sinh sinh thái thuộc hoạt động TCT-4 và kế hoạch lắp thiết bị. TCT-5: Xin ý BCD thông qua tiến độ lập Sách trắng và kế hoạch tổ chức hội thảo phổ biến Sách trắng. Yêu cầu nội dung và minh họa Sách trắng đơn giản, dễ hiểu, phù hợp với đối tượng người dân và học sinh. Tất cả các TCT: Tất cả các thành viên TCT cần thẩm nhuần mục đích dự án là đề xuất các quy định, cơ chế thể chế cần thiết thông qua kết quả hoạt động thí điểm năm 2019, có quan tâm tới hoạt động sau dự án. Hoạt động hợp tác với tỉnh Shiga: tỉnh Shiga bày tỏ mong muốn hợp tác với tỉnh qua hoạt động chia sẻ kinh nghiệm cải thiện môi trường vịnh Hạ Long và tỉnh Quảng Ninh triển khai dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh. |
| Nội dung kết luận trọng yếu | <ul style="list-style-type: none"> BCĐ không xem xét đề xuất về các khoản vay vốn Quỹ BVMT cho các dự án đầu tư môi trường mà không cần thế chấp tài sản TCT-4: Sở KH&ĐT, Sở TC và các đơn vị liên quan khẩn trương và tích cực thực hiện các thủ tục miễn thuế để nhập khẩu thiết bị phục vụ các hoạt động của Dự án. TCT-5: Xuất bản Sách trắng trong quý đầu tiên năm 2018. TCT-3: Đề xuất phát triển và vận hành hai hành trình khám phá du lịch sinh thái, đưa vào chương trình du lịch của tỉnh và làm thủ tục công nhận tour tuyến phục vụ khách du lịch trong nước và quốc tế vào cuối quý I năm 2018. Hợp tác với tỉnh Shiga: giao Đại học Hạ Long, nơi thành lập Trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long phối hợp với các bên liên quan để vận hành Trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long. Ban chỉ đạo đề nghị tỉnh Shiga hỗ trợ chia sẻ kinh nghiệm, kỹ thuật để phát triển Trung tâm tham khảo Trung tâm nghiên cứu hồ Biwa của tỉnh Shiga. |

Nội dung kết luận trọng yếu căn cứ Thông báo (số 333/ UBND-MT, 2017) của UBND tỉnh Quảng Ninh.

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng 3.1-4 Tóm tắt cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án lần thứ ba

| Mục | Nội dung |
|---|--|
| Ngày | 19/4/2018 |
| Địa điểm | Phòng họp UBND tỉnh |
| Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> Chia sẻ tiến độ giữa kỳ, các kết quả thực hiện và hoạt động tiếp theo của Dự án, Tỉnh Shiga chia sẻ các ý kiến tham mưu tại thời điểm giữa kỳ của Dự án và Thảo luận và xác nhận các mốc thời gian và kết quả Đầu ra của nửa cuối giai đoạn Dự án. |
| Chương trình | <ol style="list-style-type: none"> Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh phát biểu khai mạc Phát biểu của JICA hội sở Tổ trưởng các TCT trình bày về kết quả đạt được trong từng hoạt động thí điểm JET trình bày về các nội dung chính và các mốc quan trọng trong thời gian tới của Dự án Thảo luận Ý kiến phát biểu của đại diện tỉnh Shiga JICA hội sở tham gia ý kiến Trưởng Ban chỉ đạo dự án phát biểu kết luận và bế mạc hội nghị |
| Thành phần | Thành viên BCD Dự án, Ban QLDA, Tổ trưởng và cán bộ đầu mối của các Tổ công tác, đại diện của UBND các địa phương, đoàn cố vấn tỉnh Shiga, trụ sở chính của JICA và văn phòng JICA Việt Nam. |
| Báo cáo và thảo luận những nội dung chính | <ul style="list-style-type: none"> TCT-1: TCT-1 đề xuất sửa đổi điều lệ Quỹ Bảo vệ môi trường tạo cơ hội khả thi hơn nữa cho các bên vay vốn. Tuy nhiên, đề xuất TCT-1 xem xét mức độ hoàn vốn khả thi của bên vay Nhóm chuyên trách TCT-1: TCT-1 đã báo cáo việc thành lập Nhóm chuyên trách (NCT) đảm nhận nhiệm vụ xem xét cơ chế tài chính mới phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh. Giao NCT có báo cáo và đề cương cơ chế tài chính mới vào cuối tháng 6 năm 2018 TCT-2: TCT-2 đã báo cáo hoạt động chuẩn bị cho Chương trình thúc đẩy ESCO, kế hoạch dán nhãn |

| Mục | Nội dung |
|-----------------------------|---|
| | <p>năng lượng địa phương cho các thiết bị phi dân dụng và kế hoạch nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý nhà nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> Giao Sở NNN và PTNT chủ động trong hoạt động thí điểm thay đèn LED cho ba tàu đánh cá trong hoạt động tiết kiệm năng lượng. TCT-3: TCT-3 đề xuất Hệ thống quản lý DLSTCĐ, đòi hỏi sự hợp tác của khu vực công / tư và cộng đồng dân cư trên đảo Quan Lan; tổ chức các hoạt động đào tạo và hội thảo về xúc tiến và quảng bá thuộc tiêu hợp phần cải thiện thông tin du lịch; thành lập Hội đồng thí điểm thẩm định nhân Cảnh buồm xanh (CBX). TCT-4: Nên tích hợp những cơ chế ưu đãi do TCT-4 đề xuất vào nội dung cơ chế khuyến khích CBX. TCT-5: Cần đảm bảo tính cập nhật, hiệu lực của số liệu đưa vào Sách trắng. |
| Nội dung kết luận trọng yếu | <ul style="list-style-type: none"> UBND tỉnh thống nhất với nội dung Sở KH&ĐT và các tổ trưởng TCT, JET à 5 Các TCT báo cáo tiến độ, kết quả và kế hoạch cho các hoạt động năm 2018 và 2019. TCT-1 tiếp tục khẩn trương xây dựng đề cương, dự thảo cơ chế tài chính cấp tỉnh cho các quy định hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động tăng trưởng xanh trong Tỉnh, hạn trong quý 2 năm 2018. TCT-2 tiếp tục triển khai các nhiệm vụ thí điểm tiết kiệm và quản lý năng lượng, đề xuất các mô hình tốt về tiết kiệm năng lượng để tuyên truyền, phổ biến cho công chúng và doanh nghiệp, đóng góp cho hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. TCT-3 nhanh chóng hoàn thiện bộ tiêu chí và quy trình thẩm định của CBX, sớm triển khai trao nhân sinh thái cho các tàu du lịch đủ điều kiện vào tháng 6 năm 2018. TCT-3 hoàn thiện hai hành trình khám phá DLST trên đảo Quan Lan, huyện Vân Đồn để quảng bá trong mùa du lịch năm 2018. TCT-4: UBND thành phố Hạ Long khẩn trương bố trí tiếp nhận cho lắp thiết bị nhà vệ sinh sinh học trên tàu du lịch trong khuôn khổ hoạt động Dự án theo quy định hiện hành để đánh giá hiệu quả của việc áp dụng công nghệ tiên tiến của Nhật Bản xử lý môi trường liên quan đến chất thải từ tàu du lịch. TCT-5: DPI chủ động hoàn thiện dự thảo Sách trắng, cập nhật thông tin môi trường do các sở, ngành và địa phương liên quan cung cấp, nhằm mục tiêu xuất bản Sách trắng trong tháng 5 năm 2018. Hợp tác với tỉnh Shiga: Đề nghị tỉnh Shiga hỗ trợ Đại học Hạ Long về nguồn nhân lực, trang thiết bị và chia sẻ kinh nghiệm. |

Nội dung kết luận trọng yếu căn cứ Thông báo (số 97/ UBND-MT, 2017) của UBND tỉnh Quảng Ninh gửi Văn phòng JICA Việt Nam.

Nguồn: JET

Bảng 3.1-5 Tóm tắt cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án lần thứ tư

| Mục | Nội dung |
|--------------|---|
| Ngày | 17/1/2019 |
| Địa điểm | Phòng họp UBND tỉnh |
| Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> Chia sẻ tiến độ và kết quả đạt được của Dự án; xin ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo (BCĐ) về phương hướng và quy trình thể chế hóa các cơ chế cho tới thời điểm kết thúc Dự án (tháng 10/2019); đề xuất các hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của các tổ công tác giai đoạn sau khi hoàn thành Dự án, Thảo luận các chủ đề ưu tiên trong hoạt động hợp tác theo tinh thần Biên bản ghi nhớ đã ký giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga Đoàn cố vấn tỉnh Shiga chia sẻ ý kiến tham mưu và quan điểm của tỉnh Shiga |
| Chương trình | <ol style="list-style-type: none"> Trưởng ban chỉ đạo Dự án phát biểu khai mạc JICA hội sở phát biểu <p>Phần I. Báo cáo tiến độ thực hiện và nhiệm vụ hoạt động tiếp theo của các Tổ công tác</p> <ol style="list-style-type: none"> Báo cáo về kết quả hoạt động quản lý và tiết kiệm hiệu quả năng lượng Báo cáo về tăng cường chức năng của Cơ quan Tiếp thị Điểm đến; hoạt động thúc đẩy Du lịch sinh thái trên đảo Quan Lan; cấp Giấy Chứng nhận nhân Cảnh buồm xanh cho tàu thủy Báo cáo về hoạt động tăng cường giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp từ tàu thuyền du lịch và hoạt động tăng cường nông nghiệp bền vững và nông nghiệp xanh theo Nghị quyết mới trong lĩnh vực Nông nghiệp. Báo cáo về việc xuất bản và phát hành Sách trắng tăng trưởng xanh hằng năm. Báo cáo đề xuất cơ chế tài chính hoạt động Tăng trưởng xanh được dự kiến lồng ghép các tiêu chí |

| Mục | Nội dung |
|---|--|
| | <p>và chính sách hỗ trợ các dự án Tăng trưởng xanh vào các Nghị quyết đang được dự thảo trong lĩnh vực Nông nghiệp, lĩnh vực Công nghiệp và lĩnh vực Du lịch.</p> <p>6. Phát biểu của chuyên gia JICA Speech from JET</p> <p>Phần II. Các nội dung đề xuất ưu tiên hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Báo cáo kết quả cuộc họp kỹ thuật về hợp tác tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh (sáng 17/1/2019) 2. Báo cáo về tình hình triển khai Trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long 3. Thảo luận 4. Tỉnh Shiga tham gia ý kiến 5. JICA hội sở tham gia ý kiến 6. Trưởng Ban chỉ đạo dự án phát biểu kết luận và bế mạc hội nghị |
| Thành phần | Thành viên BCĐ Dự án, Ban QLDA, Tổ trưởng và cán bộ đầu mối của các Tổ công tác, đại diện của UBND các địa phương, đoàn cố vấn tỉnh Shiga, trụ sở chính của JICA và văn phòng JICA Việt Nam. |
| Báo cáo và thảo luận những nội dung chính | <ul style="list-style-type: none"> • TCT-1: TCT-1 hoàn thiện nội dung đề xuất sửa đổi bổ sung quy chế hoạt động Quỹ BVMT và báo cáo UBND tỉnh. NCT rà soát các cơ chế và tổ chức tham quan học tập kinh nghiệm tỉnh bạn để xây dựng cơ chế tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh. Sở KH&ĐT đã có tờ trình đề xuất tích hợp vào các cơ chế tài chính của tỉnh các nhiệm vụ và hoạt động tăng trưởng xanh. • TCT-2: TCT-2 hoàn thiện đề xuất tiêu chí giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tỉnh Quảng Ninh và đề xuất xây dựng cơ chế thúc đẩy tăng trưởng xanh. • TCT-3: TCT-3 báo cáo nội dung đào tạo du lịch sinh thái và các hoạt động khác được thực hiện trên đảo Quan Lan. TCT-3 hoàn thiện bộ tiêu chí và quy trình thẩm định Cánh buồm xanh (CBX). TCT-3 bàn giao bản đồ thông tin du lịch và tổ chức hội thảo phát triển du lịch bền vững tỉnh Quảng Ninh. • TCT-4: Đã hoàn thành lắp thiết bị Dự án mua phục vụ cho hoạt động thí điểm của TCT. • TCT-5: Đã xuất bản Sách trắng 2017. Đã tổ chức một loạt các hội thảo phổ biến Sách Trắng. • JET rà soát mốc thời gian của các hạng mục hoạt động chính và đề xuất các bước triển khai thực hiện mục đích của Dự án. • Đại diện tỉnh Shiga tham gia ý kiến tư vấn cho Dự án tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh |
| Nội dung kết luận trọng yếu | <ul style="list-style-type: none"> • TCT-1: Ở giai đoạn hiện tại, chưa thể xây dựng được một chính sách và cơ chế tài chính riêng cho các hoạt động tăng trưởng xanh của Tỉnh. Tuy nhiên, có thể giải quyết theo cách sau: ngân sách tỉnh Quảng Ninh được phân bổ hàng năm thông qua chính sách, cơ chế của từng ngành liên quan như nông nghiệp, khoa học và công nghệ, môi trường, v.v. như vậy có thể lồng ghép vào các chính sách hiện có và đưa vào kế hoạch ngân sách hàng năm cho các khoản chi của hoạt động thường xuyên. • TCT-2: JET và TCT-2 phối hợp chặt chẽ, đề xuất các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào thiết bị tiết kiệm năng lượng. • TCT-3 - Du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn: Liên quan đến hai hành trình khám phá mới, UBND huyện Vân Đồn cần chủ động bố trí ngân sách địa phương đầu tư ban đầu cho thiết bị và cơ sở hạ tầng phục vụ các hoạt động của dự án ngoài những hạng mục được JICA tài trợ. • TCT-3- Cánh buồm xanh: Chương trình cấp nhãn CBX là thực tiễn đầu tiên ở Việt Nam áp dụng cho tàu thủy du lịch thông qua các tiêu chí bảo vệ môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế. Giao UBND thành phố Hạ Long xây dựng lộ trình gắn nhãn cho toàn bộ số lượng tàu hoạt động trên vịnh, phối hợp với Sở Du lịch và Ban QLV nghiên cứu các chính sách khuyến khích như gia hạn thời gian hoạt động và ưu tiên quảng bá cho các tàu du lịch nhằm mục đích động viên, khuyến khích các tàu khác đăng ký xin cấp nhãn. • TCT-4: Hiện thói quen sinh hoạt của người dân và khách du lịch về việc sử dụng nhà vệ sinh sinh học còn khó khăn. Cần có thời gian để cải tiến nhà vệ sinh sinh học thân thiện hơn với người dùng (hệ thống đảo trộn, thiết kế...) • TCT-5: BCĐ đồng ý chủ trương cho xuất bản Sách Trắng hàng năm và thuê chuyên gia tư vấn làm biên tập; các sở, ngành và địa phương liên quan phối hợp cung cấp và xác nhận thông tin làm cơ sở cho nội dung của Sách Trắng.; bổ sung thông tin về tỉnh Shiga và hợp tác giữa tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh trong Sách trắng. • Hợp tác với tỉnh Shiga: Đại học Hạ Long tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo đúng nhiệm vụ và chức năng của Trung tâm nghiên cứu Vịnh Hạ Long nhằm góp phần cải thiện môi trường cũng như bảo tồn hệ sinh thái và đa dạng sinh học của Vịnh Hạ Long. • Đề nghị tỉnh Shiga tiếp tục phối hợp và hỗ trợ về nguồn nhân lực, vật lực và kinh nghiệm cho Đại học Hạ Long trong quá trình hoạt động của Trung tâm nghiên cứu Vịnh Hạ Long. |

Nội dung kết luận trọng yếu căn cứ Thông báo (số 18/ UBND-MT, 2019) của UBND tỉnh Quảng Ninh gửi Văn phòng JICA Việt Nam.

Nguồn: JET

Bảng 3.1-6 Tóm tắt cuộc họp Ban chỉ đạo Dự án lần thứ năm (Tổng kết)

| Mục | Nội dung |
|---|---|
| Ngày | 6/11/2019 |
| Địa điểm | Phòng họp UBND tỉnh |
| Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> Đánh giá, thống nhất về các kết quả đạt được của Dự án, Thống nhất về các khuyến nghị cần triển khai thực hiện cho Giai đoạn sau Dự án, Ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Dự án và UBND tỉnh đối với những hoạt động cần thiết cho Giai đoạn sau Dự án. |
| Chương trình | <ol style="list-style-type: none"> 1. Trưởng ban chỉ đạo Dự án phát biểu khai mạc 2. Đại diện văn phòng JICA Việt Nam phát biểu 3. JET báo cáo về kết quả đạt được và đánh giá tổng thể Dự án và Khuyến nghị cho Giai đoạn sau Dự án 4. Các TCT báo cáo về các kết quả đạt được và các hoạt động thí điểm trong Dự án 5. Thảo luận về phương hướng thúc đẩy Tăng trưởng xanh trong tỉnh Quảng Ninh Giai đoạn sau Dự án 6. JICA hội sở tham gia ý kiến 7. Tuyên bố cam kết, chỉ đạo và kết luận cuộc họp |
| Thành phần | Thành viên BCD Dự án, Ban QLDA, Tổ trưởng và cán bộ đầu mối của các Tổ công tác, đại diện của UBND các địa phương, đoàn cố vấn tỉnh Shiga, trụ sở chính của JICA và văn phòng JICA Việt Nam. |
| Báo cáo và thảo luận những nội dung chính | <ul style="list-style-type: none"> Tất cả các TCT báo cáo kết quả và BCD xác nhận thành tích của các hoạt động thí điểm, trong đó có các cơ chế được thể chế hóa thúc đẩy tăng trưởng xanh thuộc hoạt động từng TCT. JET tóm tắt những thành tựu của Dự án. JET điểm lại những bài học quý giá vận dụng cho nhận rộng hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh và các khuyến nghị cho giai đoạn sau Dự án. |
| Nội dung kết luận trọng yếu | <ul style="list-style-type: none"> UBND tỉnh chỉ đạo tiếp tục chỉ đạo triển khai, nối tiếp các kết quả Dự án đạt được và đồng thời xem xét nhân rộng các mô hình đã thành công cho các địa phương khác trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh tiếp tục triển khai và đẩy mạnh công tác truyền thông, giáo dục và nâng cao nhận thức cho người dân về công tác bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh của Tỉnh. BCĐ giao Sở KH&ĐT chủ động rà soát, tham mưu UBND tỉnh lồng ghép nội dung tăng trưởng xanh vào các văn kiện phục vụ Đại hội lần thứ XV của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh. BCĐ giao Sở KH&ĐT chủ trì, dự thảo Kế hoạch của UBND tỉnh Quảng Ninh để tiếp tục duy trì và triển khai Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn 2020 - 2025. Trên cơ sở đó đề ra kế hoạch hàng năm, danh mục các dự án, nhiệm vụ cụ thể của các sở ngành địa phương liên quan cần triển khai để thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh; Trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt, đề xuất, phân khai kinh phí ngân sách tỉnh hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch đã đề ra. BCĐ đề nghị các sở ngành địa phương liên quan chủ động tiếp tục triển khai các hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh trong giai đoạn mục tiêu sắp tới 2020-2021. Đề nghị JICA khuyến khích các doanh nghiệp Nhật Bản hỗ trợ và giúp đỡ các doanh nghiệp của tỉnh Quảng Ninh phát triển ngành nông nghiệp hoặc kêu gọi, hỗ trợ các doanh nghiệp Nhật Bản đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực nông nghiệp tại tỉnh Quảng Ninh. BCĐ đề nghị JICA và tỉnh Shiga tiếp tục giới thiệu và đưa các thiết bị, công nghệ Nhật Bản về bảo vệ môi trường để thử nghiệm ứng dụng, vận hành trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. BCĐ đề nghị tỉnh Shiga tiếp tục hỗ trợ quản lý và bảo vệ môi trường đối với vịnh Hạ Long - Di sản thiên nhiên thế giới. |

Nội dung kết luận trọng yếu căn cứ Thông báo (số 231/UBND-MT, 2019) của UBND tỉnh Quảng Ninh gửi Văn phòng JICA Việt Nam.

Nguồn: JET

3.1.3 Hội thảo Thúc đẩy tăng trưởng xanh

Bảng sau đây thống kê chương trình và nội dung các cuộc hội thảo thúc đẩy tăng trưởng xanh đã tổ chức trong Dự án. Cuộc hội thảo đầu tiên có tên gọi “Hội thảo phổ biến và thúc đẩy tăng trưởng xanh lần thứ nhất”, giới thiệu với các đại biểu dự hội thảo sơ lược và những tiến độ ban đầu của Dự án và hoạt động hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga của Nhật Bản. Đại diện Bộ KH&ĐT đã

chia sẻ về định hướng thúc đẩy tăng trưởng xanh cấp trung ương, qua đó hướng dẫn hoạt động đề xuất các biện pháp thúc đẩy tăng trưởng xanh ở cấp địa phương. Hội thảo thúc đẩy tăng trưởng xanh lần thứ hai được tổ chức tháng 5 năm 2019. Hội thảo chia sẻ tiến độ các hoạt động thí điểm, đặc biệt là nội dung cải thiện hoạt động của Quỹ BVMT tỉnh Quảng Ninh, các hoạt động thí điểm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, vận hành du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn. Các đại biểu dự hội thảo cùng trao đổi và chia sẻ quan điểm về các hoạt động tỉnh Quảng Ninh nên quan tâm khi thúc đẩy tăng trưởng xanh.

Bảng 3.1-7 Tóm tắt nội dung Hội thảo phổ biến và thúc đẩy Tăng trưởng xanh lần thứ nhất

| Mục | Nội dung |
|-----------------------|--|
| Ngày | 18/4/2018 |
| Địa điểm | Hội trường B, Trung tâm hội nghị tỉnh |
| Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> • Chia sẻ về chính sách Tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh; • Chia sẻ nội dung Dự án Hợp tác kỹ thuật của JICA Thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, trong đó có đề cập đến những kết quả thực hiện đến thời điểm giữa kỳ và dự kiến các kết quả kết thúc Dự án; • Tiếp thu ý kiến về áp dụng nội dung phù hợp của Mô hình Hồ Biwa cho Khu vực vịnh Hạ Long; • Giới thiệu hoạt động hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga; • Giới thiệu tiến độ thực hiện các hoạt động tăng trưởng xanh cấp quốc gia; • Chia sẻ và thảo luận giữa các bên liên quan đến Dự án. |
| Chương trình | <ol style="list-style-type: none"> 1. Ban QLDA khai mạc hội thảo 2. Ban QLDA giới thiệu về Chính sách Tăng trưởng xanh của tỉnh QN và dự án Hợp tác kỹ thuật của JICA để thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long. 3. JET báo cáo kết quả đạt được vào thời điểm giữa kỳ của dự án Hợp tác Kỹ thuật của JICA và dự kiến các kết quả cuối cùng khi kết thúc Dự án 4. Vận dụng phù hợp Mô hình Hồ Biwa ở Khu vực vịnh Hạ Long và sự phối hợp giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga 5. Tình hình thực hiện các hoạt động Tăng trưởng xanh tại tuyến quốc gia 6. Trao đổi ý kiến 7. JICA hội sở tham gia ý kiến 8. Ban QLDA kết luận và bế mạc hội thảo |
| Thành phần | Thành viên BCD Dự án, Ban QLDA, Tổ trưởng và cán bộ đầu mối của các Tổ công tác, đại diện của UBND các địa phương, Ban DLSTCD, đại diện Đại học Hạ Long, Bộ KH&ĐT, đoàn cố vấn tỉnh Shiga, trụ sở chính của JICA và văn phòng JICA Việt Nam, JET và cơ quan truyền thông. |
| Ý kiến tham gia chính | <p>Ý kiến của ông Hồ Quang Huy-Phó chủ tịch UBND thành phố Hạ Long:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tiến độ lắp đặt nhà vệ sinh sinh học chậm hơn so với kế hoạch do thủ tục đăng ký với Trung tâm Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng và an toàn Việt Nam mất nhiều thời gian. • Tháng 1 năm 2017, nhiệm vụ quản lý tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long được tỉnh giao cho UBND thành phố Hạ Long thay cho Sở Giao Thông. Liên quan đến chứng nhận CBX, cần bổ sung thêm một thành viên từ UBND thành phố Hạ Long vào TCT-3. UBND thành phố Hạ Long đã có công văn chính thức tới Ban QLDA đề xuất bổ sung ông Hoàng Vinh Hà, Phòng quản lý đô thị vào danh sách TCT-3. <p>Ý kiến của bà Nguyễn Thị Minh Hiền, Bộ KH & ĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Bà Hiền gợi ý Dự án tăng trưởng xanh nên có các hoạt động hợp tác chia sẻ với các tỉnh khác để đẩy mạnh phổ biến khái niệm mới về tăng trưởng xanh ở Việt Nam. Bộ KH & ĐT sẽ cố gắng hết sức để hỗ trợ về mặt kỹ thuật và tài chính cho nhiệm vụ tăng trưởng xanh và ứng phó với biến đổi khí hậu. <p>Ý kiến của ông Phạm Quang Thái -Phó Giám đốc Sở Công Thương</p> <ul style="list-style-type: none"> • Ông Thái chia sẻ mối quan ngại về giải pháp xử lý nước thải cho Vịnh Hạ Long và đề xuất Dự án tăng trưởng xanh xem xét hỗ trợ các giải pháp tiếp cận Quỹ Khí hậu xanh, là nguồn tài chính tiềm năng cho hoạt động TCT-2. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng 3.1-8 Tóm tắt nội dung Hội thảo thúc đẩy Tăng trưởng xanh lần thứ hai

| Mục | Nội dung |
|-----------------------|--|
| Ngày | 30 Mayıs 2019 |
| Địa điểm | Khách sạn Halong Plaza |
| Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> Chia sẻ kết quả thực hiện Dự án hợp tác kỹ thuật của JICA về Thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long; Kế hoạch triển khai các hoạt động giai đoạn sau dự án; Chia sẻ kinh nghiệm triển khai các dự án TTX do các cơ quan hợp tác quốc tế tài trợ ở Việt Nam; Hoạt động hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga trong khuôn khổ Biên bản ghi nhớ Hợp tác kinh tế và Môi trường, kế hoạch triển khai hợp tác trong thời gian tới. |
| Chương trình | <ol style="list-style-type: none"> Ban QLDA tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu Phát biểu khai mạc <p>Phần I. Chia sẻ kinh nghiệm triển khai các dự án Tăng trưởng xanh do các cơ quan hợp tác quốc tế tài trợ ở Việt Nam</p> <ol style="list-style-type: none"> JET chia sẻ kết quả đạt được của Dự án HTKT của JICA về thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long Kết quả hoạt động thí điểm Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long do JICA tài trợ <ol style="list-style-type: none"> TCT-1: Chia sẻ thông tin về Hoạt động cải thiện Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh TCT-2: Chia sẻ hoạt động thử nghiệm trong năm 2019 đối với 6 chương trình A-F đã thiết kế trong năm thứ 2 của Dự án về Tiết kiệm năng lượng và hiệu quả năng lượng TCT-3: Hoạt động 2 Hành trình khám phá trên đảo Quan Lạn được thiết kế trong quá trình thực hiện hoạt động thí điểm của TCT-3 về Du lịch bền vững/Du lịch sinh thái Viện Tăng trưởng xanh toàn cầu tại Việt Nam (GGGI) chia sẻ xu hướng thúc đẩy tăng trưởng xanh tại Việt Nam và tại các nước lân cận Các bộ ngành trung ương, địa phương chia sẻ hoạt động Tăng trưởng xanh cấp TW và ở các tỉnh bạn <ol style="list-style-type: none"> Bộ KH&ĐT trình bày về hoạt động tăng trưởng xanh cấp TU tại Việt Nam Bộ GT-VT chia sẻ kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh của Bộ giao thông Vận Tải giai đoạn 2016-2020 Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chia sẻ hoạt động Tăng trưởng xanh tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu thông qua dự án phát triển kinh tế dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh BR-VT do JICA tài trợ. Y kiến thảo luận của đại diện Bộ Xây dựng Tiếp thu ý kiến và tổng hợp <p>Phần II. Hợp tác phát triển kinh tế và Môi trường giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga, Nhật Bản</p> <ol style="list-style-type: none"> Hoạt động hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga trong khuôn khổ Biên bản ghi nhớ Hợp tác kinh tế và Môi trường, kế hoạch triển khai hợp tác trong gian đoạn tới JICA Việt Nam tham gia ý kiến Trao đổi ý kiến Phó chủ tịch thường trực/Trưởng Ban chỉ đạo dự án phát biểu kết luận và bế mạc hội nghị |
| Thành phần | Thành viên BCĐ Dự án, Ban QLDA, Tổ trưởng và cán bộ đầu mối của các Tổ công tác, đại diện của UBND các địa phương, Ban DLSTCĐ, đại diện Đại học Hạ Long, Bộ KH&ĐT, đoàn cố vấn tỉnh Shiga, trụ sở chính của JICA và văn phòng JICA Việt Nam, JET và cơ quan truyền thông. |
| Ý kiến tham gia chính | <p>Nhận xét của ông Đặng Huy Hậu, Phó chủ tịch thường trực tỉnh Quảng Ninh, Trưởng ban chỉ đạo dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> Truyền thông và nâng cao nhận thức là những yếu tố rất quan trọng. Mặc dù Quảng Ninh chưa xây dựng các cơ chế riêng cho tăng trưởng xanh, nhưng tăng trưởng xanh đã được phân bổ một khoản ngân sách lớn phục vụ dự án này. Sau khi hoàn thành, Dự án vẫn tiếp tục được triển khai và nhân rộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Tuy nhiên, tỉnh rất cần sự trợ giúp của các chuyên gia Nhật Bản cho đến khi tỉnh đủ mạnh. Ông Đặng Huy Hậu đề nghị các bộ ngành trung ương quan tâm khuyến nghị với Chính phủ những chính sách tăng trưởng xanh mạnh mẽ hơn nữa. Trung tâm nghiên cứu môi trường Vịnh Hạ Long dự kiến sẽ phát triển chức năng và nguồn lực của mình để hướng tới thành lập Viện nghiên cứu môi trường Vịnh Hạ Long như ở tỉnh Shiga. Đề nghị tỉnh Shiga hỗ trợ chuyển giao công nghệ cho Trung tâm nghiên cứu môi trường Vịnh Hạ Long. <p>Nhận xét của Ông Murooka Naomichi, phó trưởng đại diện JICA Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> Ông đánh giá cao tỉnh Quảng Ninh về cam kết tiếp tục xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh, qua đó phản ánh bức tranh tổng quan về chất lượng môi trường và các hoạt động tăng trưởng xanh triển khai trên địa bàn tỉnh. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Hội thảo thúc đẩy Tăng trưởng xanh lần thứ nhất

Hội thảo thúc đẩy Tăng trưởng xanh lần thứ hai

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.1-1 Quang cảnh các cuộc Hội thảo thúc đẩy tăng trưởng xanh

3.1.4 Hội nghị tổng kết Dự án

Hội nghị Tổng kết Dự án tổ chức tháng Mười Một 2019 đã chia sẻ những bài học kinh nghiệm, kết quả cuối cùng của Dự án và công bố định hướng tiếp tục thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh. Tham dự Hội nghị có sự các đại biểu từ các sở ban ngành địa phương trực thuộc tỉnh, Bộ KH&ĐT, trường ĐH Hạ Long, sở KH&ĐT các tỉnh thành trên cả nước, khu vực tư nhân, JICA và tỉnh Shiga, Nhật Bản. Bảng sau tóm tắt chương trình và nội dung hội nghị. Các đại biểu tham dự hội nghị đánh giá rất cao những kết quả nổi bật của Dự án và tầm quan trọng của hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh, đó chính là nền tảng thiết lập một xã hội bền vững, đạt kết quả tích cực cả về tăng trưởng kinh tế và bảo tồn môi trường. Đồng chí Đặng Huy Hậu, phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh, Trưởng ban chỉ đạo Dự án đã nhấn mạnh kết luận cần tiếp tục triển khai thực hiện chính sách tăng trưởng xanh giai đoạn sau Dự án thông qua những nội dung khuyến nghị do Dự án lập. Ông cũng gợi ý nên lồng ghép nguyên tắc tăng trưởng xanh vào “Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2045” mà UBND tỉnh Quảng Ninh đã bắt đầu triển khai xây dựng từ tháng Mười Một năm 2019. Ngoài ra, UBND tỉnh Quảng Ninh đã khen thưởng các tập thể, cá nhân, trong đó có Ban QLDA, tổ trưởng các TCT và JET về nỗ lực xuất sắc tham gia Dự án. Hội nghị kết thúc với nghi lễ đánh dấu hoạt động hợp tác liên tục giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga trong lĩnh vực tăng trưởng xanh giai đoạn sau Dự án.

Bảng 3.1-9 Tóm tắt Chương trình Hội nghị tổng kết Dự án

| Mục | Nội dung |
|--------------|--|
| Ngày | 8/11/2019 |
| Địa điểm | Khách sạn Mừng Thanh |
| Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> Chia sẻ kinh nghiệm và các kết quả đạt được của Dự án Công bố về định hướng thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh Giới thiệu hoạt động hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga trong thời gian tới. |
| Chương trình | <ol style="list-style-type: none"> Ban Quản lý Dự án giới thiệu, tuyên bố lý do hội nghị Phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh, Trưởng ban chỉ đạo Dự án phát biểu khai mạc Kết quả thực hiện Dự án và nội dung khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án Chủ đề cụ thể <ol style="list-style-type: none"> Bộ KH&ĐT Giấy chứng nhận cánh buồm xanh và Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả MPI, Thảo luận |

| Mục | Nội dung |
|-----------------------|---|
| | <p>6. Phát biểu của đại diện Văn phòng Trụ sở JICA</p> <p>7. PCT thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh, Trưởng Ban chỉ đạo Dự án chỉ đạo định hướng giai đoạn sau dự án</p> <p>8. Kết quả hoạt động hợp tác và tương lai hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga</p> <p>9. Giới thiệu các công nghệ mới nhất đóng góp cho thành tựu tăng trưởng xanh</p> <p>10. Đại diện JICA Việt nam phát biểu ý kiến</p> <p>11. Kết luận, bế mạc Hội nghị và Khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong quá trình thực thi dự án</p> <p>12. Nghi lễ đánh dấu hoạt động hợp tác liên tục giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga.</p> |
| Thành phần | <p>Thành viên BCĐ Dự án, Ban QLDA, Tổ trưởng và cán bộ đầu mối của các Tổ công tác, đại diện của UBND các địa phương, Ban DLSTCĐ, đại diện Đại học Hạ Long, Bộ KH&ĐT, Bộ TN&MT, Quỹ BVMT Việt Nam, Sở KH&ĐT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Đại học Việt – Nhật, Đại học Hà Nội, đoàn cố vấn tỉnh Shiga, trụ sở chính của JICA và văn phòng JICA Việt Nam, JET và cơ quan truyền thông.</p> |
| Ý kiến tham gia chính | <p><u>Ý kiến của ông Nguyễn Tuấn Anh, Phòng Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên & Môi trường, Bộ KH&ĐT:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung báo cáo thành tựu của Dự án về thể chế hóa sáu chính sách đã được phê duyệt của UBND tỉnh Quảng Ninh. Đây là những thành tựu rất quan trọng và có ý nghĩa. - Từ phía Bộ KH & ĐT, ông cam kết hỗ trợ và đồng hành cùng với Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Ninh và các cơ quan, đơn vị liên quan khác, trong việc tích hợp và đưa các khuyến nghị của Dự án vào thực tiễn. - Trong giai đoạn tới, Bộ KH & ĐT sẽ tiếp tục thành tích hoạt động tăng trưởng xanh của các tỉnh và triển khai tiếp tục cập nhật, sửa đổi và bổ sung chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn 2021 - 2030. Sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các cấp bộ trung ương sẽ chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện. - Ông đồng ý với các khuyến nghị do Dự án xây dựng và đề nghị lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh quan tâm tới nhiệm vụ tăng trưởng xanh, lồng ghép các mục tiêu tăng trưởng xanh, biến đổi khí hậu v.v vào quy hoạch tỉnh. - Bộ cam kết phối hợp, hỗ trợ và đồng hành với Sở KH&ĐT Quảng Ninh ở các chương trình hoạt động trong thời gian tới. <p><u>Ý kiến của bà Nguyễn Thị Trang, Cục biến đổi khí hậu, Bộ TNMT:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành tựu của dự án đặc biệt liên quan đến hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả sẽ góp phần to lớn giải quyết các vấn đề về biến đổi khí hậu. - Trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, tỉnh Quảng Ninh đã đặt tỷ trọng cao cho ngành dịch vụ du lịch trong cơ cấu nền kinh tế. Đây là những chính sách sẽ giúp Việt Nam thực hiện giảm phát thải khí nhà kính. - Các kết quả mà Dự án đạt được sẽ là những điển hình tham khảo cho Quảng Ninh và các bộ, ngành trung ương khi xây dựng thể chế và chính sách biến đổi khí hậu cho các tỉnh giai đoạn 2021 - 2025. <p><u>Ý kiến của Quỹ Bảo vệ môi trường Việt nam:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Bốn thành tích TCT-1 đạt được là rất hiệu quả - Đặc biệt, thành công của TCT-1 là cơ chế hỗ trợ của Quỹ BVMT cho các dự án khu vực công. Thực tế có những lúc không huy động ngay được ngân sách nhà nước phân bổ cho các dự án hỗ trợ từ Quỹ BVMT và điều đó phải căn cứ kế hoạch phân bổ năm. VNEPF sẽ nghiên cứu cơ chế TCT đã thành công và tham khảo bài học kinh nghiệm hữu ích này. - Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 114/QĐ-UBND cho Quỹ BVMT. - TCT-1 cũng đẩy mạnh hoạt động quảng bá hình ảnh Quỹ BVMT thông qua hoạt động tổ chức các hội thảo, trong đó có cả hội thảo tổ chức cho đối tượng là VINACOMIN. <p><u>Ý kiến của ông Hải, Phó Giám đốc Sở TN&MT tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỉnh BRVT đã và đang chuẩn bị một đề xuất JICA hỗ trợ Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh. Nếu tiến trình diễn ra suôn sẻ, đề xuất dự án sẽ được Chính phủ Nhật Bản phê duyệt vào tháng 3 năm 2020 và tỉnh BRVT sẽ bắt đầu thực hiện dự án, tương tự như Dự án tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh. - Khi chuẩn bị đề xuất dự án, tỉnh BR-VT đã tham khảo những bài học kinh nghiệm từ tỉnh Quảng Ninh. - Dự án này đã đạt được những kết quả quan trọng là tiền đề để Quảng Ninh thực hiện các bước tăng trưởng xanh tiếp theo cho sự phát triển kinh tế của tỉnh cũng như cho Việt Nam. - Sẽ tốt hơn nếu Dự án tiến hành đánh giá tình trạng môi trường trước khi Dự án bắt đầu, để khi Dự án kết thúc, chúng ta có thể so sánh. Chẳng hạn như so sánh chất lượng nước hoặc kiểm soát ô nhiễm, trước và sau Dự án. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: JET

Hình 3.1-2 Quang cảnh hội nghị tổng kết Dự án

3.1.5 Hợp giao ban

Ban QLDA và Nhóm Chuyên gia JICA (JET) thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để trao đổi, bàn bạc về các nội dung hoạt động thường nhật của Dự án. Ban QLDA và JET cùng chia sẻ tiến độ hoạt động của các TCT, các mốc thời gian quan trọng, các vấn đề nổi cộm và hướng giải quyết. Ngoài ra, thành viên của JET phụ trách từng hoạt động thí điểm cũng chủ động thảo luận với Ban QLDA khi có vấn đề phát sinh. Bảng sau đây thống kê các cuộc họp giao ban:

Bảng 3.1-10 Tóm Các cuộc họp giao ban với Ban QLDA

| STT | Ngày | Nội dung thảo luận chính | STT | Ngày | Nội dung thảo luận chính |
|-----|-----------|--|-----|-----------|--|
| 1 | 23/2/2017 | Kế hoạch trong thời gian tới của từng TCT; Nộp báo cáo Khởi động | 20 | 8/11/2017 | Họp BCD lần thứ hai; Khả năng tham gia của Ban Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư (IPA) trong Dự án |
| 2 | 6/3/2017 | Tiến độ của từng TCT; Giới thiệu thành viên mới của JET | 21 | 18/1/2018 | Lập Kế hoạch Hoạt động chi tiết 2018 cho từng TCT; Mua sắm thiết bị Bio-toilet |
| 3 | 13/3/2017 | Lịch họp Ban chỉ đạo và chuyển công tác của JICA | 22 | 29/1/2018 | Tăng cường trao đổi thông tin giữa tỉnh QN và tỉnh Shiga dựa trên MOU; Biên bản thảo luận đối với việc sửa đổi PDM và PO; Hội thảo Phổ biến và Thúc đẩy Tăng trưởng xanh; Họp BCD lần thứ 3. |
| 4 | 20/3/2017 | Các bài trình bày trong cuộc họp BCD và lịch đánh giá năng lực | 23 | 9/2/2018 | Các chủ đề cho từng TCT |
| 5 | 27/3/2017 | Mốc thời gian chính đối với từng TCT và đoàn cố vấn tỉnh Shiga | 24 | 29/3/2018 | Kế hoạch Đoàn công tác tỉnh Shiga lần thứ Tư; Nội dung họp BCD lần thứ Ba |
| 6 | 4/4/2017 | Mốc thời gian chính đối với từng TCT | 25 | 11/6/2018 | Thẻ chế hóa hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh trong từng TCT/Hoạt động thí điểm; Đào tạo tại Nhật Bản; Chủ đề cho từng TCT |
| 7 | 11/4/2017 | Mốc thời gian chính đối với từng TCT | 26 | 18/6/2018 | Thẻ chế hóa hoạt động Thúc đẩy tăng trưởng xanh; Xác nhận cơ cấu tổng thể; Các điểm mốc trong tháng 6 và tháng 7; Các chủ đề cho từng TCT. |
| 8 | 17/4/2017 | Mốc thời gian chính đối với từng TCT và các bài trình bày trong cuộc họp BCD | 27 | 6/8/2018 | Nhóm Chuyên trách đối với thẻ chế hóa Thúc đẩy tăng trưởng xanh; Đào tạo tại Nhật Bản; Các điểm mốc trong tháng 12/2018. |
| 9 | 24/4/2017 | Mốc thời gian chính đối với TCT 1, 4 và 5. | 28 | 3/10/2018 | Xây dựng Nghị quyết; Các chủ đề cho từng TCT/Nhóm Chuyên trách; Họp |

| STT | Ngày | Nội dung thảo luận chính | STT | Ngày | Nội dung thảo luận chính |
|-----|-----------|--|-----|------------|--|
| | | | | | BCĐ Dự án (kế hoạch ban đầu cho T11) |
| 10 | 30/5/2017 | Đấu thầu cho hoạt động thầu phụ của TCT-5, Báo cáo kỹ thuật về địa điểm hoạt động du lịch sinh thái của TCT3, Đào tạo tại Nhật Bản | 29 | 26/10/2018 | Lồng ghép các cơ chế đề xuất vào các nghị quyết/quy định hiện có; Các ý tưởng có khả năng thực thi. |
| 11 | 5/6/2017 | Kiểm toán năng lượng mục tiêu cho TCT2, Hội với huyện Văn Đồn cho TCT3 | 30 | 19/11/2018 | Hội BCĐ lần thứ 4; Đoàn cố vấn từ tỉnh Shiga; Thẻ chế hóa các cơ chế thúc đẩy tăng trưởng xanh; Báo cáo Tư vấn đề thể chế hóa các cơ chế thúc đẩy tăng trưởng xanh. |
| 12 | 13/6/2017 | Hội khởi động tại đảo Quan Lạn cho TCT3, Kế hoạch hoạt động bởi nhà thầu phụ cho TCT5 | 31 | 21/1/2019 | Kết luận của cuộc họp BCĐ lần thứ 4 Hội thảo Thúc đẩy tăng trưởng xanh lần thứ 2 và phái đoàn cố vấn từ tỉnh Shiga Báo cáo Tiến độ (2) Thẻ chế hóa các cơ chế thúc đẩy tăng trưởng xanh Các chủ đề của các TCT/Nhóm chuyên trách |
| 13 | 19/6/2017 | Lịch hoạt động dự kiến cho TCT-1 và TCT-4 Kế hoạch đào tạo tại Nhật Bản chi tiết | 32 | 8/4/2019 | Hội thảo Thúc đẩy tăng trưởng xanh lần thứ 2 và phái đoàn cố vấn từ tỉnh Shiga Báo cáo Tiến độ (2) Thẻ chế hóa các cơ chế thúc đẩy tăng trưởng xanh Các chủ đề của các TCT/Nhóm chuyên trách |
| 14 | 26/6/2017 | Hoạt động tại đảo Quan Lạn đối với TCT3 | 33 | 3/6/2019 | Hội thảo Thúc đẩy tăng trưởng xanh lần thứ 2 và phái đoàn tỉnh Shiga Hội BCĐ lần thứ 5 Hỗ trợ của JICA cho giai đoạn sau Dự án Thẻ chế hóa các cơ chế thúc đẩy tăng trưởng xanh Các chủ đề của các TCT/Nhóm chuyên trách |
| 15 | 3/7/2017 | Mốc thời gian chính đối với TCT 1,3,4 và 5. | 34 | 10/6/2019 | Hội BCĐ lần thứ 5 và Hội thảo Kết thúc Dự án Lập Báo cáo Hoàn thành Dự án Hỗ trợ của JICA giai đoạn sau Dự án |
| 16 | 29/7/2017 | Tiến độ tuần của từng TCT | 35 | 9/10/2019 | Đoàn cố vấn từ tỉnh Shiga lần thứ 7 và Trụ sở chính của JICA Lập Báo cáo Dự án Báo cáo Khuyến nghị cho giai đoạn sau Dự án Phản ánh các kết quả của Dự án vào Quy hoạch tỉnh QN |
| 17 | 5/8/2017 | Tiến độ tuần của từng TCT | 36 | 4/11/2019 | Hội Ban chỉ đạo tổng kết Dự án và Hội nghị tổng kết Dự án Trao đổi ý kiến kỹ thuật giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga Trao đổi ý kiến về tương lai hợp tác trong lĩnh vực xử lý nước thải Bàn giao thiết bị |
| 18 | 12/8/2017 | Tiến độ tuần của từng TCT | 37 | 11/11/2019 | Hội Ban chỉ đạo tổng kết Dự án và Hội nghị tổng kết Dự án Bàn giao thiết bị văn phòng JET Biên bản bàn giao trạm ủ phân vi sinh |
| 19 | 18/9/2017 | Giấy mời từ tỉnh Shiga cho Hội chợ Kinh doanh về Hồ Biwa Bài trình bày tại Hội BCĐ và Đoàn công tác tỉnh Shiga | | | |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

3.1.1 Các hoạt động và cuộc họp tổ công tác

Các TCT triển khai và quản lý hoạt động thí điểm. Bảng sau liệt kê các cuộc họp và hoạt động tất các các TCT. Phần Đính kèm của báo cáo này sẽ bao gồm cụ thể các nội dung về ngày, giờ, chủ đề và thành phần các cuộc họp TCT và họp Ban DLSTCD.

Bảng 3.1-11 Danh mục các cuộc họp và hoạt động của các TCT

| TCT | Hoạt động | Chủ đề chính | Số lượng |
|-------|---|--|------------------------------|
| TCT-1 | Họp TCT-1 | Các chủ đề tổng thể liên quan đến Các chủ đề tổng quát liên quan đến hoạt động thí điểm thuộc TCT-1 | 11 cuộc họp |
| | Họp Nhóm chuyên trách | Các chủ đề tổng quát liên quan đến hoạt động thí điểm thuộc Nhóm chuyên trách | 8 cuộc họp |
| | Họp với Bộ KH&ĐT | Chiến lược quốc gia hoặc gợi ý của Bộ KH&ĐT về cơ chế tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh, v.v.. | 1 cuộc họp |
| | Chuyến đi thực tế tại các tỉnh phía Nam | - Họp với Sở KH&ĐT tỉnh Đồng Nai và Bình Dương - Thăm nhà máy nước Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai | 1 meeting |
| TCT-2 | Họp TCT-2 | Các chủ đề tổng quát liên quan đến hoạt động thí điểm thuộc TCT-2 | 16 cuộc họp |
| | Các sự kiện thí điểm các chương trình thuộc TCT-2 | - Chương trình E: hội nghị tập huấn nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý nhà nước về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả - Chương trình D: Lễ trao giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | 2 sự kiện |
| TCT-3 | Họp TCT-3 | Các chủ đề tổng quát liên quan đến hoạt động thí điểm thuộc TCT-3 | 32 cuộc họp |
| | Chương trình đào tạo và hội thảo PPP | - Đào tạo Marketing sử dụng trang mạng xã hội - Hội thảo PPP | 8 Chương trình/cuộc hội thảo |
| | Các hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch của TCT-3 | Sự kiện, FAM trip, chuyến tour báo chí, v.v... | 5 hoạt động |
| | Các cuộc họp Ban Du lịch sinh thái cộng đồng (CBET) | Xây dựng và quảng bá xúc tiến du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn | 28 cuộc hội thảo |
| | Chương trình đào tạo | - Hướng dẫn tại điểm, marketing du lịch - Kỹ năng giao tiếp và ứng xử văn minh trong hoạt động du lịch - Tiếng Anh giao tiếp | 4 Chương trình |
| | FAM trip | FAM trip tại Quan Lan | 1 chuyến |
| | Lễ trao Giấy chứng nhận Cánh buồm xanh (CBX) | Lễ trao giấy chứng nhận Cánh buồm xanh | 2 đợt |
| TCT-4 | Họp TCT-4 | Các chủ đề tổng quát liên quan đến hoạt động thí điểm thuộc TCT-4 | 24 cuộc họp |
| | Hội thảo | Phổ biến mô hình tái chế chất thải hữu cơ và sản xuất thực phẩm an toàn | 1 cuộc hội thảo |
| TCT-5 | Họp TCT-5 | Các chủ đề tổng quát liên quan đến hoạt động thí điểm thuộc TCT-5 | 20 cuộc họp |
| TCT-5 | Hoạt động nâng cao nhận thức | Hoạt động nâng cao nhận thức cho đối tượng là người dân địa phương, học sinh phổ thông, cán bộ quản lý nhà nước và VINACOMIN sử dụng Sách trắng tăng trưởng xanh | 7 cuộc |

Nguồn: JET

3.2 Hoạt động thí điểm và Kết quả đạt được

3.2.1 Tổ công tác số 1: Cơ chế ngân sách và Cơ chế tài chính

(1) Hoạt động của Đầu ra 2 (Các hoạt động 2.1, 2.5 và 2.6)

Ma trận Thiết kế Dự án (PDM) xác định Đầu ra 2 và các hoạt động như sau:

Xây dựng và thực hiện thí điểm các chính sách bền vững về môi trường và tài chính cho các ngành trọng điểm lựa chọn.

TCT-1 về cơ chế ngân sách và cơ chế tài chính liên quan tới Hoạt động số 2.1, 2.5 và 2.6 thuộc Đầu ra 2 như sau:

- | | |
|-----|---|
| 2.1 | Thực hiện và theo dõi những hoạt động thí điểm về tăng cường các quỹ và cơ chế tài chính của tỉnh phục vụ công tác quản lý môi trường và tăng trưởng xanh. |
| 2.5 | Hàng năm, thực hiện tóm tắt kết quả và tiến độ của các hoạt động từ 2-1 đến 2-4 và kết hợp các thông tin vào Sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, được lập trong Đầu ra -1. |
| 2.6 | Căn cứ Đầu ra và tiến độ các hoạt động 2-1 đến 2-4, xây dựng và lập thành văn bản những quy định, cơ chế và tổ chức để tiếp tục và mở rộng các hoạt động quản lý môi trường trong các ngành trọng điểm đã chọn và bắt đầu tiến trình phê duyệt bởi tỉnh Quảng Ninh. |

Sau đây là nội dung cụ thể các hoạt động đã được triển khai căn cứ nhiệm vụ nêu chi tiết trong Kế hoạch thực thi (PO):

1) **Hoạt động 2.1: Thực hiện và theo dõi những hoạt động thí điểm về tăng cường các quỹ và cơ chế tài chính của tỉnh phục vụ công tác quản lý môi trường và tăng trưởng xanh**

Để thúc đẩy tăng trưởng xanh, việc tăng cường cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh là rất quan trọng, đặc biệt là nhằm mở rộng hỗ trợ tài chính cần thiết của Tỉnh. Với mục đích này, TCT-1 đã tập trung vào hai thành phần của hoạt động thí điểm, bao gồm 1) Cải thiện Quỹ Bảo vệ Môi trường tỉnh (Quỹ BVMT) và 2) Xây dựng cơ chế tài chính để thúc đẩy tăng trưởng xanh. Sở TN&MT thuộc TCT-1 phụ trách nội dung thuộc thành phần thứ nhất và Nhóm Chuyên trách (Taskforce) được thành lập thuộc TCT-1 phụ trách nội dung thành phần thứ hai nêu trên. Kết quả các hoạt động thành phần như sau:

(a) **Hoạt động 2.1.1: Tính chất sẵn sàng về mặt thể chế và tài chính cho hoạt động thí điểm**

Các thành viên của TCT-1 được cử tham gia tổ công tác từ tháng 2 năm 2017. Tỉnh đã bố trí ngân sách đối ứng cho các hoạt động của TCT-1.

(b) **Hoạt động 2.1.2: Lựa chọn cơ sở tham gia hoạt động tăng cường cơ chế cấp ngân sách**

Liên quan đến hoạt động thành phần tăng cường hệ thống cấp ngân sách hiện tại, có hai quỹ được đưa vào cân nhắc, đó là Quỹ Bảo vệ Môi trường (Quỹ BVMT) và Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ (Quỹ PTKH-CN). Trên cơ sở Quỹ PTKH-CN xác nhận đã thực hiện một số dự án vốn vay và đáp ứng đủ cho các doanh nghiệp có nhu cầu vay, TCT-1 đã quyết định hoạt động chỉ tập trung vào

Quỹ BVMT với hai nội dung sau đây nhằm khai thác Quỹ hiệu quả hơn, phục vụ các dự án cần được hỗ trợ tài chính cải thiện hiệu quả môi trường của doanh nghiệp:

- Áp dụng lãi suất ưu đãi vốn vay Quỹ BVMT cho các hồ sơ vay vốn đủ điều kiện, xác định các khó khăn hoặc vướng mắc của chương trình cho vay vốn của Quỹ BVMT hiện tại, và
- Đẩy mạnh quảng bá Quỹ thông qua phát hành Thư ngỏ tới tất cả các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, thu hút nhiều hơn nữa các hồ sơ mới, xin vay vốn Quỹ.

Bước đầu tiên, các cơ sở ứng viên xin vay vốn Quỹ được chọn, trải qua bước xem xét hồ sơ vay vốn về mức độ cần thiết của hoạt động cải thiện đề xuất, tầm quan trọng của ngành, ý định của chủ doanh nghiệp trong việc xin vay vốn và cải thiện quản lý môi trường, góp phần vào nâng cao nhận thức cho các doanh nghiệp tại địa phương khác học tập theo, v.v... Từ kinh nghiệm nghiên cứu tính khả thi của hồ sơ vay vốn Quỹ, TCT-1 đã xác định những vấn đề và khó khăn sau đây của Quỹ BVMT hiện tại:

- Một doanh nghiệp không có tài sản thế chấp sẽ không được chấp nhận vay vốn từ Quỹ BVMT. Doanh nghiệp đó cần phải tìm một tổ chức tài chính nào đó để bảo lãnh vốn vay hoặc họ phải xin bảo lãnh tín dụng công, nhưng tỉnh chưa có các cơ chế hỗ trợ như vậy.
- Các chợ địa phương trong tỉnh được đưa vào danh sách các ứng viên cần vay vốn Quỹ do thực tế ở một số chợ, hệ thống thoát nước, xử lý nước thải, hệ thống vệ sinh vận hành không hiệu quả và cần được cải thiện. Tuy nhiên, theo quy định, không được áp dụng vốn vay Quỹ BVMT tỉnh cho các công trình công cộng thuộc sự quản lý của chính quyền cấp huyện và rất khó xin cấp ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ cải thiện này. Như vậy, hiện chưa có nguồn tài chính cải thiện điều kiện môi trường của các chợ địa phương.

Đồng thời, TCT-1 vẫn tiếp tục hoạt động thúc đẩy Quỹ BVMT tỉnh để tìm kiếm thêm ứng viên xin vay vốn Quỹ. TCT-1 đã soạn và phát hành “Thư ngỏ” để quảng bá cho Quỹ BVMT tới khoảng 1.000 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và thu hút được trên mười đơn vị tiềm năng xin vay vốn, trong đó năm 2018, có hai đơn vị đã được duyệt vay vốn từ Quỹ với lãi suất ưu đãi. Quỹ BVMT đã thành công trong việc giải ngân cho dự án mua xe tưới đường đập bụi ở mỏ khai thác than (Hình 3.2-1) và một dự án xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn tại thành phố Móng Cái và huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh.



Nguồn: Sở TN&MT tỉnh Quảng Ninh

Hình 3.2-1 Ảnh chụp xe tưới đường mua từ nguồn vốn vay lãi suất ưu đãi của Quỹ BVMT

(c) **Hoạt động 2.1.3: Hỗ trợ các cơ sở mục tiêu hoàn thiện hồ sơ vay vốn từ quỹ hiện có do Sở TN&MT quản lý, v.v...**

TCT-1 và Sở TN&MT đã hướng dẫn các doanh nghiệp mục tiêu hoàn thiện hồ sơ xin vay vốn Quỹ.

(d) **Hoạt động 2.1.4: Giới thiệu công nghệ tiên tiến để quản lý tốt hơn theo kinh nghiệm của Nhật Bản**

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, các doanh nghiệp tỉnh Shiga đã tổ chức một hội thảo kỹ thuật giới thiệu các công nghệ Nhật Bản. Bốn doanh nghiệp Nhật Bản bao gồm Công ty TNHH Chodai, Công ty TNHH Giải pháp sinh học Kobelco, Công ty TNHH Hóa chất Sekisui và Tập đoàn Vantech đã giới thiệu về các dịch vụ và/hoặc sản phẩm của công ty, nhấn mạnh khả năng có thể vận dụng các dịch vụ/sản phẩm đó cho hoạt động bảo tồn quản lý môi trường nước vịnh Hạ Long. Tham dự hội thảo gồm 28 cán bộ từ các sở, ban ngành và UBND các địa phương và trường Đại học Hạ Long.

(e) **Hoạt động 2.1.5 : Cung cấp chính sách hành chính về cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính để quản lý hiệu quả hơn nữa đối với các ngành được lựa chọn**

Trong các cuộc họp của Tổ công tác xem xét các cơ chế cấp ngân sách và cơ chế tài chính giải quyết các khó khăn đã xác định đối với Quỹ BVMT và thúc đẩy tăng trưởng xanh, tỉnh Shiga đã chia sẻ những chính sách hành chính và biện pháp của Nhật Bản trong hoạt động bảo tồn Hồ Biwa:

- Chương trình tài trợ bảo tồn môi trường quốc gia, như cho vay vốn thực hiện các biện pháp về năng lượng và môi trường bởi Tập đoàn Tài chính Nhật Bản
- Chương trình bảo lãnh tín dụng công trong đó bên thứ ba – bên bảo lãnh, cam kết hoàn trả một phần hoặc toàn bộ số tiền cho bên cho vay trong trường hợp người vay không trả nợ được.
- Chương trình tài trợ vì môi trường của tỉnh và các chương trình tài trợ khác được tỉnh Shiga giới thiệu, như thuế rừng và yêu cầu quyên góp tài trợ cho những người leo núi Ibuki của tỉnh Shiga.

Thông tin chi tiết tại bảng sau:

Bảng 3.2-1 Một số ví dụ hệ thống cấp ngân sách và tài chính tại Nhật Bản

| Tên | Tổ chức cung cấp hoặc quản lý tài chính | Tóm tắt |
|---|---|---|
| Vốn vay thực hiện các giải pháp Môi trường và Năng lượng | Tập đoàn Tài chính Nhật Bản | <ul style="list-style-type: none">• Tính phù hợp: Các công ty đang có kế hoạch lắp đặt thiết bị hiệu quả năng lượng hoặc thiết bị kiểm soát ô nhiễm đã lựa chọn• Tổng mức vốn vay tối đa: 720 triệu Yên Nhật• Thời hạn vay tối đa: 20 năm đối với đầu tư cho cơ sở/7 năm đối với đầu tư cho hoạt động.• Lãi suất vay: 0.56% (vốn vay 5 năm) – 0.95% (vốn vay 20 năm) |
| Hệ thống Quỹ cấp tài chính để hiện đại hóa các cơ sở kinh doanh nhỏ | Các công ty doanh nghiệp vừa và nhỏ | <ul style="list-style-type: none">• Tính phù hợp: Công ty đang có kế hoạch lắp đặt các phương tiện kiểm soát ô nhiễm• Tổng mức vốn vay tối đa: 40 triệu Yên Nhật• Thời hạn vay tối đa: 12 năm• Lãi suất vay: Không lãi suất |

| Tên | Tổ chức cung cấp hoặc quản lý tài chính | Tóm tắt |
|-----------------------------------|---|---|
| Hệ thống bảo lãnh tín dụng | Tập đoàn Bảo lãnh tín dụng (CGC) | <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống này hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) thông qua việc bảo lãnh nhằm tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các SME vay vốn cần thiết từ các quỹ. Hệ thống này tại Nhật Bản được đặc trưng bởi hai chức năng: <ol style="list-style-type: none"> Chức năng “Bảo lãnh tín dụng” của cho phép CGC đảm bảo cho tổ chức tài chính chống lại những rủi ro liên quan tới các khoản vay cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ và doanh nghiệp siêu nhỏ, Chức năng “Bảo hiểm tín dụng” trong đó Tập đoàn Tài chính Nhật Bản (JFC) được tài trợ bởi quỹ công cộng tái bảo hiểm các khoản bảo lãnh tín dụng này. |
| Hệ thống tài chính tại tỉnh Shiga | Tỉnh Shiga | <ul style="list-style-type: none"> Hệ thống cấp tài chính cho việc xây dựng các cơ sở kiểm soát ô nhiễm (1977 – 1999) Hệ thống cấp tài chính cho việc xây dựng các cơ sở xử lý nước thải của doanh nghiệp vừa và nhỏ (1994-1997) Quỹ Bảo tồn Môi trường Ohmi (2000-2007) |
| Chia sẻ về thuế trong tỉnh | Tỉnh Shiga | <ul style="list-style-type: none"> Thuế bảo vệ rừng và việc trồng rừng trong tỉnh (2006-) Mức thuế: 800 Yên Nhật đối với một người dân trong tỉnh, 2,200–88,000 Yên Nhật đối với một doanh nghiệp |
| Phí vào cửa Núi Ibuki | Shiga Prefecture | <ul style="list-style-type: none"> Núi Ibuki rất đa dạng về sinh học và được chỉ định là một kho báu tự nhiên quốc gia. Tuy nhiên, do số lượng người leo núi tăng lên quá nhiều, núi đã phải chịu đựng nhiều thiệt hại, kể cả việc chân thai đẻ và mưa lớn gần đây. Phí vào cửa đã được thu trên cơ sở tự nguyện và được sử dụng để xây dựng hàng rào bảo vệ thảm thực vật, đường mòn trên núi và nhà vệ sinh công cộng tại núi Ibuki kể từ năm 2014. |

Nguồn: JET và Tập đoàn Bảo lãnh Tín dụng (Hệ thống bảo lãnh tín dụng tại Nhật Bản, 2015)



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-2 Quang cảnh Hội thảo kỹ thuật giới thiệu công nghệ Nhật Bản

(f) Hoạt động 2.1.6: Triển khai quy trình xét duyệt hồ sơ vay vốn

Hai dự án xin vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Quỹ BVMT đã được phê duyệt trong giai đoạn thực hiện hoạt động thí điểm năm 2017 và 2018 như được đề cập ở trên. Ngoài ra, tính đến cuối Dự án, có trên 5 doanh nghiệp đang hoàn thiện hồ sơ vay vốn Quỹ BVMT.

(g) Hoạt động 2.1.7: Xem xét các biện pháp cần thiết tăng cường hệ thống cho vay hiện hành

TCT-1 đã cân nhắc các biện pháp khả thi sau đây có thể vận dụng để mở rộng khả năng khai thác Quỹ Bảo vệ môi trường (Quỹ BVMT) trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề và khó khăn xác định được trong quá trình hoạt động cho tới thời điểm hiện tại, như liệt kê cụ thể tại Bảng 3.2-2 dưới đây. Các biện pháp này đã được đưa vào xem xét thông qua hoạt động “(k) Hoạt động 2.1.11: Lập đề xuất tăng cường hệ thống cấp ngân sách hiện tại”.

Bảng 3.2-2 Các biện pháp cần thiết tăng cường Quỹ BVMT hiện tại

| Xác định những vấn đề và khó khăn đối với Quỹ BVMT hiện nay | Các biện pháp khả thi cần xem xét | Kết quả xem xét |
|---|---|---|
| Quỹ BVMT chưa được các doanh nghiệp khai thác một cách rộng rãi | <ul style="list-style-type: none"> • Phổ biến thông tin về Quỹ BVMT tới các đơn vị xin vay vốn tiềm năng • Thăm dò các đơn vị xin vay vốn tiềm năng của Quỹ BVMT căn cứ kết quả của hoạt động thanh tra, các cơ sở dữ liệu hiện có về nguồn gây ô nhiễm, hoạt động quan trắc chất lượng xả thải, v.v... tại Sở TN&MT. | <ul style="list-style-type: none"> • Trong năm 2017 và 2018, Sở TN&MT đã phát hành 1.000 tờ Thư ngỏ quảng bá Quỹ BVMT tới tất cả doanh nghiệp trong toàn tỉnh Quảng Ninh nhằm thu hút thêm các đề xuất xin vay vốn mới đối với Quỹ BVM. |
| Mức vốn vay tối đa chưa đủ đáp ứng nhu cầu của người vay. | <ul style="list-style-type: none"> • Ngày càng nhiều đơn xin vay vốn từ Quỹ và tổng số tiền của khoản vay thực tế sẽ là con số góp phần thuyết phục UBND tỉnh về tính cần thiết phải tăng tổng mức vốn của Quỹ. | <ul style="list-style-type: none"> • TCT-1 đã lập văn bản đề xuất đề tăng mức tổng vốn của Quỹ BVMT. |
| Doanh nghiệp vừa và nhỏ có khó khăn trong việc đáp ứng tài sản thế chấp | <ul style="list-style-type: none"> • Yêu cầu linh hoạt về tài sản thế chấp trong việc xin vay vốn từ Quỹ. • Xây dựng hệ thống bảo lãnh tín dụng công. | <ul style="list-style-type: none"> • Hiện nay tại Việt Nam vẫn chưa có hệ thống bảo lãnh tín dụng công. Cần phải xây dựng cơ sở pháp lý để thiết lập hệ thống như vậy. • TCT-1 đã cân nhắc việc những yêu cầu linh hoạt về tài sản thế chấp có thể được lồng ghép vào cơ chế tài chính mới đang được xây dựng bởi Nhóm chuyên trách (Taskforce) được hay không. |
| Các chợ địa phương thiếu ngân sách để cải thiện hệ thống xử lý nước thải nhưng lại không là đối tượng phù hợp được vay vốn từ Quỹ BVMT. | <ul style="list-style-type: none"> • Chính quyền cấp huyện / thị xã không đủ điều kiện để xin vay vốn từ Quỹ BVMT. Không có biện pháp khả thi nào để tài trợ chi phí xây dựng cơ sở xử lý nước thải trên cơ sở pháp lý hiện hành. | <ul style="list-style-type: none"> • TCT-1 đã cân nhắc việc hệ thống hỗ trợ tài chính áp dụng cho tuyến huyện/thị xã có thể được lồng ghép vào cơ chế tài chính mới đang được xây dựng bởi Nhóm chuyên trách (Taskforce) được hay không. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(h) Hoạt động 2.1.8: Lựa chọn khu vực thí điểm để xem xét việc xây dựng chính sách tài chính thực hiện tăng trưởng xanh

Trong quá trình cân nhắc cách thức triển khai xây dựng một cơ chế tài chính dành riêng cho tăng trưởng xanh, TCT-1 nhận thấy tính cần thiết phải có sự tham gia của nhiều sở, ban, ngành liên quan và cần có được sự đồng thuận của họ với mục tiêu xây dựng một cơ chế tài chính mới cho nhiệm vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh. Trong bước này, cần có sự chủ động của Sở KH&ĐT là sở KHĐT được UBND tỉnh giao chủ trì thực thi hoạt động tăng trưởng xanh của tỉnh căn cứ Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh (Kế hoạch 6970/KH-UBND ngày 16/11/2015 về thực hiện Chiến lược quốc gia về Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2016-2020). Để triển khai nhiệm vụ xây dựng cơ chế chính sách cho tăng trưởng xanh, tháng 3 năm 2018, Sở KHĐT đã có văn bản báo cáo UBND tỉnh về việc bổ sung một số cán bộ của Sở KHĐT tham gia vào TCT-1, thuộc “Nhóm Chuyên trách” (Taskforce). Nhóm đã thực hiện công tác rà soát các cơ chế tài chính còn hiệu lực, phân tích nhu cầu, đánh giá sự phù hợp của các quỹ đối với các nhiệm vụ tăng trưởng xanh, như tổng hợp tại Bảng 2.3-3 dưới đây. Ngoài ra, Nhóm Chuyên trách cũng đã đăng ký làm việc với Bộ KHĐT và thực hiện chuyến đi thực tế tại một số tỉnh phía Nam để học hỏi kinh nghiệm và những mô hình thực hành tốt ở cấp Bộ và các tỉnh đi đầu khác.

Căn cứ kết quả xem xét, TCT-1 xác nhận về cơ bản Quỹ BVMT Quảng Ninh có thể hỗ trợ tất cả các nhiệm vụ/dự án tăng trưởng xanh thông qua cho vay vốn, tài trợ và cho vay ưu đãi. Hơn nữa, một lợi thế lớn là từ trước tới nay, Quỹ BVMT hoạt động rất ổn định. Như vậy, khả năng thứ nhất khi cân nhắc cơ chế tài chính cho tăng trưởng xanh là mở rộng đối tượng và tăng cường khả năng tiếp cận Quỹ BVMT của tỉnh cho doanh nghiệp. Thứ hai, do thực tế nhiệm vụ bảo vệ môi trường chỉ là một

trong những nội dung tăng trưởng xanh, cho nên TCT-1 đã xác định Nhóm Chuyên trách do Sở KH&ĐT đại diện cần xây dựng cơ chế tài chính mới khác có nội dung không trùng lặp với các cơ chế hoặc chính sách hiện có mà Quỹ BVMT và các quỹ khác đang áp dụng.

Với cách tiếp cận thứ hai này, Nhóm đặc biệt lưu ý, nghiên cứu ý kiến định hướng của Bộ KH & ĐT về việc cần huy động sự tham gia của đầu tư tư nhân trong và ngoài nước cho tăng trưởng xanh do những hạn chế và không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu của địa phương về nguồn đầu tư từ khu vực công cho tăng trưởng xanh. Trên cơ sở định hướng đó, Nhóm Chuyên trách đã tập trung xem xét các cơ chế thu hút đầu tư tư nhân theo định hướng tăng trưởng xanh căn cứ theo Luật Đầu tư và nội dung các cơ chế sẽ được trình bày cụ thể ở chương sau của báo cáo này. Cách tiếp cận thứ ba là cần đảm bảo ngân sách nhà nước. Sau này, các hoạt động tăng trưởng xanh sẽ được triển khai trên cơ sở những cơ chế mới do các TCT khác hoạt động trong khuôn khổ Dự án đề xuất thể chế hóa và đăng ký phân bổ ngân sách thực thi.

Theo ý tưởng ban đầu, hoạt động 2.1.8 dự định chọn một khu công nghiệp nào đó đang có nhu cầu cải thiện hệ thống quản lý môi trường làm khu vực thí điểm. Tuy nhiên, trong hoạt động của Nhóm Chuyên trách, Nhóm đã quyết định chọn ba lĩnh vực gồm nông nghiệp, công nghiệp-xây dựng và du lịch, dịch vụ bởi đây là những lĩnh vực cần được ban hành những chính sách tài chính mới hoặc sửa đổi phục vụ tăng trưởng xanh, đó chính là những lĩnh vực tương ứng với các hoạt động thí điểm thuộc TCT-2, TCT-3 và TCT-4 trong Dự án.

(i) Hoạt động 2.1.9: Xác định các biện pháp cần thiết cải thiện quản lý tốt hơn trong khu vực thí điểm

Với nhiệm vụ soạn thảo các cơ chế tài chính tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh, Nhóm Chuyên trách đã rà soát một loạt các nghị quyết và quyết định do Hội đồng nhân dân tỉnh và UBND tỉnh ban hành để hỗ trợ các dự án thúc đẩy đầu tư phát triển ngành. Nhóm cũng đã tổ chức một loạt các cuộc họp với các sở, ban, ngành có liên quan bao gồm Sở TN&MT, Sở Giao thông, Sở Công-Thương, Sở NN&PTNT, Sở Du lịch và Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh.

Mặc dù một số chính sách ưu đãi khuyến khích phát triển các lĩnh vực do tỉnh ban hành đã có nội dung bao trùm các yếu tố tăng trưởng xanh nhưng mục đích của các chính sách đó thường chỉ tập trung vào thúc đẩy và hỗ trợ các ngành cần ưu tiên phát triển của tỉnh, chưa phản ánh toàn diện các yếu tố tăng trưởng xanh. Nhóm chuyên trách đã đi đến kết luận cần có một quy định cụ thể về cơ chế tài chính thu hút các nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước cho các dự án định hướng tăng trưởng xanh. Do đó, Nhóm đã đề xuất ban hành các cơ chế và chính sách của tỉnh về thúc đẩy tăng trưởng xanh thông qua các chính sách ưu đãi và hỗ trợ cho các chương trình và dự án tăng trưởng xanh trong tỉnh và cần ưu tiên xây dựng để đảm bảo nhiệm vụ tăng trưởng xanh.

(j) Hoạt động 2.1.10: Xem xét cơ chế khuyến khích ưu đãi đầu tư hệ thống quản lý hiệu quả hơn

Trên cơ sở Hoạt động 2.1.8, Nhóm Chuyên trách đã nghiên cứu ba nguồn chính có thể áp dụng các cơ chế khuyến khích ưu đãi đầu tư hệ thống quản lý hiệu quả hơn, thông qua:

- 1) Huy động nguồn vốn từ các quỹ của tỉnh;

- 2) Giao cho các sở, ngành, địa phương quản lý và vận hành các dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long giai đoạn sau Dự án;
- 3) Huy động các nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước: ngân sách cho chi đầu tư phát triển hoặc chi thường xuyên hằng năm.

Trong đó, cơ chế thứ hai tập trung xây dựng hoặc cập nhật các nghị quyết của tỉnh khuyến khích và hỗ trợ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, đóng góp cho tăng trưởng xanh. Ý tưởng ban đầu nghiên cứu các chính sách ưu đãi và hỗ trợ có thể bao gồm miễn thuế sử dụng đất cho hoạt động đầu tư liên quan đến tăng trưởng xanh, hỗ trợ tài chính cho hoạt động xây dựng cơ sở xử lý môi trường và hỗ trợ giá cho hoạt động tiết kiệm năng lượng, tập trung vào các đối tượng đầu tư của doanh nghiệp và hợp tác công-tư cho các lĩnh vực như nông nghiệp, công nghiệp/xây dựng, du lịch và dịch vụ. Ghi nhận nỗ lực của Nhóm chuyên trách về việc trình UBND tỉnh bản dự thảo đầu tiên đề xuất cơ chế ưu đãi; bản dự thảo ban đầu này đã trải qua một số lần chỉnh sửa và cập nhật theo ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh và nội dung tham gia cụ thể của các sở ban ngành, như mô tả chi tiết cụ thể ở phần tiếp theo trong báo cáo này.

(k) Hoạt động 2.1.11: Lập đề xuất về cải thiện hệ thống cấp ngân sách hiện tại

Tháng Tư năm 2018, TCT-1 đã hoàn thiện dự thảo “Quyết định về điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ BVMT tỉnh Quảng Ninh”, sửa đổi điều lệ Quỹ Bảo vệ môi trường (Quỹ BVMT). Dự thảo được soạn thảo trên cơ sở nghiên cứu các biện pháp cần thiết tăng cường hoạt động của Quỹ BVMT hiện tại, như trình bày cụ thể tại Hoạt động 2.1.7 và bản dự thảo đã tiếp thu những ý kiến đóng góp của các cơ quan liên quan như sở Tài chính, Sở Kế hoạch & Đầu tư và Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Quảng Ninh, v.v.. qua các lần xin ý kiến cho bản dự thảo lần một và lần hai.

Tóm tắt nội dung đề xuất như sau:

- Tăng tổng mức một món vay tối đa từ 5 tỷ lên 10 tỷ Đồng/nhiệm vụ và dự án;
- Tăng thời hạn vay của một dự án từ 5 năm lên 7 năm;
- Cấp bổ sung nguồn vốn điều lệ của Quỹ lên 50 tỷ VNĐ từ ngân sách nhà nước vào năm 2020;
- Tạo điều kiện hỗ trợ tài chính thông qua hình thức cấp ứng Quỹ BVMT cho các nhiệm vụ chi của chính quyền cấp cơ sở khi có nhu cầu cấp bách, đối với các trường hợp đã được bố trí ngân sách nhưng chưa kịp giải ngân vào thời điểm đó.

Giải trình đề xuất tăng nguồn vốn như sau: hiện tại, vốn điều lệ chỉ được cấp 20 tỷ. Quỹ BVMT đã cho hai dự án vay với tổng số tiền vay là 9,487 tỷ năm 2017 và cấp ứng 1 tỷ đồng cho các địa phương bị ảnh hưởng bởi trận lụt năm 2015. Hiện tại vốn điều lệ còn lại chỉ là 9,522 tỷ đồng và dự kiến trong năm 2018 sẽ cấp vốn vay cho thêm một dự án nữa.

(l) Hoạt động 2.1.12: Viết bài cho Sách trắng, được lập theo Đầu ra 1

TCT-1 đã viết bài giới thiệu về các hoạt động của tổ, về việc cải thiện điều lệ Quỹ BVMT và xây dựng cơ chế tài chính để thúc đẩy tăng trưởng xanh cho Sách trắng.

(m) Hoạt động 2.1.13: Xây dựng đề xuất cơ chế chính sách tài chính ưu đãi thực hiện tăng trưởng xanh

Trên cơ sở xem xét cơ chế ưu đãi như báo cáo tại mục Hoạt động 2.1.10, Sở KH&ĐT đã có văn bản số 2733/KHDT-KTDN ngày 31/8/2018, báo cáo UBND tỉnh về dự thảo đề cương nghị quyết. Tuy nhiên, tại văn bản số 8064/UBND-MT ngày 31/10/2018, UBND đã chỉ đạo sở KH&ĐT xây dựng cơ chế theo hướng lồng ghép và sửa đổi bổ sung các nghị quyết đã có thay vì đề xuất ban hành một nghị quyết mới. Theo hướng chỉ đạo đó, Nhóm chuyên trách đã triển khai một loạt các cuộc trao đổi chuyên sâu, phối hợp với các sở ban ngành địa phương liên quan rà soát những nghị quyết phù hợp hiện có và cách thức lồng ghép các hợp phần tăng trưởng xanh, sau đó tiếp tục báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

(n) Hoạt động 2.1.14: Lập văn bản hành chính trên cơ sở các đề xuất đã xây dựng

TCT-1 đã xác định phương hướng phát triển hoặc nâng cấp quỹ và các cơ chế tài chính hiệu quả phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh, trong đó có nhiệm vụ cải thiện Quỹ BVMT của tỉnh. TCT đã có văn bản báo cáo UBND để xin chủ trương về đề xuất phương hướng lồng ghép các cơ chế tài chính của tỉnh, hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động tăng trưởng xanh (văn bản số 3880/KHDT-KTDN, ngày 3 tháng 12 năm 2018). Bảng sau đây tóm tắt nội dung văn bản báo cáo nêu trên. Nhóm Chuyên trách nghiên cứu thấy rằng hầu hết các nghị quyết liên quan hiện có sẽ hết hiệu lực vào năm 2020 và mỗi sở ngành liên quan có nhiệm vụ dự thảo xây dựng nghị quyết hoặc quy định liên quan cho giai đoạn kế tiếp. Qua đó, Nhóm Chuyên trách đã xác định được các nghị quyết, quy định có thể lồng ghép tiêu chí tăng trưởng xanh.

Bảng 3.2-3 Đề xuất phương hướng xây dựng hoặc cải thiện Quỹ và Cơ chế tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh

| Đối tượng | Phương pháp cơ bản | Cơ sở hoặc quy trình pháp lý | Tóm tắt đề xuất trong văn bản dự thảo |
|---|---|---|--|
| Quỹ BVMT | Lồng ghép khái niệm tăng trưởng xanh vào Quỹ BVMT ngoài đề xuất đã đề cập tại phần 3.2.1(1)1(k) | Quyết định số 1784/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của UBND tỉnh | <ul style="list-style-type: none"> Bổ sung một số tiêu chí TTX Tăng mức ưu đãi cho một số dự án tăng trưởng xanh Ưu tiên về thủ tục ưu đãi và điều kiện cho những dự án đáp ứng tiêu chí tăng trưởng xanh |
| Cơ chế tài chính để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ và hoạt động tăng trưởng xanh | Lồng ghép khái niệm tăng trưởng xanh vào ngành nông nghiệp | Sở NN&PTNT được UBND tỉnh giao xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND hướng dẫn thực thi Nghị định số 57/2018/ND-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế và chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp và khu vực nông thôn. | <ul style="list-style-type: none"> Đưa ra các tiêu chí tăng trưởng xanh và mức hỗ trợ các dự án tăng trưởng xanh Các tiêu chí sẽ được cập nhật căn cứ đề xuất đầu tiên tại Văn bản số 2733/KHDT-KTDN ngày 31/8/2018 của Sở KH&ĐT |
| | Lồng ghép khái niệm tăng trưởng xanh vào ngành công nghiệp | <p>1) Ban quản lý các khu kinh tế (Ban QLKKT) được giao soạn thảo nghị quyết thay thế nghị quyết số 89/2013 /NQ-HDND ngày 19/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ và ưu tiên đầu tư vào các khu công nghiệp và khu kinh tế ở tỉnh Quảng Ninh (hỗ trợ các nhà đầu tư vào các khu công nghiệp xây dựng đường trong/ngoài khu công nghiệp và cơ sở hạ tầng ở khu công nghiệp).</p> <p>2) Sở Công – Thương dự kiến được giao dự thảo nghị quyết về ban hành các chính sách hỗ trợ di chuyển các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm và / hoặc không phù hợp với quy</p> | |

| Đối tượng | Phương pháp cơ bản | Cơ sở hoặc quy trình pháp lý | Tóm tắt đề xuất trong văn bản dự thảo |
|--|---|---|---|
| | | hoạch đô thị ra khỏi khu dân cư. | |
| | Lồng ghép khái niệm tăng trưởng xanh vào ngành du lịch | Sở Du lịch có kế hoạch đề xuất một nghị quyết mới về hỗ trợ phát triển du lịch kết hợp với hoạt động sản xuất nông nghiệp trong tỉnh. | |
| Phân bổ ngân sách nhà nước hàng năm cho các hoạt động tăng trưởng xanh | Phân công nhiệm vụ thực hiện các hoạt động TTX cho các sở ngành liên quan, v.v... | Các nhiệm vụ cụ thể cần được UBND tỉnh chính thức giao cho các sở, ngành và địa phương để họ có thể xin ngân sách nhà nước cần thiết cho việc thực hiện các nhiệm vụ được giao và tiếp tục hoặc tăng cường các hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh. | <ul style="list-style-type: none"> Phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương sau khi kết thúc dự án để tiếp tục các hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh trong khu vực vịnh Hạ Long và triển khai mở rộng trên toàn địa bàn tỉnh. Dựa trên các nhiệm vụ được giao liên quan đến chức năng, nhiệm vụ và định mức chi phí cho từng hoạt động, các sở, ngành và địa phương hàng năm chuẩn bị dự toán bổ sung cho dự toán ngân sách của mình và trình lên cấp cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

2) Hoạt động 2.5 Tóm tắt Đầu ra và tiến độ thực hiện các Hoạt động hàng năm từ 2-1 đến 2-4 và phản ánh thông tin vào Sách trắng tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, thuộc Đầu ra 1

TCT-1 đã hợp tác để viết bài đưa vào Sách trắng tăng trưởng xanh thuộc TCT-5.

3) Hoạt động 2.6 Căn cứ Đầu ra và tiến độ các hoạt động 2-1 đến 2-4, xây dựng và lập thành văn bản những quy định, cơ chế và tổ chức để tiếp tục và mở rộng các hoạt động quản lý môi trường trong các ngành trọng điểm đã chọn và bắt đầu tiến trình phê duyệt bởi tỉnh Quảng Ninh

Thứ nhất, TCT-1 đã có văn bản trình UBND tỉnh đề xuất sửa đổi điều lệ Quỹ BVMT, như đã trình bày tại phần Hoạt động 2.1. Ngày 11 tháng 1 năm 2019, UBND tỉnh đã chính thức phê duyệt nội dung sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ BVMT tại Quyết định số 14/QĐ-UBND.

Thứ hai, liên quan đến nội dung phân bổ ngân sách, UBND tỉnh đã ra Thông báo kết luận tại cuộc họp BCĐ lần thứ Tư vào ngày 22 tháng 1 năm 2019 (Thông báo số 18/TB-UBND) trong đó có nội dung chỉ đạo các sở ngành liên quan đảm bảo đưa vào kế hoạch ngân sách nhà nước hàng năm cho các hoạt động tăng trưởng xanh thuộc lĩnh vực quản lý.

Thứ ba, chính sách hỗ trợ đầu tư cho khu vực tư nhân và đối tác công-tư đáp ứng các tiêu chí tăng trưởng xanh đã được thể chế hóa hoặc bố trí, thông qua:

- Nghị quyết về việc ban hành chính sách khuyến khích đầu tư, liên kết, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh. Ngày 29 tháng 6 năm 2019, Sở NN&PTNT đã trình UBND tỉnh dự thảo nghị quyết cuối cùng, qua đó xin ý kiến của tất cả các sở ngành. Mặc dù các tiêu chí tăng trưởng xanh không được ghi cụ thể trong dự thảo Nghị quyết, nhưng cơ chế hỗ trợ cần thiết cho nông nghiệp hữu cơ đã được đưa vào Nghị quyết căn cứ kết quả hoạt động thí điểm của TCT-4. Nghị quyết đã được Hội đồng Nhân dân tỉnh thông qua tại Quyết định số 194/2019/NQ-HDND. Nội dung chi tiết của Nghị quyết được mô tả trong nội dung hoạt động của TCT-4.

- Các ý tưởng khác liên quan đến hoạt động soạn thảo nghị quyết của tỉnh của Ban Quản lý khu kinh tế và Sở Du lịch chưa được thực hiện được trong giai đoạn Dự án phụ thuộc vào yêu cầu cần đảm bảo tính kết nối với các chính sách khác của tỉnh và theo chỉ đạo cụ thể của tỉnh.

(2) JET tạo thuận lợi và hỗ trợ hoạt động của TCT-1

JET luôn tích cực chủ động phối hợp với TCT-1 trong các hoạt động, trong đó bao gồm hoạch định, hỗ trợ thực thi và theo dõi các hoạt động, luôn đồng hành cùng TCT và Ban QLDA triển khai các hoạt động thể chế hóa. JET đã hỗ trợ kỹ thuật cho TCT trong các hoạt động tổng thể thuộc Dự án, đặc biệt:

- Thảo luận với các đơn vị ứng viên tiềm năng vay vốn Quỹ BVMT và tìm hiểu những thách thức trở ngại hoạt động đăng ký vay vốn;
- Tổ chức hội thảo kỹ thuật giới thiệu các công nghệ tiên tiến phục vụ quản lý môi trường hiệu quả hơn nữa;
- Giới thiệu các chính sách và biện pháp hành chính của Nhật bản trong đó chia sẻ kinh nghiệm bảo tồn hồ Biwa của tỉnh Shiga, xem xét khả năng cơ chế cấp quỹ và tài chính giải quyết những thách thức Quỹ BVMT và hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh đang gặp phải.
- Hướng dẫn Nhóm chuyên trách trong công tác rà soát những biện pháp hiện có nhằm cải thiện các cơ chế tài chính;
- Thảo luận với Sở NN&PTNT và các sở ban ngành liên quan khác để tìm phương hướng lồng ghép hợp phần tăng trưởng xanh vào các nghị quyết mới của Tỉnh.

(3) Kết quả đạt được từ hoạt động của TCT-1

Quỹ BVMT của tỉnh đã được cải thiện thành công căn cứ Quyết định (QĐ số 114/QĐ-UBND) sửa đổi điều lệ tổ chức và hoạt động Quỹ BVMT đã được UBND tỉnh ban hành.

Các cơ chế tài chính thực hiện tăng trưởng xanh được đảm bảo thông qua nội dung Thông báo kết luận tại cuộc họp BCD lần thứ 4, ngày 22 tháng 1 năm 2019 (Thông báo số 18/TB-UBND), trong đó đảm bảo phân bổ ngân sách nhà nước hàng năm cho các hoạt động tăng trưởng xanh được thực hiện bởi từng sở ngành liên quan và Nghị quyết ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư, liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh (Nghị quyết số 1494/2019/NQ-HDND) để hỗ trợ đầu tư tư nhân và đầu tư kết hợp Công – Tư trong lĩnh vực nông nghiệp.

(4) Đánh giá chung về quá trình tham gia hoạt động của TCT-1

Qua quá trình thực hiện các hoạt động thí điểm, các thành viên của TCT ngày càng hiểu sâu hơn về khái niệm tăng trưởng xanh. Đặc biệt, trong quá trình thực hiện Dự án, ban quản lý Quỹ BVMT thuộc Sở TN&MT đã hoạt động rất tích cực, sáng tạo nhằm mục tiêu ngày càng khai thác hiệu quả hơn nữa Quỹ BVMT. Bên cạnh đó, việc xây dựng cơ chế tài chính mới dành riêng cho thúc đẩy tăng trưởng xanh là một thách thức lớn do sự liên quan tới rất nhiều ngành, lĩnh vực. Hoạt động thí điểm đã đạt được những bước tiến tích cực, đặc biệt là sau khi thành lập Nhóm Chuyên trách, các thành viên đã thực hiện rà soát, nghiên cứu tất cả các cơ chế tài chính hiện tại và đưa ra đề xuất cơ chế cụ

thể cho tương lai. Nhóm Chuyên trách và Ban QLDA đã thể hiện rõ rệt vai trò chủ trì của Sở KH&ĐT trong hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh, một lĩnh vực đòi hỏi sự phối kết hợp đa ngành, đa lĩnh vực.

3.2.2 Tổ công tác 2: Quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

(1) Hoạt động tổng thể thuộc Đầu ra 2

Ma trận thiết kế dự án (PDM) xác định Đầu ra 2 và các hoạt động như sau:

Các chính sách bền vững về môi trường và tài chính cho những ngành trọng điểm lựa chọn được xây dựng và thực hiện như những hoạt động thí điểm.

- 2.2 Triển khai thực hiện và theo dõi những hoạt động thí điểm thúc đẩy chính sách khuyến khích quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, hỗ trợ tài chính, v.v...
- 2.3 Triển khai thực hiện và theo dõi những hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý để giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh Hạ Long.
- 2.4 Xây dựng và thực hiện thí điểm hệ thống nhãn xanh của tỉnh, góp phần cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng trong các ngành trọng điểm được chọn và bắt đầu áp dụng hệ thống thông qua các hoạt động từ 2-1 đến 2-3.
- 2.5 Hàng năm, thực hiện tóm tắt kết quả và tiến độ của các hoạt động từ 2-1 đến 2-4 và kết hợp các thông tin vào sách trắng về tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, được lập trong Đầu ra -1.
- 2.6 Căn cứ Đầu ra và tiến độ các hoạt động 2-1 đến 2-4, xây dựng và lập thành văn bản những quy định, cơ chế và tổ chức để tiếp tục và mở rộng các hoạt động quản lý môi trường trong các ngành trọng điểm đã chọn và bắt đầu tiến trình phê duyệt bởi tỉnh Quảng Ninh.

Sau đây là nội dung cụ thể các hoạt động đã triển khai căn cứ nhiệm vụ nêu chi tiết trong Kế hoạch thực thi (PO):

1) **Hoạt động 2.2 Triển khai thực hiện và theo dõi những hoạt động thí điểm thúc đẩy chính sách khuyến khích quản lý và tiết kiệm năng lượng như dự án ESCO, hỗ trợ tài chính, v.v...**

Trong hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh đối với lĩnh vực quản lý sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, TCT-2 do Sở Công Thương phụ trách đã thực hiện kiểm toán năng lượng và lập đề xuất ESCO trong khuôn khổ đợt thí điểm đầu tiên năm 2017. Trên cơ sở thực hiện các hoạt động thí điểm đó, TCT-2 đã xác định được tính khả thi của các hoạt động và năm 2018, Tổ đã xây dựng sáu chương trình và năm 2019, tổ đã triển khai thí điểm đợt 2 để thử nghiệm các Chương trình A-E.

Bảng sau đây khái quát nội dung sáu chương trình thúc đẩy quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả:

Bảng 3.2-4 Khái quát các Chương trình đã xây dựng

| Chương trình | Tên | Đối tượng | Nội dung |
|--------------|---|--|--|
| A | Cung cấp thông tin về Hiệu quả năng lượng | Các cơ sở tiêu thụ năng lượng phi dân dụng | Sở Công – Thương định kỳ cung cấp thông tin về hiệu quả năng lượng tới tất cả các đơn vị tiêu thụ năng lượng phi dân dụng |
| B | Kiểm tra năng lượng | Các Non-DEU được chọn | Sở CT thực hiện kiểm tra năng lượng sơ bộ ở các cơ sở sử dụng năng lượng thông thường (Non-DEU). Các nhà kiểm toán năng lượng có giấy phép sẽ tham gia vào chương trình này. |

| Chương trình | Tên | Đối tượng | Nội dung |
|--------------|--|---------------------------------|--|
| C | Đề xuất ESCO | Các DEU được chọn | Dựa trên các báo cáo kiểm toán bắt buộc mà các DEU trình nộp theo quy định, Sở CT chọn đơn vị cung cấp dịch vụ ESCO trong nước để lập đề xuất ESCO và bố trí các cuộc làm việc giữa DEU và ESCO. Chương trình này tạo điều kiện cho các DEU được chọn và ESCO ký kết hợp đồng với nhau. |
| D | Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | Các DEU được chọn | Căn cứ hồ sơ đăng ký của các DEU, Sở Công Thương tổ chức thẩm định để trao Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (EE) cho các DEU tại Quảng Ninh đã có các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Căn cứ hoạt động EE và mức tiết kiệm năng lượng, DEU sẽ được cấp Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. |
| E | Nâng cao năng lực | Tất cả các cán bộ nhà nước tỉnh | Đề nâng cao nhận thức cho các cán bộ nhà nước tỉnh, Sở CT thực hiện cập nhật các thông tin liên quan đến: tình hình năng lượng hiện tại ở Việt Nam, các quy định và khung pháp lý liên quan đến bảo tồn và sử dụng năng lượng hiệu quả; và những khái niệm cơ bản về quản lý năng lượng trong doanh nghiệp. Sở cũng sẽ giới thiệu về các chương trình đề xuất như Kiểm tra năng lượng, ESCO, Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. |
| F | Quản lý tổng thể | Tư vấn thuê ngoài được chọn | Tư vấn thuê ngoài sẽ hỗ trợ quản lý tất cả các chương trình từ A đến E. |

*DEU : Đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm (123 đơn vị trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Ninh)

Nhà máy : trên 1,000 tấn dầu quy đổi/năm; Tòa nhà: trên 500 tấn dầu quy đổi/năm

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(a) **Hoạt động 2.2.1: Xác nhận tính chất sẵn sàng về mặt thể chế và tài chính cho các hoạt động thí điểm**

Tháng 2 năm 2017, các cán bộ thuộc các sở đã được phân công tham gia thành viên TCT-2. Ngoài ra, vốn đối ứng cũng được bố trí để phục vụ cho các hoạt động của TCT-2.

(b) **Hoạt động 2.2.2: Hoàn thiện chọn địa điểm thực hiện dự án thí điểm**

Tháng 2 năm 2017, TCT đã đến làm việc tại các cơ sở gồm Khách sạn Sài Gòn – Hạ Long, Công ty XNK Thủy sản Quảng Ninh, Công ty TNHH Âu Lạc, Nhà máy xi măng Hạ Long và Nhà máy xi măng Thăng Long. Qua các cuộc làm việc cho thấy các cơ sở này có tiềm năng lớn về tiết kiệm năng lượng và đã được chọn tham gia đợt thí điểm đầu tiên của dự án.

Bảng 3.2-5 Thảo luận và khảo sát tại cơ sở cho hoạt động thí điểm

| Cơ sở | Ngày | Thành phần tham dự | Nội dung chính |
|---------------------------------|------------|--|--|
| Công ty XNK Thủy sản Quảng Ninh | 17/04/2017 | Cán bộ phụ trách của đơn vị, JET, chuyên gia trong nước, v.v.. | Khảo sát thực địa để kiểm toán năng lượng |
| Khách sạn Sài Gòn – Hạ Long | 19/04/2017 | | |
| Công ty TNHH Âu Lạc | 7/06/2017 | | |
| Nhà máy xi măng Thăng Long | 13/06/2017 | | Thảo luận về khả năng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả |
| Nhà máy xi măng Hạ Long | 14/06/2017 | | |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: JET

Hình 3.2-3 Khảo sát kiểm toán năng lượng tại cơ sở

(c) Hoạt động 2.2.3: Bố trí tài chính cho các hoạt động thí điểm

Với sự hỗ trợ của JET, TCT-2 đã lập dự toán năm để thực hiện thử nghiệm các chương trình trong thí điểm đợt hai. Dự toán cho từng chương trình như sau:

Bảng 3.2-6 Dự toán ngân sách cho chương trình thí điểm

| Chương trình | Triệu VNĐ | Đơn vị /năm | Triệu VNĐ /năm |
|--------------|-----------|-------------|----------------|
| A | 0 | | 0 |
| B | 20 | /đơn vị | 20 |
| C | 92 | /đơn vị | 92 |
| D | 464 | /năm | 464 |
| E | | | |
| F | | | |
| Tổng cộng | | | 576 |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA tóm tắt trên cơ sở tài liệu của TCT-2

(d) Hoạt động 2.2.4 Lập nhóm công tác hoạt động thí điểm và theo dõi

Trong thời gian từ tháng 4 đến tháng 6 năm 2018, TCT-2 đã tổ chức 4 cuộc họp trong đợt thí điểm đầu tiên với các thành viên của tổ thuộc Sở Công Thương, Sở KH&ĐT và các sở khác để thảo luận về các đề xuất ESCO và kiểm toán năng lượng. Trong thời gian từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2018, TCT-2 đã tổ chức 4 cuộc họp trong đợt thí điểm thứ hai (Chương trình A-E) với các thành viên của tổ thuộc Sở Công Thương, Sở KH&ĐT và các sở thành viên khác để thảo luận về nội dung từng chương trình đề xuất.

(e) **Hoạt động 2.2.5 Xây dựng kế hoạch chi tiết và đặc tính của các hợp phần thí điểm**

Trong đợt hoạt động thí điểm đầu tiên, TCT-2 đã xây dựng kế hoạch chi tiết và đặc tính hoạt động thí điểm. JET phối hợp với chuyên gia trong nước NIRAS (chuyên gia thuê ngoài) và VietESCO (Công ty dịch vụ năng lượng ESCO trong nước) thực hiện kiểm toán năng lượng và lập đề xuất ESCO cho ba đơn vị.

Trong đợt hoạt động thí điểm đợt thứ 2, JET đã xây dựng hướng dẫn thực hiện đối với từng chương trình thử nghiệm và JET đã hỗ trợ TCT-2 thực hiện các nhiệm vụ đó.

(f) **Hoạt động 2.2.6 Xác định mục tiêu và hình thành kế hoạch theo dõi**

Căn cứ bản sửa đổi ngày 9/5/2019 của Phiếu theo dõi dự án II, tổ đã xác định được nhưng mục tiêu theo dõi như sau:

- Bài học kinh nghiệm từ các hoạt động của TCT-2
- Biên soạn nội dung về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả để đưa vào dự thảo Sách trắng tăng trưởng xanh.

(g) **Mua sắm và thực hiện các dự án thí điểm**

Đối với đợt hoạt động thí điểm đầu tiên, hoạt động kiểm toán năng lượng ở năm đơn vị và lập đề xuất cho ESCO cho ba đơn vị đã được triển khai thực hiện. Báo cáo kiểm toán và báo cáo đề xuất ESCO đã được trình bày chi tiết tại từng đơn vị. Các bảng sau thống kê thời gian và thành phần cụ thể tham gia các buổi làm việc, như sau :

Bảng 3.2-7 Trình bày nội dung báo cáo kiểm toán tại đơn vị

| Cơ sở | Ngày | Thành phần tham dự | Nội dung chính |
|---------------------------------|-----------|--|--|
| Công ty XNK Thủy sản Quảng Ninh | 08/6/2017 | Cán bộ phụ trách của đơn vị, JET, chuyên gia trong nước, v.v.. | Thảo luận về khả năng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả trên cơ sở báo cáo đã lập |
| Khách sạn Sài Gòn – Hạ Long | 09/6/2017 | | |
| Công ty TNHH Âu Lạc | 04/8/2017 | | |
| Nhà máy xi măng Thăng Long | 08/6/2017 | | |
| Nhà máy xi măng Hạ Long | 09/6/2017 | | |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng 3.2-8 Trình bày Báo cáo đề xuất ESCO tại đơn vị

| Cơ sở | Ngày | Thành phần tham dự | Nội dung chính |
|---------------------------------|-----------|--|--|
| Công ty XNK Thủy sản Quảng Ninh | 08/9/2017 | Sở Công Thương, Sở KH&ĐT, Cán bộ phụ trách của đơn vị, JET, Công ty ESCO, v.v... | Đề xuất ESCO và thảo luận bước tiếp theo |
| Khách sạn Sài Gòn – Hạ Long | 07/9/2017 | | |
| Công ty TNHH Âu Lạc | 07/9/2017 | | |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Trong khuôn khổ hoạt động thí điểm đợt 2, sáu chương trình do tổ xây dựng đã được đưa vào thử nghiệm. Chi tiết hoạt động thử nghiệm như sau:

Bảng 3.2-9 Thực hiện các chương trình thí điểm

| Hạng mục | Nội dung |
|--|--|
| Chương trình A: Cung cấp thông tin về Hiệu quả năng | - Ngày 1/6/2019, bài viết đầu tiên về quản lý và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả đã được đăng tải trên trang web chính thức của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ninh và sau đó chuyên mục này cũng đã đăng thêm nhiều bài viết. |

| Hạng mục | Nội dung |
|---|---|
| lượng | |
| Chương trình B: Kiểm tra năng lượng sơ bộ | <ul style="list-style-type: none"> Với sự hỗ trợ của JET, Sở CT và TCT-2 đã lập danh sách các nhà Kiểm toán năng lượng có chứng chỉ hành nghề Sở CT chọn các cơ sở mục tiêu để tham gia thí điểm. Với sự hỗ trợ của JET, TCT-2 chọn một nhà Kiểm toán năng lượng có chứng chỉ hành nghề để thực hiện kiểm tra năng lượng sơ bộ. Nhà Kiểm toán năng lượng có chứng chỉ hành nghề được chọn đã thực hiện kiểm tra năng lượng sơ bộ tại Công ty Cổ phần Tùng Lâm và Khách sạn Legacy Yên Tử. |
| Chương trình C: Đề xuất ESCO | <ul style="list-style-type: none"> Với sự hỗ trợ của JET, TCT-2 lập danh sách các công ty dịch vụ năng lượng ESCO đang hoạt động ở Việt Nam. Với sự hỗ trợ của JET, TCT-2 đã chọn đơn vị ESCO là BKE Vietnam. Sở CT đã chọn công trình mái nhà để xe thuộc nhà khách tỉnh cho lắp hệ thống mặt trời áp mái nhưng vì lý do công trình thuộc diện sớm đưa vào kế hoạch cải tạo của tỉnh. Sau đó Sở CT đã chọn công trình thay thế tại trụ sở liên cơ quan số 4 và công trình lắp mặt trời áp mái công suất 10kWp đã triển khai thành công rực rỡ. Ngay sau khi thực hiện thành công thí điểm lắp đầu tiên, đơn vị đầu tư đã tiếp tục xúc tiến hợp tác với BKE Việt nam lập thêm 2 đề xuất mở rộng hoạt động lắp PV (1) tại cùng khu nhà với công suất 50kWp và (2) tại Công tỉnh Quảng Ninh tại cửa ngõ Đông Triều với công suất 200kWp. |
| Chương trình D: Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | <ul style="list-style-type: none"> Với sự hỗ trợ của JET, TCT-2 đx thông báo tới các DEU về Chương trình trao giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. JET đã hỗ trợ soạn mẫu hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận và quy trình thẩm định thông qua các buổi thảo luận với Sở CT. Tháng Bảy 2019, UBND tỉnh đã phê duyệt triển khai chương trình tại quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2019 và TCT-2 đã gửi thư mời đăng ký tham gia chương trình cấp giấy chứng nhận. Trong giai đoạn 2 tháng, đã có 21 DEU nộp hồ sơ đăng ký. Hội đồng thẩm định đã được thành lập để đánh giá các hồ sơ này. Kết quả thẩm định cho thấy có 6 DEU đạt giấy chứng nhận trong đó có 1 cơ sở đạt giấy chứng nhận hai sao và 5 cơ sở còn lại đạt giấy chứng nhận 1 sao. Lễ trao giấy chứng nhận đã được tổ chức tại Hội trường A, Trụ sở liên cơ quan số 4 vào ngày 15/10/2019. |
| Chương trình E: Nâng cao năng lực | <ul style="list-style-type: none"> Ngày 26/8/2019, tại Hội trường A, Trụ sở liên cơ quan số 4 đã diễn ra Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho các cán bộ quản lý nhà nước tỉnh. Tiến sỹ Hoàng Anh thuộc trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội đã được mời giảng bài tại hội nghị. Với sự hỗ trợ của JET và giảng viên, TCT-2 đã soạn bài giảng và chương trình tập huấn. |
| Chương trình F: Quản lý tổng thể | <ul style="list-style-type: none"> Với sự hỗ trợ của JET, Sở CT đã thực hiện quản lý hoạt động của các chương trình đề xuất. |

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(h) **Hoạt động 2.2.8: Theo dõi, rút ra bài học kinh nghiệm, biên soạn nội dung đưa vào dự thảo Sách trắng tăng trưởng xanh**

Bảng sau tóm tắt những bài học kinh nghiệm của hoạt động thí điểm:

Bảng 3.2-10 Bài học kinh nghiệm từ các dự án thí điểm

| Dự án thí điểm | Bài học kinh nghiệm |
|--|--|
| Đợt đầu tiên thực hiện dự án thí điểm (kiểm toán năng lượng và đề xuất ESCO) | Thông qua hoạt động thí điểm cho thấy thực tế là các đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán năng lượng và các công ty dịch vụ năng lượng ESCO trong nước có đầy đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm toán năng lượng và lập đề xuất ESCO. Tuy nhiên, việc lắp đặt thiết bị tiết kiệm năng lượng còn tùy thuộc vào kế hoạch thay thế các thiết bị hiện có. Do vậy, ở Chương trình B dưới đây đã không tập trung vào nội dung thay thế thiết bị và ESCO đưa ra khuyến nghị bổ sung thiết bị như lắp hệ thống mặt trời áp mái PV. |

| Dự án thí điểm | Bài học kinh nghiệm |
|--|---|
| Đợt đầu tiên thực hiện dự án thí điểm (kiểm toán năng lượng và đề xuất ESCO) | Thông qua hoạt động thí điểm cho thấy thực tế là các đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán năng lượng và các công ty dịch vụ năng lượng ESCO trong nước có đầy đủ năng lực thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm toán năng lượng và lập đề xuất ESCO. Tuy nhiên, việc lắp đặt thiết bị tiết kiệm năng lượng còn tùy thuộc vào kế hoạch thay thế các thiết bị hiện có. Do vậy, ở Chương trình B dưới đây đã không tập trung vào nội dung thay thế thiết bị và ESCO đưa ra khuyến nghị bổ sung thiết bị như lắp hệ thống mặt trời áp mái PV. |
| Đợt thứ 2 thực hiện dự án thí điểm (Thí điểm các chương trình đã xây dựng) | <p>Chương trình B: Kiểm tra năng lượng sơ bộ Thông qua hoạt động thí điểm cho thấy không chỉ các DEU mà cả các Non-DEU cũng có các tiềm năng tiết kiệm năng lượng trong hoạt động của đơn vị. Nhằm duy trì hoạt động của chương trình này có thể mở rộng đối tượng cả với các Non-DEU về hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.</p> <p>Chương trình C: Đề xuất ESCO Trên thực tế, một doanh nghiệp của tỉnh đã ký hợp đồng ESCO và lắp đặt hệ thống mặt trời áp mái cho công trình thuộc Trụ sở liên cơ quan số 4, các công ty còn lại, mặc dù đã nhận được đề xuất ESCO nhưng lại không chấp thuận các đề xuất đó. Lý do vì các đơn vị này chưa hiểu được lợi ích tài chính của hoạt động đề xuất. Như vậy, cần vận dụng các biện pháp nâng cao nhận thức và các chính sách khuyến khích nhằm phổ biến rộng rãi Chương trình C.</p> <p>Chương trình D: Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Chỉ có 21 trong số 123 DEU trên toàn địa bàn tỉnh tham gia chương trình cấp giấy chứng nhận. Như vậy, để khuyến khích thêm nhiều các đơn vị DEU nộp hồ sơ, cần có các chính sách hấp dẫn hơn nữa, kể cả chính sách hỗ trợ tài chính. Ngoài ra cần xây dựng chi tiết hơn nữa những tiêu chí đánh giá áp dụng cho các ngành khác.</p> <p>Chương trình E: Nâng cao năng lực Chương trình Hội nghị tập huấn do TCT-2 tổ chức có sự tham gia của khoảng 30 cán bộ quản lý nhà nước từ các sở liên quan. Các thành viên dự hội nghị đã tham gia sôi nổi trong phần Hỏi – Đáp. Quyết định số 280 của Thủ tướng Chính phủ có nội dung liên quan đến nhiều sở và hoạt động xây dựng năng lực cho các cán bộ QLNN là hết sức thiết yếu nhằm đạt mục tiêu tiết kiệm năng lượng của tỉnh.</p> |

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

TCT-2 cũng đã soạn bài viết phản ánh kết quả và tiến độ hàng năm trong hoạt động của tổ để đưa vào nội dung Sách trắng tăng trưởng xanh do TCT-5 phụ trách.

2) **Xây dựng và thực hiện thí điểm hệ thống nhãn xanh của tỉnh, góp phần cho hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng trong các ngành trọng điểm được chọn và bắt đầu áp dụng hệ thống thông qua các hoạt động từ 2-1 đến 2-3.**

TCT-2 đã thực hiện thử nghiệm Chương trình D Trao giấy Chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các đối tượng là các cơ sở tiêu thụ năng lượng trọng điểm (DEU) trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Trước khi triển khai thí điểm chương trình, TCT-2 đã xây dựng hướng dẫn tổ chức thực hiện hệ thống giấy chứng nhận, trong đó bao gồm các tiêu chí đánh giá và những chính sách khuyến khích áp dụng cho các công ty được trao giấy chứng nhận. Chương trình thí điểm hệ thống giấy chứng nhận đã được khởi động từ tháng Sáu 2019 và có 21 DEU nộp hồ sơ đăng ký trong thời gian hạn 2 tháng của chương trình. Bảng sau đây trình bày cụ thể tổng thể chương trình thí điểm và bảng sau liệt kê danh sách các DEU được trao giấy chứng nhận.

Bảng 3.2-11 Thực hiện thí điểm Chương trình trao Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

| Thời gian | Nội dung |
|---------------|---|
| Tháng 6/2019 | <ul style="list-style-type: none"> - UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt triển thí điểm khai chương trình trao giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. - Xây dựng hướng dẫn thực hiện chương trình. - Sở CT gửi thư mời tới các đơn vị |
| Tháng 9/2019 | <ul style="list-style-type: none"> - 21 DEU nộp hồ sơ đăng ký - Sở CT và chuyên gia thuê ngoài đánh giá hồ sơ đăng ký - Hội đồng thẩm định được thành lập - Hội đồng thẩm định tổ chức họp ngày 30/9/2019 và đã chọn được các đơn vị được cấp giấy chứng nhận |
| Tháng 10/2019 | <ul style="list-style-type: none"> - Bài viết về các đơn vị được trao giấy chứng nhận được đăng trên các trang web như Báo Công – Thương thuộc Bộ Công – Thương, trang web chính thức của Sở Công Thương, Cổng thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh và Báo Quảng Ninh. - Ngày 15/10/2019, TCT-2 đã tổ chức thành công lễ trao giấy chứng nhận cho các DEU. |

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA



Nguồn: JET

Hình 3.2-4 Lễ trao Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả



Nguồn: JET

Hình 3.2-5 Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (cấp độ 2 sao)

Sau khi thẩm định hồ sơ đăng ký, sáu (6) đơn vị đạt tiêu chí và được trao giấy chứng nhận, trong đó có một (1) đơn vị được trao giấy chứng nhận 2 sao và năm (5) đơn vị được trao giấy chứng nhận 1 sao.

Bảng 3.2-12 Danh sách các DEU được trao Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

| STT | Tên các DEU được trao giấy chứng nhận |
|-----|--|
| | [Giấy chứng nhận hai sao] |
| 1 | Công ty cổ phần Than Hà Tu - VINACOMIN |
| | [Giấy chứng nhận 1 sao] |
| 2 | Công ty TNHH MTV Vận tải và Chế biến than Đông Bắc |
| 3 | Công ty Dầu thực Vật Cái Lân |
| 4 | Công ty CP Viglacera Hạ Long 1 |
| 5 | Nhà máy nước Diên Vọng - Công ty CP nước sạch Quảng Ninh |
| 6 | Bệnh viện Đa khoa quốc tế Vinmec Hạ Long |

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

3) Hoạt động 2.5: Hàng năm, thực hiện tóm tắt kết quả và tiến độ của các hoạt động từ 2-1 đến 2-4 và kết hợp các thông tin vào Sách trắng Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, được lập trong Đầu ra -1.

TCT-2 đã soạn các bài viết phản ánh kết quả và tiến độ các hoạt động và các bài viết đó đã được đưa vào nội dung Sách trắng tăng trưởng xanh cho TCT-5 phụ trách.

4) Hoạt động 2.6: Căn cứ Đầu ra và tiến độ các hoạt động 2-1 đến 2-4, xây dựng và lập thành văn bản những quy định, cơ chế và tổ chức để tiếp tục và mở rộng các hoạt động quản lý môi trường trong các ngành trọng điểm đã chọn và bắt đầu tiến trình phê duyệt bởi tỉnh Quảng Ninh.

Từ đầu năm 2019, TCT-2 đã phối hợp với JET triển khai các nhiệm vụ rà soát sửa đổi và soạn nội dung mới cho Quyết định 708/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020. Tuy nhiên, ngày 13/3/2019 Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 280/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019 – 2030 (VNEEP), theo đó TCT-2 không cần phải soạn thảo nội dung chỉnh sửa quyết định hiện có mà tập trung xây dựng một quyết định mới theo tinh thần chỉ đạo của Quyết định 280 nêu trên.

Để triển khai nhiệm vụ xây dựng quyết định mới, TCT-2 đã thực hiện rà soát kết quả thực hiện Quyết định 708. Sau đó, với sự hỗ trợ của JET và chuyên gia thuê ngoài, TCT-2 đã nghiên cứu Quyết định số 280 và tổ chức các cuộc họp với các sở thành viên liên quan. Qua các cuộc thảo luận giữa TCT-2 và JET đã thống nhất tích hợp các chương trình từ A-F do dự án xây dựng khi soạn thảo nội dung quyết định mới. Ngoài ra, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Công Thương, Sở Công Thương đã căn cứ Quyết định số 280/QĐ-TTg xây dựng và trình Bộ Công Thương kế hoạch (Số 1114/SCT-QLNL) và đăng ký nhiệm vụ thực hiện trong năm 2020 trong đó có bao gồm sáu chương trình đã đề cập và xin kinh phí thực hiện các chương trình này.

Đối với quyết định mới, trong tháng 10/2019, Sở Công Thương đã dự thảo nội dung liên quan đến ngành Công Thương, tuy nhiên đến cuối Dự án, chưa có được các nội dung liên quan đến các ngành khác. Điều đó sở dĩ là vì theo quy trình, khi Thủ tướng Chính phủ ban hành một quyết định thì các bộ ngành liên quan sẽ ra văn bản hướng dẫn theo ngành dọc tới các địa phương (Bộ Công Thương có văn bản hướng dẫn Sở Công Thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường có văn bản hướng dẫn Sở TN&MT, v.v.). Trong trường hợp với Quyết định số 280 của Thủ tướng Chính phủ, các bộ ngành liên quan có hướng dẫn các địa phương trong công tác lập, phê duyệt và triển khai thực hiện kế

hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Tuy nhiên, trong khuôn khổ giai đoạn Dự án, một số bộ ngành chưa triển khai bước này. Hiện các sở ngành ở tỉnh Quảng Ninh chưa đồng loạt triển khai nhiệm vụ xây dựng nội dung dự thảo quyết định mà chỉ có duy nhất Bộ Công Thương đã có văn bản hướng dẫn, chính vì vậy chỉ có Sở Công Thương đã triển khai soạn thảo từ tháng Tám năm 2019.

Mặt khác, theo tinh thần chỉ đạo của Quyết định 280 của Thủ tướng Chính phủ, đến cuối năm 2019 các địa phương phải xây dựng được quyết định ban hành chương trình cho địa phương. Như vậy, khi bước hướng dẫn nêu trên được triển khai, quyết định ban hành chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho giai đoạn mới của tỉnh Quảng Ninh sẽ được hoàn tất một cách thuận lợi.

(2) JET tạo thuận lợi và hỗ trợ hoạt động của TCT-2

JET đã nỗ lực tạo thuận lợi cho hoạt động tổng thể của TCT-2 và chủ động lên kế hoạch và triển khai các hoạt động thí điểm, đặc biệt những hỗ trợ sau đây đã đóng góp đáng kể cho thành tựu của hoạt động TCT-2:

- Dự thảo và đề xuất các Chương trình từ A đến F;
- Hướng dẫn TCT-2 trong hoạt động triển khai từng chương trình không chỉ trong khuôn khổ các hoạt động thuộc dự án mà còn hỗ trợ duy trì hiệu lực của các chương trình này giai đoạn sau Dự án.
- Tư vấn kỹ thuật đánh giá, thẩm định hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả do các DEU trình.
- Hỗ trợ tổ chức lễ trao Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các DEU trình (Chương trình D) và bài giảng trong Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực quản lý năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (Chương trình E) cho các cán bộ quản lý nhà nước tỉnh.

(2) Kết quả đạt được trong hoạt động của TCT-2

Kết quả lớn nhất của TCT-2 là dự thảo nội dung quyết định mới ban hành chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho giai đoạn mới theo tinh thần Quyết định 280 của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định mới này bao gồm 6 chương trình Dự án đã xây dựng và thực hiện thử nghiệm và có nội dung thực tiễn hơn quyết định 708 về chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2016 – 2020. Ngoài ra, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững tại văn bản số 2651/BCT-TKNL ngày 17/4/2019; trong đó đề nghị Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng kế hoạch triển khai các nhiệm vụ thuộc Chương trình triển khai kế hoạch năm 2020 trong lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, Sở Công Thương đã có văn bản số 1114/SCT-QLNL gửi Bộ CT kế hoạch và đăng ký nhiệm vụ thực hiện năm 2020. Điều đó cho thấy Quyết định mới sẽ được đảm bảo thực thi về khía cạnh tài chính. Thực hiện quyết định mới, tỉnh sẽ triển khai được thêm nhiều hoạt động tiết kiệm năng lượng, mang lại hiệu quả tăng trưởng xanh cho tỉnh.

(3) Đánh giá chung về quá trình tham gia hoạt động của TCT-2

Thông qua các hoạt động thí điểm các chương trình đã xây dựng, các thành viên tổ công tác số 2 hiểu rõ hơn về hoạt động quản lý và tiết kiệm năng lượng, góp phần tăng trưởng xanh. Ngoài ra, để triển khai nhiệm vụ dự thảo nội dung quyết định mới theo tinh thần chỉ đạo của Quyết định 280, với ý kiến tham gia từ phía JET, TCT-2 đã rất tích cực thu thập thông tin, tham gia các cuộc hội thảo quốc gia và đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ thuộc Quyết định 708.

Tuy nhiên, hiện các thành viên của TCT chưa có đủ kinh nghiệm và thấu hiểu mặt kỹ thuật để triển khai quyết định mới. Vì vậy, nếu cần thiết TCT có thể cân nhắc thuê tư vấn bên ngoài đảm nhận nhiệm vụ vận hành quyết định mới và học hỏi thêm kinh nghiệm trong quản lý và tiết kiệm năng lượng và triển khai Quyết định mới.

3.2.3 Tổ công tác số 3: Thúc đẩy du lịch bền vững

(1) Tổng quan hoạt động TCT-3 (Hoạt động 3.1-3.5)

Ma trận thiết kế dự án (PDM) xác định Đầu ra 3, các chỉ số và hoạt động như sau:

| |
|---|
| Thực hiện hoạt động thí điểm các biện pháp kích thích tăng trưởng bền vững ngành du lịch. |
|---|

- | |
|---|
| <ul style="list-style-type: none">3.1 Cải thiện hoặc thiết lập thông tin du lịch góp phần phát triển du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long và cung cấp thông tin cho khách du lịch.3.2 Thúc đẩy Du lịch sinh thái thông qua cung cấp hoạt động tập huấn và chuyển giao kỹ thuật phát triển năng lực.3.3 Thiết kế và vận hành hệ thống nhãn xanh cho tàu du lịch trên vịnh Hạ Long (Chứng nhận Cánh buồm Xanh).3.4 Tóm tắt các Đầu ra và tiến độ của các hoạt động từ 3-1 đến 3-3 hằng năm và kết hợp thông tin vào Sách trắng về tăng trưởng xanh, sẽ được lập trong Đầu ra 1.3.5 Căn cứ các Đầu ra và tiến độ các hoạt động từ 3-1 đến 3-4, xây dựng và lập quy chế, cơ chế và tổ chức để tiếp tục, mở rộng hoạt động du lịch bền vững và bắt đầu quá trình phê duyệt bởi tỉnh Quảng Ninh. |
|---|

Sau đây là nội dung cụ thể các hoạt động đã triển khai căn cứ nhiệm vụ nêu chi tiết trong Kế hoạch thực thi (PO):

(2) Hoạt động thực hiện trong giai đoạn Dự án

1) Hoạt động 3.1: Cải thiện hoặc thiết lập thông tin du lịch góp phần phát triển du lịch bền vững tại khu vực vịnh Hạ Long và cung cấp thông tin tới khách du lịch

(a) Hoạt động 3.1.1: Thành lập Tổ công tác (TCT)

Tổ công tác số 3 (TCT-3) đã được thành lập đảm nhận nhiệm vụ điều hành và giám sát các hoạt động thuộc Đầu ra 3. Dưới đây là danh sách các thành viên ban đầu và bổ sung thuộc tổ công tác.

(b) Hoạt động 3.1.2: Xây dựng kế hoạch và hướng dẫn thực thi

Tháng Ba năm 2017, căn cứ Kế hoạch thực thi dự án được lập trong Giai đoạn 1, chuyên gia đã xây dựng kế hoạch hành động và hướng dẫn thực thi các hoạt động của TCT-3 dưới hình thức là Kế hoạch hoạt động năm, qua đó các thành viên TCT có căn cứ cùng phối hợp thực hiện.

Cuối tháng 12 năm 2016, một cuộc khảo sát cơ sở đã được triển khai nhằm xác định các chỉ số để đo lường mức độ tác động/lợi ích do hoạt động cải thiện thông tin du lịch mang lại. Sơ lược nội dung khảo sát như sau :

- Giai đoạn khảo sát được chọn trong khoảng thời gian nghỉ lễ Giáng sinh và Năm mới với mục đích thu thập phản hồi từ các đối tượng khách du lịch thuộc các quốc tịch khác nhau.
- Khảo sát dùng bảng hỏi để thu thập phản hồi từ khách du lịch đến khu vực vịnh Hạ Long tại các khách sạn 3-4 sao và tàu du lịch.
- Bảng hỏi khảo sát được soạn bằng cả hai ngôn ngữ Anh và Việt.
- Số lượng mẫu có phản hồi là 297.

Sau đây là kết quả cụ thể của cuộc khảo sát. Dự kiến rằng nếu công tác cải thiện thông tin du lịch được triển khai hiệu quả sẽ làm tăng hoặc cải thiện các giá trị chỉ số:

- 77% khách được khảo sát lần đầu thăm vịnh Hạ Long, tương đương với 23% khách quay lại.
- Chỉ 20% khách được khảo sát có thời gian ở lại vịnh Hạ Long trên 3 ngày.
- 80% khách được phỏng vấn hài lòng khi thăm vịnh Hạ Long, nhưng chỉ có 60% chọn phương án trả lời “Tuyệt vời”.
- Chỉ 41% khách được khảo sát có cơ hội thưởng thức ẩm thực trong các nhà hàng ở phố.
- Chỉ 33% khách được khảo sát mua quà lưu niệm khi thăm vịnh Hạ Long.

Qua khảo sát cơ sở đã thu thập được một số thông tin hữu ích khác, như:

- Gần một nửa số khách được khảo sát vẫn tìm hiểu thông tin du lịch thông qua kênh internet, trong đó có cả các trang mạng xã hội.
- Có đến 25% khách được phỏng vấn tìm hiểu thông tin du lịch thông qua các đơn vị lữ hành.
- Quà lưu niệm phổ biến khách được phỏng vấn quan tâm mua gồm ngọc trai, chả mực, hải sản, khăn choàng, mực khô, hào, v... nhiều khách được phỏng vấn vẫn chưa được biết đến sản phẩm OCOPI.

Nhằm quảng bá các điểm tham quan và các sản phẩm du lịch khác trong khu vực vịnh Hạ Long, cần khai thác mạnh mẽ hơn nữa các trang mạng xã hội (SNS), xúc tiến thông tin thông qua các đại lý lữ hành và cần quảng bá thông tin về các sản vật địa phương trên các tài liệu liên quan hoặc truyền thông.

(c) **Hoạt động 3.1.3: Xây dựng thương hiệu khu vực vịnh Hạ Long**

Cuộc khảo sát cơ sở đối tượng khách du lịch tháng Mười Hai năm 2016 đã thu thập được những thông tin về nhận thức của khách du lịch và nhu cầu của họ. Kết quả khảo sát thể hiện ý kiến của bên Cầu. Mặt khác, điều quan trọng là cần tìm hiểu ý kiến của người dân địa phương để định hướng quảng bá xúc tiến du lịch bền vững hiệu quả cho khu vực vịnh Hạ Long. Chính vì vậy, Dự án đã thực hiện một loạt các cuộc khảo sát nhóm với đối tượng là các địa phương để tìm hiểu quan điểm của bên Cung.

Tổng hợp kết quả phỏng vấn nhóm như sau:

- Hoạt động du lịch hiện nay ở khu vực vịnh Hạ Long chủ yếu là tham quan vịnh. Khi tuyến cao tốc Hà Nội – Hạ Long hoàn thành, dự kiến số khách nghỉ qua đêm ở khu vực sẽ giảm bớt. Như vậy, điều chắc chắn là cần mở rộng các sản phẩm du lịch và điểm du lịch để duy trì phần đóng góp quan trọng của du lịch cho kinh tế tỉnh.

Mục đích cuộc phỏng vấn nhóm:

- Mục đích phỏng vấn nhóm nhằm tìm hiểu quan điểm và ý tưởng của các bên liên quan và người dân địa phương trong khu vực vịnh Hạ Long đối với:
 - (1) Nhận thức về du lịch khu vực vịnh Hạ Long
 - (2) Ý tưởng tương lai phát triển du lịch khu vực vịnh Hạ Long
 - (3) Những chủ đề, câu chuyện, hoạt động hoặc sản phẩm nổi bật đáng tự hào khác ngoài sản phẩm thăm vịnh Hạ Long.

Các nhóm mục tiêu:

Một loạt các cuộc phỏng vấn nhóm đã triển khai tới các đối tượng nhóm sau đây:

- Các bên liên quan trong ngành du lịch (tập trung đối tượng là các nhà quản lý)
 - Khách sạn (hội viên thuộc hiệp hội du lịch)
 - Lữ hành (hội viên thuộc hiệp hội du lịch)
 - Công ty kinh doanh tàu du lịch kể cả cảng tàu du lịch Tuần Châu (hội viên hiệp hội du lịch)
 - Cửa hàng lưu niệm và nhà hàng có khách hàng gồm cả khách du lịch (cá nhân)
Hướng dẫn viên du lịch tự do, v.v.. (cá nhân).
- Các tổ chức đoàn thể xã hội
 - Hội phụ nữ 6 địa phương
 - Đoàn thanh niên 6 địa phương
 - Phòng kinh tế 6 địa phương
 - Sở Lao động – Thương binh – Xã hội
 - Hiệp hội du lịch
- Cơ quan ban ngành
 - Ban quản lý OCOP
 - IPA
 - Ban Quản lý vịnh Hạ Long
 - Sở Văn hóa – Thể thao
 - Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch
 - Phòng Văn hóa – Thông tin 6 địa phương, v.v..

Bảng 3.2-13 Tổng hợp các phỏng vấn nhóm

| STT | Thời gian | Đơn vị được phỏng vấn | Địa điểm phỏng vấn |
|-----|--------------------------|--|----------------------|
| 1 | Ngày 7/7/2017 | Nhóm các khách sạn và công ty lữ hành tại Hạ Long | Phòng họp Sở Du lịch |
| 2 | Ngày 14/7/2017 | Nhóm các công ty tàu du lịch tại Hạ Long | Phòng họp Sở Du lịch |
| 3 | Ngày 20/7/2017 | Nhóm các cơ quan, ban ngành tại Hạ Long | Phòng họp Sở Du lịch |
| 4 | Ngày 28/7/2017 | Phòng Quản lý di sản của Sở VH TT, trường ĐH Hạ Long, Hội Phụ nữ và Thành đoàn Hạ Long | Phòng họp Sở Du lịch |
| 5 | Ngày 2/8/2017 | Phòng VH TT, phòng GD&ĐT, trường THPT Uông Bí, Hội Phụ nữ và Thành đoàn Uông Bí | UBND Tp. Uông Bí |
| 6 | Ngày 9/8/2017 | Phòng VH TT, phòng GD&ĐT, trường THPT Bạch Đằng, Hội Phụ nữ và Đoàn Thanh niên Quảng Yên | UBND Tx. Quảng Yên |
| 7 | Ngày 16/8/2017 | Phòng VH TT, phòng GD&ĐT, trường THPT Cẩm Phả, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cẩm Phả | UBND Tp. Cẩm Phả |
| 8 | Ngày 17/8/2017 | Phòng VH TT, phòng GD&ĐT, trường THPT Hải Đảo, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên huyện Vân Đồn | UBND huyện Vân Đồn |
| 9 | Ngày 23/8/2017 | Phòng VH TT, phòng GD&ĐT, trường THPT Hoành Bồ, Đoàn Thanh niên huyện Hoành Bồ | UBND huyện Hoành Bồ |
| 10 | Từ ngày 27/7 – 18/8/2017 | Các HDV tự do, các nhà hàng, cửa hàng lưu niệm | Thành phố Hạ Long |

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Tổng quan về các đối tượng được phỏng vấn:

- Tham gia phỏng vấn: 84 người (trong đó có 69 người tham gia các cuộc phỏng vấn nhóm, 15 người tham gia phỏng vấn cá nhân), các đại biểu đến từ:
 - Khu vực tự nhân (gồm các khách sạn, công ty lữ hành, tàu du lịch, nhà hàng, cửa hàng lưu niệm và hướng dẫn viên du lịch).
 - Các cơ quan, ban, ngành tại Hạ Long (gồm Ban quản lý VHL, Sở VH TT, Ban quản lý OCOP, IPA và Trung tâm TTXTDL).
 - Phòng VH TT, phòng GD&ĐT, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Đại học Hạ Long, các trường PTTH tại 6 địa phương trong khu vực Vịnh Hạ Long.
- Chức danh người được phỏng vấn:
 - Phần lớn các đại biểu đến từ khu vực tư nhân giữ chức vụ quản lý hoặc chủ doanh nghiệp.
 - Phần lớn các đại biểu của các cơ quan, ban ngành và các tổ chức chính trị xã hội tại Hạ Long và các địa phương lân cận giữ các chức vụ lãnh đạo.
 - Các đại biểu đến từ trường ĐH Hạ Long và các trường THPT là giáo viên và học sinh.

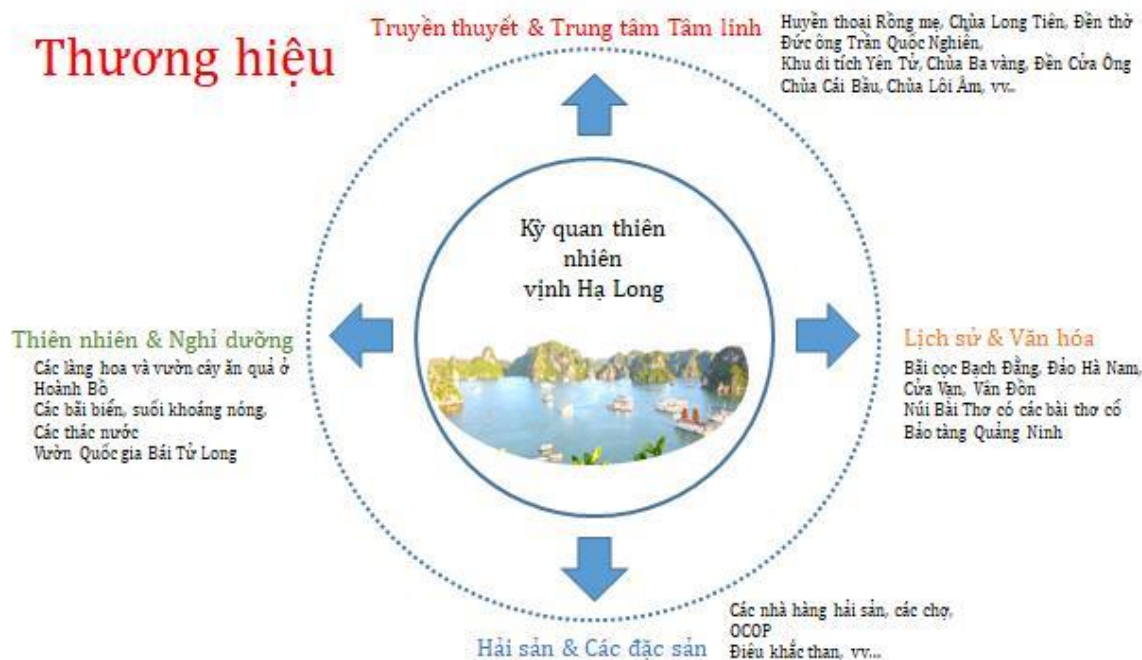
• Độ tuổi người được phỏng vấn:

| Dưới 18 tuổi | 18 tuổi – 25 tuổi | 26 tuổi – 40 tuổi | 41 tuổi - 55 tuổi | Trên 55 tuổi |
|--------------|-------------------|-------------------|-------------------|--------------|
| 2% | 12% | 41% | 31% | 14% |

• Quê quán của người được phỏng vấn:

- 77 % các đối tượng được phỏng vấn sinh ra tại các địa phương trong tỉnh Quảng Ninh.
- 21 % các đối tượng được phỏng vấn đến từ các tỉnh lân cận như Hải Phòng, Hải Dương, Hà Nội.
- Có 01 đại biểu đến từ tỉnh Lâm Đồng và 01 đại biểu là HDV du lịch được sinh ra ở đảo Tân Thế giới (New Caledonia).

Trên cơ sở nhận thức của cả khách du lịch và người dân địa phương, bốn chủ đề để mở rộng thương hiệu khu vực vịnh Hạ Long đã được đề xuất và thảo luận trong cuộc họp của TCT-3. Đó là: "Truyền thuyết và Tâm linh", "Lịch sử và Văn hoá", "Thiên nhiên và Nghỉ dưỡng" và "Hải sản và Đặc sản".



Nguồn: TCT-3 và nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-6 Đề xuất 4 chủ đề mở rộng thương hiệu khu vực vịnh Hạ Long

Những tài liệu thông tin du lịch và các hoạt động xúc tiến được xây dựng tập trung vào bốn chủ đề nêu trên nhằm thu hút khách du lịch tiềm năng và đồng thời chuẩn bị cho người dân địa phương và các bên liên quan trong hoạt động đón tiếp khách du lịch.

(d) Hoạt động 3.1.4: Lập danh sách những cá nhân / cơ quan nguồn cung cấp thông tin

Sở Du lịch tỉnh Quảng Ninh là cơ quan chịu trách nhiệm thu thập thông tin và các ảnh chụp cần thiết phục vụ công tác biên soạn thông tin du lịch. Ngoài ra, trong quá trình triển khai thực hiện các cuộc phỏng vấn nhóm, đã hình thành được các kênh thông tin gồm các phòng Văn hóa – Thông tin các huyện, Đại học Hạ Long và các tổ chức chính trị - xã hội.

(e) Hoạt động 3.1.5: Cung cấp công cụ và tài liệu thông tin du lịch (trang web, tập gấp, bản đồ, lịch sự kiện, video, v.v..)

Năm 2017, TCT đã chọn những tài liệu và công cụ thông tin du lịch để xây dựng căn cứ kết quả các cuộc khảo sát cơ sở, phỏng vấn nhóm tập trung và thảo luận về các chủ đề ưu tiên.

Bảng 3.2-14 Các tài liệu và công cụ thông tin du lịch đã chọn

| Loại tài liệu và công cụ | | Bản In | Trực tuyến | Nội dung cần thực hiện |
|-------------------------------|-----------|--------|------------|--|
| Website | | | ✓ | <p>URL: <i>halongtourism.com.vn</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm cho mọi người dễ dàng tìm thấy trang web này. - Tạo ra các trang riêng dành cho khách du lịch (B2C) và cho các doanh nghiệp (B2B). - Cập nhật thêm thông tin chi tiết đặc biệt dành cho các doanh nghiệp (B2B) - Liên kết với các dịch vụ mạng xã hội (SNS). - Cung cấp các tài liệu trực tuyến có thể tải xuống được, vv. |
| các dịch vụ mạng xã hội (SNS) | Facebook | | ✓ | <p><i>facebook.com/HalongTourismInformation/</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đã tạo trang Fan page bằng tiếng Anh - Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch (TTXTDL), cán bộ phụ trách về thông tin du lịch, hợp tác với khu vực tư nhân thường xuyên cập nhật thông tin. |
| | Instagram | | ✓ | <ul style="list-style-type: none"> - Đã đăng những hình ảnh bắt mắt cho khách du lịch tiềm năng. - Đã đăng ảnh các điểm du lịch chưa được biết đến để nâng cao nhận thức. |
| | YouTube | | ✓ | <ul style="list-style-type: none"> - Đã đăng các đoạn video ngắn về các địa điểm du lịch được đề xuất ... - Đã đăng các đoạn video ngắn do khách du lịch thực hiện... |
| Tập gấp (B2B) | | ✓ | ✓ | <ul style="list-style-type: none"> - Đã đưa các thông tin hữu ích cho các hãng lữ hành (các tuyến đường và các địa điểm du lịch cùng với việc đăng danh sách các doanh nghiệp du lịch địa phương, vv). - Đã đưa các thông tin về du lịch sinh thái, du lịch giáo dục, các tour khuyến mãi và du lịch MICE* ... |
| Bản đồ du lịch | | ✓ | ✓ | <ul style="list-style-type: none"> - Đã đưa các thông tin hướng dẫn thực tế dựa trên việc phân loại, ưu tiên các điểm tham quan, các địa danh và sản phẩm du lịch theo bốn chủ đề mở rộng thương hiệu khu vực vịnh Hạ Long. - Đã phân phát các bản đồ bằng tiếng Anh và tiếng Việt. |

MICE viết tắt cho Hội họp, Khen thưởng (du lịch thưởng), hội nghị và Triển lãm (sự kiện) có sự tham gia bởi các nhóm khách lớn tới cùng một điểm đến.

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Đến cuối Dự án, tất cả các tài liệu và công cụ thông tin du lịch đã được hoàn thiện và bàn giao cho Trung tâm xúc tiến thông tin du lịch, trực thuộc Sở Du lịch tỉnh Quảng Ninh quản lý.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-7 Bản đồ Du lịch khu vực vịnh Hạ Long

Ba trang mạng xã hội (SNS) đã được thiết lập và bắt đầu các hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch khu vực vịnh Hạ Long.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-8 Mẫu trang SNS được thiết lập quảng bá xúc tiến du lịch (Facebook)

Ngoài ra, các hoạt động Giấy chứng nhận cánh buồm xanh cũng được giới thiệu trên số tháng Mười năm 2018 của tạp chí trên máy bay của hãng hàng không quốc gia Việt Nam.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-9 Bài viết giới thiệu về hoạt động cấp Chứng nhận cánh buồm xanh

(f) Hoạt động 3.1.6: Tập huấn cho các bên liên quan đến hoạt động quản lý và xúc tiến thông tin du lịch, v.v..

Trong giai đoạn Dự án, TCT-3 và JET đã tổ chức các chương trình tập huấn và hội thảo, trong đó có bốn cuộc tập huấn về marketing trên trang mạng xã hội SNS và bốn cuộc hội thảo hợp tác Công – Tư (PPP). Thành phần tham dự các cuộc hội thảo PPP rất đa dạng với mục tiêu thúc đẩy du lịch bền vững khu vực vịnh Hạ Long.

Bảng 3.2-15 Các Chương trình tập huấn và Hội thảo PPP đã thực hiện

| Ngày | Chủ đề | Thành phần | Nội dung |
|-------------------------------|---|---|---|
| Tập huấn marketing SNS | | | |
| 14/06/2018 | Facebook | TCT-3, TTXTDL, 6 huyện thị, JET | <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò và tầm quan trọng của SNS trong quảng bá du lịch - Tập huấn lý thuyết và thực hành trong giao dịch với Facebook (nhóm, fan page, trang cá nhân) - Cách chạy quảng cáo trên Facebook |
| 08/08/2018 | YouTube | TCT-3, TTXTDL, 6 huyện thị, JET | <ul style="list-style-type: none"> - Cách làm việc trên YouTube - Cách tạo quảng cáo hấp dẫn trên YouTube |
| 07/09/2018 | Instagram | TCT-3, TTXTDL, 6 huyện thị, JET | <ul style="list-style-type: none"> - Cách làm việc trên Instagram - Cách tạo quảng cáo hấp dẫn trên Instagram |
| 10/10/2018 | Cải thiện trang web du lịch Quảng Ninh | TCT-3, TTXTDL, 6 huyện thị, JET | <ul style="list-style-type: none"> - Cách thức vận hành các trang thành phần trên trang web được cải thiện. - Các phương pháp quản lý trang web sau khi cải thiện |
| Hội thảo PPP | | | |
| 29/06/2018 | <ul style="list-style-type: none"> - Vai trò và đóng góp của du lịch - Phát triển du lịch bền vững ở tỉnh Quảng Ninh (Tiến sĩ Phạm Hồng Long, Trường khoa Du lịch, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn) | TCT-3, TTXTDL, Hiệp hội du lịch, JET (tổng cộng 50 người) | <ul style="list-style-type: none"> - Tầm quan trọng của vai trò và đóng góp của du lịch trong việc xây dựng tương lai - Phát triển du lịch bền vững ở tỉnh QN trong bối cảnh hội nhập |
| 14/09/2018 | <ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa Nhật Bản (Tiến sĩ Phạm Hồng Long, Trường khoa Du lịch, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn) - Khách du lịch Nhật Bản thăm vịnh Hạ Long (Ông Kitagawa, Giám đốc APEX) | TCT-3, TTXTDL, Hiệp hội du lịch, doanh nghiệp tư nhân, JET (tổng cộng 60 người) | <ul style="list-style-type: none"> - Văn hóa Nhật Bản và một số lưu ý để phục vụ khách du lịch Nhật Bản - Xu hướng của khách du lịch Nhật Bản tại khu vực Vịnh Hạ Long |
| 25/1/2019 | <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về thị trường khách du lịch Châu Âu đến Quảng Ninh – Hạ Long. - Diễn giả Vũ Nam (Vụ phó Vụ Thị trường, Tổng cục Du Lịch) | TCT-3, TTXTDL, Hiệp hội du lịch, doanh nghiệp tư nhân, JET (tổng cộng 60 người) | <ul style="list-style-type: none"> - Khái quát về du lịch thế giới, du lịch Việt Nam và khách du lịch châu Âu đến Việt Nam - Đặc điểm tâm lý và xu hướng tiêu dùng khách từ một số thị trường châu Âu, cụ thể (Anh, Pháp, Đức, Nga) Xúc tiến thu hút khách du lịch Châu Âu - Thảo luận |
| 18/4/2019 | <ul style="list-style-type: none"> - Du lịch Hạ Long và Du lịch tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh hội nhập; diễn giả Phạm Hồng Long (Trưởng khoa Du lịch trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn) - Định hướng chính sách phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh - diễn giả Phạm Hồng Long (Trưởng khoa Du lịch trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn) | TCT-3, TTXTDL, Hiệp hội du lịch, doanh nghiệp tư nhân, JET (tổng cộng 60 người) | <ul style="list-style-type: none"> - Du lịch Hạ Long và Du lịch tỉnh Quảng Ninh trong bối cảnh hội nhập; - Sản phẩm du lịch đặc thù tỉnh Quảng Ninh cần chú trọng; - Một số đề xuất định hướng chính sách phát triển du lịch tỉnh Quảng Ninh trong hoạt động hợp tác giữa khu vực công và khu vực tư nhân; - Thảo luận. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-10 Tổ chức hội thảo PPP

Các cuộc tập huấn marketing trên SNS và hội thảo PPP được tổ chức định kỳ đến tháng Tư 2019.

(g) **Hoạt động 3.1.7: Tổ chức các hoạt động quảng bá xúc tiến (sự kiện, FAM trip, tour truyền thông, v.v..)**

Bảng sau đây thống kê các hoạt động quảng bá xúc tiến đã triển khai trong khuôn khổ Dự án:

Bảng 3.2-16 Các hoạt động quảng bá xúc tiến

| Ngày | Hoạt động quảng bá | Thị trường mục tiêu | Ghi chú |
|------------------|---|--|--|
| 14-18 /01/ 2019 | Diễn đàn du lịch ASEAN 2019 (Trung bày tại gian hàng du lịch tỉnh Quảng Ninh) | <ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị lữ hành ở các nước ASEAN - Du lịch đại chúng trong mối quan tâm tới thị trường du lịch Hạ Long và du lịch Quảng Ninh | <ul style="list-style-type: none"> - Do ASEAN và Tổng cục du lịch VN (VNAT) tổ chức - Tổ chức tại Hạ Long |
| 28/03 -2/04 2018 | Hội chợ du lịch quốc tế Việt Nam (VITM) | <ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị lữ hành quốc tế - Các đại lý và đơn vị điều hành tour trong nước | <ul style="list-style-type: none"> - Hội chợ được tổ chức tại Hà Nội |
| 7-9/09/2018 | Hội chợ du lịch ITE-HCMC 2018 | <ul style="list-style-type: none"> - Các đơn vị lữ hành quốc tế - Các đại lý và đơn vị điều hành tour trong nước | <ul style="list-style-type: none"> - Hội chợ được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh. |
| 11-12/04/2019 | FAM Trip trên đảo Quan Lạn | <ul style="list-style-type: none"> - Các đại lý và đơn vị điều hành tour trong nước có trụ sở tại Hà Nội - Các đơn vị điều hành tour trong nước có trụ sở tại Hạ Long - Truyền thông trong nước | <ul style="list-style-type: none"> - 20 đại biểu đại diện các đại lý và đơn vị điều hành tour - 11 đại biểu đại diện các cơ quan truyền thông (một số do UBND huyện Vân Đồn mời dự) |
| 6-15/09/2019 | Giới thiệu Du lịch Việt Nam tại Nhật Bản | <ul style="list-style-type: none"> - Thị trường Nhật Bản (Tokyo, Yokohama và Sapporo) | <ul style="list-style-type: none"> - Tổng cục Du lịch phối hợp với Trung tâm Nhật Bản – ASEAN... tổ chức các sự kiện. - Bản đồ du lịch và tập gấp danh cho doanh nghiệp du lịch B2B do Dự án xây dựng đã được phát cho các đại biểu tham dự. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(h) **Hoạt động 3.1.8: Định kỳ cập nhật trên cơ sở phản hồi của khách du lịch**

Sau khi Dự án bàn giao các ấn phẩm và công cụ thông tin du lịch đã in ấn, xây dựng cho tỉnh Quảng Ninh, Trung tâm TTXD Du lịch Quảng Ninh đã triển khai sử dụng các sản phẩm đó trong các hoạt động quảng bá xúc tiến thông qua trung tâm và các đơn vị kinh doanh du lịch địa phương.

Ngoài ra, TTXDL Quảng Ninh vẫn thường xuyên cập nhật trang mạng xã hội SNS, đặc biệt là trang Facebook và trang web du lịch sau khi đã cải thiện.

(i) **Hoạt động 3.1.9: Theo dõi kết quả Đầu ra và tác động của hoạt động thí điểm,**

Bảng 2.3-22 sau thống kê con số các thành viên theo dõi trang mạng xã hội (SNS) do TTXDLD Quảng Ninh vận hành, như sau:

Bảng 3.2-17 Tăng lượng theo dõi trang mạng xã hội

| SNS | Tháng 4/2018 | Tháng 4/2019 | Ghi chú |
|-----------|---------------|----------------|---|
| Facebook | 54 lượt Thích | 540 lượt Thích | Một số bài viết đã thu hút được lượt xem |
| Instagram | 30 bài viết | 47 bài viết | Số người theo dõi tăng lên 67 tính đến tháng 4/2019 |
| YouTube | 4 video clips | 10 video clips | Thường xuyên đăng tải clip mới |

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Một ví dụ điển hình, tính đến cuối tháng 11 năm 2018, bài viết có tiêu đề "Truyền thuyết và tâm linh" đăng trên trang facebook Thông tin du lịch Hạ Long đã tiếp cận được 173.000 người trên thế giới và đạt được 34.500 lượt like ("Thích").

2) **Hoạt động 3.2: Thúc đẩy Du lịch sinh thái thông qua cung cấp hoạt động tập huấn và chuyển giao kỹ thuật phát triển năng lực.**

(a) **Hoạt động 3.2.1 Thành lập tổ công tác địa phương**

Ngày 20/6/2017, UBND huyện Vân Đồn ban hành Quyết định số 2929/QĐ-UBND về việc thành lập Ban du lịch sinh thái cộng đồng (Ban DLSTCD) và giao cho Ban nhiệm vụ thúc đẩy du lịch sinh thái đảo Quan Lạn và giữ vai trò là tổ công tác tại địa phương thuộc Đầu ra 3; hội thảo khởi động đã được tổ chức ngày 9/6/2017. Ban DLSTCD gồm 26 thành viên theo Quyết định số 3531/QĐ-BQLDSDLSTĐ ngày 28/7/2017 của UBND huyện Vân Đồn. Trong quá trình hoạt động, các thành viên đã được kiện toàn tại các quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 6/6/2019 và Quyết định số 3043/QĐ-UBND ngày 8/8/2019 của UBND huyện Vân Đồn. Sau khi được thành lập, Ban DLSTCD đảo Quan Lạn đã tổ chức được 28 cuộc họp. Trong nội dung Đính kèm của báo cáo này có trình bày cụ thể thời gian, chương trình, chủ đề thảo luận và thành phần tham dự các cuộc họp khởi động và họp Ban DLSTCD.

(b) **Hoạt động 3.2.2: Xây dựng các hành trình khám phá thúc đẩy du lịch sinh thái**

Hai hành trình khám phá đã được xác định thông qua nghiên cứu và các cuộc thảo luận trong các cuộc họp Ban DLSTCD năm 2018. Các thành viên Ban DLSTCD đã xây dựng nội dung thuyết minh cho từng hành trình khám phá. Ban DLSTCD đã tổ chức các cuộc họp thảo luận về hệ thống

vận hành và quản lý các hành trình này trước khi chính thức đưa hai sản phẩm này ra bán trên thị trường.

Bảng 3.2-18 Hai hành trình khám phá

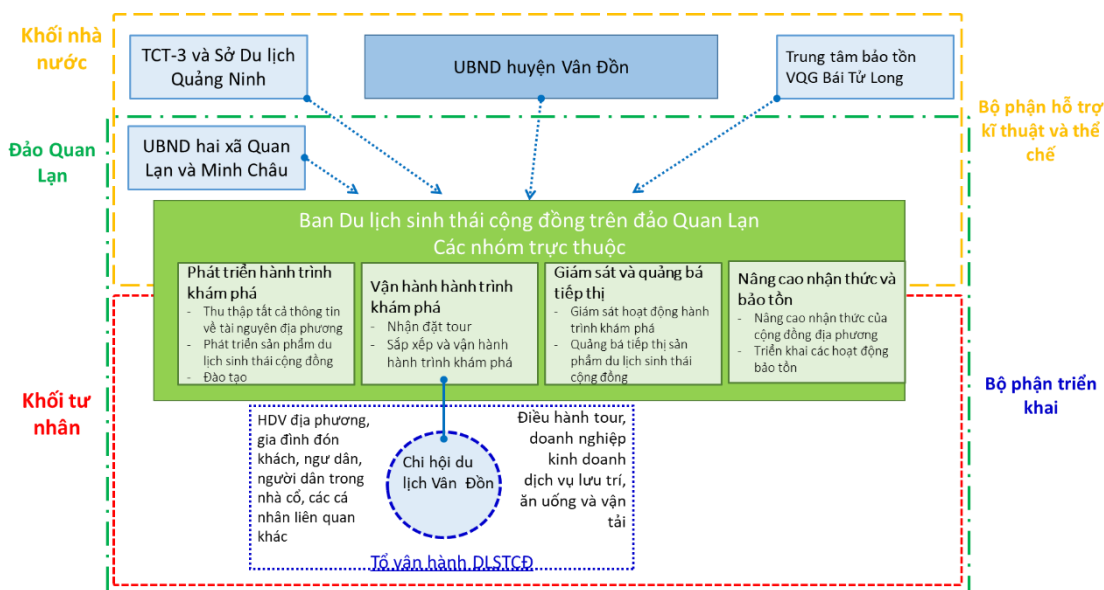
| Tên | Chủ đề và thông điệp | Đối tượng khách | Lịch trình |
|---|---|---|--|
| Hành trình khám phá 1: Lịch sử hào hùng và văn hóa đảo Quan Lạn | Chủ đề: Lịch sử hào hùng và văn hóa truyền thống đảo Quan Lạn Thông điệp: Lịch sử hào hùng được hình thành phát triển dựa trên đặc điểm thiên nhiên của đảo Quan Lạn. Thông qua cảm nhận và các hoạt động trải nghiệm, du khách có thể góp phần cho việc bảo tồn và kế thừa lịch sử và văn hóa của đảo Quan Lạn cho thế hệ tương lai. | Đối tượng khách mục tiêu: Sinh viên, học sinh, gia đình, khách du lịch quốc tế đi tự do quan tâm đến lịch sử | Tổng 2-3 giờ đồng hồ Điểm xuất phát (Giới thiệu 5 phút) → (1) Đình Quan Lạn (Thuyết minh và trải nghiệm 25 phút) →(2) Chùa Linh Quang (Thuyết minh 10 phút) →(3) Miếu ba tướng họ Phạm (Thuyết minh 10 phút) →(4) Đền Trần Khánh Dư (Di chuyển 5 phút, thuyết minh 10 phút) →(5) Căng Con Quy (di chuyển 15 phút, thuyết minh 10 phút) →(6) Sông Mang (Trải nghiệm 30 phút) →(7) Quay về điểm xuất phát (Di chuyển 10 phút) |
| Hành trình khám phá 2: Một ngày làm ngư dân. | Chủ đề: Trải nghiệm đời sống truyền thống thường nhật trên đảo Quan Lạn Thông điệp: Sinh kế truyền thống và điển hình tại đảo Quan Lạn là ngư nghiệp, nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp. Những sinh kế này bền vững với thiên nhiên tươi đẹp của đảo Quan Lạn. Qua các hoạt động trải nghiệm, du khách có thể thấy tầm quan trọng của những sinh kế này | Đối tượng mục tiêu: Sinh viên, học sinh, gia đình, các khách du lịch quốc tế (FIT) đi tự do quan tâm đến đời sống truyền thống của địa phương | Tổng thời gian: 3-4 giờ đồng hồ Điểm tập trung *1 (5') → (1) Nhà ngư dân*1 (di chuyển 10', chuẩn bị 10') → (2) Bãi triều*1 hoặc bãi biển (di chuyển 10', hướng dẫn 10') → (3) Trải nghiệm đánh cá *2 (1h) → (4) Nhà ngư dân *1 (di chuyển 10') → (5) Trải nghiệm nấu ăn và thưởng thức món ăn truyền thống *2 (nấu 1h, thưởng thức 1h) → (6) Quay trở về điểm xuất phát hoặc điểm tiếp theo (di chuyển 10'-15') |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-11 Hình ảnh hoạt động trong hai hành trình khám phá



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-12 Phác thảo ý tưởng hệ thống quản lý Ban DLSTCD trên đảo Quan Lạn

Bảng 3.2-19 Hệ thống vận hành các hành trình khám phá

| Nhóm vận hành | Chức năng cần thiết | Nhóm/cá nhân phụ trách | Hoạt động cụ thể |
|--------------------------------|--|--|---|
| Quảng bá tiếp thị | <ul style="list-style-type: none"> Chuẩn bị Quảng bá và tiếp thị hành trình khám phá | <ul style="list-style-type: none"> Ban DLSTCD Chi hội du lịch Vân Đồn | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo chất lượng hành trình Định giá hành trình Ban DLSTCD phân công Chi hội du lịch nhiệm vụ thực hiện các hoạt động xúc tiến Ban DLSTCD và Chi hội du lịch thực hiện các hoạt động xúc tiến, phân phát tài liệu xúc tiến như bản đồ hành trình và các tài liệu khác và cung cấp thông tin thông qua các trang mạng xã hội (SNS), trang web, v.v... |
| Tiếp nhận và xử lý đặt dịch vụ | <ul style="list-style-type: none"> Cung cấp thông tin, giải đáp thắc mắc Đặt dịch vụ | <ul style="list-style-type: none"> Ban DLSTCD & Chi hội du lịch Vân Đồn Chi hội du lịch Vân Đồn | <ul style="list-style-type: none"> Nhận thông tin liên lạc và thắc mắc từ phía khách tham quan và khách tiềm năng và giải đáp các thắc mắc đó Ban DLSTCD phân công Chi hội du lịch nhiệm vụ đặt dịch vụ hành trình khám phá Chi hội du lịch nhận đặt dịch vụ từ khách thông qua mạng internet và qua điện thoại Giải thích các điều kiện các hành trình khám phá Viết phiếu đặt dịch vụ (phiếu điều tour) |
| Chuẩn bị | <ul style="list-style-type: none"> Điều phối các bên liên quan Chuẩn bị các hạng mục cần thiết | <ul style="list-style-type: none"> Chi hội du lịch (Điều phối viên) hướng dẫn viên địa phương, những người liên quan | <ul style="list-style-type: none"> Chọn hướng dẫn phù hợp từ danh sách các hướng dẫn do Ban DLSTCD lập Căn cứ hành trình cụ thể, liên lạc với những người liên quan, ngư dân, người dân có nhà cổ Bố trí xe điện đón khách Hướng dẫn viên địa phương và những người liên quan chuẩn bị các hạng mục cần thiết Hướng dẫn viên địa phương xác nhận toàn bộ chương trình hành trình và trình tự hành trình |
| Thực hiện hành trình | <ul style="list-style-type: none"> Vận hành hành trình khám phá | <ul style="list-style-type: none"> hướng dẫn viên địa phương Vận tải Hộ ngư dân Những người liên quan khác | <ul style="list-style-type: none"> hướng dẫn viên địa phương chào đón khách và hướng dẫn, dẫn đoàn đi hành trình khám phá Bố trí xe điện đợi đón khách và đưa khách đi hành trình theo hướng dẫn của hướng dẫn viên Trải nghiệm đời sống thường nhật và đánh cá cùng ngư dân sẽ tuân thủ theo hướng dẫn của ngư dân Trải nghiệm chèo thuyền sẽ được những người liên quan tổ chức thực hiện Hướng dẫn viên địa phương tổng kết khi kết thúc hành trình |

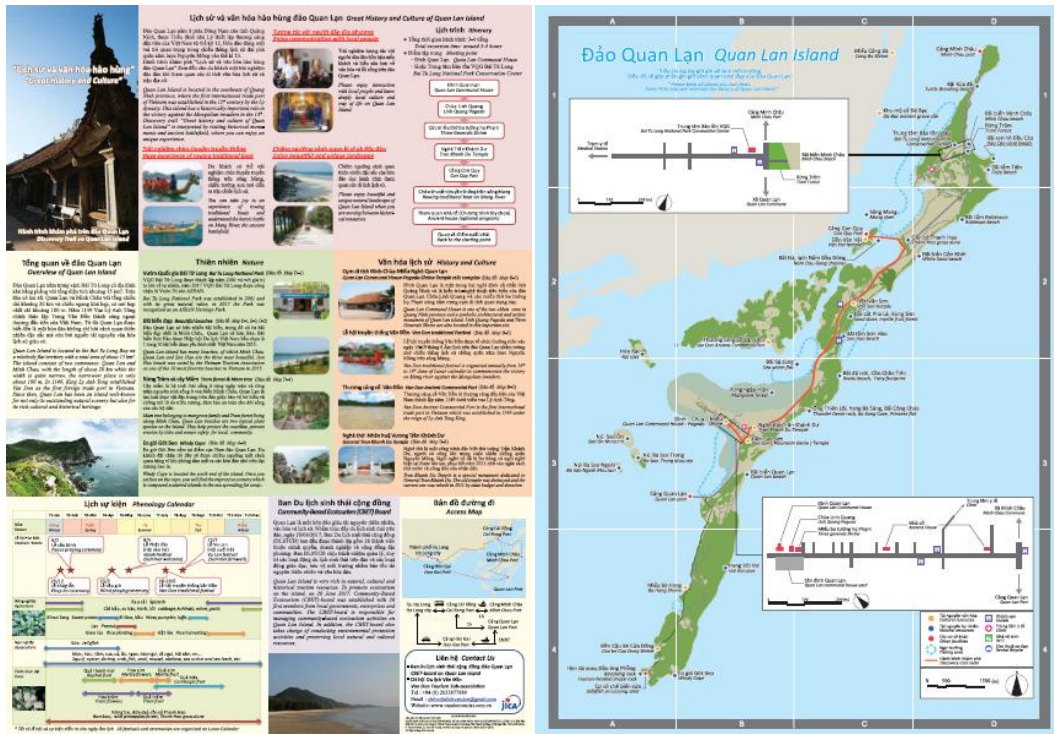
| Nhóm vận hành | Chức năng cần thiết | Nhóm/cá nhân phụ trách | Hoạt động cụ thể |
|-----------------------|---|--|---|
| Sau hành trình | - Kế toán sổ sách - Giám sát hành trình khám phá | - Ban DLSTCĐ - Kế toán - Điều phối viên - Đại diện Ban DLSTCĐ (chia nhóm) | - Ban DLSTCĐ giao một kế toán quản lý thu chi liên quan đến hành trình khám phá - Thực hiện thủ tục thanh toán và quyết định chi trả cho những người liên quan và ghi chép sổ sách - Điều phối viên thu thập các phiếu theo dõi và phản hồi của khách trên bảng hỏi - Ban DLSTCĐ giám sát hành trình khám phá - Ban DLSTCĐ phân tích phản hồi của khách - Đánh giá hiện trạng hành trình khám phá thông qua hoạt động giám sát và phản hồi của khách |
| Chuẩn bị cho tour mới | - Tiếp thị và Quảng bá - Kiểm soát chất lượng - Quản lý Quỹ của Ban DLSTC | - Ban DLSTCĐ và Chi hội du lịch - Kế toán - Ban DLSTCĐ | - Thực hiện hoạt động quảng bá mới căn cứ đánh giá - Kiểm tra và kiểm soát chất lượng hành trình khám phá căn kết quả theo dõi và đánh giá - Giữ quỹ của Ban DLSTCĐ - Thảo luận cách thức sử dụng quỹ của Ban DLSTCĐ liên quan đến cộng đồng và thực hiện chi tiêu |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(c) **Hoạt động 3.2.3: Cung cấp công cụ và tài liệu thông tin du lịch (chủ yếu là tập gấp và bản đồ)**

Các cuộc họp Ban DLSTCĐ đã thảo luận và xây dựng nội dung các tập gấp bản đồ hành trình khám phá và đây là tài liệu thông tin du lịch mẫu sử dụng cho du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn. Thiết kế và nội dung của tập gấp đã được xác nhận trong cuộc họp Ban DLSTCĐ và được Ban Chỉ đạo dự án phê duyệt cho phép in ấn.

Tập gấp của hai hành trình khám phá đã được triển khai in và hoàn tất trong tháng Mười Hai 2018.

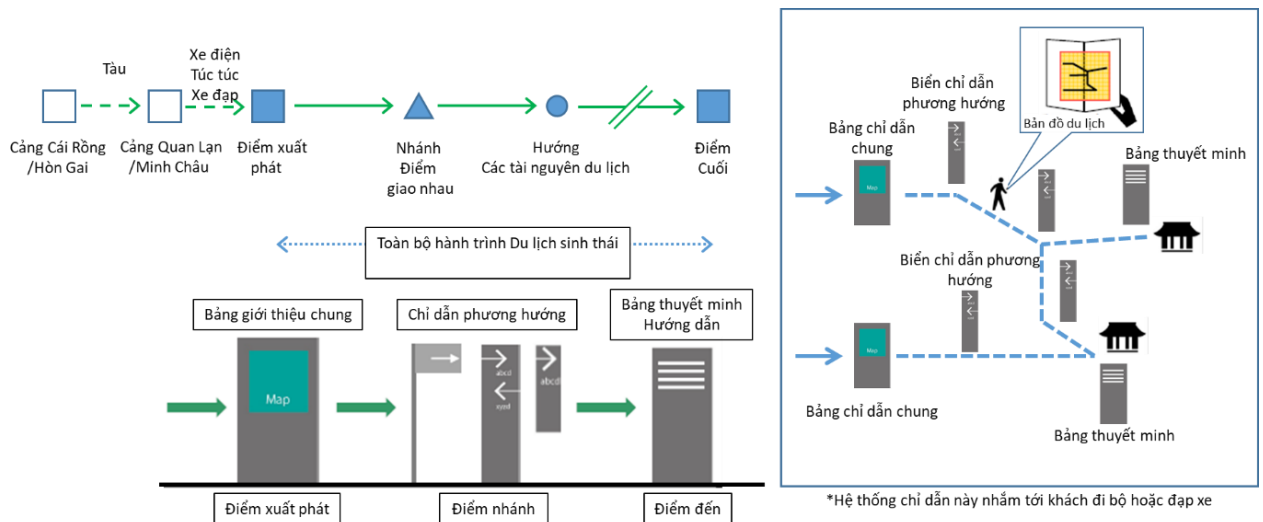


Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-13 Thiết kế tập gấp các hành trình khám phá

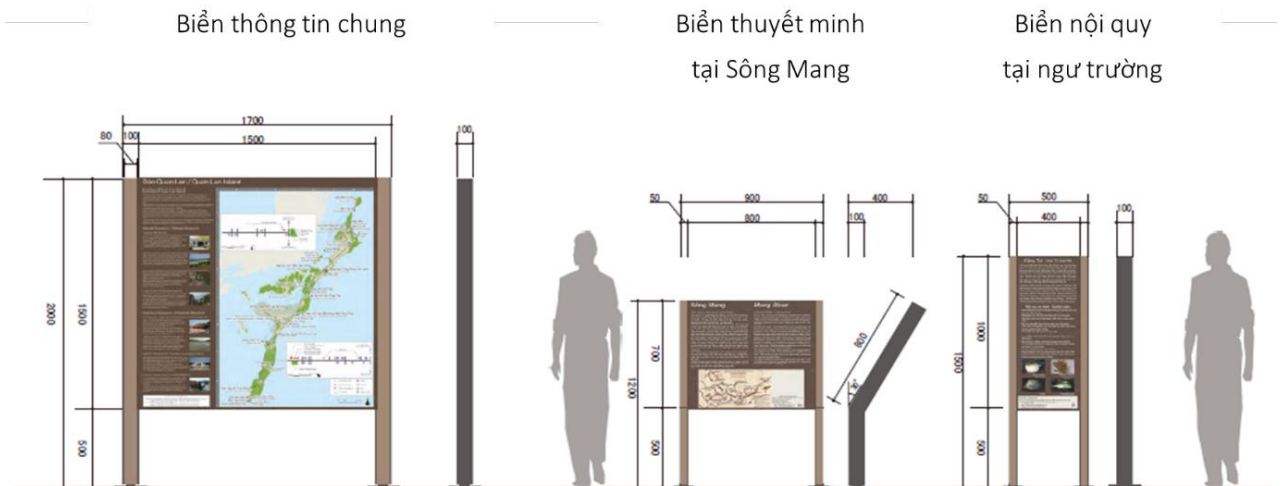
(d) Hoạt động 3.2.4: Lắp biển chỉ dẫn tại điểm và thuyết minh

Các cuộc họp Ban DLSTCĐ đã thảo luận về hệ thống biển chỉ dẫn tại điểm. Tháng Ba năm 2019, Dự án đã lắp thí điểm năm biển chỉ dẫn gồm 2 biển thông tin chung, 1 biển thuyết minh và hai biển nội quy. Các cuộc họp Ban DLSTCĐ đã thảo luận cụ thể về thiết kế và nội dung năm biển thí điểm này và đã được Ban Chỉ đạo dự án phê duyệt tại QĐ số 117/QĐ-UBND ngày 25/12/2018 về việc phê duyệt nội dung và thông số kỹ thuật hệ thống biển chỉ dẫn 2 hành trình khám phá của Ban DLSTCĐ trên đảo Quan Lạn.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-14 Sơ đồ hệ thống biển chỉ dẫn du lịch sinh thái cộng đồng trên đảo Quan Lạn



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-15 Thiết kế sơ bộ biển chỉ dẫn



| Loại biển báo | Số lượng |
|-----------------------------|----------|
| ■ Biển thông tin chung | 2 |
| ▲ Biển chỉ dẫn phương hướng | 12 |
| ● Thuyết minh kèm nội quy | 5 |
| ● Bảng thuyết minh | 5 |
| ● Bảng nội quy | 7 |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-16 Mặt bằng tổng thể hệ thống biển chỉ dẫn trên đảo Quan Lạn

(e) **Hoạt động 3.2.5: Tập huấn cho các hướng dẫn viên, doanh nghiệp du lịch và dịch vụ, cộng đồng địa phương, v.v...**

Căn cứ yêu cầu của Ban DLSTCĐ, TCT-3 và JET đã tổ chức các chương trình đào tạo tập huấn cho những đối tượng tham gia hoạt động du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn. Bốn chương trình đào tạo được tổ chức và có sự hợp tác của các giảng viên của trường Đại học Hạ Long.

Bảng 3.2-20 Các chương trình tập huấn trong giai đoạn từ tháng 10/2018 đến tháng 11/2018

| Chương trình tập huấn | Giai đoạn | Số học viên | Số học viên được cấp chứng nhận | Nội dung |
|---|---|-------------|---------------------------------|--|
| Hướng dẫn viên tại điểm | 24 - 26/10/2018 2.5 ngày | 32 | 32 | Tập huấn về lý thuyết cơ bản và thực hành hướng dẫn tour, đặc biệt là đối với 2 hành trình khám phá |
| marketing Du lịch | 27 – 28/10/2018 2 ngày | 25 | 18 | Tổng quan về Du lịch Việt Nam, marketing du lịch, chiến lược marketing, marketing online và du lịch có trách nhiệm |
| Kỹ năng giao tiếp và văn hóa ứng xử trong hoạt động du lịch | 29 – 30/10/2018 2 ngày | 21 | 21 | Tập huấn về kỹ năng giao tiếp, lắng nghe và kỹ năng xử lý tình huống, chăm sóc khách hàng, quy tắc ứng xử trong du lịch cho cộng đồng địa phương |
| Tiếng anh giao tiếp | 16 – 19/11/2018 21 – 27/11/2018 10 ngày | 32 | 23 | Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh trong nhiều tình huống liên quan đến các hoạt động du lịch sinh thái tại đảo Quan Lạn |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(f) **Hoạt động 3.2.6: Tổ chức các hoạt động quảng bá xúc tiến (sự kiện, FAM trip, tour truyền thông, v.v.)**

Trung tâm TTXTDL Quảng Ninh đã phối hợp với Ban DLSTCĐ đảo Quan Lạn tổ chức chuyến FAM trip (chuyến du lịch giới thiệu làm quen) trong hai ngày 11 và 12 tháng 4 năm 2019 với mục đích giới thiệu các hành trình khám phá mới được xây dựng trên đảo Quan Lạn.

FAM trip đã đón 20 đại biểu từ các đơn vị và đại lý lữ hành ở Hà Nội và Quảng Ninh và 11 đại biểu từ các cơ quan truyền thông đại chúng, trong đó gồm cả các đơn vị truyền thông báo chí do UBND huyện Vân Đồn mời. Bảng sau đây tổng hợp chương trình FAM trip.

Bảng 3.2-21 Chương trình tổ chức đoàn FAM trip tại đảo Quan Lạn

| Thời gian | Chương trình |
|---------------------|---|
| Ngày 1 (11/04/2019) | |
| 6:00 – 6:30 | Đón khách mời là các công ty lữ hành tại Hà Nội |
| 6:30 – 9:30 | Xuất phát từ Hà Nội đi Hạ Long (xe ô tô 45 chỗ đi đường cao tốc) |
| 9:30 – 9:45 | Xe đón các đại diện lữ hành tại Quảng Ninh và các thành viên chuyên gia JICA (JET), TCT-3, Ban QLDA, Hiệp hội du lịch QN, đại diện Báo chí truyền thông tại Hạ Long đi cảng Cái Rồng - Vân Đồn (đón tập trung tại 2 điểm duy nhất: Khách sạn Nam Đạt và Trung tâm hội nghị tỉnh) |
| 9:45 – 11:10 | Xuất phát từ Hạ Long đi cảng Cái Rồng |
| 11:10 – 12:00 | Đi tàu cao tốc riêng từ cảng Cái Rồng ra đảo Quan Lạn |
| 12:00 – 13:30 | -Xe điện đón đoàn đến khách sạn Ann, nhận phòng, ăn trưa tại nhà hàng của khách sạn Ann - Phát tập gấp 2 hành trình khám phá cho các thành viên trong đoàn để tìm hiểu trước khi đi. |
| 13:30 – 14:00 | Nghỉ trưa |
| 14:30 – 17:30 | Xe điện đưa đoàn trải nghiệm hành trình 01 “ Khám phá lịch sử & văn hóa hào hùng đảo Quan Lạn” (Thăm quan Đình Quan Lạn, Chùa Linh Quang, Miếu thờ Ba tướng họ Phạm, Nghè Trần Khánh Dư, chèo thuyền rồng trên Sông Mang,...) |
| 17:30 – 18:30 | Đoàn về Khách sạn nghỉ ngơi. |
| 18:30 – 22:30 | Ăn tối BBQ kết hợp giao lưu giữa Doanh nghiệp địa phương và các đơn vị lữ hành, trao đổi danh thiếp; Giao lưu văn nghệ đốt lửa trại tại nhà hàng bãi biển Quan Lạn |
| Ngày 2 (12/04/2019) | |
| 6:15 – 6:50 | Ăn sáng tại KS Ann |
| 7:00 – 10:00 | Xe điện đón đoàn tại KS đi trải nghiệm Hành trình Khám phá 02 “ Một ngày làm ngư dân trên đảo Quan Lạn” (Bao gồm các hoạt động trải nghiệm đánh cá truyền thống, tiếp xúc với người dân địa phương) |
| 10:00 – 11:00 | Đoàn về KS Ann, thay giày, quần áo bẩn sau hành trình tập làm ngư dân, trả phòng, di chuyển sang KS Ngân Hà để tổng kết chương trình Famtrip. |
| 11:00 – 12:00 | Tổng kết chương trình Famtrip tại KS Ngân Hà; Phát bảng hỏi lấy ý kiến phản hồi của các thành viên đoàn Famtrip và trao đổi thảo luận ngắn giữa đại diện Dự án và Doanh nghiệp lữ hành về các Hành trình Khám phá. |
| 12:00 – 13:10 | Ăn trưa tại nhà hàng của KS Ngân Hà |
| 13:10 – 13:30 | Xe điện đón đoàn tại KS Ngân Hà, di chuyển ra bến Quan Lạn |
| 13:30 -14:30 | Tàu cao tốc đưa đoàn từ Quan Lạn về bến Cái Rồng |
| 14:30 – 18:00 | Khởi hành về Hà Nội, xe ô tô 45 chỗ đón tại bến Cái Rồng. |

Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

(g) **Hoạt động 3.2.7: Định kỳ cập nhật trên cơ sở phản hồi của khách du lịch**

Sau khi tổ chức FAM trip, TTXTDL Quảng Ninh đã tổng hợp kết quả thu tập từ các phiếu hỏi và ý kiến của các đại biểu đã tham gia hai hành trình và kết hợp tham gia của chuyên gia JICA. Trung tâm đã thông báo Ban DLSTCĐ các ý kiến tham gia về cách thức chính thức vận hành hai hành trình khám phá. Ban DLSTCĐ đã tổ chức thảo luận về những thách thức và cùng thống nhất nội dung các biện pháp vận hành các hành trình khám phá. Thông qua các cuộc họp Ban DLSTCĐ, Ban

đã soạn thảo được mẫu phiếu hỏi để khách du lịch đóng góp ý kiến khi tham gia các hành trình khám phá.

(h) **Hoạt động 3.2.8: Theo dõi kết quả Đầu ra và tác động của hoạt động thí điểm**

Trên cơ sở những ý kiến phản hồi của các đại biểu tham gia FAM trip và của khách du lịch, Ban đã cập nhật các hướng dẫn và quy chế vận hành. Trong tương lai, Ban DLSTCĐ sẽ liên tục duy trì hoạt động cập nhật này.

3) **Hoạt động 3.3: Thiết kế và vận hành hệ thống nhãn xanh cho tàu du lịch trên vịnh Hạ Long (Chứng nhận Cánh buồm Xanh).**

Dự án đã thực hiện những hoạt động thiết kế và vận hành hệ thống nhãn Cánh Buồm Xanh cho tàu du lịch trên vịnh Hạ Long, sau đây:

(a) **Hoạt động 3.3.1: Xem xét tiêu chí và chính sách khuyến khích áp dụng cho Giấy chứng nhận Cánh buồm xanh**

TCT-3 và JET đã phối hợp nghiên cứu các căn cứ pháp lý và thực tiễn liên quan ở tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam và các quốc gia khác.

Những văn bản đã nghiên cứu bao gồm:

- Quyết định số 1069/2016/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tạm thời về quản lý hoạt động tàu du lịch trên vịnh Hạ Long, vịnh Bái Tử Long;
- Quyết định số 716/2011/QĐ-UBND của UBND tỉnh Quảng Ninh: Quy định về việc quản lý hoạt động tàu vận chuyển khách tham quan du lịch và tàu lưu trú khách du lịch trên Vịnh Hạ Long.
- QCVN17:2011/BGTVT: Quy chuẩn KTQG “Quy phạm về ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa”.
- QCVN 72: 2013: Đặc tính kỹ thuật phân cấp và đóng phương tiện thủy nội địa
- TCVN9372:2012: Tiêu chuẩn quốc gia tàu thủy lưu trú du lịch - Xếp hạng
- VTOS-TBS: Bộ tiêu chuẩn nghề DLVN - nghiệp vụ tàu thủy du lịch do Tổng cục du lịch ban hành năm 2015
- GLT: chứng nhận nhãn du lịch bền vững Bông sen xanh cho các cơ sở lưu trú
- GSTC: Hội đồng du lịch bền vững toàn cầu
- Travelife: một tổ chức cấp chứng chỉ nhãn sinh thái quốc tế

Tháng Sáu năm 2017, bản dự thảo đầu tiên tiêu chí nhãn cánh buồm xanh được biên soạn, gồm 98 tiêu chí theo 4 nhóm (gồm quản lý doanh nghiệp bền vững, tính bền vững kinh tế, tính bền vững về văn hóa và xã hội, tính bền vững môi trường thiên nhiên).

Trên cơ sở bản dự thảo đầu tiên các tiêu chí CBX, Dự án đã triển khai khảo sát và tham vấn các đối tượng gồm các đơn vị tàu và các sở ban ngành đối với nội dung các tiêu chí, quy trình thẩm định và những khuyến khích áp dụng cho giấy chứng nhận cánh buồm xanh.

Các ý kiến tham vấn, kết luận đề cập tới các chính sách khuyến khích, tóm tắt như sau

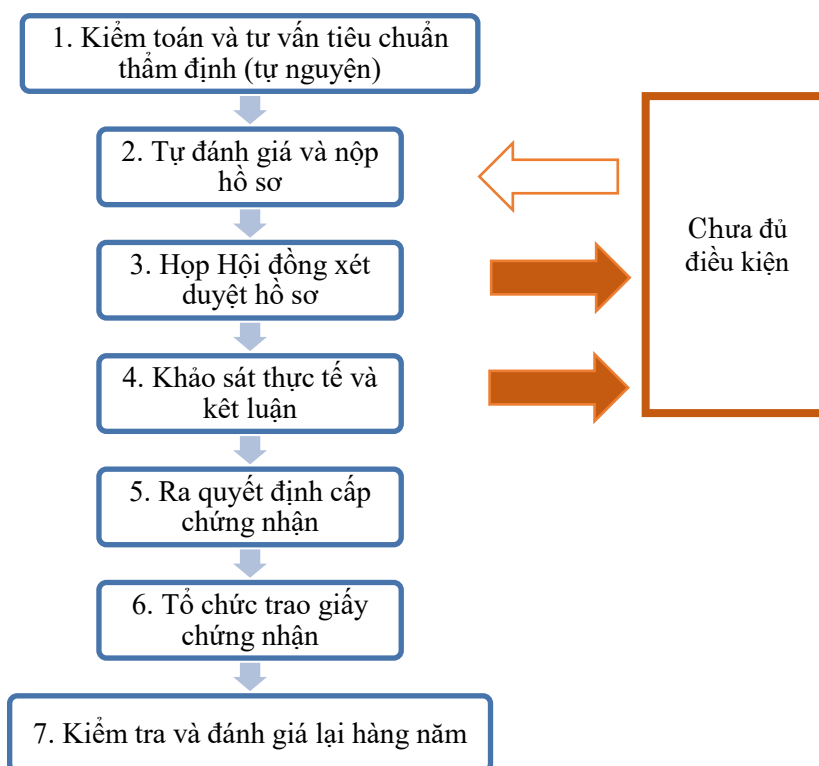
- Các biện pháp ưu đãi thuộc nhóm Cấp phép và Thủ tục được rất nhiều đơn vị tàu thủy quan tâm

gồm (i) cấp phép đa dạng hóa các dịch vụ trên vịnh và (ii) giãn lịch kiểm tra các điều kiện kinh doanh. Nếu phương án đưa ra là phù hợp và được sự chấp thuận của các bên liên quan thì có thể báo cáo các cấp có thẩm quyền quyết định.

- Hầu hết các biện pháp ưu đãi về tài chính là khả thi và được các đơn vị kinh doanh rất quan tâm như (i) Cho vay vốn ưu đãi để đầu tư, (ii) hoàn trả phí đăng ký thẩm định và (iii) thu mức phí tham quan thấp hơn.

Ban QLDA và TCT-3 đã thống nhất giao TCT-3 chủ trì thành lập Hội đồng thẩm định và cấp chứng chỉ CBX. Hội đồng đảm trách nhiệm vụ quản lý thẩm định và cấp nhãn CBX trong giai đoạn thí điểm. Trụ sở văn phòng Hội đồng đặt tại Sở du lịch và hai chuyên viên của Sở phụ trách tiếp nhận, bố trí xử lý hồ sơ và cấp nhãn. Các cơ quan ủy viên khác hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, theo từng đợt tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký đánh giá và cấp chứng nhận của các doanh nghiệp tàu thủy và tham gia các hoạt động định kỳ của Hội đồng khi được triệu tập.

Đề xuất quy trình cấp chứng nhận nhãn sinh thái Cánh Buồm Xanh trong thời gian thí điểm như Sơ đồ sau:



Nguồn: Nhóm chuyên gia JICA

Hình 3.2-17 Quy trình đánh giá và cấp nhãn sinh thái Cánh buồm xanh

(b) Hoạt động 3.3.2: Xin chính thức phê duyệt tiêu chí cấp nhãn

Theo yêu cầu của Ban QLDA từ tháng 11/2017, các chuyên gia của JET đã hỗ trợ TCT-3 thực hiện nhiệm vụ trình Ban chỉ đạo xin phê duyệt.

Bảng 3.2-22 Các hoạt động trong thủ tục chính thức phê duyệt Chứng nhận cánh buồm xanh

| STT | Hoạt động | Ngày |
|-----|--|---------------------|
| 1 | Xây dựng đề xuất Chứng nhận cánh buồm xanh và xin ý kiến các sở ngành địa phương liên quan | T11/2017 – T3/ 2018 |
| 2 | Hỗ trợ TCT-3 soạn nội dung tiếp thu, giải trình theo yêu cầu của Ban QLDA và những ý kiến tham gia của các cơ quan | T5/- T7/ 2018 |
| 3 | Tổ chức TCT-3 và dự các cuộc họp Ban chỉ đạo | T11/2017 – T3/2018 |
| 4 | Dự thảo kế hoạch truyền thông và triển khai các hoạt động truyền thông | T4 –T6/2018 |
| 5 | Dự thảo kế hoạch thực thi và chi tiết kế hoạch ngân sách triển khai Chứng nhận cánh buồm xanh | T5/2018 |
| 6 | Quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt bộ tiêu chí Giấy chứng nhận CBX | Tháng 6/2018 |
| 7 | Quyết định của Sở Du lịch tỉnh Quảng Ninh thành lập Hội đồng thẩm định thí điểm Giấy chứng nhận CBX | Tháng 8/2018 |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(c) Hoạt động 3.3.3: Triển khai thí điểm cấp chứng nhận cánh buồm xanh

TCT-3 đã thảo luận với các cơ quan có thẩm quyền và các công ty kinh doanh tàu thủy du lịch quan tâm tới Chứng nhận cánh buồm xanh (CBX). JET và TCT-3 đã hỗ trợ các công ty làm hồ sơ đăng ký Chứng nhận cánh buồm xanh cho 36 con tàu.

Bảng 3.2-23 Các hoạt động trao Giấy chứng nhận CBX

| STT | Hoạt động | Ngày |
|-----|--|-------------------------|
| 1 | Gặp gỡ các công ty Biên Ngọc và Bhaya để thảo luận về các hoạt động thí điểm (đợt 1) | T5/2018 |
| 2 | Hướng dẫn công ty Biên Ngọc và Bhaya chuẩn bị tài liệu kiểm tra tiêu chí CBX | T6/ 2018 |
| 3 | Kiểm tra hồ sơ đăng ký của công ty Biên Ngọc và Bhaya Cruise | T7/ 2018 |
| 4 | Bài trình chiếu tại cuộc họp với các công ty thuyền (đợt 2) | T9/ 2018 |
| 5 | Tổ chức họp với các công ty tàu, xây dựng kế hoạch thực hiện | T9/ 2018 |
| 6 | Hỗ trợ các công ty tàu làm hồ sơ đăng ký (34 tàu của các công ty Paradise, Syrena, Biên Ngọc, Athena, Princess và Bhaya Cruise) | T11/2018 |
| 7 | Lập kế hoạch và thực hiện 02 cuộc kiểm tra rà soát các tiêu chí trên hồ sơ đăng ký và trực tiếp trên tàu của các công ty nộp hồ sơ | T6, T7, T10 và T11/2018 |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(d) Hoạt động 3.3.4: Thẩm định hồ sơ đăng ký và trao giấy chứng nhận

Tháng 9/2018, trong đợt cấp nhãn CBX lần thứ nhất, UBND tỉnh đã trao giấy chứng nhận cho hai công ty tàu thủy du lịch. Tháng 12/2018, trong đợt cấp nhãn CBX lần thứ hai, có 34 con tàu tham gia nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận CBX và tất cả đều được UBND tỉnh trao giấy chứng nhận.

Bảng 3.2-24 Các hoạt động đăng ký và trao Giấy chứng nhận CBX

| STT | Hoạt động | Ngày |
|-----|---|----------|
| 1 | Chuẩn bị và tham dự phiên làm việc đầu tiên của Hội đồng thẩm định nhãn CBX để tiến hành thẩm định các hồ sơ đăng ký cấp nhãn của Công ty Biên Ngọc và Bhaya | T7/2018 |
| 2 | Chuẩn bị (chương trình đánh giá tàu, mẫu đánh giá) và Hội đồng thực hiện thẩm định; báo cáo và theo dõi | T8/2018 |
| 3 | Thiết kế lại logo CBX, hỗ trợ thiết kế phông lễ trao Giấy chứng nhận, in ấn chứng nhận, quyết định của Hội đồng CBX | T8/2018 |
| 4 | Viết bài phát biểu trong lễ trao giải. Hỗ trợ tổ chức lễ trao giải CBX (thư mời, chương trình và tài liệu, bài trình bày, clip hình ảnh trong lễ trao giải CBX) | T9/2018 |
| 5 | Tổ chức lễ trao giải CBX lần thứ nhất và chia sẻ tin tức với các cơ quan báo chí | T9/2018 |
| 6 | Chuẩn bị và tham dự cuộc họp thứ 2 với các công ty tàu, báo cáo | T10/2018 |
| 7 | Chuẩn bị và tham gia cuộc họp CBX lần 2 để thẩm định các hồ sơ đăng ký. Thẩm định các hồ sơ đăng ký và báo cáo kết quả cuối cùng | 11/2018 |
| 8 | Tổ chức lễ trao giải CBX lần thứ hai và chia sẻ tin tức với các cơ quan báo chí | T12/2018 |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(e) **Hoạt động 3.3.5: Theo dõi kết quả Đầu ra và tác động của hoạt động thí điểm**

Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm hoạt động năm 2018, TCT-3 đã hoàn thiện tiêu chí CBX và thể chế hóa các cơ chế, trong đó bao gồm các chính sách ưu đãi, khuyến khích.

Bảng 3.2-25 Các hoạt động theo dõi kết quả Đầu ra và tác động của hoạt động thí điểm

| STT | Các hoạt động | Ngày |
|-----|---|--|
| 1 | Tham dự cuộc họp TCT-3 và Ban chỉ đạo và báo cáo kết quả, lên kế hoạch cho các hoạt động tiếp theo | Tháng 3, 6, 8, tháng 10/2018 và tháng 1/2019 |
| 2 | Cập nhật kế hoạch truyền thông và thực hiện các hoạt động truyền thông | Tháng 7 – tháng 12/2018 |
| 3 | Soạn báo cáo tổng kết kinh nghiệm xây dựng CBX | Tháng 1/ 2019 |
| 4 | Thực hiện khảo sát các yếu tố tác động từ hoạt động đăng ký và cấp nhân CBX (Bao gồm cả nội dung chính sách khuyến khích đối với các tàu được trao Giấy chứng nhận) và vai trò/sự tham gia của Hội đồng thẩm định | Tháng 4/2019 |
| 5 | Rà soát và hoàn thiện bộ tiêu chí và quy trình thẩm định CBX | Tháng 5/2019 |
| 6 | Dự thảo cơ chế thể chế hóa CBX trong đó có cả dự thảo tờ trình Ban QLDA và UBND tỉnh Quảng Ninh | Tháng 6/2019 |
| 7 | Cập nhật hồ sơ thể chế hóa tiếp thu ý kiến của các sở ban ngành liên quan (như Sở KH&ĐT, Sở GTVT, UBND TP Hạ Long, Ban QLV, v.v..) | Tháng 7/2019 |
| 8 | Tờ trình UBND đề nghị phê duyệt cơ chế thể chế CBX (gồm bộ tiêu chí, quy trình thẩm định và Hội đồng thẩm định) và dự thảo quyết định phê duyệt | Tháng 8/2019 |
| 9 | UBND tỉnh Quảng Ninh ban hành quyết định phê duyệt nội dung sửa đổi bổ sung các tiêu chí Cảnh buồm xanh, quy trình thẩm định và hội đồng thẩm định (giữ nguyên không thay đổi) | Tháng 8/2019 |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

4) **Hoạt động 3.4 Hàng năm, tóm tắt kết quả Đầu ra và tiến độ hoạt động từ 3-1 đến 3-3 và phản ánh các thông tin này trên Sách trắng tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long thuộc Đầu ra 1**

Tổng hợp kết quả Đầu ra và tiến độ các Hoạt động 3.1 đến 3.3 đưa vào nội dung Sách trắng Tăng trưởng xanh năm 2018.

5) **Hoạt động 3.5 Căn cứ kết quả và tiến độ hoạt động từ 3-1 đến 3-4, xây dựng các quy định và tổ chức để tiếp tục triển khai và nhân rộng các hoạt động du lịch bền vững và bắt đầu quy trình phê duyệt của UBND tỉnh Quảng Ninh**

(a) **Quảng bá, xúc tiến du lịch thông qua bổ sung chức năng Cơ quan tiếp thị điểm đến (DMA)**

- TCT-3 đã đề xuất bổ sung chức năng DMA cho Trung tâm thông tin xúc tiến du lịch tỉnh Trung tâm TTXTDL), trực thuộc Sở Du lịch. Ngày 4 tháng 5 năm 2019, Sở Du lịch đã trình Ban QLDA văn bản số 664/SDL- KH đề xuất Ban xem xét và có văn bản trình Ban Chỉ đạo Dự án phê duyệt đề xuất này. Ban QLDA đã có văn bản phúc đáp số 1350/KHDT- BQLDATTX ngày 9/5/2019 yêu cầu Sở DL trình đề xuất thông qua Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh với lý do DMA không nằm trong khuôn khổ Dự án tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long.
- Sau đó, ngày 22 tháng 5 năm 2019, Sở DL tiếp tục trình văn bản số 804/SDL-KH đề nghị Ban QLDA xem xét lại nội dung này bởi đề xuất bổ sung chức năng DMA chính là một kết quả Đầu ra của các hoạt động thí điểm thuộc TCT-3 (Sở DL đã cung cấp Biên bản ghi nhớ được ký kết giữa JICA và tỉnh Quảng Ninh, có kèm theo kế hoạch chi tiết hoạt động thúc đẩy du lịch bền vững xây dựng năm 2017, cả hai tài liệu này đều đề cập đến việc thành lập DMA là một kết quả Đầu ra của TCT-3).
- Ngày 28 tháng 6 năm 2019, Ban Chỉ đạo Dự án đã ban hành Quyết định số 65/QĐ-UBND phê duyệt kết quả Đầu ra thành lập DMA trong khuôn khổ Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh do

JICA tài trợ.

- Căn cứ Quyết định nêu trên của UBND tỉnh, trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2019, Sở DL đã phối hợp với Trung tâm TTXTDL soạn thảo quyết định quy định vai trò của DMA và ngày 10/9/2019, Sở DL đã chính thức ban hành Quyết định số 384 / QĐ-SDL liên quan đến nội dung này.

(b) Du lịch sinh thái cộng đồng huyện Vân Đồn

- Ban DLSTCĐ đã dự thảo quyết định chức năng nhiệm vụ của Ban DLSTCĐ và Quy chế hoạt động DLSTCĐ. Ngày 26 tháng 4 năm 2019, Sở Du lịch đã có công văn (Số 646/SDL-KH) đề nghị BQLDA xem xét và phê duyệt nội dung dự thảo quyết định nêu trên. Sau khi xem xét, ngày 10/5/2019, BQL đã có công văn (số 1392/ KHDT- BQLDATTX) trả lời đề nghị của Sở Du lịch và đề nghị Sở Du lịch yêu cầu UBND huyện Vân Đồn chính thức ban hành Quyết định và Quy chế trên.
- Căn cứ ý kiến của BQLDA, ngày 22 tháng 5 năm 2019, Sở Du lịch đã có công văn (Số 801/SDL-KH) đề nghị UBND huyện Vân Đồn ban hành Quyết định và Quy chế trên.
- Ngày 6 tháng 6 năm 2019, UBND huyện Vân Đồn chính thức ban hành Quyết định quy định chức năng , nhiệm vụ của Ban DLSTCĐ (số 2019/QĐ-UBND) và cùng ngày, UBND huyện cũng ban hành quyết định kiện toàn Ban DLSTCĐ (số 2020/QĐ-UBND). Ngày 1 tháng 7 năm 2019, UBND huyện Vân Đồn Quyết định số 2324/QĐ-UBND ban hành Quy chế hoạt động DLSTCĐ.
- Căn cứ Quyết định quy định quy chế hoạt động DLSTCĐ, Ban DLSTCĐ đã dự thảo quy chế quản lý Quỹ DLSTCĐ với sự hỗ trợ kỹ thuật của Sở Du lịch và các phòng ban liên quan thuộc UBND huyện Vân Đồn.
- Sau thành công của chuyến FAM trip tổ chức tháng 4/2019, Chi hội trưởng Chi hội Du lịch huyện Vân Đồn kiêm phó Ban DLSTCĐ đã tổ chức thử nghiệm vận hành Hành trình khám phá 2, trong đó có tổ chức cả các hoạt động thay thế và trong tháng 4 đã đón được 349 khách du lịch và trong tháng 5 (tính đến ngày 22 tháng 5) đã đón được 327 khách du lịch và các thông tin bổ sung sau thời gian trên đã được xác nhận.

(c) Giấy chứng nhận Cánh buồm Xanh (CBX)

- Tháng 5/2019, các quan quản lý nhà nước và Chi hội tàu Du lịch đã cùng dự thảo nội dung sửa đổi các tiêu chí và quy trình thẩm định CBX và gửi các sở, ban, ngành có liên quan và các hãng tàu du lịch để lấy ý kiến. Thành phố Hạ Long, Sở TNMT, Sở KHĐT, Sở Lao động TBXH và Ban QLVHL đã có văn bản trả lời TCT3/Sở Du lịch.
- Ngày 11 tháng 7 năm 2019, Sở KHĐT đã nhận được văn bản của thành phố Hạ Long từ chối giữ vai trò chủ tịch Hội đồng thẩm định CBX.
- BQLDA, Sở DL và Nhóm chuyên gia JICA đã cố gắng giải quyết vấn đề liên quan đến cơ quan sẽ giữ vai trò chủ tịch Hội đồng thẩm định CBX. Vấn đề này đã được kết luận tại Thông báo số 231 ngày 13/11/2019 tại cuộc họp Ban chỉ đạo tổng kết Dự án, tổ chức tại phòng họp UBND tỉnh Quảng Ninh. Trong thông báo, UBND tỉnh đã giao UBND thành phố Hạ Long, Ban QLVHL Hạ Long chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan nghiên cứu đề xuất giải pháp khuyến khích

các tàu hoạt động trên vịnh Hạ Long đăng ký cấp nhãn CBX và có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tàu đã được cấp giấy chứng nhận như hỗ trợ quảng cáo, thời gian lưu hành, v.v..

- Sau đây là những quyết định do UBND tỉnh và Sở Du lịch ban hành liên quan tới Giấy chứng nhận Cánh Buồm Xanh:
 - Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt bộ tiêu chí Cánh buồm xanh
 - Quyết định số 297/QĐ-SDL ngày 6/8/2018 của Sở Du lịch về việc thành lập Hội đồng thẩm định thí điểm cấp giấy chứng nhận Cánh buồm xanh.
 - Quyết định số 364/QĐ-SDL ngày 5/9/2018 của Sở du lịch về việc cấp Giấy chứng nhận CBX cho tàu thủy du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long (cấp nhãn đợt 1, cho 2 con tàu).
 - Các Quyết định số 554/QĐ-SDL đến số 583/QĐ-SDL ngày 21/12/2018 về việc cấp Giấy chứng nhận CBX cho tàu thủy du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long (34 quyết định cấp cho 34 con tàu được cấp nhãn đợt 2).
 - Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 19/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các tiêu chí CBX, quy trình và hội đồng thẩm định.
 - Thông báo (số 231 ngày 13 tháng 11 năm 2019) kết luận của đồng chí Đặng Huy Hậu, Phó chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh, Trưởng ban chỉ đạo Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh do JICA tài trợ.

(3) JET tạo thuận lợi và hỗ trợ hoạt động của TCT-3

JET đã tạo thuận lợi cho từng hoạt động thuộc TCT-3 và hỗ trợ kỹ thuật cho các hạng mục công việc sau:

Thúc đẩy du lịch bền vững

- Hỗ trợ triển khai khảo sát cơ sở và phỏng vấn nhóm, nhằm mục đích cải thiện thông tin du lịch
- Xây dựng các công cụ và tài liệu thông tin du lịch để quảng bá xúc tiến du lịch;
- Tổ chức tập huấn marketing qua trang mạng xã hội SNS và hội thảo PPP.

Thúc đẩy du lịch sinh thái ở huyện Vân Đồn

- Hỗ trợ xây dựng hành trình khám phá
- Lập bản đồ hành trình khám phá và biển thông tin tại điểm trên đảo Quan Lạn
- Tổ chức chương trình tập huấn cho những người liên quan đến hoạt động du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn.
- Hỗ trợ tổ chức FAM trip

Giấy chứng nhận Cánh buồm xanh

- Dự thảo tiêu chí và quy trình thẩm định
- Hỗ trợ thẩm định hồ sơ đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận Cánh buồm xanh

3.2.4 Tổ công tác số 4: Kiểm soát Tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh

(1) (1) Tổng quan hoạt động thuộc Đầu ra 2 (Hoạt động 2.3-2.6)

Ma trận thiết kế Dự án (PDM) xác định Đầu ra 2 và các hoạt động cụ thể như sau:

Thực hiện thí điểm các chính sách bền vững về môi trường và tài chính cho những ngành trọng điểm lựa chọn được xây dựng.

TCT-4 về Kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp liên quan tới các hoạt động 2.3, 2.5 và 2.6 thuộc Đầu ra 2 như sau:

- | | |
|-----|---|
| 2.3 | Triển khai thực hiện và theo dõi những hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý để giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh Hạ Long. |
| 2.5 | Hàng năm, thực hiện tóm tắt kết quả và tiến độ của các hoạt động từ 2-1 đến 2-4 và kết hợp các thông tin vào Sách trắng tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, được lập trong Đầu ra -1. |
| 2.6 | Căn cứ Đầu ra và tiến độ các hoạt động 2-1 đến 2-4, xây dựng và lập thành văn bản những quy định, cơ chế và tổ chức để tiếp tục và mở rộng các hoạt động quản lý môi trường trong các ngành trọng điểm đã chọn và bắt đầu tiến trình phê duyệt bởi tỉnh Quảng Ninh. |

Sau đây là nội dung cụ thể các hoạt động đã triển khai căn cứ nhiệm vụ nêu chi tiết trong Kế hoạch thực thi (PO):

1) **Hoạt động 2.3 Triển khai thực hiện và theo dõi hoạt động thí điểm tăng cường năng lực quản lý giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh Hạ Long.**

Đây là hoạt động thí điểm của TCT-4 xem xét các cơ chế khuyến khích thúc đẩy công nghệ tiên tiến, góp phần quản lý tốt môi trường nước vịnh Hạ Long.

(a) **Hoạt động 2.3.1: Sự sẵn sàng về thể chế và tài chính cho hoạt động thí điểm**

Tháng Hai năm 2017, các cán bộ thuộc các sở ngành địa phương được chỉ định tham gia TCT-4. Tỉnh đã bố trí ngân sách đối ứng sẵn sàng phục vụ các hoạt động của TCT-4.

(b) **Hoạt động 2.3.2: Lựa chọn các doanh nghiệp hợp tác**

Nhóm Chuyên gia JICA đã giới thiệu với TCT những thiết bị có thể áp dụng: Nhà vệ sinh sinh thái cho tàu du lịch (do Công ty TNHH Seiwa Denko sản xuất) và hệ thống tái chế chất thải hữu cơ (do Công ty TNHH Shudensha sản xuất). TCT-4 xác nhận áp dụng các công nghệ tiên tiến chất lượng cao nêu trên trong hoạt động thí điểm của TCT-4, trên cơ sở những tiêu chí sau đây:

- Tính tương thích: Đóng góp cho hoạt động xây dựng cơ chế tăng trưởng xanh;
- Tính khả thi: Công nghệ bền vững, được người dùng/đối tượng mục tiêu ở Việt Nam chấp nhận;
- Tính hiệu quả: Có hiệu quả trong giảm tải lượng ô nhiễm cho vịnh Hạ Long

Qua quá trình xem xét, tại cuộc họp BCD đầu tiên tổ chức ngày 25 tháng 4 năm 2017, Ban chỉ đạo Dự án đã đồng ý cho Dự án mua ba bộ nhà vệ sinh sinh thái và một hệ thống tái chế chất thải hữu cơ phục vụ cho hoạt động thí điểm.

(c) Hoạt động 2.3.3 Hỗ trợ thiết kế vận dụng các công nghệ tiên tiến góp phần giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh

TCT-4 đã kiểm tra các thông số kỹ thuật và triển khai thiết kế các thiết bị đã chọn sao cho phù hợp với mục đích sử dụng trong hoạt động thí điểm. Bảng sau đây nêu sơ lược nội dung hoạt động thí điểm, địa điểm lắp thiết bị, những bố trí về mặt thể chế đưa thiết bị vào vận hành và bảo trì, như sau:

Bảng 3.2-26 Phác thảo hoạt động thí điểm được thiết kế thuộc TCT-4

| Tên mục | Nhà vệ sinh sinh thái cho tàu du lịch | Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ và phụ kiện |
|--|--|---|
| Cơ sở mục tiêu được chọn để lắp thiết bị | Ba tàu du lịch thuộc sở hữu của ba công ty sau đây đã được chọn lắp nhà vệ sinh sinh thái: - Công ty Minh Hằng - Công ty Công Nghĩa - Công ty VIT | - Đơn vị thực thi: Công ty TNHH Ứng dụng tiến bộ KHCN Hoàng Lâm - Địa điểm lắp đặt: Lò mổ gia súc gia cầm tại phường Hà Phong |
| Bố trí về mặt thể chế đưa thiết bị vào vận hành và bảo trì | - Đơn vị quản lý: Tổ công tác số 4 - Đơn vị sử dụng thiết bị cuối: Các công ty tàu Du lịch - Đơn vị cung cấp dịch vụ bảo trì: Công ty địa phương tại Hạ Long - Đơn vị thu gom giá thể qua sử dụng của nhà vệ sinh sinh thái: Công ty tại địa phương | - Đơn vị quản lý: Tổ công tác 4 - Đơn vị sử dụng thiết bị cuối: Công ty TNHH Ứng dụng tiến bộ KHCN Hoàng Lâm - Các đơn vị (nông dân) hợp tác sử dụng sản phẩm vi sinh: i) Nông dân trồng rau tại phường Hà Phong ii) Trang trại trồng rau tại thị xã Quảng Yên và iii) Trang trại nuôi tôm tại TP Hạ Long, v.v... - Dự kiến đơn vị cung cấp dịch vụ bảo trì: Nhà phân phối trong nước do nhà sản xuất chỉ định |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(d) Hoạt động 2.3.4: Mua sắm và lắp đặt công nghệ tiên tiến góp phần giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh.

Thiết bị được đưa đến lắp, như trình bày cụ thể ở Phần 2.2.2.

(e) Hoạt động 2.3.5: Vận hành thiết bị công nghệ tiên tiến góp phần giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh.

- Hoạt động nhà vệ sinh sinh thái

Dự án đã lắp tổng cộng ba bộ nhà vệ sinh sinh thái trong các phòng vệ sinh dành cho nhân viên và khách du lịch trên các tàu du lịch thuộc sở hữu của các công ty, đó là các tàu mang biển số: QN-4337, QN-6668 và QN-8299. Nhóm chuyên gia JICA đã thuê một đơn vị thầu phụ phụ trách dịch vụ bảo trì các nhà vệ sinh này. Công việc bảo trì bao gồm kiểm tra tổng quát định kỳ, bảo dưỡng, thay giá thể nhà vệ sinh sinh thái và lấy mẫu phân tích giá thể đã qua sử dụng. Mặc dù trên thực tế đã phát sinh một vài vấn đề kỹ thuật như không được cấp điện liên tục, nhân viên tàu vô tình cắt điện bộ phận sấy, nhu cầu đào tạo bổ sung cho nhân viên tàu và những vấn đề này đã được xử lý, đảm bảo vận hành của thiết bị.

Bảng 3.2-27 Hoạt động của Nhà vệ sinh sinh thái cho tàu du lịch

| Số tàu | QN-4337 | QN-6668 | QN-8299 |
|--|---------------|--------------------|--------------------|
| Loại tàu | Tàu nghỉ đêm | Tàu tiếng | Tàu nghỉ đêm |
| Đối tượng chính sử dụng nhà vệ sinh sinh thái | Khách du lịch | Nhân viên trên tàu | Nhân viên trên tàu |
| Tháng/năm bắt đầu vận hành nhà vệ sinh sinh thái | Tháng 1/2019* | Tháng 5/ 2018 | Tháng 7/ 2018 |

| Số lần sử dụng | 220 lần tính đến tháng 7/2019 (trong 6 tháng) | 1.156 lần tính đến tháng 7/2019 (trong 14 tháng) | 4.068 lần tính đến tháng 7/2019 (trong 11 tháng) |
|---|--|--|--|
| Hiện trạng vận hành nhà vệ sinh sinh thái | <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tốt, ngoại trừ một số vấn đề sau: - Nhà vệ sinh sinh thái không sử dụng được trong một thời gian do nguồn điện bị ngắt vì bị quá tải hoặc nguồn máy phát không ổn định. Vấn đề đã được xử lý sau khi reset lại bộ điều nguồn. | <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tốt, ngoại trừ một số vấn đề sau: - Tàu có thay đổi về nhân sự làm việc trên tàu, những nhân viên đã tham gia trong thời gian đầu của hoạt động thí điểm không còn tiếp tục làm việc trên tàu và cũng không bàn giao, hướng dẫn cho người mới tiếp nhận cách sử dụng nhà vệ sinh sinh thái. Do vậy, các nhân viên mới đã dò dẫm và không sử dụng nhà vệ sinh này. Sau đó, đội ngũ nhân viên mới đã được hướng dẫn lại từ đầu cách thức sử dụng nhà vệ sinh sinh thái đúng quy cách. - Trong hành trình chạy tàu, có những lúc tàu lưu tại cảng Tuần Châu một vài giờ đồng hồ và khi đó tàu thường ngắt kết nối với hệ thống cấp điện từ máy phát điện trên tàu và đấu vào hệ thống lưới điện trên bờ. Tuy nhiên, nhà vệ sinh sinh thái ban đầu chỉ được đấu nối với nguồn máy phát điện. Do đó, trong thời gian tàu nghỉ, nhà vệ sinh phát ra mùi hôi bởi quạt thông gió không chạy. Đội ngũ kỹ sư đã lắp thêm hệ thống chuyển đổi cho phép dùng được cả nguồn điện lưới trên bờ, đảm bảo nhà vệ sinh được cấp điện liên tục kể cả khi tàu lưu cảng. | <ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động tốt, ngoại trừ một số vấn đề sau: - Sau 1.000 lần vận hành, giá thể bên trong nhà vệ sinh bị ướt và phòng vệ sinh phát mùi hôi. Lý do là nhà tàu tiết kiệm điện, và lại bộ phận gia nhiệt tạo điều kiện phân hủy sinh học trong nhà vệ sinh lại không được bật ngay từ đầu khi lắp. Về lý thuyết vào mùa hè, nhiệt độ bên trong bể xử lý đủ cao và không cần sự hỗ trợ của bộ phận gia nhiệt. Do thực tế bể xử lý không được cấp đủ nhiệt và với số lần sử dụng lớn trong thời gian ba tháng, giá thể (mùn cưa) sẽ bị ướt và gây ra mùi hôi. Bộ phận kỹ thuật đã xử lý bằng cách thay mới giá thể và cho bộ phận gia nhiệt hoạt động. |

Ghi chú: *Nhà vệ sinh sinh thái trên tàu QN-4337 hoạt động sau so với các tàu khác do tàu phải hoàn thành thủ tục đăng kiểm phục vụ khách du lịch

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Tàu du lịch được trang bị Nhà vệ sinh sinh thái
Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nhà vệ sinh sinh thái đã lắp đặt

Hình 3.2-18 Nhà vệ sinh sinh thái cho tàu du lịch

- Hoạt động Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ và phụ kiện

Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ được đưa vào vận hành từ đầu tháng 10 năm 2018. Hệ thống này có thể xử lý chất thải hữu cơ kết hợp với hoạt động của vi khuẩn đặc biệt trong thời gian ngắn và sản xuất các sản phẩm có giá trị cao, gọi là sản phẩm vi khuẩn sống, có thể là phân bón hữu cơ hoặc phụ gia thức ăn. Các hộ nông dân hợp tác xã sử dụng sản phẩm vi khuẩn sống trong hoạt động trồng trọt và để tìm ra một phương pháp bón phân phù hợp với sự hỗ trợ hướng dẫn kỹ thuật của nhà thầu phụ.

Bảng 3.2-28 Hoạt động của Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ và sử dụng sản phẩm

| Nội dung | Tình trạng |
|--|--|
| Hoạt động của hệ thống tái chế chất thải hữu cơ | Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ được lắp và bàn giao vào đầu tháng 10 năm 2018. Tính đến tháng 4/2019, thiết bị đã sản xuất được khoảng 2.800 kg sản phẩm vi khuẩn sống trong 80 lần vận hành. Nguyên liệu chính là chất thải thủy sản như đầu cá, xương, đuôi cá, v.v ... và các phần thừa của cá mực sau khi chế biến, được cung cấp bởi công ty chế biến chế biến thủy sản. |
| Sử dụng sản phẩm vi khuẩn sống trong lĩnh vực trồng trọt (trồng rau) | Tháng 3/2019, Dự án đã cung cấp sản phẩm vi khuẩn sống cho các hộ nông dân, như sau: - 240 kg cho trang trại trồng rau tại thị xã Quảng Yên - 970 kg cho một hộ nông dân tại phường Hà Phong, TP Hạ Long |
| Sử dụng sản phẩm vi khuẩn sống trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản (nuôi tôm) | Đầu năm 2019, Dự án đã cung cấp 90 kg sản phẩm vi khuẩn sống cho trang trại nuôi tôm tại thành phố Hạ Long - Kết quả thu hoạch tôm từ ao nuôi thử nghiệm là 4.997 kg tôm, trong khi khối lượng tôm thu hoạch được từ ao nuôi đối chứng là 3.992 kg. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ



Sản phẩm phân vi sinh



Thu hoạch tôm

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-19 Hoạt động của Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ

(f) Hoạt động 2.3.6: Xem xét hệ thống nhãn xanh để giới thiệu các công nghệ tiên tiến

TCT số 4 đã tìm hiểu về hệ thống nhãn xanh để áp dụng cho hoạt động thí điểm của tổ với hệ thống tái chế chất thải hữu cơ. Trên thực tế, TCT-3 đã nghiên cứu và xây dựng hệ thống nhãn xanh cho tàu du lịch hoạt động trên vịnh Hạ Long, đó là Giấy Chứng nhận Cánh buồm xanh (CBX), vì vậy, TCT-4 đã quyết định tích hợp cơ chế khuyến khích do TCT-4 xây dựng vào hệ thống CBX.

(g) Hoạt động 2.3.7: Đánh giá lợi ích thứ cấp đóng góp cho hoạt động sản xuất các sản phẩm thực phẩm sạch

Cả hai hoạt động về nhà vệ sinh sinh thái và hệ thống tái chế chất thải hữu cơ đều đóng góp tích cực tăng cường hoạt động sản xuất tái chế chất thải hữu cơ thành phân bón hữu cơ hoặc phụ gia thức ăn chăn nuôi.

- Nhà vệ sinh sinh thái

Giá thể đã qua sử dụng (mùn cưa) được thay theo chu kỳ ba tháng một lần và sử dụng làm nguyên liệu ủ phân ở thị xã Quảng Yên. Các hộ nông dân sử dụng các sản phẩm giá thể ủ đó trong trồng trọt và tăng cường nông nghiệp hữu cơ.

- Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ

Hệ thống đã giúp xây dựng được mô hình tái chế chất thải hữu cơ từ nguồn chất thải chế biến thủy sản và nông nghiệp. Cho tới tháng Ba năm 2019, hệ thống đã sản xuất được trên 2.000 kg sản phẩm vi sinh và phân phối tới các hộ nông dân hợp tác xã, phục vụ cho các trang trại trồng rau, nuôi tôm, nuôi gà. Phản hồi từ các hộ nông dân cho thấy sản phẩm giúp mang lại năng suất thu hoạch cao hơn trong từng mô hình và có tác động tốt tới chất lượng nước tại các ao nuôi tôm của các trang trại.

(h) Hoạt động 2.3.8: Theo dõi hoạt động và rút ra bài học kinh nghiệm

Đối với hoạt động của nhà vệ sinh sinh thái, đầu tháng 11 năm 2018, Dự án đã tổ chức khảo sát phỏng vấn với các đối tượng gồm 1) 13 nhân viên làm việc trên tàu du lịch có trang bị nhà vệ sinh sinh thái để lắng nghe họ chia sẻ ý kiến và kinh nghiệm sử dụng thiết bị và 2) 100 khách du lịch (trong đó có 40 khách Việt nam và 60 khách du lịch nước ngoài) tại cảng Tuần Châu để xác nhận mức độ tiếp cận thông tin về nhà vệ sinh sinh thái và mức độ tiếp nhận sử dụng của khách du lịch. Kết quả khảo sát cho thấy nhà vệ sinh sinh thái được những người sử dụng có ý thức cao về bảo vệ môi trường chấp nhận với điều kiện công trình vệ sinh sinh thái phải được bảo trì phù hợp. Ngoài ra, một số người được phỏng vấn gợi ý nên xem xét cải thiện thiết kế và nâng cao khả năng khai thác sử dụng nhà vệ sinh. Họ ủng hộ dùng nhà vệ sinh có xả nước, bệ bệt nhỏ hơn, có thẩm mỹ hơn và có bệ kín.



Phòng vấn công ty tàu thủy du lịch
Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Phòng vấn khách du lịch

Hình 3.2-20 Phỏng vấn người sử dụng nhà vệ sinh sinh học

Hoạt động thí điểm hệ thống tái chế chất thải hữu cơ được triển khai với sự phối hợp giám sát của chuyên gia thuộc Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS). Kết quả thí điểm cho thấy việc sử dụng các sản phẩm vi sinh đã mang lại năng suất cao hơn trong trồng trọt và nuôi tôm, tóm tắt như sau:

Bảng 3.2-29 Tóm tắt Kết quả giám sát hoạt động hệ thống tái chế chất thải hữu cơ

| Đối tượng | Mô tả |
|-----------|---|
| Trồng rau | Trong hoạt động trồng thí điểm rau xà lách và rau cải ngọt (rau ăn lá), kết quả của việc áp dụng sản phẩm vi sinh cho thấy rau có sử dụng sản phẩm vi sinh có chất lượng ngon hơn, năng suất cao hơn so với thửa đất trồng rau đối chứng, về độ cao cây, trọng lượng cây, chiều dài rễ, năng suất, v.v... Hoạt động thí điểm áp dụng tại hai trang trại, trong hai vụ rau. - Rau xà lách: Năng suất tăng 83%. - Rau cải ngọt: Năng suất tăng 20 - 50%. Thử nghiệm Đối chứng |
| Nuôi tôm | Năng suất của ao nuôi thử nghiệm sử dụng sản phẩm vi sinh cho năng suất cao hơn so với ao nuôi đối chứng* - Trọng lượng trung bình của tôm tăng 30%. |

Ghi chú: *Sản phẩm vi sinh cũng được sử dụng cho ao nuôi đối chứng cho mục đích xử lý nước, nhưng với lượng ít hơn nhiều so với lượng sử dụng ở ao nuôi thử nghiệm phụ gia thức ăn cho tôm

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Tháng 5 năm 2019, Dự án đã tổ chức Hội thảo phổ biến hoạt động tái chế chất thải hữu cơ và sản xuất thực phẩm an toàn và chia sẻ báo cáo kết quả hoạt động hệ thống tái chế chất thải hữu cơ. Các

đại biểu tham dự, trong đó có các chi cục thuộc Sở NN&PTNT, các huyện thị khác, đại diện các doanh nghiệp và các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc và trồng trọt đều nhận thấy hiệu quả nổi bật của các hoạt động thử nghiệm tại các trang trại và việc sử dụng sản phẩm vi sinh đã mang lại năng suất cao hơn và các lợi ích khác cho hoạt động sản xuất thực phẩm an toàn. Các hộ nông dân đã nêu lên những khó khăn của hoạt động sản xuất thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh và bày tỏ mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ tích cực của nhà nước thông qua các cơ chế chính sách liên quan. Tại hội thảo, TCT-4 đã trình bày ý tưởng dự thảo đề xuất, nội dung chi tiết được trình bày tại phần Hoạt động 2.3.11. Theo kết luận tại hội thảo, TCT-4 tiếp tục nghiên cứu đề xuất của TCT, xem xét các chính sách hỗ trợ mở rộng mô hình tái chế chất thải hữu cơ.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-21 Quang cảnh Hội thảo Phổ biến Hoạt động tái chế Chất thải hữu cơ

Tóm tắt những bài học kinh nghiệm từ hoạt động thí điểm:

- Quá trình triển khai thực hiện hoạt động thí điểm cho thấy để đánh giá cụ thể về hiệu quả công nghệ mới lắp đặt đòi hỏi cần có thời gian và thử nghiệm nhiều lần. Cho dù công nghệ đó đã được trình diễn và kiểm chứng ở nơi khác cho đối tượng sử dụng khác nhưng vào thời điểm triển khai nhiệm vụ giới thiệu thiết bị công nghệ mới, để xác định cụ thể các đặc tính kỹ thuật của công nghệ cần chọn cho khu vực vịnh Hạ Long là một nhiệm vụ khó khăn. Lý do là vì kết quả hoạt động vận hành và đánh giá công nghệ mới sẽ tùy thuộc rất nhiều vào chính điều kiện nơi lắp thiết bị và người sử dụng thiết bị cuối cùng. Bài học từ thực tế này cho thấy khi đề xuất những chính sách ưu đãi, khuyến khích hoạt động đầu tư công nghệ góp phần quản lý hiệu quả môi trường nước vịnh Hạ Long, nên đưa ra yêu cầu cần ứng dụng công nghệ nói chung chứ không nên đề cập đích xác tên một công nghệ cụ thể.
- Quá trình thực hiện hoạt động thí điểm gặp phải một số quan ngại về yếu tố an toàn vận hành tàu và quản lý sức khỏe con người tại các nơi chăn nuôi gia súc và nuôi trồng thủy sản. Hoạt động thí điểm cho thấy khả năng công nghệ mới lắp cũng có thể phát sinh một số vấn đề về an toàn và vệ sinh. Theo quy định, bên lập đề án có trách nhiệm tuân thủ theo các quy định và tiêu chuẩn về an toàn và vệ sinh, đặc biệt khi sản phẩm liên quan tới xử lý chất thải hoặc tiêu thụ thực phẩm. Bài học từ thực tế này cho thấy UBND tỉnh có thể cân nhắc đưa ra những cơ chế chính sách thúc đẩy công nghệ mới với điều kiện sản phẩm/công nghệ đề xuất được cơ quan quản lý liên quan cấp phép lưu hành và được thị trường chấp nhận.

Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm của hoạt động thí điểm, TCT-4 đã cân nhắc các điểm sau khi rà soát đề xuất các cơ chế khuyến khích cho các hoạt động thí điểm của tổ:

- Hiện nay, tỉnh Quảng Ninh đang áp dụng các cơ chế chính sách hỗ trợ tài chính như cho vay vốn Quỹ BVMT tỉnh hoặc Quỹ Phát triển KH&CN. Ngoài ra, Tỉnh có thể xem xét chính sách mới hỗ trợ cho hoạt động sản xuất nông nghiệp bền vững trên cơ sở tham mưu của Sở NN&PTNT.
- Có thể nhân rộng mô hình hệ thống tái chế chất thải hữu cơ với điều kiện sản phẩm của hệ thống thí điểm này được Bộ NN&PTNT cấp giấy chứng nhận chất lượng sản phẩm vi sinh. Đây là một ví dụ điển hình cho thấy khả năng trong tương lai, UBND các địa phương có thể cân nhắc chính sách hỗ trợ những công nghệ tiên tiến đã được cơ quan quản lý kiểm chứng, cấp giấy chứng nhận.

(i) Hoạt động 2.3.9: Viết bài cho Sách trắng, được lập theo Đầu ra 1.

TCT-4 đã phối hợp với TCT-5 để viết bài cho Sách trắng do TCT-5 lập.

(j) Hoạt động 2.3.10: Xây dựng đề xuất hệ thống nhãn xanh

Hệ thống nhãn xanh áp dụng đối với tàu thủy du lịch đã được đề xuất trong khuôn khổ Giấy chứng nhận cánh buồm xanh, thuộc hoạt động của TCT-3, như đề cập trong nội dung Hoạt động 2.3.6.

(k) Hoạt động 2.3.11: Lập văn bản hành chính cho các đề xuất đã lập

Trên cơ sở những kết quả và bài học kinh nghiệm từ các hoạt động thí điểm, rà soát các chính sách hiện có và tiếp thu ý kiến tham gia của các phòng ban liên quan thuộc UBND thành phố Hạ Long, TCT-4 đã lập báo cáo đề xuất các cơ chế, chính sách cho các hoạt động tăng trưởng xanh (văn bản số 5397/UBND ngày 9/7/2018). Báo cáo đề cập các nội dung gồm: 1) Trên cơ sở hoạt động thí điểm hệ thống tái chế chất thải hữu cơ, TCT đề xuất cơ chế đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng các sản phẩm nông nghiệp bền vững và 2) Trên cơ sở hoạt động thí điểm nhà vệ sinh sinh thái, TCT đề xuất cơ chế ứng dụng thiết bị/công nghệ bền vững và thân thiện môi trường, quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động du lịch trên vịnh Hạ Long.

Dự thảo đề xuất các cơ chế khuyến khích bao gồm:

- Đề xuất cơ chế đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng các sản phẩm nông nghiệp bền vững:
 - Hỗ trợ xúc tiến thương mại,
 - Huy động vốn từ Quỹ BVMT,
 - Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp,
 - Hỗ trợ mua vật liệu nông nghiệp cho sản xuất nông nghiệp hữu cơ và
 - Chính sách ưu đãi đối với các thủ tục hành chính có liên quan.
- Đề xuất cơ chế ứng dụng thiết bị/công nghệ bền vững và thân thiện môi trường quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động du lịch trên vịnh Hạ Long
 - Huy động vốn Quỹ BVMT

- Có chế độ ưu tiên đặc biệt áp dụng đối với các tàu đã được cấp Giấy chứng nhận CBX và được hưởng các chính sách ưu đãi như được phép khai thác sử dụng các tour tuyến mới, điểm du lịch mới, tổ chức các hoạt động du lịch và dịch vụ trên vịnh, v.v...
- Chính sách ưu đãi đối với các thủ tục hành chính có liên quan.

Ban QLDA đã xem xét và cân nhắc lồng ghép nội dung cơ chế khuyến khích ứng dụng thiết bị/công nghệ bền vững và thân thiện môi trường, góp phần quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động tàu du lịch vào cơ chế Giấy chứng nhận Cánh Buồm Xanh (CBX) do TCT3 xây dựng. Ngoài ra, cơ chế khuyến khích các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sử dụng các sản phẩm nông nghiệp bền vững sẽ được đưa vào nội dung Nghị quyết hội đồng nhân dân tỉnh hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh thông qua trong kỳ họp tháng 7 năm 2019, chi tiết sẽ được đề cập ở phần sau.

2) Hoạt động 2.5 Hằng năm, thực hiện tóm tắt kết quả và tiến độ của các hoạt động từ 2-1 đến 2-4 và kết hợp các thông tin vào Sách trắng Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, được lập trong Đầu ra -1.

TCT-4 đã phối hợp với TCT-5 để viết bài cho Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ nhất do TCT-5 lập.

3) Hoạt động 2.6 Căn cứ Đầu ra và tiến độ hoạt động từ 2-1 đến 2-4, xây dựng và lập thành văn bản những quy định, cơ chế và tổ chức để tiếp tục và mở rộng các hoạt động quản lý môi trường trong các ngành trọng điểm được chọn và bắt đầu tiến trình phê duyệt bởi tỉnh Quảng Ninh.

Theo chỉ đạo của Ban QLDA, TCT-4 đã phối hợp với Sở NN&PTNT lập báo cáo cập nhật, tóm tắt các cơ chế và chính sách tăng trưởng xanh có thể áp dụng cho hoạt động vận dụng hệ thống tái chế chất thải hữu cơ sản xuất phân bón hữu cơ và phụ gia thức ăn. TCT-4 và Ban QLDA đã tích cực phối hợp với Sở NN&PTNT để tích hợp vào nội dung nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích đầu tư và liên kết trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tỉnh Quảng Ninh, mà Sở NN&PTNT được giao nhiệm vụ soạn thảo.

Qua quá trình nhiều lần cập nhật, tiếp thu ý kiến tham gia của các sở ban ngành và sửa đổi, HĐND tỉnh đã thông qua Nghị quyết số 194/2019/NQ-HĐND tháng 7 năm 2019, trong đó có nêu những chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ, như sau:

- Hỗ trợ 01 lần 70% kinh phí mua vật tư cho các dự án sản xuất phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học. Mức hỗ trợ không quá 200 triệu đồng/dự án.
- Phương thức thực hiện: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ trên cơ sở các dự án được phê duyệt: sau khi triển khai 50% nội dung đầu tư thì được tạm ứng 50% mức vốn hỗ trợ, sau khi dự án hoàn thành đầu tư và được nghiệm thu thì được giải ngân 50% mức vốn hỗ trợ còn lại.

Nghị quyết này là cơ sở pháp lý khuyến khích hoạt động sản xuất phân bón hữu cơ và hỗ trợ các doanh nghiệp và các hộ nông dân và cả đơn vị lắp đặt hệ thống tái chế chất thải hữu cơ.

Ngoài ra, tính đến thời điểm tháng 9 năm 2019, Phòng Kinh tế Ủy ban Nhân dân thành phố Hạ Long đã lập đề xuất mở rộng mô hình tái chế chất thải hữu cơ trên địa bàn thành phố và báo cáo lãnh đạo

UBND thành phố khi sản phẩm vi sinh của hệ thống tái chế chất thải hữu cơ thuộc hoạt động thí điểm được cơ quan quản lý liên quan cấp giấy phép lưu hành sản phẩm. Đề xuất này sẽ là công cụ hỗ trợ tài chính cho nhiều đối tượng tham gia hoạt động nhân rộng mô hình trong lĩnh vực nuôi tôm, cá và mở rộng diện tích nuôi trang trại trên địa bàn thành phố Hạ Long, với mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là 50% chi phí đầu tư.

(2) JET tạo thuận lợi và hỗ trợ hoạt động của TCT-4

JET đã hỗ trợ kỹ thuật cho TCT-4 trong quá trình triển khai các hoạt động, qua đó đưa ra những đề xuất thể chế hóa:

- Thiết kế đưa vào sử dụng thiết bị Dự án mua về
- Hướng dẫn vận hành và khai thác thiết bị công nghệ tiên tiến;
- Hỗ trợ theo dõi hoạt động thí điểm, trong đó có cả nhiệm vụ khảo sát phỏng vấn cho hạng mục trạm tái chế chất thải hữu cơ;
- Hỗ trợ tổ chức hội thảo phổ biến hệ thống tái chế chất thải hữu cơ;
- Tạo thuận lợi cho TCT-4 phối hợp với các sở ban ngành liên quan, trong đó có Sở NN&PTNT và các phòng ban khác như phòng Kinh tế thuộc UBND thành phố Hạ Long để xây dựng đề xuất các cơ chế khuyến khích.

(3) Các kết quả đạt được từ hoạt động của TCT-4

TCT đã xây dựng được các cơ chế khuyến khích thúc đẩy hoạt động tái chế chất thải hữu cơ sản xuất phân vi sinh/phụ gia thức ăn/chế phẩm vi sinh, góp phần giảm tải lượng ô nhiễm phát sinh từ các hoạt động sản xuất của ngành nông nghiệp và những cơ chế đã được nêu trong Nghị quyết của HĐND tỉnh số 194/2019/NQ-HDHD về hỗ trợ tài chính cho nhà đầu tư vào ngành nông nghiệp. Nghị quyết ban hành quy định chính sách hỗ trợ tài chính tương đương 70% chi phí mua vật liệu của các dự án sản xuất phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, với mức hỗ trợ lên tới 200 triệu đồng/dự án.

Ngoài ra, UBND thành phố Hạ Long hiện đang lập đề xuất dự án mở rộng mô hình hệ thống tái chế chất thải hữu cơ và thành phố sẽ phê duyệt cho thực thi khi sản phẩm vi sinh của hệ thống tái chế chất thải hữu cơ thuộc hoạt động thí điểm được Bộ NN&PTNT cấp giấy phép lưu hành sản phẩm.

(4) Đánh giá chung về quá trình tham gia hoạt động của TCT-4

Tổ trưởng và các thành viên TCT-4 đã hết sức tích cực tham gia trong các hoạt động thí điểm thuộc nhiệm vụ của Tổ, lan tỏa, khuyến khích sự hưởng ứng tham gia của các đơn vị cộng tác trong hoạt động của Dự án, đó là các tàu du lịch thí điểm sử dụng nhà vệ sinh sinh thái và đơn vị vận hành hệ thống tái chế chất thải hữu cơ. Thành tựu hoạt động TCT-4 đạt được là nhờ sự vào cuộc tích cực của TCT, trong đó thành phố Hạ Long đã phát huy hiệu quả vai trò tổ trưởng tổ công tác, phối hợp với các sở ngành là thành viên của tổ, đặc biệt là thành viên Sở NN&PPTNT là sở đầu mối quản lý hoạt động liên quan đến ngành nông nghiệp, đòi hỏi sự tương tác tích cực của các hộ nông dân hợp tác xã nuôi trồng thủy sản, trồng trọt và chăn nuôi gia súc.

Tuy nhiên, khi triển khai hoạt động, đã có những vướng mắc, khó khăn TCT-4 phải xử lý khi nghiên cứu, xem xét và đề xuất cơ chế khuyến khích vốn chưa hề được phân tích cụ thể trong giai đoạn thiết kế Dự án. Hơn nữa, việc xây dựng chính sách phục vụ cho hoạt động của TCT-4 là nhiệm vụ khó khăn bởi thực tế UBND thành phố Hạ Long là đơn vị hành chính cấp huyện, không có chức năng xây dựng ban hành chính sách. Trong điều kiện hoàn cảnh như vậy, UBND thành phố đã phối hợp với Sở NN&PTNT dự thảo các cơ chế đề xuất UBND tỉnh xem xét. Sau đó kết quả của hoạt động TCT-4 đã được lồng ghép vào nội dung nghị quyết mới của Hội đồng Nhân dân tỉnh do Sở NN&PTNT chịu trách nhiệm tham mưu. Như vậy, hoạt động của TCT-4 mang ý nghĩa đóng góp tích cực, là một ví dụ điển hình tăng cường mối liên kết cần thiết giữa cấp tỉnh và cấp địa phương trong nhiệm vụ đề xuất các biện pháp ngành cụ thể thúc đẩy tăng trưởng xanh.

3.2.5 Tổ công tác 5: Sách Trắng Tăng trưởng xanh

(1) Hoạt động tổng thể của Đầu ra 1 (Hoạt động 1-1 đến 1-4)

Ma trận Thiết kế Dự án (PDM) xác định Đầu ra 1 và các hoạt động như sau:

Thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức thuộc Đầu ra 2 và 3 và đề xuất những khuyến nghị cho giai đoạn sau dự án phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh thông qua các bài học kinh nghiệm thu được từ các hoạt động của dự án.

- 1.1 Rà soát tiến độ các hoạt động dựa trên các đề xuất được đưa ra trong Giai đoạn lập kế hoạch chi tiết của Dự án.
- 1.2 Lập Sách trắng Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long có tham khảo kinh nghiệm và lịch sử lập Sách trắng về môi trường của tỉnh Shiga, căn cứ các hoạt động tại Đầu ra 2, Đầu ra 3 và v.v... và phát hành sách trắng tới các bên liên quan thông qua các cuộc hội thảo và tới công chúng.
- 1.3 Căn cứ vào Đầu ra và tiến độ các hoạt động 1-2, xây dựng và lập thành văn bản những quy định và tổ chức để tiếp tục và mở rộng nhiệm vụ xuất bản Sách trắng Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh và bắt đầu tiến trình phê duyệt của tỉnh Quảng Ninh.
- 1.4 Qua tham khảo Mô hình hồ Biwa, đưa ra khuyến nghị (như đề xuất thành lập Trung tâm nghiên cứu và khoa học môi trường vịnh Hạ Long, chương trình tham gia của cộng đồng, thiết lập diễn đàn Hạ Long và thúc đẩy sử dụng xăng sinh học BDF) về những chính sách tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long cho giai đoạn sau dự án.

Sau đây là nội dung cụ thể các hoạt động đã triển khai trong suốt giai đoạn dự án từ 11 năm 2017 đến tháng 11 năm 2019 căn cứ nhiệm vụ nêu chi tiết trong Kế hoạch thực thi (PO):

1) **Hoạt động 1.1: Rà soát tiến độ các hoạt động căn cứ nội dung khuyến nghị lập trong Giai đoạn thiết kế chi tiết của Dự án**

Nhóm chuyên gia JICA và Tổ công tác số 5 đã tiến hành rà soát nội dung các khuyến nghị lập trong Giai đoạn thiết kế chi tiết của Dự án.

2) Hoạt động 1.2: Lập Sách trắng tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long tham khảo kinh nghiệm và lịch sử lập Sách trắng môi trường tỉnh Shiga, căn cứ các hoạt động tại Đầu ra 2, Đầu ra 3, v.v... và phổ biến Sách trắng tới các bên liên quan thông qua các cuộc hội thảo và truyền tuyên tới công chúng.

(a) Hoạt động 1.2.1: Sự sẵn sàng về mặt thể chế và tài chính phục vụ dự án thí điểm

Phía Nhật Bản đã bố trí ngân sách cho nhiệm vụ in ấn Sách trắng năm thứ nhất và tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức. Phía Việt nam đã bố trí ngân sách in ấn Sách trắng năm thứ hai.

TCT-5 tự viết bài thông qua tham khảo kinh nghiệm Sách trắng của tỉnh Shiga. JET bố trí chuyên gia biên tập thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ TCT trong quá trình xây dựng nội dung Sách trắng.

(b) Hoạt động 1.2.2: Lập kế hoạch xuất bản Sách trắng và hoạt động nâng cao nhận thức

Năm 2017, thành viên TCT và chuyên gia JET đã thảo luận thống nhất nội dung mục lục Sách trắng năm thứ nhất và phân công nhiệm vụ từng thành viên viết bài cho Sách trắng. Trên cơ sở kinh nghiệm đã triển khai, năm 2018, tổ trưởng TCT-5 và cán bộ đầu mối đã chỉ định chọn bài viết cụ thể giao cho từng thành viên TCT.

Bảng 3.2-30 Mục lục Sách trắng năm thứ nhất và phân công nhiệm vụ viết bài

| Chương | Nội dung | Phân công nhiệm vụ viết bài |
|---|---|---|
| Lời tựa | | Sở KH&ĐT |
| Chương 1: Khái quát về khu vực vịnh Hạ Long | 1. Vị trí | Hội giáo dục và bảo vệ môi trường Hạ Long |
| | 2. Giá trị di sản thế giới vịnh Hạ Long | Sở KH&ĐT, 6 địa phương (thành phố Hạ Lon, thành phố Cẩm Phả, thành phố Uông Bí, huyện Hoành Bồ, huyện Vân Đồn và thị xã Quảng Yên) và Sở Du lịch. |
| | 3. Nỗ lực của tỉnh Quảng Ninh | Ban Xúc tiến và hỗ trợ đầu tư IP |
| Chương 2 Hạn chế và thách thức về tài nguyên và môi trường khu vực vịnh Hạ Long | 1. Các vấn đề môi trường khu vực vịnh Hạ Long | TN&MT, CT và CONREM |
| | 2. Những hành động cần thiết cải thiện điều kiện môi trường | TN&MT, CT và CONREM |
| Chương 3 Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long | 1. Công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh | Sở KH&ĐT |
| | 2. Kế hoạch hành động thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh | Sở KH&ĐT |
| | 3. Chính sách thúc đẩy tăng du lịch khu vực vịnh Hạ Long trong Kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh | Sở Du lịch |
| | 4. Vai trò phát triển bền vững trong hoạt động tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long | Hội Giáo dục và bảo vệ môi trường Hạ Long |
| Chương 4 Giới thiệu một số hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh tại các địa phương khu vực Dự án | 1. Giới thiệu tiến độ hoạt động thí điểm của Dự án | TN&MT, CT, DL và UBND thành phố Hạ Long |
| | 2. Giới thiệu một số hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh tại các địa phương khu vực vịnh Hạ Long | 6 huyện thị |
| Chương -5 Hướng tới xã hội tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long | | Sở KH&ĐT |

Nguồn: JET

Ngoài ra, TCT-5 đã lập kế hoạch hoạt động nâng cao nhận thức năm 2018 như trình bày ở bảng sau. Kế hoạch chi tiết được chỉnh sửa căn cứ bản Sách trắng sau khi hoàn thiện. Nhà thầu phụ hỗ trợ tổ chức các hoạt động theo kế hoạch.

Bảng 3.2-31 Kế hoạch hoạt động nâng cao nhận thức

| Đối tượng | Cơ quan tổ chức | Hình thức tổ chức |
|---|--|---|
| Địa phương | Sở KH&ĐT | Hội thảo (1 cuộc, 30 người) |
| Doanh nghiệp địa phương có hoạt động phát sinh tải lượng ô nhiễm chất hữu cơ và có nhu cầu tiết kiệm năng lượng | Sở TN&MT, Sở CT | Hội thảo (1 cuộc, 50 người) |
| Hiệp hội du lịch và các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch | Sở Du lịch | Hội thảo (1 cuộc, 50 người) |
| Người dân địa phương | UBND các địa phương, Hội giáo dục và bảo vệ môi trường Hạ Long | Các cuộc họp quy mô nhỏ (Huyện, 20 người) |
| Học sinh trung học phổ thông | Hội giáo dục và bảo vệ môi trường Hạ Long | Các cuộc họp quy mô nhỏ (3 lớp bậc THPT) |

Nguồn: JET

(c) Hoạt động 1.2.3: Chia sẻ kinh nghiệm xây dựng Sách trắng của Nhật Bản

Tại các cuộc họp lần thứ 2 và thứ 5 của TCT-5, JET đã chia sẻ kinh nghiệm xây dựng Sách trắng của Nhật. Tại cuộc họp lần thứ 4 của tổ, JET hướng dẫn yêu cầu viết bài cho Sách trắng.

Bảng 3.2-32 Các cuộc họp TCT chia sẻ kinh nghiệm xây dựng Sách trắng của Nhật Bản

| Số | Người trình bày | Nội dung |
|-----------------------------------|------------------------|--|
| Cuộc họp thứ nhất (24/2/2017) | Ông Toshiaki Kagatsume | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Giới thiệu lịch sử và ý nghĩa của Sách trắng tỉnh Shiga ➢ Quá trình xây dựng Sách trắng tỉnh Shiga |
| Cuộc họp lần thứ 3 (4/4/2017) | Ông Shunichi Okahisa | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Giới thiệu cách tiếp cận xã hội các bon thấp thông qua sử dụng Sách trắng ở tỉnh Kagawa ➢ Tổ chức thực hiện các hoạt động tăng trưởng xanh với phối hợp của khu vực công và các tổ chức Phi chính phủ |
| Cuộc họp lần thứ 5 (21/4/2017) | Ông Keiichi Maeda | <ul style="list-style-type: none"> ➢ Khái niệm viết bài cho Sách trắng ➢ Thông tin cần thu thập theo chương ➢ Một số điểm lưu ý khi soạn bài viết cho Sách trắng |

Nguồn: JET

(d) Hoạt động 1.2.4: Thu thập thông tin từ các cơ quan liên quan và từ kết quả các hoạt động Đầu ra 2 và 3

TCT-5 đã triển khai thu thập thông tin phục vụ viết bài cho Sách trắng. Dựa trên số liệu thu thập, thành viên TCT tự viết bài và được chuyên gia biên tập hướng dẫn.

(e) Hoạt động 1.2.5: Biên soạn các thông tin và hình ảnh đã thu thập

Đối với Sách trắng năm thứ nhất, thư ký biên tập của JET thực hiện rà soát tất cả các bài viết và kiểm chứng độ tin cậy của thông tin trong bài viết. Chuyên gia biên tập cộng tác với thư ký biên tập hoàn thiện các bài dự thảo. Nhà thầu phụ biên soạn và thiết kế dự thảo Sách trắng với nội dung là các bài được viết hoàn thành tháng 7 năm 2018.

Từ tháng 5 năm 2018, TCT-5 đã trình UBND tỉnh Quảng Ninh xin ý kiến chỉ đạo nội dung dự thảo Mục lục Sách trắng năm thứ hai. Tháng 11 năm 2018, sau khi xem xét, UBND tỉnh đã chính thức ban hành quyết định phê duyệt. Theo đó, các thành viên TCT-5 triển khai thu thập thông tin cần thiết thuộc quyền hạn và trách nhiệm của họ. Bên cạnh đó, với bài học kinh nghiệm khi xây dựng Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ nhất, Tổ trưởng TCT-5 đã quyết định thuê biên tập viên giàu

kinh nghiệm trong lĩnh vực thúc đẩy tăng trưởng xanh và đơn vị thiết kế có uy tín trong lĩnh vực thiết kế các ấn phẩm chính thức.

TCT đã thuê trường Khoa Du lịch, Trường Đại học Hà Nội làm trưởng nhóm biên tập, căn cứ thực tế cán bộ biên tập này rất dày dặn kinh nghiệm về thúc đẩy tăng trưởng xanh tại tỉnh Quảng Ninh. Cán bộ biên tập và nhân viên phụ trợ đã hỗ trợ hoàn thiện những bài viết do các thành viên TCT-5 lập.

(f) Hoạt động 1.2.6: Xuất bản Sách trắng phục vụ đối tượng là doanh nghiệp và người dân địa phương

Từ đầu năm 2018, TCT-5 đã hoàn chỉnh dự thảo Sách trắng năm thứ nhất sau các đợt xin ý kiến tham gia của các sở ban ngành. Các thành viên TCT-5 đã rất tích cực hoàn thiện nội dung, cập nhật số liệu theo hướng dẫn của biên tập viên và tổ trưởng TCT/cán bộ đầu mối của TCT-5.

Kết quả, phiên bản tiếng Việt Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ nhất được xuất bản tháng 7 năm 2018 và phiên bản tiếng Anh được xuất bản tháng 8 năm 2018. Sách trắng tăng trưởng xanh năm đầu tiên được in với số lượng 500 bản tiếng Việt và 50 bản tiếng Anh và gửi tới các cơ quan hữu quan của tỉnh Quảng Ninh, Bộ KH&ĐT, Bộ TN&MT, TP Hải Phòng, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và người dân địa phương tham gia các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng.

Sách trắng tăng trưởng xanh đã cung cấp thông tin toàn diện về i) Khái quát về Khu vực Vịnh Hạ Long, ii) Hạn chế và thách thức đối với tài nguyên và môi trường của khu vực Vịnh Hạ Long, iii) Thực hiện tăng trưởng xanh ở khu vực Vịnh Hạ Long, iv) Dự án Thúc đẩy tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long tài trợ bởi JICA và v) Giới thiệu một số hoạt động tăng trưởng xanh tại các địa phương trong Khu vực dự án.

Bảng 3.2-33 Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ nhất

- 1.1 Chương 1: Khái quát về khu vực vịnh Hạ Long
- 1.2 Vịnh Hạ Long – Di sản Thiên nhiên Thế giới
- 1.2.1 Giá trị địa chất – địa mạo, cảnh quan
- 1.2.2 Giá trị đa dạng sinh học
- 1.2.3 Giá trị Văn hóa – Lịch sử
- 1.3 Giá trị Du lịch nổi bật của khu vực vịnh Hạ Long
- Chương 2: Hạn chế, thách thức về tài nguyên và môi trường khu vực vịnh Hạ Long
- 2.1 Các vấn đề về môi trường khu vực vịnh Hạ Long
- 2.2 Thách thức do biến đổi khí hậu
- Chương 3: Tăng trưởng xanh tại khu vực vịnh Hạ Long
- 3.1 Định hướng chung
- 3.2 Kế hoạch hành động nhằm thúc đẩy TTX tỉnh Quảng Ninh
- 3.3 Vai trò của cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người dân
- Chương 4: Dự án Thúc đẩy TTX tại khu vực vịnh Hạ Long, tỉnh QN
- 4.1 Thông tin chung về Dự án
- 4.2 Các hoạt động của Dự án
- Chương 5: Giới thiệu một số hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh tại các địa phương khu vực dự án



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Trên cơ sở kinh nghiệm xây dựng Sách trắng năm thứ nhất và những ý kiến tham gia của các thành phần tham dự hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng, trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2018, TCT-5 đã soạn Mục lục Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ hai. Tháng 5 năm 2018, TCT-5 đã trình UBND tỉnh bản dự thảo Mục lục Sách trắng năm thứ hai và đến tháng 11 năm 2018, UBND tỉnh đã ra quyết định phê duyệt. Sách Trắng tăng trưởng xanh năm thứ hai đã được xuất bản ngày 7 tháng 11 năm 2019.

Bảng 3.2-34 Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ hai

| | |
|--|--|
| Chương I – Kết quả thực hiện kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020 | |
| Chương II – Hiện trạng sử dụng năng lượng của các địa phương khu vực Dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh | |
| Chương III – Sử dụng hiệu quả năng lượng và nâng cao chất lượng môi trường tự nhiên trong các ngành của tỉnh Quảng Ninh | |
| Chương IV - Hợp tác quốc tế với Nhật bản trong hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long | |
| Chương V. Kết luận, các phương hướng phát triển tăng trưởng xanh và một số khuyến nghị trong thời gian tới | |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(g) Hoạt động 1.2.7: Thực hiện hoạt động nâng cao nhận thức

Sau khi xuất bản Sách Trắng Tăng trưởng xanh tăng trưởng xanh năm thứ nhất, căn cứ kế hoạch hoạt động nâng cao nhận thức lập vào 2017, các thành viên TCT-5 đã triển khai các hoạt động nâng cao nhận thức cho đối tượng là người dân địa phương, học sinh bậc học trung học phổ thông và các cán bộ hành chính trên địa bàn tỉnh. Tổng cộng có 289 người tham dự các hoạt động nâng cao nhận thức tổ chức trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2018. TCT-5 đã tiếp thu ý kiến tham gia của các thành phần tham dự các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và cải thiện nội dung Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ hai.

Bên cạnh đó, nhận thức được ý nghĩa tác động của hoạt động nâng cao nhận thức, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt nam (Vinacomin) đã đề nghị Sở KH&ĐT tổ chức một cuộc hội thảo đặc biệt về nội dung thúc đẩy tăng trưởng xanh cho đối tượng là các cán bộ, công nhân công tác trong ngành khai thác than. Vì vậy, tháng 3 năm 2019, tại trụ sở của Vinacomin, Sở KH&ĐT và Nhóm Chuyên gia JICA đã sử dụng Sách trắng tăng trưởng xanh tổ chức hội thảo theo yêu cầu.

Bảng 3.2-35 Tổng hợp hoạt động nâng cao nhận thức (năm 2018)

| Ngày | Đối tượng/Địa điểm | Nội dung chính | Số người tham dự |
|------------------|---|---|------------------|
| 28/8/2018 | Học sinh trường THPT Hòn Gai | Hội thảo quy mô nhỏ về kế hoạch hành động tăng trưởng xanh và hành động của mỗi học sinh góp phần bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh | 42 |
| 29/8/2018 | Học sinh trường THPT TP Cẩm Phả | Hội thảo quy mô nhỏ về kế hoạch hành động tăng trưởng xanh và hành động của mỗi học sinh góp phần bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ninh | 110 |
| 5/9/2018 | Cán bộ Hành chính tại TP Hạ Long | Hội thảo về tuyên truyền, phổ biến Sách trắng tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long năm 2017. | 37 |
| 6/9/2018 | Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hạ Long có hoạt động phát sinh tải lượng ô nhiễm chất hữu cơ và có nhu cầu tiết kiệm năng lượng | Hội thảo về Sách trắng Tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long và vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển bền vững | 30 |
| 12/9/2018 | Người dân phường Hồng Hải, TP Hạ Long | Hội thảo quy mô nhỏ về TTX và vai trò của người dân đối với phát triển bền vững tỉnh Quảng Ninh | 29 |
| 13/9/2018 | Người dân phường Quang Trung Ưông Bí | Hội thảo quy mô nhỏ về TTX và vai trò của người dân đối với phát triển bền vững tỉnh Quảng Ninh | 41 |
| 1/3/2019 | Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam (VINACOMIN) | Hành động của VINACOMIN đáp ứng các mục tiêu Tăng trưởng xanh của tỉnh Quảng Ninh | Khoảng 80 |
| Tổng cộng | | | 289 |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-22 Hoạt động nâng cao nhận thức (năm 2018)

(h) Hoạt động 1.2.8: Hoạt động theo dõi và tiếp thu các bài học kinh nghiệm

Mặc dù thời gian thực hiện từ khâu viết bài tới khi xuất bản được cuốn Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ Nhất kéo dài nhưng TCT đã có được thành quả là cuốn sách có nội dung biên soạn phù hợp và được các cơ quan, tổ chức đoàn thể tích cực tiếp nhận.

(i) Hoạt động 1.2.9: Đề xuất nội dung Sách trắng, kế hoạch xuất bản và hoạt động nâng cao nhận thức giai đoạn sau Dự án

Để phục vụ tiến trình thực thi kế hoạch hành động tăng trưởng xanh với mục đích giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh và thúc đẩy phát triển ngành du lịch trong tỉnh Quảng Ninh, cần có sự phối hợp và chia sẻ quan điểm chung giữa các bên liên quan đối với i) thông tin về tiến độ và tính hiệu quả của các biện pháp hành chính trong hoạt động giảm tải lượng ô nhiễm và thúc đẩy phát triển ngành du lịch và ii) hiện trạng môi trường khu vực, tài nguyên du lịch.

Hoạt động thường xuyên xuất bản Sách Trắng tăng trưởng xanh có vai trò quan trọng đóng góp cho nhiệm vụ thực thi kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh. Do vậy, UBND tỉnh sẽ ban hành quyết định cụ thể làm căn cứ triển khai và theo dõi hoạt động này.

TCT-5 đã tổ chức các cuộc họp để thảo luận các điểm sau đây liên quan đến dự thảo quyết định của UBND tỉnh ban hành chủ trương xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh:

- Thành lập Nhóm phụ trách hoạt động thường xuyên xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh;
- Phân công nhiệm vụ các thành viên thuộc các cơ quan liên quan và chỉ định trưởng nhóm;
- Thực hiện quy trình phê duyệt Mục lục Sách trắng tăng trưởng xanh hàng năm;
- Xây dựng kế hoạch xây dựng Sách trắng tăng trưởng xanh hàng năm;
- Hoàn thành quy trình thiết kế, biên tập và in ấn Sách trắng tăng trưởng xanh thông qua hợp đồng thuê ngoài;
- Làm rõ quy trình phê duyệt nội bộ/bên ngoài cho hoạt động xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh;
- Tổ chức hiệu quả hoạt động phân phối Sách trắng tăng trưởng xanh và sử dụng Sách trắng tăng trưởng xanh để tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức.

(j) Hoạt động 1.2.10: Lập văn bản hành chính dựa trên đề xuất

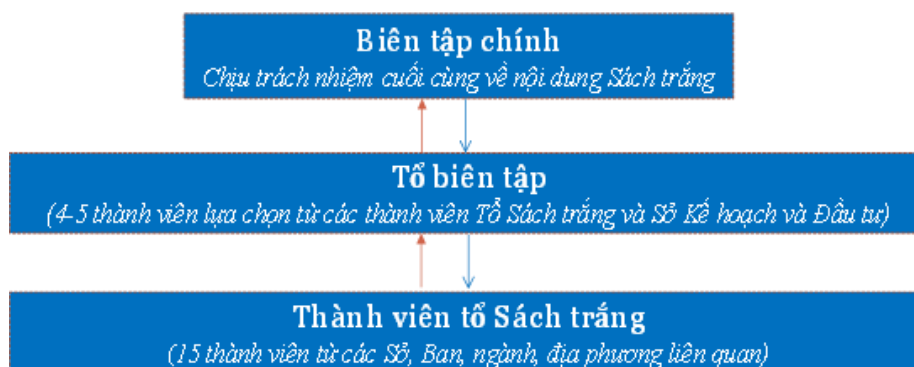
Tháng 7 năm 2019, TCT-5 đã dự thảo Quyết định về việc thường xuyên xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh.

Ngày 2 tháng 8 năm 2019, UBND tỉnh đã ký Quyết định số 3231 phê duyệt chủ trương thường xuyên xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.

3) **Hoạt động 1.3: Trên cơ sở các Đầu ra và tiến độ hoạt động 1-2, xây dựng và lập thành văn bản các quy định và tổ chức để tiếp tục và mở rộng hoạt động xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh và bắt đầu quy trình thủ tục xin phê duyệt của UBND tỉnh Quảng Ninh**

Từ kinh nghiệm xây dựng Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ nhất, Tổ trưởng và cán bộ đầu mối TCT-5 đã đặt ra những quy tắc và tổ chức cần thiết cho nhiệm vụ xuất bản Sách trắng của tỉnh Quảng Ninh.

Hình sau mô phỏng “Sơ đồ tổ chức lập Sách trắng Tăng trưởng xanh” của TCT-5.



Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.2-23 Sơ đồ tổ chức xuất bản Sách Trắng tăng trưởng xanh

4) **Hoạt động 1.4: Xây dựng các đề xuất về chính sách tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long cho giai đoạn sau dự án có tham khảo mô hình hồ Biwa**

Căn cứ kết quả hoạt động thí điểm, thành tựu đạt được và đánh giá Dự án, Ban QLDA phối hợp với JET nghiên cứu nội dung khuyến nghị dự án như sau:

- Khuyến nghị thúc đẩy bền vững những kết quả đạt được thông qua hoạt động thực thi Dự án;
- Khuyến nghị đối với hoạt động hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga trên cơ sở Biên bản ghi nhớ hợp tác kinh tế và môi trường (MOU) đã ký kết giữa hai tỉnh.
- Chương trình hành động triển khai những nội dung khuyến nghị cho giai đoạn sau Dự án.

Các tổ công tác căn cứ thành quả hoạt động của tổ đã đưa ra những khuyến nghị liên quan. Bên cạnh đó, tỉnh Shiga cũng đưa ra những nội dung khuyến nghị cho tương lai hoạt động hợp tác giữa tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh căn cứ MOU đã ký. Tại cuộc họp Ban chỉ đạo tổng kết Dự án tổ chức ngày 6 tháng 11 năm 2019, các bên đã báo cáo nội dung khuyến nghị cho giai đoạn sau Dự án

(2) **JET tạo thuận lợi và hỗ trợ hoạt động của TCT-5**

JET chủ yếu tập trung hỗ trợ hoạt động TCT-5 trong lập và phổ biến Sách trắng tăng trưởng xanh. Những hỗ trợ kỹ thuật sau đây đã góp phần giúp TCT chủ động hoạt động độc lập từ năm thứ 2 của Dự án.

- Giới thiệu khái niệm và nội dung Sách trắng, hướng dẫn cách thức xây dựng Sách trắng ở tỉnh Shiga, Nhật Bản
- Biên tập bài viết cho Sách trắng tăng trưởng xanh do thành viên TCT soạn.

- Thiết kế và biên soạn Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ nhất
- Chuẩn bị hoạt động nâng cao nhận thức Sách trắng tăng trưởng xanh.

(3) Kết quả thực hiện hoạt động TCT-5

Trong giai đoạn thực thi Dự án, TCT-5/UBND tỉnh Quảng Ninh đã xuất bản hai cuốn Sách trắng Tăng trưởng xanh có tham khảo kinh nghiệm xây dựng Sách trắng của tỉnh Shiga, Nhật Bản. TCT cũng đã tổ chức rất nhiều hoạt động nâng cao nhận thức, sử dụng các cuốn sách này. Sách được xuất bản nhằm mục tiêu mang lại những thông tin về hoạt động tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh tới đông đảo công chúng, các doanh nghiệp, v.v., khiến các bên liên quan hiểu rõ hơn vai trò của mình trong công cuộc thúc đẩy tăng trưởng xanh của tỉnh. Để tiếp tục duy trì hoạt động này giai đoạn sau Dự án, ngày 2 tháng 8 năm 2019, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ký Quyết định số 3231/QĐ-UBND đồng ý chủ trương liên tục xuất bản Sách trắng Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.

(4) Đánh giá chung về sự tham gia hoạt động của TCT-5

Ngay từ khi bắt đầu triển khai hoạt động thí điểm, tổ trưởng và cán bộ đầu mối TCT-5 đã hết sức chủ động, tích cực điều hành hoạt động xây dựng nội dung và xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh. Mọi thành viên trong tổ đều tham gia vai trò tác giả viết bài cho Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ Nhất. Thông qua hoạt động thí điểm năm thứ nhất, không chỉ những thành viên TCT mà bản thân những đối tượng tham gia hoạt động nâng cao nhận thức, đặc biệt là các em học sinh đều thực sự quan tâm đến hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh của tỉnh nhà.

Trên cơ sở những hoạt động năm thứ nhất, TCT-5 đã thực hiện các hoạt động năm thứ hai, như sau:

- Triển khai nhiệm vụ xây dựng Sách trắng năm thứ hai, với kinh nghiệm của năm thứ nhất để tránh những bước không cần thiết, TCT đã trình UBND tỉnh thông qua Mục lục Sách trắng năm thứ 2.
- Sử dụng ngân sách đối ứng của tỉnh chi trả chi phí chuyên gia thuê ngoài; thành viên TCT-5 đã qua nhiều lần rà soát, cập nhật, sửa đổi nội dung bài viết để hoàn thiện dự thảo Sách trắng.
- TCT-5 đã có văn bản chính thức, đề nghị tỉnh Shiga viết bài cho Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ hai. Tỉnh Shiga đã gửi bài giới thiệu về tỉnh Shiga, Hồ Biwa và các hoạt động xúc tiến tăng trưởng xanh.

3.3 Hoạt động tư vấn

3.3.1 Đề xuất thể chế hóa thúc đẩy tăng trưởng xanh (Đề xuất Nghị quyết mới) của Nhóm Chuyên trách (Taskforce) thuộc TCT-1

Tháng 3 năm 2018, Nhóm Chuyên trách được thành lập thuộc TCT-1 với nhiệm vụ soạn thảo các cơ chế tài chính hỗ trợ thực thi các hoạt động tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh. Ngày 31/8/2018, Sở KH&ĐT đã văn bản số 2733/KHDT-KTDN báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo UBND tỉnh về Kết quả nghiên cứu rà soát của Nhóm Chuyên trách. Bản nghiên cứu là kết quả tổng hợp những cơ chế do các TCT đề xuất, phản ánh đề cương các cơ chế tài chính hỗ trợ các chương trình và dự án tăng trưởng xanh trong tỉnh và thực hiện các cơ chế đề xuất của các TCT, thông qua ba nguồn chính sau:

- 1) Huy động nguồn tài chính từ các quỹ của tỉnh;
- 2) Huy động nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước: nguồn chi cho đầu tư phát triển hoặc chi thường xuyên hằng năm;
- 3) Phân công nhiệm vụ cho các sở, ngành, địa phương quản lý và vận hành các dự án thúc đẩy tăng trưởng xanh trong khu vực vịnh Hạ Long sau giai đoạn thực thi Dự án.

Nội dung thứ nhất liên quan đến đề xuất sửa đổi Quỹ BVMT tỉnh (chi tiết trình bày ở mục 3.2.1 (1) 1) (i)). Nội dung thứ hai liên quan đến việc xây dựng mới hoặc cập nhật nghị quyết hiện có của tỉnh nhằm khuyến khích, hỗ trợ đầu tư đóng góp cho hoạt động triển khai chính sách tăng trưởng xanh (chi tiết trình bày ở mục 3.2.1. (1) 1) (i)). Mục thứ ba liên quan đến việc đảm bảo ngân sách hoạt động của từng sở, ngành và địa phương thông qua nhiệm vụ được phân công tiếp tục thực hiện các hoạt động tăng trưởng xanh căn cứ những cơ chế các TCT liên quan đã xây dựng.

Ngày 31/10/2018, UBND tỉnh đã có công văn phúc đáp chính thức số 8064/UBND-MT chỉ đạo nhiệm vụ lồng ghép các Nghị quyết hiện có (chi tiết trình bày ở mục 2.3.1. (1) 1) (k)). Ngày 3/12/2018, Sở KH&ĐT tiếp tục trình văn bản số 3880/KHDT-KTDN về việc lồng ghép cơ chế tài chính của tỉnh hỗ trợ thực thi các nhiệm vụ và hoạt động tăng trưởng xanh, phần 3.2.1. (1) 1)(k)) của báo cáo trình bày chi tiết đề xuất lồng ghép các nghị quyết thuộc từng lĩnh vực liên quan.

3.3.2 Quan hệ công chúng

Nhiệm vụ tăng cường mối quan hệ công chúng, phổ biến tình hình hoạt động và lan tỏa kết quả thực hiện của Dự án đã được UBND tỉnh Quảng Ninh và Ban QLDA quan tâm ngay từ ngày đầu triển khai. Từ giai đoạn I của Dự án, Ban QLDA đã thiết kế và khởi chạy trang web Dự án và đến giai đoạn 2 của Dự án, Ban vẫn duy trì liên tục cập nhật nội dung trang web. Trang web đưa những thông tin chung về Dự án và tiến độ thực hiện, các mốc sự kiện quan trọng, v.v...các bài viết trong đó sử dụng hình ảnh và video để công chúng tiếp cận xem và hiểu về Dự án dễ dàng hơn.

Trong các sự kiện quan trọng của Dự án, luôn có sự tham gia đưa tin của đại diện các cơ quan truyền thông báo chí trong tỉnh và trung ương, như Hội thảo thúc đẩy tăng trưởng xanh lần thứ nhất, tổ chức tháng 4 năm 2018; các cuộc họp Ban Chỉ đạo Dự án lần thứ 2 và lần thứ 3 tổ chức năm 2018; và Lễ trao Nhãn Cánh buồm xanh, tổ chức tháng 9 năm 2018; họp Ban Chỉ đạo lần thứ 4 và thứ 5, tổ chức năm 2019, Hội nghị tổng kết Dự án, tổ chức tháng 11 năm 2019.

Ngoài ra, với cuốn Sách trắng tăng trưởng xanh năm thứ nhất được xuất bản tháng 7 năm 2018, TCT-5 đã triển khai một chuỗi các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng cho đa dạng các đối tượng. Đồng thời, TCT cũng phân phối bản in cuốn Sách trắng tăng trưởng xanh tới Bộ KH&ĐT, Bộ TN&MT và Sở KH&ĐT Hải Phòng và Bà Rịa-Vũng Tàu.

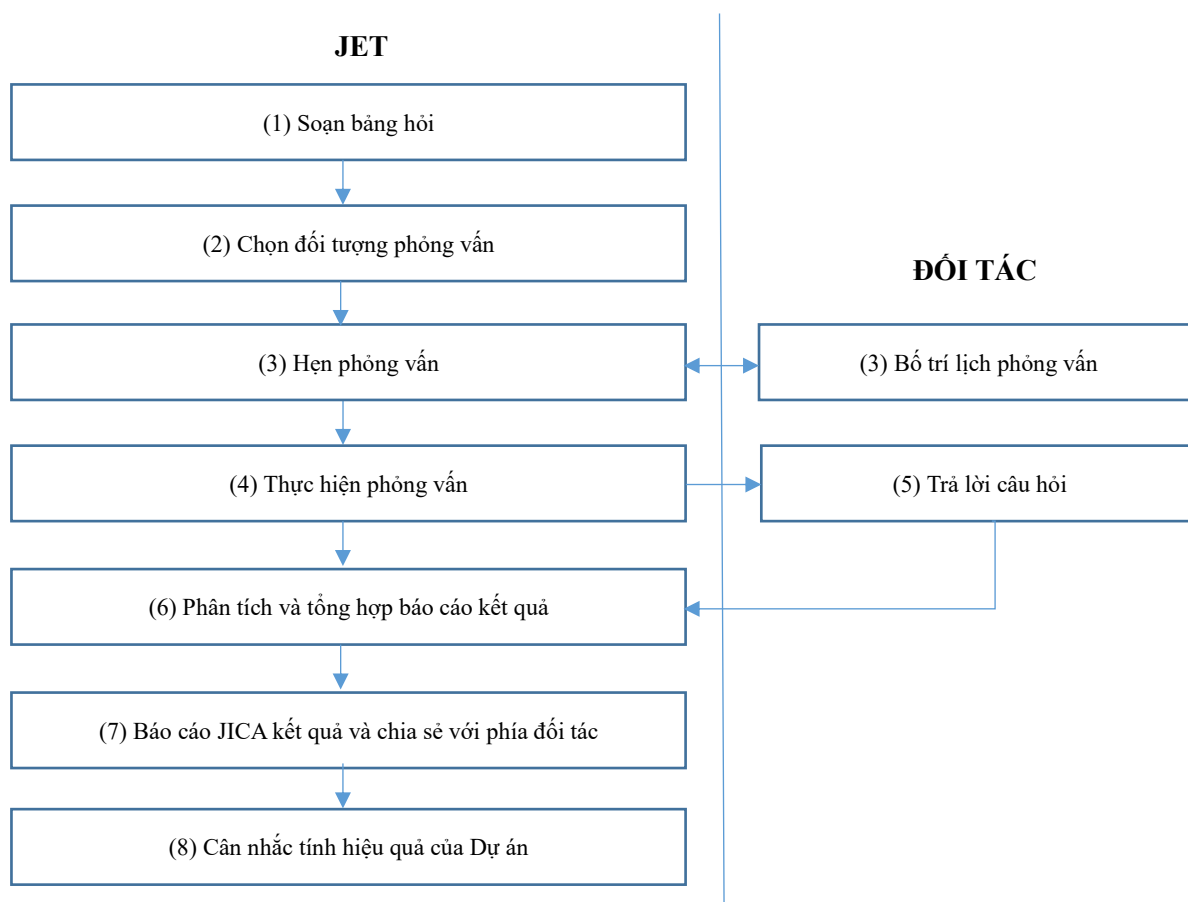
3.3.3 Đánh giá năng lực

(1) Nội dung đánh giá năng lực

Dự án đã sử dụng phiếu hỏi để khảo sát, phân tích điểm mạnh và điểm yếu trong năng lực của cán bộ phía đối tác, các thành viên 5 tổ công tác và đánh giá hiệu quả và tác động của Dự án.

(2) Phương pháp

Sơ đồ mô tả chu trình đánh giá năng lực:



Nguồn: JET

Hình 3.3-1 Sơ đồ chu trình đánh giá năng lực

Dự án tổ chức 3 đợt đánh giá năng lực; đợt thứ nhất vào thời điểm bắt đầu triển khai dự án - tháng Ba và tháng Tư năm 2017; đợt đánh giá giữa kỳ tổ chức tháng Chín năm 2018 và đánh giá cuối kỳ khi kết thúc Dự án.

Các đối tượng phỏng vấn gồm 1 đến 2 cán bộ cốt lõi của từng tổ công tác, gồm tổ trưởng và cán bộ đầu mối. Những người được phỏng vấn là đại diện cho tổ công tác và kết quả thu được có vai trò là kết quả chung và đại diện cho TCT và năng lực phía đối tác.

Bảng 3.3-1 Danh sách phỏng vấn

| STT | Họ và Tên | Cơ quan | Thuộc TCT | Ngày phỏng vấn |
|-------------------------------------|------------------------|--|-----------------------------|----------------|
| (1) Bắt đầu triển khai Dự án | | | | |
| 1 | Ông Phạm Văn Cường | Phó Giám đốc Sở TN&MT | Tổ trưởng TCT-1 | 24 /3/ 2017 |
| 2 | Bà Phan Thị Duyên | Sở TN&MT | Cán bộ đầu mối TCT-1 | 27 /3/ 2017 |
| 3 | Ông Phạm Đức Đề | Sở CT | Cán bộ đầu mối TCT-2 | 28 /3/ 2017 |
| 4 | Ông Nguyễn Đức Quỳnh | Sở DL | Cán bộ đầu mối TCT-3 | 28 /3/ 2017 |
| 5 | Ông Hồ Quang Huy | Phó CT UBND t/p Hạ Long | Tổ trưởng TCT-4 | 29 /3/ 2017 |
| 6 | Ông Nguyễn Vũ Hải | Trưởng phòng TN&MT t/p Hạ Long | Cán bộ đầu mối TCT-4 | 29 /3/ 2017 |
| 7 | Bà Đào Thị Thanh Huyền | Sở KH&ĐT | Cán bộ đầu mối TCT-5 | 24 /3/ 2017 |
| 8 | Ông Đỗ Văn Điệp | Hiệp hội giáo dục và bảo vệ môi trường Hạ Long | Thành viên TCT-5 | 10 /4/ 2107 |
| (2) Giữa kỳ thực thi Dự án | | | | |
| 1 | Bà Phan Thị Duyên | Sở TN&MT | Cán bộ đầu mối TCT-1 | 22 /9/2018 |
| 2 | Ông Phạm Đức Đề | Sở CT | Cán bộ đầu mối TCT-2 | 25 /9/2018 |
| 3 | Ông Nguyễn Đức Quỳnh | Sở Du lịch | Cán bộ đầu mối TCT-3 | 25 /9/2018 |
| 4 | Ông Nguyễn Vũ Hải | Trưởng phòng TN&MT t/p Hạ Long | Cán bộ đầu mối TCT-4 | 25 /9/2018 |
| 5 | Bà Đào Thị Thanh Huyền | Sở KH&ĐT | Cán bộ đầu mối TCT-5 | 21 /9/2018 |
| (3) Cuối kỳ thực thi Dự án | | | | |
| 1 | Ông Phạm Văn Cường | Phó Giám đốc Sở TN&MT | Tổ trưởng TCT-1 | 12 /11/ 2019 |
| 2 | Ông Phạm Quang Thái | Phó Giám đốc Sở CT | Tổ trưởng TCT-2 | 11 /11/ 2019 |
| 3 | Ông Lê Minh Tân | Phó Giám đốc Sở DT | Tổ trưởng TCT-3 | 8 /11/ 2019 |
| 4 | Ông Nguyễn Vũ Hải | Trưởng phòng TN&MT t/p Hạ Long | Nguyên cán bộ đầu mối TCT-4 | 11 /11/ 2019 |
| 5 | Bà Đào Thị Thanh Huyền | Sở KH&ĐT | Cán bộ đầu mối TCT-5 | 6 /11/ 2019 |

Nguồn: JET

Mục đích phân tích năng lực:

Bảng 3.3-2 Mục đích phân tích năng lực

| Giai đoạn | Điểm phân tích đánh giá năng lực |
|------------------------------|---|
| (1) Bắt đầu triển khai Dự án | Đánh giá cơ bản về điểm mạnh, điểm yếu về mặt kỹ thuật và môi trường thực thi và kỹ năng thực thi chính sách và thể chế |
| (2) Giữa kỳ thực thi Dự án | Phát triển năng lực thực hiện Dự án |
| (3) Cuối kỳ thực thi Dự án | Phát triển năng lực tiếp tục thực hiện các hoạt động sau giai đoạn Dự án |

Nguồn: JET

Nội dung phiếu hỏi phỏng vấn:

Bảng 3.3-3 Phiếu hỏi Đánh giá năng lực thời kỳ đầu Dự án

| Câu hỏi dành cho tổ trưởng TCT | Câu hỏi dành cho cán bộ đầu mối |
|---|--|
| Kỹ năng kỹ thuật | |
| Cơ quan của Ông (bà) đã thực hiện được những gì căn cứ Kế hoạch Hành động Tăng trưởng xanh của tỉnh? | Ông (bà) hiểu như thế nào về Kế hoạch hành động TTX của tỉnh? |
| Trong cơ quan của Ông (bà), có bao nhiêu người hiểu về các nhiệm vụ của Tăng trưởng xanh ? Bao nhiêu người có thể đề xuất biện pháp thực hiện được các nhiệm vụ đó? | Ông (bà) có thể cho một ví dụ về nhiệm vụ tăng trưởng xanh và gợi ý biện pháp thực hiện nhiệm vụ đó? |
| Trong cơ quan của Ông (bà) có bao nhiêu người có đủ trình độ xây dựng chính sách và nắm được quy trình phê duyệt đối với chính sách đó? | Ông (bà) có hiểu rõ về các bước xây dựng chính sách và quy trình phê duyệt đối với chính sách đó không? |
| Văn bản pháp luật hiện hành nào liên quan tới TCT mà cơ quan Ông (bà) thấy cần được cải thiện sửa đổi? | Ông (bà) có thể chỉ ra tên một quy định nào đó cần được cải thiện sửa đổi liên quan tới hoạt động của TCT? |
| Cơ quan của Ông (bà) có đưa ra ý kiến về việc làm thế nào cải thiện được luật pháp hiện hành liên quan tới hoạt động của TCT không? | Ông (bà) có đưa ra ý kiến về việc làm thế nào cải thiện được luật pháp hiện hành liên quan tới hoạt động của TCT của ông (bà) không? |
| Nền kinh tế nàu ở tỉnh Quảng Ninh là gì? | |

| Câu hỏi dành cho tổ trưởng TCT | Câu hỏi dành cho cán bộ đầu mối |
|--|--|
| Tác động tiêu cực của nền kinh tế nâu tại tỉnh Quảng Ninh là gì? | |
| Nền kinh tế xanh ở tỉnh Quảng Ninh là gì? | |
| Tác động tiêu cực của nền kinh tế xanh tại tỉnh Quảng Ninh là gì? | |
| Cơ quan của Ông (bà) có vai trò gì tham gia kế hoạch phân bổ ngân sách cân nhắc tới tính bền vững của hoạt động của TCT giai đoạn sau Dự án? | Ông (bà) có thể gợi ý về kế hoạch phân bổ ngân sách cân nhắc tới sự bền vững của hoạt động của TCT giai đoạn sau Dự án không? |
| Cơ quan của Ông (bà) tham gia như thế nào cho nhiệm vụ lập kế hoạch và thực hiện hoạt động của TCT giai đoạn sau Dự án? | Ông (bà) có ý kiến gì đối với việc lập kế hoạch và thực hiện hoạt động của TCT giai đoạn sau Dự án? |
| Dự án quốc gia, quốc tế và địa phương nào liên quan tới hoạt động của TCT mà cơ quan của Ông (bà) tham gia cho tới thời điểm hiện tại? | Ông (bà) có biết ví dụ thông tin tốt nào về Dự án quốc gia, quốc tế và địa phương liên quan tới hoạt động của TCT của ông (bà) không? |
| Môi trường bên ngoài | |
| Những khó khăn và hạn chế nào mà cơ quan của Ông (bà) dự kiến sẽ phải đối mặt trong giai đoạn lập kế hoạch hoạt động của TCT? | Có khó khăn và hạn chế nào từ môi trường bên ngoài trong giai đoạn lập kế hoạch cho hoạt động của TCT không? |
| Những khó khăn và hạn chế nào mà cơ quan của Ông (bà) dự kiến sẽ phải đối mặt trong giai đoạn thực thi hoạt động của TCT? | Ông (bà) có thể dự kiến khó khăn và hạn chế nào về môi trường bên ngoài trong giai đoạn lập kế hoạch cho hoạt động của TCT không? |
| Dự kiến cơ quan của Ông (bà) sẽ có những mặt thuận lợi gì trong giai đoạn lập kế hoạch hoạt động của TCT? | Có những mặt thuận lợi gì từ môi trường bên ngoài trong giai đoạn lập kế hoạch hoạt động của TCT? |
| Dự kiến cơ quan của Ông (bà) sẽ có những mặt thuận lợi gì trong giai đoạn thực thi hoạt động của TCT? | Ông (bà) có thể dự kiến những mặt thuận lợi gì từ môi trường bên ngoài trong giai đoạn thực thi hoạt động của TCT? |
| Kỹ năng thực hiện chính sách và thể chế | |
| Những vấn đề khó khăn gì đã được nêu ra trong Kế hoạch Thực thi (IP), Kế hoạch Hoạt động Năm 2017 hoặc Danh mục các hoạt động 2017, v.v...trong cơ quan của Ông (bà) và những biện pháp khắc phục? | Điều gì là vấn đề khó khăn nhất trong Kế hoạch Thực thi (IP), Kế hoạch Hoạt động Năm 2017 hoặc Danh mục các hoạt động 2017, v.v... và những biện pháp nào có thể được xem xét? |
| Tiến độ khắc phục vấn đề khó khăn ở trên như thế nào? Lý do và bài học kinh nghiệm từ vấn đề đó là gì? | Theo Ông (bà), tiến độ khắc phục những khó khăn trên như thế nào? Lý do và bài học kinh nghiệm từ vấn đề đó là gì? |

Nguồn: JET

Bảng 3.3-4 Phiếu hỏi Đánh giá năng lực giữa kỳ thực thi Dự án

| STT | Câu hỏi |
|-----|---|
| 1 | Hiện nay, chúng ta đang ở thời điểm giữa kỳ Dự án. Ông (bà) đã hiểu rõ hơn về tăng trưởng xanh thông qua hoạt động của Dự án hay chưa? Hãy nêu cụ thể nội dung Ông (bà) đặc biệt hiểu rõ. |
| 2 | Cơ quan của Ông (bà) đã được nâng cao Thấu hiểu tăng trưởng xanh thông qua Dự án hay chưa? Những cán bộ tham gia dự án đã được tăng cường hiểu biết chưa? Theo Ông (bà) những hoạt động nào là cần thiết nếu họ vẫn chưa hiểu được về tăng trưởng xanh? |
| 3 | Ông (bà) có cho rằng Dự án đã có tác động nâng cao nhận thức, sự quan tâm và Thấu hiểu tăng trưởng xanh của những người không thuộc cơ quan nhà nước trong khu vực Dự án không? Theo Ông (bà) những hoạt động nào là cần thiết để nâng cao nhận thức cho họ? Xin hãy nêu ý kiến đề xuất của Ông (bà) về những đầu vào cần thiết để phổ biến tăng trưởng xanh hiệu quả hơn |
| 4 | Thông qua hoạt động của dự án trong một năm rưỡi vừa qua, những điểm nào về tăng trưởng xanh Ông (bà) nghĩ nên tăng cường hoặc muốn tăng cường vào thời điểm cuối Dự án? (cho cả cá nhân và tổ chức). |
| 5 | Theo Ông (bà), đầu vào nào của JET là cần thiết để đạt được mục tiêu của dự án? |
| 6 | Những chỉ số nào Ông (bà) muốn đạt được vào cuối Dự án và dự đoán sẽ đạt được những kết quả nào? |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Bảng 3.3-5 Phiếu hỏi Đánh giá năng lực cuối kỳ thực thi Dự án

| STT | Câu hỏi |
|---------------------------------------|---|
| Trong quá trình thực thi Dự án | |
| 1 | Động cơ thúc đẩy sự tham gia của Ông/Bà trong hoạt động Tổ công tác (TCT) là gì? |
| 2 | Đóng góp của Ông/Bà cho hoạt động của TCT là gì? |
| 3 | Những khó khăn trong hoạt động của TCT và Ông/Bà đã giải quyết như thế nào? |
| 4 | Nếu đánh giá hoạt động của TCT, Ông/Bà đánh giá mấy điểm? Hãy giải thích điểm số đánh giá đó? |
| 5 | Có điểm nào Dự án chưa thực hiện được mà cần phải giải quyết trong giai đoạn sau Dự án không? |
| Giai đoạn sau Dự án | |
| 6 | Theo Ông/Bà, làm thế nào để đảm bảo ngân sách thực hiện những quy định đã được thể chế hóa thông qua hoạt động của tổ công tác mà ông/bà đã tham gia? |
| 7 | Ai/Sở nào sẽ chịu trách nhiệm thực hiện những quy định đã được thể chế hóa thông qua hoạt động của TCT? |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(3) Kết quả và phân tích khảo sát đánh giá năng lực

Ngay từ khi bắt đầu triển khai, Dự án đã thực hiện phân tích điểm mạnh, điểm yếu trong năng lực kỹ thuật thực thi của tổ công tác, về môi trường bên ngoài và về kỹ năng thực hiện chính sách và thể chế hóa. Về kỹ năng kỹ thuật và kỹ năng thực thi hoạt động, nhìn chung các tổ công tác đều thể hiện động lực tích cực tham gia thực hiện Dự án và đều có tiềm năng đáp ứng yêu cầu công việc. Tuy nhiên, vẫn còn một số tổ công tác do còn thiếu kinh nghiệm, hạn chế nguồn nhân lực, hạn hẹp về thời gian tham gia nên chưa hiểu thấu đáo và chưa nắm bắt được nội dung hoạt động. Đối với môi trường bên ngoài, một số tổ công tác rất quan tâm tới hỗ trợ của UBND tỉnh cho hoạt động của tổ và các tổ CT luôn mong nhận được sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh Quảng Ninh và điều đó có ý nghĩa rất quan trọng cho quá trình thực thi Dự án.

Bảng 3.3-6 Khảo sát phỏng vấn từ đầu triển khai và phân tích kết quả

| TCT | <Năng lực kỹ thuật> | <Môi trường bên ngoài> | <Kỹ năng thực thi chính sách và thể chế > |
|---------------------------------------|--|---|---|
| TCT-1 (Sở Tài nguyên & Môi trường) | <u>Điểm mạnh</u> - Sở TN&MT có một đội ngũ gồm 50 cán bộ chuyên môn quản lý môi trường và quản lý tài chính. - Nắm rõ về Quỹ BVMT. - <u>Sở đã xác định và báo cáo Bộ TN&MT về một số điểm cần sửa đổi trong điều lệ Quỹ BVMT.</u> | <u>Điểm mạnh</u> - Được UBND tỉnh hỗ trợ tích cực. | <u>Điểm mạnh</u> (Không) |
| | <u>Điểm yếu</u> - Chưa có nhiều kinh nghiệm trong xây dựng pháp chế | <u>Điểm yếu</u> - Hạn chế vốn Quỹ; - Đối tượng vay có khả năng tài chính hạn chế - Hạn chế về ngân sách tỉnh | <u>Điểm yếu</u> - Hạn chế thời gian - Nhiệm vụ TCT chưa rõ ràng - Kế hoạch do JET lập và không có ý kiến phản biện giữa JET và đối tác Việt nam. - JET thường thay đổi chuyên gia. - Tiến độ dự án chậm do phải đồng thời đảm đương các nhiệm vụ của Sở. |
| TCT-2 (Sở Công Thương) | <u>Điểm mạnh</u> - <u>Xác định một số điểm cần bổ sung sửa đổi trong văn bản ban hành</u> | <u>Điểm mạnh</u> - Đã có sẵn hệ thống pháp chế về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | <u>Điểm mạnh</u> (KHÔNG) |

| TCT | <Năng lực kỹ thuật> | <Môi trường bên ngoài> | <Kỹ năng thực thi chính sách và thể chế > |
|---|---|---|--|
| | <u>Điểm yếu</u> (KHÔNG) | <u>Điểm yếu</u> - Một số doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm tới sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả - Một số cơ sở chưa có cán bộ phụ trách năng lượng được đào tạo căn bản | <u>Điểm yếu</u> - Hạn chế về thời gian - Một số doanh nghiệp chưa thực sự quan tâm đến Dự án |
| TCT-3 (Sở Du lịch) | <u>Điểm mạnh</u> - Hiểu rõ và quan tâm hoạt động TCT. | <u>Điểm mạnh</u> (KHÔNG) | <u>Điểm mạnh</u> - Nhiệm vụ xác định rõ ràng. |
| | <u>Điểm yếu</u> - Trên địa bàn tỉnh chưa có nhiều hoạt động tương tự như hoạt động của TCT trên địa | <u>Điểm yếu</u> - Khó khăn khi lấy ý kiến đồng thuận giữa các bên - Khó khăn khi tìm kiếm hỗ trợ của nhà đầu tư, nhà tài trợ và cơ quan chính quyền | <u>Điểm yếu</u> - Khó tập trung vào hoạt động chi tiết - Khó thiết lập cơ chế hợp tác |
| TCT-4 (UBND thành phố Hạ Long) | <u>Điểm mạnh</u> - Hiểu rõ pháp chế kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp - Hiểu rõ nhiệm vụ xây dựng chính sách - Kinh nghiệm liên quan đến hoạt động TCT | <u>Điểm mạnh</u> - Tinh và thành phố hết sức quan tâm và tham gia tích cho Dự án - Mục đích dự án rõ ràng - Được JET, các cơ quan sở ban ngành địa phương và trung ương quan tâm hỗ trợ - TCT-UBND thành phố Hạ Long rất quyết tâm thực hiện hoạt động - Dự án phù hợp với hiện trạng phát triển của thành phố | <u>Điểm mạnh</u> - JET và TCT có thể trao đổi công việc qua thư điện tử và TCT xử lý kịp thời ngày. |
| | <u>Điểm yếu</u> - <u>Không đủ thông tin về phân bổ ngân sách cho Dự án</u> | <u>Điểm yếu</u> - Khi cần xin ý kiến đồng thuận giữa các bên | <u>Điểm yếu</u> - <u>Chưa hiểu cách thức chọn biên pháp phù hợp vận dụng cho hoạt động của TCT và chưa xác định được cốt lõi vấn đề cần giải quyết thông qua hoạt động thí điểm</u> |
| TCT-5 (Hội giáo dục và BVMT Hạ Long) | <u>Điểm mạnh</u> - Khoảng 70% thành viên hiệp hội hiểu nhiệm vụ tăng trưởng xanh | <u>Điểm mạnh</u> - Hướng dẫn cụ thể của UBND tỉnh Quảng Ninh | <u>Điểm mạnh</u> - Kinh nghiệm trong hoạt động tương tự liên quan đến hoạt động của TCT |
| | <u>Điểm yếu</u> - Hạn chế về nhân lực thực thi hoạt động | <u>Điểm yếu</u> (KHÔNG) | <u>Điểm yếu</u> (KHÔNG) |
| TCT-5 (Sở KH&ĐT) | <u>Điểm mạnh</u> - Có kiến thức xây dựng chính sách - Kinh nghiệm và nắm rõ về phân bổ ngân sách cho hoạt động TCT | <u>Điểm mạnh</u> - Được UBND tỉnh hỗ trợ tích cực. - TCT có đồng đạo thành viên. | <u>Điểm mạnh</u> - Hiểu nhiệm vụ và quan điểm hoạt động TCT |
| | <u>Điểm yếu</u> (KHÔNG) | <u>Điểm yếu</u> - Đa dạng đối tượng phân phối Sách trắng; - Khó khăn trong phối hợp với các sở ban ngành khác nếu chưa có ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh. | <u>Điểm yếu</u> - Khó khăn khi thu thập và chọn thông tin đưa vào Sách trắng |

Nguồn: JET

Tại thời điểm giữa kỳ thực thi Dự án, Dự án đã tiến hành phân tích năng lực đã được nâng cao tính đến giai đoạn giữa kỳ của Dự án đối với từng tổ công tác. Kết quả các bảng hỏi cho thấy tất cả các TCT đều nhận thấy tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động nâng cao nhận thức thông qua hoạt động Dự án. Các TCT đều cho rằng hoạt động nâng cao nhận thức là một công cụ hữu hiệu đóng

góp thành công cho hoạt động tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh nói chung và cho mục tiêu hoạt động của các tổ công tác nói riêng.

Bảng 3.3-7 Kết quả và phân tích khảo sát phỏng vấn giai đoạn giữa kỳ Dự án

| TCT | Năng lực được nâng cao trong thực thi Dự án |
|-------|---|
| TCT-1 | <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức về tầm quan trọng và sự cần thiết của cơ chế tài chính để bảo vệ môi trường. - Hệ thống chia sẻ thông tin và trao đổi ý kiến trong đội ngũ cán bộ của Sở TN&MT (không chỉ trong các thành viên TCT) - Thấu hiểu tầm quan trọng khi tất cả các đối tượng trên địa bàn tỉnh đều tham gia nâng cao nhận thức và cân nhắc về môi trường - Nhận thức về tầm quan trọng và sự cần thiết phổ biến thông tin môi trường tới công chúng - Nhận thức về tầm quan trọng và sự cần thiết của việc thiết lập cơ chế tài chính cho tất cả các hoạt động của TCT trong thời gian giai đoạn sau Dự án |
| TCT-2 | <ul style="list-style-type: none"> - Phát hành bản tin hàng tháng của Sở Công-Thương để chia sẻ và phổ biến thông tin các hoạt động, trong đó có cả những thông tin hoạt động Dự án. - Sử dụng Sách trắng tăng trưởng xanh để phổ biến về định nghĩa tăng trưởng xanh và chính sách của tỉnh về tăng trưởng xanh - Thấu hiểu việc sử dụng hiệu quả Sách trắng tăng trưởng xanh để phổ biến thông tin tới công chúng - Thấu hiểu những hành động cần thiết khi chia sẻ thông tin và nâng cao nhận thức người dân. |
| TCT-3 | <ul style="list-style-type: none"> - Thấu hiểu tầm quan trọng của bảo vệ tài nguyên du lịch và tính bền vững của tài nguyên - Thấu hiểu hành động cần thiết truyền tải thông tin tới công chúng - Thấu hiểu những điểm yếu trong hoạt động của TCT và các biện pháp khắc phục |
| TCT-4 | <ul style="list-style-type: none"> - Thấu hiểu tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động nâng cao nhận thức - Thấu hiểu sự cần thiết của cơ chế thu thập ý kiến phản hồi của người sử dụng nhà vệ sinh sinh thái |
| TCT-5 | <ul style="list-style-type: none"> - Thấu hiểu tầm quan trọng và sự cần thiết của hoạt động nâng cao nhận thức - Phân tích điểm yếu sau khi tổ chức hoạt động nâng cao nhận thức và cân nhắc các biện pháp |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Đến cuối kỳ thực thi, Dự án tiến hành đánh giá, phân tích năng lực tổ công tác đã tích lũy, bồi dưỡng được phục vụ các hoạt động Dự án giai đoạn sau Dự án. Kết quả khảo sát cho thấy 4 điểm đánh giá năng lực đã cải thiện.

Bảng 3.3-8 Kết quả và phân tích khảo sát phỏng vấn giai đoạn cuối kỳ Dự án

| TCT- | Năng lực đã tích lũy, bồi dưỡng tiếp tục phục vụ các hoạt động Dự án giai đoạn sau Dự án |
|---|---|
| Tầm quan trọng và mục tiêu Dự án được hiểu theo quan điểm bản thân | |
| TCT-1 | Dự án đã nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi cộng đồng không chỉ trong phạm vi thành phố Hạ Long mà cả trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. |
| TCT-2 | Điều quan trọng cần duy trì và bảo tồn Di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vấn đề cốt yếu cần đảm bảo tăng trưởng kinh tế nhưng không gây tác động tiêu cực tới môi trường và hài hòa giữa các nhiệm vụ hoạt động phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường. Hoạt động của TCT về tiết kiệm năng lượng có thể đóng góp cho phát triển và giảm thiểu biến đổi khí hậu. |
| TCT-3 | Thông qua Dự án, phát triển du lịch bền vững là điều có thể thực hiện được và qua đó tài nguyên thiên nhiên được bảo vệ hiệu quả hơn. |
| TCT-4 | Thông qua Dự án, có thể thực hiện ứng dụng công nghệ khoa học mới góp phần giảm chất thải/ô nhiễm vịnh Hạ Long. |
| TCT-5 | Thông qua Dự án, khái niệm tăng trưởng xanh đã đi vào thực tiễn và được lan tỏa trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Sách trắng tăng trưởng xanh được xuất bản, học hỏi những bí quyết tinh Shiga, Nhật Bản chia sẻ và vận dụng cho tỉnh Quảng Ninh. |
| Điểm nổi bật của Dự án | |

| Năng lực đã tích lũy, bồi dưỡng tiếp tục phục vụ các hoạt động Dự án giai đoạn sau Dự án | |
|---|---|
| TCT-1 | Điểm hạn chế trong điều lệ Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh đã được khắc phục thông qua văn bản hành chính được ban hành. Thông qua hoạt động của TCT có thể thu hút sự tham gia và phối hợp của các sở ngành khác. |
| TCT-2 | Hoạt động xây dựng tiêu chí Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả liên quan đến nhiều ngành và hoạt động đánh giá hồ sơ cũng liên quan đến các ngành khác nhau. |
| TCT-3 | Có thể xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái với sự tham gia của cộng đồng người dân địa phương |
| TCT-4 | Sự phối hợp với các sở ngành khác trong hoạt động của TCT. |
| TCT-5 | Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức thông qua sử dụng Sách trắng tăng trưởng xanh. |
| Thực hiện thành công Đầu ra dự kiến của Dự án | |
| TCT-1 | Đạt mục tiêu hoạt động của TCT. |
| TCT-2 | Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả là một chương trình độc đáo riêng có (Đặc biệt là nhiệm vụ xây dựng tiêu chí) và tỉnh Quảng Ninh là tỉnh tiên phong trong toàn quốc có chương trình trao giấy chứng nhận cho cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. |
| TCT-3 | Đạt mục tiêu hoạt động của TCT. |
| TCT-4 | Thành viên tổ công tác đã tích cực phối hợp khắc phục rất nhiều khó khăn trong hoạt động của tổ và đã hoàn thành mục tiêu hoạt động tổ. |
| TCT-5 | Nhận được đánh giá phản hồi tích cực từ tỉnh Shiga, Nhật Bản, JICA và các đại biểu khác tham dự cuộc Họp Ban chỉ đạo tổng kết Dự án. Công tác thể chế hóa cho hoạt động đã được UBND tỉnh ký quyết định ban hành. |
| Động cơ thúc đẩy thực thi nhiệm vụ liên quan đến hoạt động của tổ công tác trong giai đoạn sau Dự án | |
| TCT-1 | Đơn vị phụ trách và các bên liên quan quan tâm. |
| TCT-2 | Nhận diện được những thách thức giai đoạn sau Dự án. |
| TCT-3 | Nhận diện được những thách thức giai đoạn sau Dự án. |
| TCT-4 | Xem xét ý kiến tham gia của người sử dụng và nghiên cứu cải thiện cho giai đoạn sau Dự án. |
| TCT-5 | Cần nhắc ý tưởng cải thiện nội dung Sách trắng và xem xét thành phần TCT và tiêu chí chọn thành phần TCT, phương thức cải thiện quản lý hoạt động cho giai đoạn sau Dự án. Sở KH&ĐT đã chuẩn bị kế hoạch hành động và ngân sách. |

Nguồn: JET

(4) Hoạt động Dự án góp phần phát triển năng lực phía đối tác

Điều chắc chắn là Dự án đóng góp đáng kể cho hoạt động phát triển năng lực cho các cán bộ phía đối tác. Đặc biệt là tác động nâng cao nhận thức cho các cán bộ phía đối tác trong quá trình thực thi nhiệm vụ Dự án. Các cán bộ phía đối tác đã thấu hiểu mục tiêu hoạt động Dự án và chủ động trong quá trình phối hợp với các sở ngành liên quan, thực hiện được mục tiêu tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long. Cán bộ đối tác cũng đúc rút được những kinh nghiệm thực thi, xác định rõ những điểm chưa đạt và cần nhắc phương án khắc phục những nhược điểm đó và sẵn sàng tiếp tục triển khai các hoạt động giai đoạn sau dự án. Những cơ chế đã được thể chế hóa trong khuôn khổ Dự án sẽ là các cơ sở pháp lý cho phép tiếp tục triển khai và những kinh nghiệm trong hoạt động thể chế hóa các cơ chế đã xây dựng đó sẽ giúp ích rất nhiều cho phía đối tác trong bước triển khai tiếp theo giai đoạn sau Dự án.

3.4 Hợp tác với tỉnh Shiga

3.4.1 Bối cảnh

Cho đến nay, tỉnh Shiga, Nhật bản đã rất thành công trong việc cân bằng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ môi trường Hồ Biwa. Tỉnh Quảng Ninh sở hữu vịnh Hạ Long, di sản thiên nhiên thế giới hiện đang đối mặt với tình trạng suy thoái môi trường do tốc độ phát triển nhanh chóng trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua. Trước đây, tỉnh Shiga cũng đã ở tình trạng tương tự như vậy và những bài học kinh nghiệm, kiến thức tỉnh Shiga đã tích lũy có thể đưa ra nghiên cứu, vận dụng cho khu vực vịnh Hạ Long. Thông qua hoạt động của Dự án, nhóm Chuyên gia JICA đã tích cực phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga.

3.4.2 Đoàn cố vấn làm việc với tỉnh Quảng Ninh

Đoàn cố vấn tỉnh Shiga đã được phái cử sang khu vực vịnh Hạ Long làm việc với tỉnh Quảng Ninh trong bảy (7) đợt với mục đích tham vấn cho các hoạt động Dự án. Thông tin các đợt làm việc của đoàn cố vấn tỉnh Shiga như sau:

Bảng 3.4-1 Khái quát các đợt làm việc của đoàn cố vấn tỉnh Shiga, giai đoạn 2016-2019

| Đợt làm việc và thời gian cụ thể | Mục đích/Hoạt động | Thành viên của đoàn |
|---------------------------------------|--|--|
| Đợt thứ nhất 29/11 – 1/12/ 2016 | <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự hội thảo khởi động Dự án - Cố vấn cho Dự án ở giai đoạn khởi đầu - Chia sẻ kinh nghiệm của Dự án Cát Bà và thảo luận sự cộng tác trong tương lai với Dự án - Thăm thực địa tại các hoạt động thí điểm | <ul style="list-style-type: none"> - Hai (2) cán bộ từ Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Shiga (Phòng Chính sách) - Một cán bộ Trường Đại học Osaka |
| Đợt thứ 2 23 – 27/4/ 2017 | <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự cuộc họp Ban Chỉ đạo lần thứ nhất - Theo dõi các hoạt động của Dự án và tư vấn - Trao đổi ý kiến với Ban QLDA về khả năng hợp tác trong tương lai giữa hai cơ quan (2) - Thăm thực địa hoạt động thí điểm và những dự án khác | <ul style="list-style-type: none"> - Hai (2) cán bộ từ Sở Môi trường Hồ Biwa (phòng Nước thải, Phòng Chính sách Môi trường) |
| Đợt thứ 3 19 – 22/11/ 2017 | <ul style="list-style-type: none"> - Tham dự Hội đồng lần thứ hai - Theo dõi các hoạt động của Dự án và tư vấn - Trao đổi ý kiến với Ban QLDA về khả năng hợp tác trong tương lai giữa hai cơ quan (2) căn cứ MOU | <ul style="list-style-type: none"> - Năm (5) cán bộ từ tỉnh Shiga (Phòng Chính sách Môi trường, Phòng Chính sách Công nghiệp và Thương mại, Viện Nghiên cứu MT Hồ Biwa, P.Nước thải) |
| Đợt thứ 4 15 – 21 /4/ 2018 | <ul style="list-style-type: none"> - Tư vấn cho các hoạt động và giới thiệu kinh nghiệm của tỉnh Shiga cho từng TCT - Trao đổi ý kiến với Trường ĐH Hạ Long để thiết lập Trung tâm Nghiên cứu Môi trường vịnh Hạ Long - Nhận biết về nhu cầu đối với công nghệ xử lý nước thải tại khu vực vịnh Hạ Long và cân nhắc cho phù hợp với các doanh nghiệp tỉnh Shiga - Tham dự Hội thảo thúc đẩy tăng trưởng xanh lần thứ nhất và trình bày về mô hình hồ Biwa. | <ul style="list-style-type: none"> - Năm (5) cán bộ từ tỉnh Shiga (Phòng Chính sách Môi trường, Phòng Chính sách Công nghiệp và Thương mại, Viện Nghiên cứu Môi trường Hồ Biwa, Văn phòng Xúc tiến Biwaichi, Phòng Nước thải) |
| Đợt thứ 5 15 – 17/1/ 2019 | <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi ý kiến với Ban QLDA cho giai đoạn sau dự án - Thăm thực địa Trạm XLNT Hà Khánh - Dự cuộc họp Ban chỉ đạo dự án lần thứ 4 - Tọa đàm với Đại học Hạ Long về hỗ trợ cho Trung tâm Nghiên cứu Vịnh Hạ Long - Trao đổi ý kiến với Sở KHĐT và các cơ quan liên quan khác | <ul style="list-style-type: none"> - Năm (5) cán bộ từ tỉnh Shiga (Phòng Chính sách Môi trường, Phòng Chính sách Công nghiệp và Thương mại, Văn phòng Xúc tiến Biwachi, Phòng Nước thải, Quỹ Bảo tồn Môi trường Ohmi) |

| | | |
|---------------------------------------|---|--|
| <p>Đợt thứ 6 28/5 – 1/6/ 2019</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi ý kiến với Ban QLDA cho giai đoạn sau dự án - Thăm thực địa vịnh Hạ Long và Bảo tàng Quảng Ninh - Thăm nghi thức ông Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh Quảng Ninh - Tham dự Hội thảo phổ biến và Thúc đẩy tăng trưởng xanh lần thứ 2 (doanh nghiệp tỉnh Shiga tháp tùng tham dự hội thảo) - Trao đổi ý kiến với trường ĐH Hạ Long về hỗ trợ cho Trung tâm Nghiên cứu Vịnh Hạ Long | <ul style="list-style-type: none"> - Năm (5) cán bộ từ tỉnh Shiga (Phòng Chính sách Môi trường, Phòng Chính sách Công nghiệp và Thương mại, Văn phòng Xúc tiến Biwachi, Phòng Nước thải, Quỹ Bảo tồn Môi trường Ohmi) |
| <p>Đợt thứ 7 6-8/11/ 2019</p> | <ul style="list-style-type: none"> - Dự Hội ban chỉ đạo tổng kết Dự án / Hội nghị Tổng kết Dự án - Trao đổi ý kiến với trường ĐH Hạ Long về hỗ trợ cho Trung tâm Nghiên cứu Vịnh Hạ Long - Trao đổi ý kiến với Sở KHĐT và các cơ quan liên quan khác - Hội thảo kỹ thuật xử lý nước thải, phối hợp với các doanh nghiệp tỉnh Shiga | <ul style="list-style-type: none"> - Bảy (7) cán bộ tỉnh Shiga (Phòng Chính sách Môi trường, Phòng Chính sách Công nghiệp và Thương mại, Văn phòng Xúc tiến Biwachi, Phòng Nước thải, Quỹ Bảo tồn Môi trường Ohmi) |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Sự tham gia tư vấn kỹ thuật của tỉnh Shiga đóng góp rất hiệu quả cho quá trình thực hiện các hoạt động Dự án, như sau:

- Sách trắng tăng trưởng xanh được xây dựng thông qua tham khảo đề cương ý tưởng và khai thác Sách trắng môi trường tỉnh Shiga. Ngoài ra, trên cơ sở ý kiến tư vấn của tỉnh Shiga về kinh nghiệm thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức môi trường, Sách trắng tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh đã rất chú trọng đến khai thác công cụ truyền thông trao đổi thông tin diện rộng, phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh.
- Tỉnh Shiga đã chia sẻ những thông tin về các chương trình quỹ môi trường của tỉnh, trong đó có chương trình tài chính và thuế rừng phục vụ cho hoạt động xây dựng công trình xử lý nước thải. TCT-1 đã nghiên cứu các chương trình đó để xem xét khả năng các cơ chế cấp quỹ và tài chính, giải quyết những thách thức đang gặp phải đối với Quỹ BVMT.
- Tỉnh Shiga đã tổ chức đưa các doanh nghiệp Nhật Bản tới Dự án giới thiệu các công nghệ tiên tiến có thể cân nhắc áp dụng cho hoạt động cải thiện môi trường khu vực vịnh Hạ Long. Hoạt động này góp phần khuyến khích các sở ban ngành liên quan của tỉnh Quảng Ninh như Sở TN&MT xem xét để vận dụng các công nghệ liên quan trong nhiệm vụ giải quyết vấn đề môi trường khu vực vịnh Hạ Long. Hoạt động này cũng góp phần làm khăng khít hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa phía tỉnh Quảng Ninh và các doanh nghiệp thuộc tỉnh Shiga.

3.4.3 Triển lãm Kinh doanh Môi trường (Hồ Biwa) Biwako

Từ ngày 18 đến 20 tháng 10 năm 2017, tỉnh Shiga đã tổ chức Triển lãm Kinh doanh Môi trường (Hồ Biwa) Biwako, tham dự hội thảo có lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Ninh và UBND thành phố Hạ Long. Chương trình hội thảo bao gồm các nội dung sau:

- Lễ ký Biên bản Ghi nhớ (MOU) hợp tác kinh tế và môi trường giữa chính quyền hai tỉnh;
- UBND thành phố Hạ Long đã có bài trình bày giới thiệu, chia sẻ với các doanh nghiệp tỉnh Shiga (các doanh nghiệp thành viên Diễn đàn xúc tiến Kinh doanh Môi trường nước) về hiện trạng và các vấn đề liên quan đến môi trường nước khu vực vịnh Hạ Long, những thách thức, khó khăn v.v...

3.4.4 Hoạt động hợp tác trong khuôn khổ Biên bản Ghi nhớ (MOU) ký kết giữa tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh

Hoạt động của đoàn cố vấn tỉnh Shiga khi tham gia Dự án không chỉ liên quan đến nhiệm vụ chia sẻ những kinh nghiệm tư vấn mà còn liên quan đến nghiên cứu, xây dựng nội dung Biên bản ghi nhớ (MOU) thiết lập hợp tác giữa tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh. Hoạt động của đoàn cố vấn trong khuôn khổ nội dung MOU đã ký kết bao gồm:

Bảng 3.4-2 Hoạt động của đoàn cố vấn tỉnh Shiga trong khuôn khổ MOU đã ký kết

| Ngày | Hoạt động | Nội dung |
|-------------------------------|--|---|
| Đợt làm việc thứ 4 | | |
| 17/4/2018-20/4/2018 | Tọa đàm với trường Đại học Hạ Long về việc thành lập Trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long | (1) Thảo luận về mục đích và những vấn đề liên quan tới thành lập trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long và những đóng góp cần thiết từ phía tỉnh Shiga. <ul style="list-style-type: none"> - Sự cần thiết thành lập Trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long, phương hướng nghiên cứu và mục đích hoạt động (Trường khoa Môi trường, trường ĐH Hạ Long) - Giới thiệu lịch sử, cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa (Ông Tanaka, Giám đốc cao cấp, Viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa) (2) Thảo luận và làm rõ hệ thống hợp tác giữa tỉnh Shiga và ĐH Hạ Long <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích về quy trình phê duyệt thành lập trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long và hệ thống thực hiện công tác nghiên cứu (Trường khoa Môi trường, trường ĐH Hạ Long) - Giải thích về kế hoạch hoạt động trong thời gian tới và thảo luận khả năng hợp tác trong tương lai. - Xác nhận khả năng nguồn gây ô nhiễm vịnh Hạ Long và những công tác nghiên cứu cần thiết |
| 17/4/2018 | Nhận thức về nhu cầu công nghệ xử lý nước thải ở khu vực vịnh Hạ Long và thảo luận kết nối với các doanh nghiệp tỉnh Shiga | Giới thiệu sơ lược về VINACOMIN, những vấn đề môi trường và biện pháp khắc phục và mối quan hệ hợp tác với nước ngoài <ul style="list-style-type: none"> - Xác nhận ý định đầu tư hệ thống quan trắc môi trường tự động và thảo luận về công nghệ xử lý nước thải - Thảo luận khả năng kết nối giữa các doanh nghiệp tỉnh Shiga và VINACOMIN và các công ty trực thuộc về khả năng tổ chức hội nghị doanh nghiệp. |
| Đợt làm việc lần thứ 5 | | |
| 15 /1/2019 | Tọa đàm với trường Đại học Hạ Long về việc thành lập Trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long | - Thảo luận và làm rõ hệ thống hợp tác giữa tỉnh Shiga và Đại học Hạ Long |
| 16/1/ 2019 | Đổi thoại chính sách giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga về tương lai hợp tác | - Trao đổi ý kiến về tương lai hợp tác theo các đầu mục đã nêu trong <u>Biên bản ghi nhớ hợp tác kinh tế và môi trường</u> |
| 30/5/2019 | Họp với Ban QLDA của Dự án Đầu tư xây dựng hệ thống Thoát nước Thành phố Hạ Long để thu thập thông tin | - Giải thích khái quát về Dự án Thoát nước TP Hạ Long, ví dụ như về công suất của NM XLNT TP Hạ Long, chi phí cho dự án, v.v... - Thăm NMXLNT Hà Khánh |
| 31/5/2019 | Thăm NMXLNT của LICOGI | - Giải thích về các đặc điểm kỹ thuật của nhà máy, ví dụ như về công suất, hệ thống xử lý nước thải, v.v... |
| Đợt làm việc lần thứ 6 | | |
| 6/11/2019 | Tọa đàm với trường Đại học Hạ Long về việc thành lập Trung tâm nghiên cứu vịnh Hạ Long | - Thảo luận và làm rõ hệ thống hợp tác giữa tỉnh Shiga và Đại học Hạ Long |
| 7/11/2019 | Đổi thoại chính sách giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga về tương lai hợp tác | - Trao đổi ý kiến về tương lai hợp tác theo các đầu mục đã nêu trong <u>Biên bản ghi nhớ hợp tác kinh tế và môi trường</u> |
| 8/11/2019 | Hội thảo kỹ thuật với các doanh nghiệp tỉnh Shiga về quản lý nước thải | - Doanh nghiệp tỉnh Shiga giới thiệu công nghệ Nhật Bản trong lĩnh vực xử lý nước thải. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

3.5 Đào tạo tại Nhật Bản

3.5.1 Chương trình đào tạo tại Nhật Bản (2017 và 2018)

(1) Mục tiêu

Trong hai năm 2017 và 2018 đã diễn ra hai khóa đào tạo tại Nhật Bản với nội dung giới thiệu những điển hình hiệu quả trong lĩnh vực xây dựng và thực hiện các chính sách liên quan đến tăng trưởng xanh của Nhật Bản. Chương trình đào tạo tại Nhật Bản nhằm mục đích mang lại cơ hội cho các cán bộ chủ chốt thuộc các sở ban ngành địa phương phụ trách thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh được học hỏi kiến thức, bài học kinh nghiệm thực hiện chính sách toàn diện của Nhật Bản trong quản lý tài nguyên khu vực và phát triển vùng, vận dụng mô hình hồ Biwa của tỉnh Shiga trong hoạt động của Dự án.

(2) Khái quát Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo tại Nhật Bản gồm 6 chủ đề: i) Tìm hiểu chính sách môi trường và du lịch của tỉnh Shiga, ii) Tìm hiểu tình hình hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và của các doanh nghiệp đối với nhiệm vụ quản lý môi trường; iii) Tìm hiểu tình hình phát triển kinh doanh môi trường và chính sách quản lý môi trường trong doanh nghiệp và trong khu công nghiệp, iv) Tìm hiểu tình hình phát triển du lịch và chính sách quản lý môi trường trong doanh nghiệp du lịch, v) Tìm hiểu các hoạt động bảo tồn môi trường trong vùng nước khép kín, vi) Tìm hiểu chính sách quản lý môi trường có sự tham gia của cộng đồng. Nội dung chi tiết như sau:

Bảng 3.5-1 Khái quát các đợt đào tạo tại Nhật Bản (2017, 2018)

| Chủ đề | Tiêu đề chương trình (Năm thực hiện) | Nội dung chương trình |
|---|--|--|
| i) Tìm hiểu chính sách môi trường và du lịch của tỉnh Shiga | Tỉnh Shiga trình bày về định hướng và nội dung cụ thể (2017) | Lịch sử và thông tin cơ bản về hồ Biwa ILEC giải thích về hoạt động sử dụng đất tỉnh Shiga. |
| | Diễn thuyết về chính sách môi trường, sách trắng môi trường, quản trị du lịch, nông nghiệp chuyên ngành với những cân nhắc tới môi trường (2017) | Lịch sử chính sách môi trường và dữ liệu thống kê, sự nghiệp thực hiện mục tiêu môi trường, nhiệm vụ trong tương lai và cách thức thực hiện và sử dụng Sách trắng. Video giới thiệu các điểm du lịch, văn hóa ẩm thực và Biwaichi, có nội dung thuyết minh những điểm hấp dẫn của du lịch. Mục tiêu, hoạt động, công nghệ giảm thiểu tác động môi trường và hoạt động PR của nông nghiệp với những cân nhắc tới môi trường |
| | Giới thiệu về chính sách môi trường như quản lý môi trường, tiết kiệm năng lượng và tái chế, v.v. tỉnh Shiga (2018) | Lịch sử chính sách môi trường ở hồ Biwa và tình trạng môi trường hiện tại và mục tiêu và vấn đề quản lý môi trường bao gồm tiết kiệm năng lượng và tái chế thực phẩm thừa, v.v. |
| | Tham quan Văn phòng thoát nước khu vực phía Nam (2018) | Tham quan Cơ sở xử lý nước thải, thông tin về lưu lượng xử lý và quản lý nước thải. |
| | Trao đổi ý kiến với các cán bộ của tỉnh Shiga (2018) | Trao đổi với cán bộ của tỉnh Shiga về các vấn đề và các biện pháp (chính sách, v.v.) thực thi Dự án |
| ii) Tìm hiểu tình hình hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước và của các doanh nghiệp | Tham quan Viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa (2017) | Tham quan và tìm hiểu các phương pháp phân tích chất lượng nước trong hồ Biwa và kết quả. |
| | Diễn thuyết về cách tiếp cận của trường nổi hồ Biwa (2017) | Tham quan và tìm hiểu các nội dung lớp học tại trường nổi Uminoko trên hồ Biwa |

| Chủ đề | Tiêu đề chương trình (Năm thực hiện) | Nội dung chương trình |
|---|---|--|
| ngành đối với nhiệm vụ quản lý môi trường | Tham quan Bảo tàng Hồ Biwa (2017) | Tham quan và tìm hiểu Phòng triển lãm (lịch sử hồ Biwa, lịch sử quan hệ của người và hồ Biwa, hiện trạng hồ Biwa, thủy cung). |
| iii) Tìm hiểu tình hình phát triển kinh doanh môi trường và chính sách quản lý môi trường trong doanh nghiệp và trong khu công nghiệp | Tham gia Hội nghị Biwacom (2017) | Bài trình bày của một số cơ quan tổ chức của tỉnh Shiga về lịch sử hoạt động của Mother Lake 21. Các học viên tham gia thảo luận nhóm về Giáo dục và Toàn cầu hóa và ý kiến về các hoạt động bảo tồn môi trường ở hồ Biwa, so sánh với tình hình hiện tại của Vịnh Hạ Long. |
| | Tham quan cơ sở sản xuất phân vi sinh (2018) | Giới thiệu các hoạt động và hệ thống xử lý thức ăn thừa ở tỉnh Shiga và tham quan cơ sở sản xuất phân vi sinh. |
| | Tham quan nhà máy sản xuất tủ lạnh (2018) | Tham quan và tìm hiểu Chính sách sản xuất thiết bị điện ở Panasonic trong đó có nội dung tiết kiệm năng lượng và quá trình sản xuất tủ lạnh. |
| iv) Tìm hiểu tình hình phát triển du lịch và chính sách quản lý môi trường trong doanh nghiệp du lịch | Bài giảng về lịch sử và phương pháp tiếp cận du lịch sinh thái ở Nhật Bản (2017) | Hiệp hội du lịch sinh thái Nhật Bản giải thích khái niệm du lịch sinh thái, nêu trường hợp cụ thể và hiệu quả kinh tế của du lịch sinh thái của Nhật Bản. |
| | Tham gia trải nghiệm văn hóa ở thành phố Fujinomiya và Harie Shozu tại tỉnh Shiga (2017) | Trải nghiệm Du lịch sinh thái (Mặc kimono, thờ cúng ở Sengen Taisha, nấu kẹo truyền thống Nhật Bản và trà đạo truyền thống) ở thành phố Fujinomiya. Nghe nhân viên của Ecologic giới thiệu về văn hóa Nhật Bản và kinh doanh du lịch sinh thái. Nghe giới thiệu về Cảnh quan và lối sống truyền thống với Kabata (hệ thống sử dụng nước thân thiện với môi trường) trong khu du lịch sinh thái ở Harie Shozu. |
| | Bài giảng về dự án hợp tác với Thành phố Fujinomiya: phương pháp tiếp cận thu hút thị trường khách đến thăm quan thành phố (2017) | Chuẩn bị (tổ chức hội thảo với người dân, lập bản đồ du lịch bằng tiếng Anh) cho chuyến tham quan thành phố Fujinomiya và nghe nhân viên của Ecologic giải thích nội dung chương trình chuyến tham quan trong nước. |
| v) Tìm hiểu các hoạt động bảo tồn môi trường trong vùng nước khép kín | Giới thiệu về chính sách bảo tồn môi trường ở Biển đảo Seto (2018) | Các hoạt động bảo tồn môi trường liên quan đến cộng đồng bao gồm người dân, học sinh và doanh nghiệp và chính phủ đã được giải thích. |
| vi) Tìm hiểu chính sách quản lý môi trường có sự tham gia của cộng đồng | Tham quan Bảo tàng Hồ Biwa (2018) | Thăm Phòng triển lãm (lịch sử hồ Biwa, lịch sử mối liên hệ giữa con người và hồ Biwa, hiện trạng hồ Biwa). |
| | Trao đổi ý kiến với Hợp tác xã Nghề cá và tham quan (2018) | Hợp tác xã Nghề cá đã giới thiệu hoạt động bảo tồn môi trường với sự tham gia của cộng đồng. |
| vii) Tìm hiểu chính sách quản lý môi trường có sự tham gia của cộng đồng | Chuyến thăm hồ Biwa (2018) | Trải nghiệm đi tàu trên hồ Biwa và tìm hiểu lý do khiến sản phẩm du lịch đi tàu trên hồ lại trở nên hấp dẫn khách du lịch và quan sát cơ sở vật chất trên tàu du lịch. |
| | Tham gia Hội nghị Biwacom (2018) | So sánh các hoạt động bảo tồn môi trường giữa Hạ Long và Shiga, trao đổi ý kiến với học viên và đại diện người dân của tỉnh Shiga. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(3) Danh sách các cán bộ tỉnh Quảng Ninh tham gia chương trình đào tạo

Sau đây là danh sách 25 cán bộ là thành viên Ban Chỉ đạo Dự án, Ban QLDA và các tổ công tác tham gia chương trình đào tạo tại Nhật Bản:

Bảng 3.5-2 Thành viên tham dự đào tạo tại Nhật Bản

| STT | Họ và Tên | Chức vụ |
|-------------------------------------|--------------------------|--|
| Thành phần tham gia năm 2017 | | |
| 1 | Ông Phạm Văn Tiêu | Phó Giám đốc Sở Tài chính, |
| 2 | Bà Nguyễn Thị Kim Phương | Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh |
| 3 | Ông Vũ Tất Bằng | Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng UBND tỉnh |

| | | |
|-------------------------------------|-------------------------|--|
| 4 | Bà Trần Thị Thanh Tâm | Phó trưởng phòng KTĐN, Sở KHĐT |
| 5 | Bà Trương Thị Bích Hằng | Kế toán Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 6 | Ông Nguyễn Đức Quỳnh | Trưởng phòng KHPTTNDL, Sở Du lịch, |
| 7 | Bà Nguyễn Thị Thu Trang | Phó TP Văn xã, Sở KHĐT, |
| 8 | Ông Tô Văn Hải | Phó CT UBND huyện Vân Đồn |
| 9 | Ông Trần Xuân Cường | Phó Chánh văn phòng, Sở KHĐT. |
| 10 | Bà Đào Thị Thanh Huyền | Phó trưởng phòng KTĐN, Sở KHĐT |
| 11 | Ông Hoàng Tuấn Linh | Cán bộ Chi cục BVMT, Sở TN&MT, |
| 12 | Ông Đỗ Văn Điệp | Hội GD và Bảo vệ môi trường Hạ Long |
| 13 | Bà Đỗ Thị Thanh | Chuyên viên phòng Văn hóa Thông tin, UBND thành phố Hạ Long |
| 14 | Ông Đỗ Mạnh Hùng | Phó CT UBND thị xã Quảng Yên |
| 15 | Ông Lương Văn Luân | Chánh Thanh tra Sở KHĐT |
| Thành phần tham gia năm 2018 | | |
| 1 | Ông Lê Văn Lưu | Hàm Trưởng phòng Kinh tế tổng hợp, UBND tỉnh Quảng Ninh |
| 2 | Ông Nguyễn Hữu Duyên | Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 3 | Bà Phạm Thị Hồng Hạnh | Trưởng phòng Tổng hợp, Văn phòng UBND tỉnh |
| 4 | Bà Phan Thị Duyên | Phó Giám đốc quỹ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường |
| 5 | Ông Hà Văn Thiệu | Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh |
| 6 | Ông Vũ Văn Đình | Chuyên viên phòng Đầu tư, Sở Tài chính |
| 7 | Phạm Quỳnh Ngân | Chuyên viên phòng Tổng hợp và quản lý quy hoạch, Sở Kế hoạch và Đầu tư |
| 8 | Ông Nguyễn Đức Phong | Chuyên viên phòng Tổng hợp, Văn phòng Tỉnh ủy |
| 9 | Ông Nguyễn Vũ Hải | Trưởng phòng Tài nguyên môi trường, UBND thành phố Hạ Long |
| 10 | Ông Phạm Đức Đề | Trưởng phòng quản lý năng lượng, Sở Công thương |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(4) Chương trình đào tạo

Sau đây là tổng hợp nội dung chương trình đào tạo ở Nhật Bản:

Bảng 3.5-3 Chương trình học hàng ngày và nội dung đào tạo tại Nhật Bản

| Ngày | Nội dung |
|---|---|
| Chương trình năm 2017 | |
| 23/8 (thứ 4) | Định hướng và nội dung đào tạo |
| 24/8 (thứ 5) | [Diễn thuyết] Lịch sử và cách tiếp cận Du lịch Sinh thái ở Nhật Bản |
| | [Thăm] Trung tâm Di sản Thế giới núi Phú Sĩ |
| 25/8 (thứ 6) | Trải nghiệm văn hóa trong chương trình du lịch sinh thái |
| | [Diễn thuyết] Dự án hợp tác với thành phố Fujinomiya: Cách tiếp cận luồng khách đến thăm quan (Inbound) thành phố |
| 26/8 (thứ 7) | Tham gia Hội thảo Biwacomì |
| 27/8 (CN) | Thăm quan thành phố Kyoto |
| 28/8 (thứ 2) | [Diễn thuyết] Định hướng và giới thiệu về tỉnh Shiga |
| | [Diễn thuyết] Chính sách môi trường của tỉnh Shiga, đặc biệt về lập và sử dụng Sách Trắng về môi trường |
| | [Diễn thuyết] Quản lý du lịch tại tỉnh Shiga |
| | [Diễn thuyết] Nông nghiệp đặc biệt quan tâm tới vấn đề môi trường tỉnh Shiga |
| | [Diễn thuyết] Đánh giá thông qua chỉ số môi trường và chia sẻ các chủ đề đa dạng |
| [Thăm] Viện nghiên cứu môi trường hồ Biwa | |
| 29/8 (thứ 3) | [Thăm] Harie Shozu no Sato (khu du lịch sinh thái địa phương) |
| | [Thăm quan] đi tàu thăm quan hồ Biwa |
| | [Thăm] Cơ sở sản xuất nông nghiệp quan tâm tới bảo vệ môi trường |
| 30/8 (thứ 4) | [Diễn thuyết] Phương pháp tiếp cận của trường nội Biwa |
| | [Diễn thuyết] Cách tiếp cận của nhà điều hành kinh doanh du lịch sinh thái |
| | [Thăm] Bảo tàng hồ Biwa |
| | [Trình bày] Trình bày báo cáo đợt học tập |
| 31/8 (thứ 5) | Trở về Việt Nam |
| Chương trình năm 2018 | |
| 25/8 (thứ 7) | Tới Nhật Bản |
| | Giới thiệu tóm tắt chương trình |
| 26/8 (CN) | Tham dự “Diễn đàn Biwa Comì” |
| | Đi tàu thăm hồ Biwa |
| 27/8 (thứ 2) | Bài giảng: Các biện pháp hành chính để bảo tồn môi trường Hồ Biwa |

| Ngày | Nội dung |
|--------------|--|
| | Bài giảng: Quản lý và tái chế chất thải thực phẩm tại tỉnh Shiga |
| | Bài giảng: Các biện pháp đối với biến đổi khí hậu tại tỉnh Shiga |
| | Bài giảng: Chính sách tiết kiệm năng lượng tại tỉnh Shiga |
| 28/8 (thứ 3) | Bài giảng: Đa dạng sinh học/Hệ sinh thái của biển đảo Seto Bảo tồn môi trường trong các vùng biên kín |
| 29/8 (thứ 4) | Bài giảng: Các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học/hệ sinh thái trong ngành thủy sản Trao đổi ý kiến và thăm thực địa |
| 30/8 (thứ 5) | Thăm thực địa tại cơ sở Trạm ủ phân vi sinh Thăm thực địa tại nhà máy có hiệu quả năng lượng (sản xuất tủ lạnh) |
| 31/8 (thứ 6) | Thăm thực địa một nhà máy xử lý nước thải Trao đổi ý kiến với doanh nghiệp tại Diễn đàn Kinh doanh Môi trường nước và đáp ứng với nhu cầu tại tỉnh Shiga Trao đổi ý kiến với các cán bộ tỉnh Shiga |
| 1/9 (thứ 7) | Thăm thực địa: Bảo tàng Hồ Biwa Báo cáo những kết quả đạt được sau khóa đào tạo tại Nhật Bản |
| 2/9 (CN) | Trở về Việt Nam |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

(5) Các hoạt động chính trong chương trình đào tạo

Về du lịch sinh thái, những thành viên tham dự được trải nghiệm hoạt động du lịch sinh thái ở Nhật Bản và hiểu được cách thức khai thác và vận dụng tài nguyên khu vực một cách hiệu quả và xem xét cách thức phát triển các tài nguyên đó cho mục đích kinh doanh. Về bảo tồn môi trường, các thành viên tham dự đã có cơ hội học hỏi, hiểu về lịch sử các chính sách và thực tiễn hiệu quả đang áp dụng ở tỉnh Shiga. Các thành viên còn được nghe cách thức vận dụng những kinh nghiệm và bí quyết của tỉnh Shiga đối với tỉnh Quảng Ninh. Dưới đây là hình ảnh một số hoạt động trong đợt đào tạo tại Nhật Bản:

| Đào tạo tại Nhật Bản năm 2017 | | |
|---|---|--|
|  |  |  |
| Bài giảng về du lịch sinh thái | Tham gia du lịch sinh thái tại t.p Fujinomiya | Thăm thực địa Harie Shozu |
|  |  |  |
| Thảo luận về toàn cầu hóa tại hội nghị Biwacommi | Nghiên cứu phân tích số liệu Hồ Biwa tại Viện Nghiên cứu Môi trường Hồ Biwa | Lễ kết thúc khóa học |
| Đào tạo tại Nhật Bản năm 2018 | | |

| | | |
|---|---|--|
|  |  |  |
| Thăm Nhà máy sản xuất tủ lạnh | Thăm Văn phòng, Phòng Thoát nước Khu vực Phía Nam | Trao đổi ý kiến với các cán bộ tỉnh Shiga |
|  |  |  |
| Thăm bảo tàng Hồ Biwa | Báo cáo kết quả đạt được trong khóa học đào tạo tại Nhật Bản | Lễ kết thúc khóa học |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

Hình 3.5-1 Các hoạt động trong khuôn khổ chương trình đào tạo tại Nhật Bản

3.5.2 Kết quả chương trình đào tạo tại Nhật Bản

Bảng sau đây trình bày kết quả chương trình đào tạo tại Nhật Bản:

Bảng 3.5-4 Kết quả chương trình đào tạo tại Nhật Bản theo tổ công tác

| TCT | Kiến thức đã lĩnh hội | Đóng góp cho Dự án |
|-------|--|--|
| TCT-1 | Bí quyết vận hành các quỹ | Thấu hiểu sự cần thiết của việc thiết lập chương trình tài chính |
| TCT-2 | Tiết kiệm năng lượng hiệu quả trong các nhà máy chế tạo | Xem xét tiêu chí nhân xanh áp dụng cho các chủ doanh nghiệp |
| TCT-3 | Tăng cường hợp tác và chia sẻ chi phí/lợi ích giữa các bên liên quan đến xúc tiến du lịch sinh thái | Thiết lập khuôn khổ hợp tác giữa các cơ quan chức năng và cộng đồng liên quan cần thiết để thúc đẩy du lịch bền vững |
| TCT-4 | Tầm quan trọng của cơ chế hợp tác giữa chính quyền, công dân, khu vực tư nhân, v.v... để thực hiện chính sách “Mẹ Hồ 21”. | Xem xét tiêu chuẩn giới thiệu công nghệ tiên tiến |
| TCT-5 | Hiệu quả của việc xuất bản và phổ biến Sách trắng của tỉnh Shiga, bao gồm những kinh nghiệm và bí quyết để lập cuốn sách hấp dẫn độc giả | Tăng cường hợp tác giữa các cơ quan hữu quan để phát triển Sách trắng |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

4 Bài học kinh nghiệm đóng góp cho nhiệm vụ mở rộng hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Nội dung chương này mô tả cụ thể những bài học kinh nghiệm trong quá trình thực hiện các hoạt động và vận hành Dự án và những bài học kinh nghiệm này có ý nghĩa to lớn đóng góp cho nhiệm vụ mở rộng thúc đẩy tăng trưởng xanh trên toàn địa bàn tỉnh. Phân tích cụ thể những kinh nghiệm quý báu có được trong quá trình thực thi Dự án như sau:

(1) Cam kết của các cấp có thẩm quyền ra quyết định trong quá trình xây dựng và thực hiện chính sách tăng trưởng xanh

[Kinh nghiệm Dự án]

Xuyên suốt quá trình thực thi Dự án, các cấp có thẩm quyền của Tỉnh đã thể hiện sự cam kết cao và tích cực chủ động trong công tác chỉ đạo, qua những cơ hội và hoạt động thực thi Dự án như sau:

- Ngay từ giai đoạn 1 của Dự án, Trưởng BCD, Ban QLDA, lãnh đạo các sở thành phần BCD trong đó có tổ trưởng các tổ công tác đã tham gia chương trình đào tạo tại Nhật Bản và tham quan tỉnh Shiga. Các thành viên tham gia đã có cơ hội học hỏi bài học kinh nghiệm, thực tiễn tốt, công nghệ hiện đại, v.v.. của tỉnh Shiga, nơi có mô hình Hồ Biwa.
- Trưởng BCD, Ban QLDA đã dẫn dắt Dự án từ những ngày đầu giai đoạn thiết kế. Điều đó tạo cơ hội cho các cấp có thẩm quyền xác định được những nhu cầu và các vấn đề cần được giải quyết thông qua hoạt động thực thi Dự án để nắm bắt tiến độ và chủ động ra quyết định liên quan.
- Trưởng BCD và Ban QLDA luôn kịp thời chỉ đạo tổ chức các cuộc họp tổ công tác, các cuộc họp giữa các tổ, các cuộc hội thảo, v.v. Đó chính là cơ hội để i) phổ biến tinh thần chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền đối với hoạt động thực thi Dự án và ii) tăng cường mối quan hệ công tác giữa các bên, đảm bảo vận hành Dự án thuận lợi.
- Tổ trưởng các TCT và cán bộ đầu mối luôn kịp thời giải trình, báo cáo tiến độ các hoạt động Dự án trước các cấp có thẩm quyền ra quyết định để xin ý kiến chỉ đạo. Đây chính là kinh nghiệm cần được tích cực phát huy khi vận dụng phương pháp tiếp cận liên ngành như trình bày trong phần (3) của chương này.

Tinh thần cam kết cao và chủ động của các cấp có thẩm quyền ra quyết định đã tạo dựng môi trường tích cực tham gia hoạt động và có trách nhiệm giải trình của các cán bộ dự án phía đối tác xuyên suốt quá trình Dự án. Tinh thần chỉ đạo sát sao, kịp thời của các cấp có thẩm quyền mang lại hiệu ứng tích cực trong công tác hướng dẫn các sở ban ngành của tỉnh, v.v.. thực thi nhiệm vụ thể chế hóa các cơ chế và tạo dựng môi trường phối kết hợp hiệu quả giữa các sở ngành.

[Kết luận]

Trong quá trình thực thi Dự án, nhờ có sự cam kết mạnh mẽ và chủ động tích cực của đồng chí Phó chủ tịch thường trực, trưởng ban Chỉ đạo Dự án và Ban Quản lý Dự án, các hoạt động thí điểm đã được triển khai hết sức thành công và qua đó một số cơ chế thúc đẩy tăng trưởng xanh đã được thiết lập.

Những bài học kinh nghiệm nêu trên thể hiện quyết tâm mạnh mẽ và sự am hiểu thấu đáo về tầm quan trọng và tính cần thiết thúc đẩy tăng trưởng xanh của các cấp có thẩm quyền tỉnh Quảng Ninh.

Để nhân rộng những kết quả Dự án đã đạt được, tỉnh Quảng Ninh cần tiếp tục duy trì và phát huy tinh thần chỉ đạo, cam kết mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng xanh bền vững cho tỉnh nhà.

(2) Phương pháp tiếp cận thể chế hóa cơ chế chính sách

[Kinh nghiệm Dự án]

Dự án đã hết sức nỗ lực xây dựng các cơ chế và thể chế hóa các cơ chế đó thông qua các hoạt động thí điểm thuộc các tổ công tác (TCT) và thực hiện theo từng đầu mục công việc. Dự án đã xác định điểm khởi xướng các hoạt động thí điểm hướng tới thể chế hóa theo hai đường lối, đó là:

Đường lối A: giới thiệu khái niệm mới và biện pháp thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh;

Đường lối B: điều chỉnh những chính sách, biện pháp hiện hành theo hướng thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh.

Các hoạt động thí điểm thực hiện theo đường lối A bao gồm xây dựng nội dung Sách trắng tăng trưởng xanh của TCT-5, bổ sung chức năng Cơ quan tiếp thị điểm đến cho Trung tâm TTXTDL thuộc TCT-3, thúc đẩy du lịch sinh thái đảo Quan Lạn của TCT-3, giới thiệu công nghệ tiên tiến giảm tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh Hạ Long thuộc TCT-4 và giới thiệu chương trình trao Giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc TCT-2.

Các hoạt động thí điểm thực hiện theo đường lối B cụ thể là cải thiện Quỹ bảo vệ môi trường thuộc TCT-1, nghiên cứu xem xét cơ chế mới thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh thuộc TCT-1 và Nhóm chuyên trách, thúc đẩy các hoạt động tiết kiệm năng lượng thuộc TCT-2 và thúc đẩy chương trình trao Giấy chứng nhận cánh buồm xanh cho tàu thủy du lịch thuộc TCT-3.

Trong quá trình triển khai hoạt động thí điểm theo hai đường lối nêu trên, Dự án đã trở thành một cơ hội để trải nghiệm một loạt các bước từ khâu thiết kế các hoạt động thí điểm đến khâu thể chế hóa các cơ chế đề xuất, trong đó gồm i) Việc xem xét những cơ chế và thể chế cần thiết thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh trên cơ sở kết quả hoạt động thí điểm, ii) Lập thành văn bản đề xuất các kết quả xem xét đó và iii) Thể chế hóa thông qua các quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

Thực hiện hướng đi A, Dự án đã triển khai nhiệm vụ xem xét nghiên cứu cơ chế, thể chế song song với thực tế triển khai các hoạt động thí điểm để tổng hợp kết quả. Qua đó cho thấy các cơ quan liên quan đến nhiệm vụ thực thi cơ chế đã thay đổi trong quá trình thực hiện hoạt động thí điểm và đã có những mâu thuẫn giữa các cơ quan về phạm vi quyền hạn và thẩm quyền (như TCT-3 và TCT-4). Những phát hiện như vậy phản ánh thực trạng sự phân chia nhiệm vụ và phạm vi quyền hạn hiện nay là trở ngại chính đối với nhiệm vụ đề xuất biện pháp mới thực thi chính sách của tỉnh. Phạm vi quyền hạn của các sở ngành có những lúc gây khó khăn cho nhiệm vụ xây dựng một cơ chế mới. Do đó, TCT đã báo cáo với Ban QLDA và JET tìm kiếm sự phối kết hợp giữa các sở ngành nhằm giải quyết các xung đột như vậy.

Thực hiện hướng đi B, đã có trường hợp vướng mắc do khó thay đổi chính sách hiện có và khuôn khổ thể chế hóa của tỉnh (như TCT-1/nhóm chuyên trách (NCT)). Với đề xuất ban đầu báo cáo UBND tỉnh, NCT đã giải trình mong muốn thể chế hóa một cơ chế tài chính mới (nghị quyết của tỉnh) theo định hướng thực hiện chính sách tăng trưởng xanh. Tuy nhiên, NCT đã nhận được chỉ đạo cân nhắc lại đề xuất một cơ chế mới theo hướng tích hợp vào những chính sách hiện hành của tỉnh

bởi trong chiến lược hoặc chính sách quốc gia chưa chỉ ra yêu cầu khởi xướng một cơ chế mới hoàn toàn. Do vậy, trong đề xuất trình lại lần thứ hai đã có xem xét quan điểm xây dựng khái niệm tăng trưởng xanh lồng ghép vào những cơ chế tài chính hiện có theo từng ngành của tỉnh. Thực tế đó cho thấy i) khó có thể xây dựng cơ chế mới của tỉnh mà chưa có chỉ đạo hoặc hướng dẫn từ cấp cao hơn và ii) tầm quan trọng của phương pháp tiếp cận liên ngành trong công tác thực thi những chính sách toàn diện của tỉnh. Việc cải thiện sửa đổi điều lệ Quỹ BVMT là khả thi do nhiệm vụ đó nằm trong khuôn khổ quỹ BVMT quốc gia và UBND tỉnh đã thông qua nội dung thể chế hóa liên quan. Kinh nghiệm này bộc lộ chỉ đạo/hướng dẫn của trung ương có vai trò quan trọng quyết định việc thiết lập mới/gia hạn/sửa đổi một cơ chế nào đó.

[Kết luận]

Nhằm thực hiện các chính sách đã ban hành trong Kế hoạch triển khai thực hiện tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh, Dự án đặt mục tiêu không chỉ hỗ trợ chuyên gia kỹ thuật mà còn thực hiện thể chế hóa những cơ chế cần thiết phục vụ thực thi các chính sách. Những cơ chế đã được xây dựng chủ yếu nằm trong các quyết định của tỉnh (ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung quyết định), quy định những nghĩa vụ và vai trò của các sở ban ngành liên quan, giao nhiệm vụ cụ thể về nhân lực và các biện pháp bố trí ngân sách cần thiết. Quá trình thể chế hóa các cơ chế đã được đưa vào từ ban đầu thiết kế dự án nhằm đảm bảo tính bền vững thực thi chính sách giai đoạn sau Dự án, trên quan điểm đảm bảo về ngân sách cần thiết, cải thiện về mặt tổ chức trong các cơ quan hành chính, v... để tích lũy kinh nghiệm và kiến thức kỹ thuật triển khai nhiệm vụ.

Với sự chỉ đạo sát sao và cam kết cao của các cấp có thẩm quyền ra quyết định như đã trình bày ở phần trước, bài học hoạt động cho thấy tầm quan trọng của việc phát triển năng lực ra quyết định của các cơ quan cấp tỉnh khi cần có ban hành một cơ chế mới. Bài học quý báu về sự phối kết hợp giữa các sở ban ngành theo phương pháp tiếp cận liên sở và liên ngành sẽ được trình bày cụ thể phần sau đây.

(3) Phương pháp tiếp cận liên sở và liên ngành

[Kinh nghiệm Dự án]

Nhóm chuyên trách (NCT) thuộc TCT-1 do Sở KH&ĐT phụ trách đã tập trung xây dựng một cơ chế tài chính mới nhằm thúc đẩy và hỗ trợ khu vực tư nhân đầu tư cho tăng trưởng xanh. Ba ngành đại diện gồm nông nghiệp, xây dựng và du lịch dịch vụ đã được chọn làm đối tượng chính đề xuất đầu tư tăng trưởng xanh. Khi bắt đầu triển khai, NCT đã đề xuất xây dựng một chính sách toàn diện hỗ trợ cho các nhà đầu tư thuộc từng ngành. Đó là sáng kiến đề xuất chính sách có thể áp dụng đối với các sở ngành trong nhiệm vụ thực hiện tăng trưởng xanh. Mặc dù đề xuất không được UBND tỉnh chấp thuận và Sở KH&ĐT nhận được chỉ đạo lồng ghép những tiêu chí chính trong cơ chế tài chính tăng trưởng xanh vào nội dung những chính sách do từng ngành được giao thực hiện. Sở KH&ĐT đã tổ chức rất nhiều cuộc trao đổi thảo luận với các phòng ban phụ trách thuộc các sở để lồng ghép nội dung, với sở NN&PTNT về nội dung nông nghiệp, với Ban Quản lý khu kinh tế về nội dung công nghiệp, với Sở Xây dựng về nội dung công trình xây dựng, với Sở Công Thương về các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, với Sở du lịch về nội dung du lịch và với sở Tài chính để cân nhắc các khía cạnh tài chính. Các cuộc thảo luận tạo điều kiện cho các sở ngành trao đổi xem xét các biện pháp khả thi thúc đẩy tăng trưởng xanh.

Kết quả của hoạt động TCT-1/NCT đã được phản ánh trong nghị quyết hỗ trợ đầu tư ngành nông nghiệp và đảm bảo đầu mục để xin cấp nhân sách phục vụ các dự án, nhiệm vụ tăng trưởng xanh. Ngoài ra, quá trình triển khai cũng bộc lộ những khó khăn, thách thức khi xây dựng các biện pháp định hướng tăng trưởng xanh theo cách tiếp cận liên sở liên ngành. Đề xuất ban đầu về việc xây dựng nghị quyết dành riêng hỗ trợ đầu tư hoạt động tăng trưởng xanh đã không được chấp thuận với lý do đề xuất sẽ phải đi qua một chu trình kéo dài trước khi được thông qua, với nội dung xây dựng phải trải qua các bước như điều chỉnh căn cứ các chính sách hiện có, xin ý kiến các sở ban ngành, UBND tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh, tựu trung sẽ khó được chấp thuận mà chưa có chủ trương, phương hướng chỉ đạo từ cấp bộ hoặc cấp cao hơn. Kinh nghiệm hoạt động mang lại bài học đầu tiên là không có cách nào khác ngoài hướng Dự án phải xây dựng cơ chế tài chính tăng trưởng xanh theo chính sách cho từng ngành. Bài học thứ hai khẳng định tầm quan trọng trong vai trò chủ trì của Sở KH&ĐT, là sở được giao chủ trì nhiệm vụ thực hiện tăng trưởng xanh. Trong khuôn khổ Dự án, nhiệm vụ xây dựng cơ chế tài chính tăng trưởng xanh được giao cho TCT-1 do Sở TN&MT làm tổ trưởng. Trong hoạt động TCT-1, Sở TN&MT phụ trách nhiệm vụ nghiên cứu sửa đổi bổ sung các điều lệ của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh cho nên Sở TN&MT sẽ rất khó khăn nếu phải đảm đương cả nhiệm vụ chủ trì nghiên cứu giải quyết vấn đề tài chính liên sở ngành khi xây dựng cơ chế tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh, cho dù trong tổ có các thành viên thuộc Sở KH&ĐT và Sở Tài chính. Tuy nhiên, TCT-1 đã giải quyết vấn đề bằng cách thành lập một Nhóm chuyên trách gồm các cán bộ thuộc Sở KH&ĐT. Nhóm CT thuộc Sở KH&ĐT đã chủ động xúc tiến công việc, tập trung sự tham gia của các sở ban ngành chịu trách nhiệm vụ trách các ngành, trong đó có Sở NN&PTNT, Ban Quản lý KKT, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Du lịch và Sở Tài chính để triển khai xây dựng các biện pháp theo ngành quản lý. Ngoài ra, xét trên quan điểm tiếp cận liên sở ngành, sự tham gia của các ngành khai khoáng, điện lực cũng là một thách thức cho các hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh sau này bởi hai ngành này vốn không nằm trong đối tượng thí điểm của Dự án.

[Kết luận]

Để thúc đẩy tăng trưởng xanh cần vận dụng các biện pháp huy động sự vào cuộc liên ngành. Tuy nhiên, thực tế là các sở cũng phải tập trung thực hiện những nhiệm vụ được UBND tỉnh giao. Dự án ghi nhận nỗ lực của Nhóm chuyên trách (NCT) thuộc TCT-2 do Sở KH&ĐT phụ trách vì những nỗ lực tập trung xây dựng các chính sách tài chính liên sở ngành phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh mà đối tượng chính là các ngành công nghiệp và nông nghiệp.

Đó là những bài học kinh nghiệm thực thi dự án khi thách thức phá bỏ sự phân chia công việc theo ngành dọc giữa các sở ngành. Những bài học này cho thấy sự cần thiết các sở ngành của tỉnh cùng vào cuộc xem xét và thực thi các biện pháp thực hiện chính sách tăng trưởng xanh, phá vỡ sự phụ thuộc theo ngành dọc. Để có được điều đó, quan trọng là i) các sở ban ngành liên quan cần có sự hiểu biết chung về chính sách liên quan và ii) đưa nhiệm vụ thực thi chính sách vào chức năng nhiệm vụ của sở ngành liên quan.

(4) Sự tham gia và phối hợp của các đối tượng bên ngoài

[Kinh nghiệm Dự án]

Để vận dụng phương pháp tiếp cận liên sở và liên ngành, mô hình hồ Biwa của tỉnh Shiga, Nhật Bản là một điển hình mẫu bởi mô hình hồ Biwa đã được hình thành trên cơ sở sự tham gia với tinh thần làm chủ của các bên (chính quyền tỉnh, ngành công nghiệp, các viện nghiên cứu và người dân). Trong mô hình hồ Biwa, hoạt động phát triển kinh tế vùng được tổ chức thông qua sự phối kết hợp và phân bổ trách nhiệm giữa các bên với nhau, có sự quan tâm cân nhắc về tầm quan trọng của nguồn tài nguyên hồ Biwa, trên quan điểm không chỉ với quản lý và bảo tồn môi trường mà còn trên khía cạnh tăng trưởng kinh tế - xã hội vùng.

Sự phối kết hợp giữa các sở ngành thuộc khu vực công với khu vực tư đã phát huy hết sức hiệu quả và nhằm mục đích không chỉ nâng cao nhận thức thúc đẩy tăng trưởng xanh mà còn lôi kéo các bên liên quan khác cùng tham gia thực hiện chính sách tăng trưởng xanh. Bài học xuất phát từ mô hình hồ Biwa về sự tham gia của các bên trên cơ sở tinh thần làm chủ thực hiện nhiệm vụ bảo tồn môi trường và tăng trưởng kinh tế - xã hội vùng.

Trước khi Dự án khu vực vịnh Hạ Long bắt đầu, UBND tỉnh đã có quyết định ban hành kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong bối cảnh các ngành khác như ngành công nghiệp cũng đã và đang triển khai kế hoạch do ngành lập, trong đó đã bao gồm các nhiệm vụ, hoạt động bảo vệ môi trường hoặc thực hiện hoạt động kinh doanh sản xuất thân thiện môi trường. Sự kết nối yếu kém giữa các biện pháp đề ra trong chính sách tăng trưởng xanh của tỉnh và thực tế những hoạt động do ngành công nghiệp đang vận dụng dẫn đến việc triển khai thực hiện những chính sách tăng trưởng xanh chưa được hiệu quả.

Dự án đã triển khai các hoạt động thí điểm nhằm mục đích lôi kéo sự tham gia của các bên thực hiện chính sách tăng trưởng xanh, tạo dựng các mối liên kết như :

- Dự án đã nghiên cứu tiềm năng giới thiệu mô hình ESCO, một trong các hoạt động thí điểm thực thi chính sách tăng trưởng xanh, do TCT-2 phụ trách và có sự tham gia của các doanh nghiệp trong đó có các nhà máy, các khách sạn. Mặc dù mô hình ESCO đề xuất chưa được vận dụng trong thực tế nhưng các doanh nghiệp phối hợp với TCT-2 để tham gia thử nghiệm mô hình ESCO đã quan tâm tham gia chương trình Trao giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả được tổ chức trong khuôn khổ Dự án.
- Sở TNMT (TCT-1) đã xây dựng nội dung Thư ngỏ phục vụ mục đích phổ biến Quỹ BVMT nhằm mang lại cơ hội cho nhiều hơn nữa các doanh nghiệp đầu tư các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhờ tiếp cận Thư ngỏ, nhiều doanh nghiệp đã biết đến Quỹ BVMT là nguồn hỗ trợ tài chính hữu hiệu cho các nhiệm vụ, biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị và qua đó, số lượng hồ sơ đăng ký vay vốn đã tăng lên.
- Giấy chứng nhận cánh buồm xanh do sở Du lịch (TCT-3) thiết lập là một trong những hệ thống dán nhãn tăng trưởng xanh. Hệ thống này nay đã được đông đảo đội ngũ tàu thủy du lịch đón nhận nhờ lợi ích hệ thống mang lại, thu hút đông đảo hơn nữa lượng khách du lịch quan tâm đến bảo tồn môi trường vịnh Hạ Long. Vận dụng hệ thống, chủ sở hữu các tàu thủy du lịch đã sẵn sàng, thiện chí đầu tư các biện pháp môi trường và hành động tăng trưởng xanh trong hoạt

động kinh doanh dịch vụ du lịch.

[Kết luận]

Những bài học kinh nghiệm mô hình hồ Biwa cho thấy tầm quan trọng không tách rời giữa hai phạm trù “tăng cường tuân thủ quy định quản lý ô nhiễm và môi trường” và “chính sách khuyến khích các đơn vị nguồn ô nhiễm chủ động đầu tư các biện pháp xử lý môi trường”. Thông qua Dự án, Quỹ BVMT đã được cải thiện, đóng góp cho phạm trù thứ hai đề cập ở trên và Dự án chưa tập trung nhiều cho phạm trù đầu tiên. Tuy nhiên, sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa hai phạm trù nêu trên sẽ rất thiết yếu đóng góp to lớn cho hoạt động thực hiện chính sách tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long giai đoạn sau Dự án, có tham khảo mô hình hồ Biwa.

(5) Phổ biến thông tin về hoạt động thực hiện chính sách tăng trưởng xanh

[Kinh nghiệm Dự án]

Thực tế ở Việt Nam cho thấy hoạt động chia sẻ thông tin của các cơ quan quản lý nhà nước còn rất hạn chế. Tỉnh Quảng Ninh sử dụng Sách trắng tăng trưởng xanh để công bố rộng rãi ra công chúng những thông tin về chính sách của tỉnh là một điển hình tiến bộ trên cả nước.

Dự án đã xuất bản hai cuốn Sách trắng tăng trưởng xanh trong hai năm 2018 và 2019. Sách trắng tăng trưởng xanh là sản phẩm tham gia viết bài về tăng trưởng xanh của các thành viên thuộc các sở ban ngành địa phương. Mục đích, ý nghĩa của Sách trắng là:

- i) Tổng hợp những cơ chế chính sách khuyến khích các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường và tăng trưởng xanh do các cơ quan hành chính tỉnh quản lý. Nội dung này hỗ trợ tăng cường mối quan hệ giữa các sở ban ngành liên quan đến tăng trưởng xanh.
- ii) Công bố thông tin liên quan đến hoạt động tăng trưởng xanh và bảo vệ môi trường tỉnh. Thông tin công bố sẽ góp phần nâng cao nhận thức cho những bên có vai trò tham gia gồm người dân địa phương, các doanh nghiệp khu vực vịnh Hạ Long để họ nắm bắt được thông tin và qua đó tích cực tham gia các vấn đề môi trường và thực thi chính sách tăng trưởng xanh.
- iii) Tổng hợp số liệu và thông tin liên quan đến hoạt động thực thi chính sách tăng trưởng xanh trong khu vực vịnh Hạ Long, hiện trạng và nắm bắt chính xác xu hướng, bổ sung thông tin tổng hợp cho quá trình xây dựng chính sách tăng trưởng xanh phù hợp cho khu vực vịnh Hạ Long.

Phụ lục 2 của báo cáo này nêu cụ thể những vấn đề và phương án đề xuất đối với hoạt động xây dựng Sách trắng.

Hoạt động nâng cao nhận thức sử dụng Sách trắng tăng trưởng xanh phục vụ đông đảo công chúng hiểu được tính cần thiết và tầm quan trọng của hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh. Những hoạt động nâng cao nhận thức đã tập trung vào đa dạng đối tượng trong đó có các em học sinh bậc trung học phổ thông, người dân và các doanh nghiệp. Hoạt động này mang ý nghĩa hết sức tích cực lan tỏa kiến thức hiểu biết về thúc đẩy tăng trưởng xanh. Đặc biệt là sự đón nhận nhiệt thành của đối tượng giáo viên và các em học sinh và mong mọi hoạt động được mở rộng hơn nữa.

Mặt khác, đại diện cho đối tượng người dân địa phương là các tổ trưởng dân phố lại không mấy quan tâm tới nội dung này. Do vậy, khó có thể huy động người dân tham gia với vai trò như một

trong các thành phần chính thực hiện thúc đẩy tăng trưởng xanh ở địa phương. Trên cơ sở những bài học kinh nghiệm đã nêu, cùng với đối tượng là học sinh phổ thông, các tổ chức hoạt động tích cực với nhận thức cao khác như các tổ chức Phi chính phủ (NGO) về môi trường, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ sẽ là các đối tượng mục tiêu của hoạt động nâng cao nhận thức. Sự tham gia của những thành phần này sẽ là cầu nối hỗ trợ hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh ở từng khu vực.

Qua cách thức tham gia với vai trò đồng tác giả của Sách trắng tăng trưởng xanh và cùng phối hợp thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức, thông tin hoạt động tăng trưởng xanh được chia sẻ, trao đổi giữa các cơ quan ban ngành cấp tỉnh với các địa phương và giữa các địa phương với nhau. Qua đó tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các cơ quan ban ngành, địa phương trong hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh. Theo dự kiến, hoạt động liên tục xuất bản Sách trắng trong tương lai sẽ giúp tiếp tục duy trì và phát huy mối quan hệ hiểu biết lẫn nhau giữa các cơ quan như vậy. Ngoài ra, các hoạt động nâng cao nhận thức tăng trưởng xanh với đối tượng là học sinh phổ thông đã đạt được thành công nhất định, phổ biến thông tin tạo động lực khuyến khích sự tham gia của đội ngũ kế cận trong tương lai đóng góp cho thúc đẩy tăng trưởng xanh.

[Kết luận]

Sách trắng tăng trưởng xanh được xây dựng trong giai đoạn Dự án là sản phẩm hợp tác giữa các sở ngành trong đó gồm 10 sở, 6 huyện thị trong khu vực vịnh Hạ Long. Các địa phương nằm trong khu vực dự án cũng là những địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế xã hội mạnh mẽ của tỉnh Quảng Ninh. Trên quan điểm bảo tồn vịnh Hạ Long, di sản thiên nhiên thế giới, đây sẽ là các đối tượng phù hợp được chọn là địa bàn hoạt động thí điểm của Dự án.

Tuy nhiên, kế hoạch triển khai chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh của tỉnh được ban hành áp dụng cho phạm vi toàn tỉnh. Do vậy, hoạt động phổ biến thông tin thúc đẩy tăng trưởng xanh cũng cần được triển khai trên toàn địa bàn tỉnh. Rất tiếc, các hoạt động của Dự án chưa phổ biến thông tin tới tất cả các huyện thị trên địa bàn tỉnh.

Với kinh nghiệm của Dự án, hoạt động phổ biến thông tin các vấn đề môi trường và tăng trưởng xanh trong khu vực sẽ được triển khai thực hiện căn cứ tình hình cụ thể của từng khu vực trên địa bàn tỉnh.

(6) Tính bền vững và nhân rộng du lịch sinh thái

[Kinh nghiệm Dự án]

Du lịch vịnh Hạ Long chủ yếu là hoạt động du lịch đại chúng, phụ thuộc vào tài nguyên di sản thiên nhiên thế giới. Hiện nay, du lịch vịnh Hạ Long đang gặp phải những thách thức về i) cách thức tăng số lượt khách quay lại và ii) chính sách thu hút những khách hàng lưu trú dài hạn. Bên cạnh di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh còn sở hữu rất nhiều tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú tuy nhiên năng lực liên quan đến lĩnh vực du lịch của các cơ quan tổ chức tại các địa phương còn yếu, chưa đáp ứng được nhu cầu khách du lịch. Để giải quyết vấn đề đó, Dự án đã tập trung xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái. Du lịch sinh thái là một loại hình du lịch trải nghiệm, khai thác tài nguyên du lịch địa phương. Điểm nổi bật của du lịch sinh thái gồm : i) trách nhiệm chia sẻ nhiệm vụ bảo tồn môi trường thiên nhiên và văn hóa lịch sử và ii) chia sẻ lợi ích thu được từ hoạt động du lịch trong khu vực để bảo tồn các tài nguyên. Đây là định hướng hết sức quan trọng đóng

góp cho hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long và sản phẩm hành trình khám phá du lịch sinh thái đảo Quan Lạn đã được xây dựng sẽ là một điển hình tốt.

Theo thiết kế ban đầu của Dự án, thị xã Quảng Yên được chọn là địa bàn thí điểm hoạt động thúc đẩy du lịch sinh thái thuộc hoạt động TCT-3. Tuy nhiên, trên thực tế địa bàn này không còn phù hợp để được chọn là địa bàn thúc đẩy du lịch sinh thái do tác động của các hoạt động đầu tư phát triển khu công nghiệp và đường cao tốc sau khi Dự án triển khai, chính vì vậy đảo Quan Lạn thuộc huyện Vân Đồn đã được chọn là địa bàn thay thế. Kinh nghiệm thực tế đó cho ta bài học cần rà soát, kiểm tra cụ thể các quy hoạch, kế hoạch của trung ương về phát triển vùng liên quan đến tính chất phù hợp của địa bàn phát triển du lịch sinh thái, kể cả việc kiểm tra các địa phương lân cận về tính chất tuân thủ với khái niệm tăng trưởng xanh.

Trong hoạt động thí điểm trên đảo Quan Lạn, Ban du lịch sinh thái cộng đồng (DLSTCĐ) đã được thành lập, đó là một cơ chế quản lý và khai thác tài nguyên du lịch địa phương và chia sẻ lợi ích cho cộng đồng. Ban DLSTCĐ phối hợp với JET đã chọn được hai tuyến du lịch sinh thái trong số nhiều những tuyến khác do cộng đồng địa phương và Ban DLST đề xuất. Hai hành trình khám phá du lịch sinh thái này được xây dựng là kết quả của tham gia tích cực từ phía cộng đồng người dân địa phương với những cân nhắc đúng đắn về quản lý tài nguyên du lịch.

Dự án đã hỗ trợ kỹ thuật xây dựng cơ chế du lịch sinh thái đảo Quan Lạn. Tuy nhiên, cơ chế đó mới bắt đầu đi vào triển khai vận hành. Dự án hỗ trợ kỹ thuật hoạt động thí điểm trong giai đoạn hai năm rưỡi. Thực tế giai đoạn đó là chưa đủ bởi thông thường quy trình sẽ mất trên năm năm để một sản phẩm du lịch sinh thái đi vào vận hành nhuần nhuyễn bởi bộ máy quản lý tại cộng đồng địa phương. Xét đến khía cạnh kinh doanh dịch vụ du lịch và nhiệm vụ bảo vệ môi trường, cần có thêm thời gian để đảm bảo tính bền vững của sản phẩm du lịch sinh thái.

[Kết luận]

Để Ban DLSTCĐ triển khai vận hành toàn diện hoạt động du lịch sinh thái, tỉnh Quảng Ninh và huyện Vân Đồn cần bố trí ngân sách ban đầu cho hoạt động đồng thời liên tục hỗ trợ thể chế hóa cho Ban DLSTCĐ.

Ngoài ra, đi đôi với sự phát triển sản phẩm du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn, sự gia tăng số lượng khách du lịch cũng gây phát sinh những vấn đề về chất thải. Bản thân DLSTCĐ sẽ không tự giải quyết được vấn đề này. Do đó, rất cần có sự vào cuộc của tỉnh Quảng Ninh và huyện Vân Đồn giải quyết vấn đề quản lý rác thải khi phát triển du lịch sinh thái trên đảo.

Với những bài học kinh nghiệm tóm tắt nêu trên, vẫn còn nhiều nhiệm vụ cần phải triển khai để đảm bảo vận hành bền vững hoạt động du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn. Chỉ sau khi vận hành du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn đi vào ổn định thì mới cân nhắc tới việc nhân rộng mô hình này trên các hòn đảo khác của huyện Vân Đồn trên cơ sở những bài học kinh nghiệm thực tiễn đã có.

5 Khuyến nghị

Chương này mô tả nội dung những khuyến nghị của Ban Quản lý Dự án (Ban QLDA) và Nhóm Chuyên gia JICA (JET) trên cơ sở những kết quả thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện Dự án, như sau:

- Các khuyến nghị đối với từng sở ban ngành, cơ quan của tỉnh Quảng Ninh trong thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy bền vững các kết quả Dự án đã đạt được;
- Các khuyến nghị phát huy hoạt động hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga căn cứ MOU;
- Đề xuất chương trình hành động giai đoạn sau Dự án cho các sở ban ngành, cơ quan của tỉnh Quảng Ninh trong thực hiện những nội dung khuyến nghị nêu trên, và
- Những khía cạnh thiết yếu cần quan tâm đối khi thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh.

5.1 Khuyến nghị phát huy bền vững kết quả của Dự án

(1) Giới thiệu

Sau đây là những khuyến nghị cụ thể đối với từng cơ quan sẽ đóng vai trò chủ đạo triển khai hiện thực hóa chính sách Tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.

(2) Khuyến nghị đối với từng cơ quan đối với nhiệm vụ phát huy bền vững kết quả thực hiện Dự án

1) Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh (UBND tỉnh Quảng Ninh)

- Đề nghị UBND tỉnh đưa những kết quả thể chế và các khuyến nghị do Dự án lập vào nội dung Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045, sẽ được triển khai lập dự thảo khung quy hoạch vào tháng 2 năm 2020.

Hiện tại, tỉnh Quảng Ninh đang chuẩn bị lập khung Quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017. Quy hoạch tỉnh sẽ bao gồm các quy hoạch ngành, như phát triển công nghiệp, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng và năng lượng tái tạo, hệ thống giao thông, ngành du lịch, ngành nông nghiệp, quản lý môi trường, v.v... Những kết quả và khuyến nghị của Dự án sẽ được đưa vào nội dung Quy hoạch tỉnh để triển khai chính sách tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.

2) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Sở Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) tiếp tục giữ vai trò chủ trì triển khai nhiệm vụ thực hiện chính sách tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh, hướng dẫn các cơ quan có liên quan và duy trì kết nối thường xuyên với các cơ quan cấp bộ ngành trung ương
- Sở KH&ĐT sẽ tiếp tục là sở chủ trì liên tục xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh, là công cụ công bố thông tin, tăng cường kết nối giữa các bên liên quan khác nhau trong thực thi chính sách tăng trưởng xanh.

Sở KH&ĐT vẫn giữ vai trò cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở ngành và cơ quan liên quan thuộc tỉnh và kết nối các bộ ngành trung ương, như Bộ KH&ĐT trong công cuộc thực hiện chính sách tăng

trường xanh tỉnh Quảng Ninh. Sở KH&ĐT cũng sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các cơ chế và chính sách riêng khuyến khích đầu tư tăng trưởng xanh trong những lĩnh vực khác nhau, phụ thuộc định hướng của chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn tiếp theo và kế hoạch hành động của tỉnh.

UBND tỉnh Quảng Ninh là cơ quan ra quyết định phát hành Sách trắng tăng trưởng xanh, như vậy, Sách trắng cần (i) tích hợp nội dung những thông điệp các cơ quan quản lý nhà nước muốn gửi tới đông đảo độc giả trong đó có người dân, học sinh phổ thông, các doanh nghiệp. v.v... và ii) trở thành công cụ phổ biến thông tin từ cơ quan quản lý nhà nước tới những bên tham gia chính trong tiến trình thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh. Do đó, qua tham khảo kinh nghiệm Sách trắng về môi trường tỉnh Shiga, Nhật Bản, Sách trắng tỉnh Quảng Ninh nên thay đổi từ “công cụ giao tiếp một chiều” thành “công cụ giao tiếp tương tác với các bên tham gia chính trong khu vực vịnh Hạ Long” nhằm tăng cường sự tham gia của các bên với tinh thần làm chủ, tương tự như đối với trường hợp Mô hình hồ Biwa của tỉnh Shiga..

3) Sở Tài nguyên và Môi trường (TN&MT)

- Sở TN&MT tiếp tục tăng cường các hoạt động quản lý môi trường thông qua sự tích cực khai thác hiệu quả Quỹ BVMT, song song với những hoạt động đảm bảo tuân thủ những quy định kiểm soát nguồn ô nhiễm ở cơ sở.

Đối với Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh, bên cạnh hoạt động tăng cường tuyên truyền phổ biến quỹ thì hoạt động tăng cường ý thức tuân thủ quy định môi trường và phòng chống ô nhiễm ở các doanh nghiệp cũng sẽ góp phần làm tăng số lượng đơn vị có nhu cầu vay vốn Quỹ BVMT. Bởi vì i) Hoạt động tăng cường ý thức tuân thủ quy định môi trường và phòng chống ô nhiễm ở các doanh nghiệp sẽ có tác dụng định hướng cho doanh nghiệp trong việc quyết định bỏ ra chi phí đầu tư cho nhiệm vụ kiểm soát ô nhiễm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và ii) Quỹ BVMT là một trong những hệ thống tài chính hấp dẫn hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư. Điều quan trọng là cần nâng cao năng lực mà chủ yếu là cho Sở TN&MT trong hoạt động hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các hoạt động cải thiện môi trường.

4) Sở Công Thương

- Sở Công Thương là sở chủ trì trong hoạt động xây dựng Chương trình sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả tỉnh Quảng Ninh giai đoạn đến năm 2030 căn cứ Quyết định mới số 280 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó có tích hợp sáu (6) chương trình do Dự án đề xuất.

Đối với hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, trên cơ sở Quyết định số 280 của cấp trung ương và các chính sách ban hành kèm theo, sự chia sẻ của Sở Công Thương về những bài học kinh nghiệm từ các hoạt động triển khai trong khuôn khổ Dự án với các ngành, lĩnh vực khác liên quan đến nhiệm vụ thực hiện quyết định là điều hết sức cần thiết. Các chương trình từ A đến E do Dự án xây dựng như trình bày cụ thể ở phần 3.2.2 thuộc Chương 3 sẽ trở thành các biện pháp được đưa vào chương trình của tỉnh. Trong số những chương trình đề xuất, các chương trình sau có vai trò hết sức thiết yếu cần thực hiện, gồm i) hoạt động nâng cao nhận thức cho đối tượng các đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm (DEU) quan tâm hơn nữa tới những lợi ích tài chính mà chương trình

ESCO mang lại thông qua chương trình C và ii) những chính sách khuyến khích tài chính áp dụng cho DEU khi tham gia đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thuộc Chương trình D.

5) Sở Du lịch

- Sở Du lịch triển khai các hoạt động phát huy hiệu quả chức năng của Cơ quan Tiếp thị điểm đến (DMA) cho Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch tỉnh Quảng Ninh.
- Sở Du lịch liên tục vận hành Giấy chứng nhận cánh buồm xanh, phối hợp với thành phố Hạ Long thảo luận khả năng tích hợp vận hành CBX với các cơ chế khác thuộc hoạt động quản lý tàu thủy du lịch của thành phố.

Dự án đã hỗ trợ thiết lập được hệ thống cần thiết tích hợp chức năng DMA cho Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch gồm nguồn nhân lực, quyền hạn và ngân sách. Để tạo thuận lợi phát huy hiệu quả chức năng DMA giai đoạn sau Dự án, Sở Du lịch cần tăng cường mối quan hệ hợp tác với các bên tham gia chính như các nhà hàng, khách sạn, đơn vị tàu và hiệp hội kinh doanh liên quan. Để triển khai, cần thường xuyên tổ chức những cuộc hội thảo mở và các cuộc làm việc với từng đối tác.

Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch với chức năng bổ sung mới sẽ được trao quyền quản lý và vận hành hoạt động trên cơ sở Quyết định đã được phê duyệt. Nhiệm vụ quan trọng của Trung tâm là tổ chức các diễn đàn đối thoại, hợp tác và phối hợp giữa các thành phần thuộc khu vực công và khu vực tư nhân và xây dựng mối quan hệ hợp tác với các kênh thông tin đại chúng và cộng đồng địa phương.

6) Huyện Vân Đồn

- Huyện Vân Đồn sẽ triển khai một loạt các nhiệm vụ thúc đẩy du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn, phối hợp với Ban Du lịch sinh thái cộng đồng và chi hội du lịch huyện Vân Đồn.

Sự phát triển sản phẩm du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn đã làm đa dạng hóa hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch trên đảo. Tuy nhiên, rất cần nâng cao hơn nữa năng lực vận hành của Ban để khai thác bền vững và tiếp tục phát triển hoạt động du lịch sinh thái trên đảo, trong đó bao gồm đầu tư ban đầu để duy trì hoạt động của các hành trình du lịch khám phá và nguồn tài nguyên du lịch sinh thái. Do đó, cần có sự hỗ trợ và vào cuộc của chính quyền cấp trên, đó là UBND huyện Vân Đồn và tỉnh Quảng Ninh.

Huyện Vân Đồn sẽ hướng dẫn Ban DLSTCĐ và Chi hội Du lịch huyện Vân Đồn thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn thông qua quá trình lên kế hoạch hành động hằng năm. Kế hoạch bao gồm các nội dung tiếp tục duy trì và mở rộng chương trình du lịch sinh thái và thực thi các hoạt động cải thiện môi trường đảo Quan Lạn. Điều đặc biệt cần lưu ý, quản lý chất thải rắn là một trong những vấn đề quan trọng cần phải giải quyết đảm bảo tính bền vững cho hoạt động du lịch sinh thái. Huyện Vân Đồn sẽ cải thiện hệ thống quản lý chất thải rắn trên đảo Quan Lạn, cụ thể như chọn địa điểm bãi rác phù hợp và tổ chức quản lý hiệu quả hơn nữa hoạt động thu gom rác, v.v...

(a) Ban Du lịch sinh thái Cộng đồng (Ban DLSTCĐ)

Ban DLSTCĐ có trách nhiệm duy trì và vận hành các hành trình khám phá mới được xây dựng trên cơ sở những quy chế DLST đã ban hành và duy trì Quỹ DLSTCĐ. Ghi nhận rằng đến cuối Dự án, phía đối tác chưa hoàn thiện xong quy chế hoạt động của Quỹ DLSTCĐ. Hàng năm, Ban có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hoạt động DLST trên đảo Quan Lạn, trong đó bao gồm nội dung vận hành và bảo dưỡng các hành trình khám phá. Để Ban DLSTCĐ triển khai hiệu quả nhiệm vụ kế hoạch năm, cần xây dựng quy trình vận hành chính thức, từ khâu đăng ký, đặt tour, chuẩn bị chương trình cho khách, đến khâu hệ thống kế toán, v.v..

(b) Chi hội Du lịch huyện Vân Đồn

Chi hội Du lịch huyện Vân Đồn tập trung cải thiện điều kiện môi trường trên đảo Quan Lạn, lên kế hoạch thường xuyên tổ chức các cuộc hội thảo và các sự kiện về chủ đề bảo vệ môi trường do Ban DLSTCĐ tổ chức, như chiến dịch dọn vệ sinh môi trường, trồng rừng, hội thảo về du lịch sinh thái nhằm giảm rác thải và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên và văn hóa trên đảo Quan Lạn. Ban nên tổ chức các hoạt động thí điểm về giảm lượng chất thải rắn, như chương trình 3R (giảm thiểu-tái sử dụng-tái chế), giảm sử dụng các sản phẩm nhựa, v.v... huy động sự hợp tác của người dân và khách du lịch, những người luôn thực sự quan tâm đến hoạt động bảo tồn thiên nhiên.

7) Ủy ban Nhân dân TP Hạ Long

➤ Ủy ban Nhân dân TP Hạ Long duy trì và quản lý hoạt động cấp Giấy chứng nhận Cánh buồm xanh và nâng tầm thương hiệu cho Nhãn Cánh buồm xanh. Ngoài ra, thành phố cần phối hợp với Sở NN&PTNT để triển khai nhân rộng mô hình tái chế chất thải hữu cơ.

Trên cơ sở vận dụng chính sách tăng trưởng xanh, thành phố Hạ Long vận hành hệ thống cấp nhãn CBX, quảng bá xúc tiến hoạt động của tàu thủy du lịch. Cần có biện pháp tạo động khuyến khích các chủ tàu hưởng ứng đăng ký cấp mới và gia hạn Giấy chứng nhận CBX thông qua sự kết nối CBX với hệ thống cấp giấy phép hoạt động của tàu du lịch. Cần cân nhắc và áp dụng các cơ chế đặc biệt đối với những tàu đã được cấp Giấy chứng nhận Cánh Buồm Xanh, khi doanh nghiệp làm các thủ tục liên quan đến hoạt động của tàu (đặc quyền được miễn phí cấp phép hoạt động đối với những tàu hết hạn lưu hành).

UBND thành phố Hạ Long phụ trách nhiệm vụ thẩm định và cấp giấy chứng nhận cho các tàu có hoạt động cho các tàu hoạt động trong vùng biển của tỉnh Quảng Ninh. Thành phố cần duy trì theo dõi các tàu đã được cấp chứng nhận để đảm bảo sự chấp hành nghiêm túc những tiêu chí đã đặt ra.

Bên cạnh đó, thành phố chủ động nghiên cứu để triển khai Giấy chứng nhận CBX với các tiêu chí nâng cao 2 cánh buồm và 3 cánh buồm (hạng CBX cao hơn) cho những tàu đã được cấp nhãn, cần chú trọng kết quả giám sát thường xuyên hoạt động của những tàu du lịch đã được chứng nhận.

Hơn nữa, Dự án đề xuất thành phố phối hợp với Sở NN&PTNT triển khai nhiệm vụ nhân rộng mô hình tái chế chất thải hữu cơ, như phát triển các cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ, hỗ trợ nông nghiệp hữu cơ và cấp giấy chứng nhận cho các sản phẩm hữu cơ.

8) Các cơ quan khác

(a) Sở NN&PTNT

Sở NN&PTNT là sở được giao nhiệm vụ soạn thảo nghị quyết khuyến khích đầu tư trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Theo tinh thần Nghị quyết này, hoạt động tái chế chất thải hữu cơ sẽ được nhân rộng, với sự phối hợp của UBND TP Hạ Long.

(b) Ban Quản lý Khu Kinh tế

Ban Quản lý Khu Kinh tế triển khai các hoạt động tăng cường đầu tư của khu vực tư nhân cho các khu kinh tế và khu công nghiệp. Khi nghiên cứu đóng góp cho nội dung Quy hoạch tỉnh giai đoạn mới, Ban nên xem xét đưa các chính sách tăng trưởng xanh vào nội dung phương pháp xúc tiến đầu tư.

(c) Trường Đại học Hạ Long

Trường ĐH Hạ Long và tỉnh Shiga đã thực hiện nhiều cuộc trao đổi ý kiến và kinh nghiệm liên quan tới những giải pháp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường khu vực vịnh Hạ Long. Sau khi Dự án kết thúc, hai bên tiếp tục duy trì hoạt động hợp tác nêu trên.

5.2 Khuyến nghị về hoạt động hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga theo MOU đã ký

Ngày 20 tháng 10 năm 2017, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh và Chính quyền tỉnh Shiga đã ký kết Biên bản Ghi nhớ (MOU) về hợp tác kinh tế và môi trường thông qua chia sẻ kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm trong các vấn đề sau đây:

- 1) Theo đuổi hoạt động phát triển kinh tế đi đôi với bảo tồn môi trường.
- 2) Thiết lập cơ chế tài chính phục vụ cho hoạt động bảo tồn môi trường.
- 3) Hợp tác với người dân trong hoạt động bảo tồn môi trường.
- 4) Thành lập một viện nghiên cứu ở tỉnh Quảng Ninh thuộc trường Đại học Hạ Long theo mô hình Viện Nghiên cứu Môi trường Hồ Biwa.
- 5) Tăng cường hợp tác giữa các trường đại học và các viện nghiên cứu ở tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga.
- 6) Ứng dụng những công nghệ môi trường tiên tiến thuộc sở hữu của các doanh nghiệp đặt tại Shiga để cải thiện môi trường tỉnh Quảng Ninh.
- 7) Phát triển du lịch thông qua khai thác và bảo tồn những tài nguyên du lịch trong khu vực.
- 8) Thúc đẩy nông nghiệp thân thiện môi trường và
- 9) Giảm tải lượng ô nhiễm chảy vào các vùng nước thông qua ứng dụng các công trình xử lý nước thải.

Trên cơ sở những định hướng nêu trên trong MOU và căn cứ thành quả hợp tác giữa chính quyền của hai (2) tỉnh trong quá trình thực thi Dự án, sau đây là những khuyến nghị tiếp tục tăng cường hoạt động hợp tác giữa chính quyền hai tỉnh giai đoạn sau Dự án.

(1) Khai thác hiệu quả Sách Trắng tăng trưởng xanh

Chính quyền tỉnh Shiga đã có 40 năm kinh nghiệm xuất bản Sách trắng môi trường và có nhiều bí quyết thực hiện biện pháp truyền thông đưa thông tin môi trường đến tận người dân trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, tài liệu giáo dục và nâng cao nhận thức môi trường được biên soạn trên cơ sở nội dung Sách trắng về môi trường.

Điều quan trọng là tỉnh Quảng Ninh cần liên tục cải thiện nội dung và sử dụng rộng rãi Sách trắng tăng trưởng xanh thông qua việc chuyển giao bí quyết, kiến thức, kinh nghiệm của tỉnh Shiga cho tỉnh Quảng Ninh.

< Hoạt động cụ thể phía tỉnh Quảng Ninh >

- Tiếp nhận những ý kiến từ phía tỉnh Shiga tư vấn kỹ thuật về thu thập ý kiến tham gia của các độc giả Sách trắng tăng trưởng xanh, đánh giá Sách trắng tăng trưởng xanh và phương pháp cải thiện Sách trắng tăng trưởng xanh,
- Đề xuất xây dựng một chuyên mục về hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga,
- Đề xuất tư vấn kỹ thuật từ phía tỉnh Shiga cho hoạt động soạn thảo tài liệu về giáo dục và thông tin môi trường.

(2) Tăng cường hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu vịnh Hạ Long và hoạt động hợp tác của Trung tâm với các trường đại học và viện nghiên cứu tỉnh Shiga

Trung tâm Nghiên cứu Vịnh Hạ Long (sau đây được gọi là Trung tâm) thuộc trường Đại học Hạ Long thực hiện theo dõi tình hình môi trường vịnh Hạ Long và các khu vực lân cận phục vụ mục đích nghiên cứu và các biện pháp bảo tồn môi trường vịnh Hạ Long. Trong tương lai, quy mô Trung tâm nghiên cứu sẽ được nâng cấp thành viện nghiên cứu có chức năng tham mưu định hướng xây dựng chính sách.

Tuy nhiên, Trung tâm mới được thành lập trong thời gian vừa qua và rất cần được tăng cường về cơ cấu tổ chức. Ngoài ra, Trung tâm cần được nâng cao kỹ thuật khảo sát và phân tích môi trường và công nghệ đánh giá.

Viện Nghiên cứu Môi trường Hồ Biwa tỉnh Shiga (sau đây được gọi là Viện) có chức năng quan trắc môi trường và nghiên cứu các công nghệ môi trường tiên tiến. Trong khuôn khổ MOU đã ký giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga, Viện có đủ năng lực tư vấn, hướng dẫn cho Trung tâm Nghiên cứu vịnh Hạ Long. Do đó, đề xuất tỉnh Quảng Ninh tiếp tục cho phép duy trì hoạt động quan hệ với Viện này giai đoạn sau Dự án.

Vào thời điểm hiện tại, bước quan trọng đầu tiên là cần gây dựng hiểu biết chung và tăng cường mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa hai bên thông qua tổ chức các cuộc hội thảo và hội nghị chuyên đề cho các cán bộ phụ trách quan trắc giám sát môi trường và cán bộ nghiên cứu giữa Viện và Trung tâm.

Thứ hai, cần xem xét việc tổ chức các khóa tập huấn tại Viện Nghiên cứu Môi trường Hồ Biwa cho đối tượng là những cán bộ nghiên cứu sau này sẽ là cán bộ nòng cốt của trung tâm, trong đó xem xét khả năng khai thác chương trình đào tạo của JICA.

Cụ thể, tỉnh Shiga sẽ theo đuổi hoạt động hợp tác với nhiều trường đại học khác ở tỉnh Shiga và các viện nghiên cứu thuộc các tỉnh khác, không chỉ duy Viện Nghiên cứu Môi trường Hồ Biwa. Tỉnh Quảng Ninh sẽ hợp tác với tỉnh Shiga triển khai những hành động cụ thể sau :

< Hành động cụ thể từ phía tỉnh Quảng Ninh >

- Phối hợp tổ chức hội thảo và hội nghị chuyên đề cho đối tượng là những cán bộ phụ trách giám sát quan trắc môi trường và các cán bộ nghiên cứu, ở tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh;
- Tổ chức chương trình đào tạo tại Viện và các viện nghiên cứu khác ở Nhật Bản cho đối tượng là nguồn nhân lực phù hợp gồm nhân viên và cán bộ nghiên cứu thuộc trường Đại học Hạ Long, Sở TN&MT Quảng Ninh, Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường (CONREM) và Ban Quản lý Vịnh Hạ Long, thông qua chương trình đào tạo quốc gia của JICA và triển khai mở rộng hoạt động hợp tác kỹ thuật giữa các tổ chức nêu trên.
- Phát triển nguồn nhân lực tăng cường chức năng giám sát môi trường sinh thái, như sinh vật phù du, động vật đáy và hệ động, thực vật.
- Xem xét hoạt động hợp tác và tương lai nghiên cứu phối hợp với đảo Cát Bà ở thành phố Hải Phòng.

(3) Phối hợp/Cộng tác về công nghệ bảo vệ môi trường trong khu vực tư nhân

Trong khuôn khổ Dự án, các doanh nghiệp tư nhân của Nhật Bản thuộc Diễn đàn Xúc tiến Kinh doanh Môi trường nước tỉnh Shiga đã tổ chức các cuộc hội thảo giới thiệu công nghệ bảo tồn môi trường, xử lý nước thải trong các tháng 11 năm 2017 và tháng 1 năm 2019.

Như đã xác nhận tại cuộc đối thoại chính sách giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga tổ chức tháng 1 năm 2019, tỉnh Shiga mong muốn liên tục tổ chức các cuộc hội thảo cho các doanh nghiệp về chủ đề hợp tác công nghệ môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu của tỉnh Quảng Ninh về đa dạng chủ đề/đối tượng tham gia như đã nêu trong toàn văn MOU. Tỉnh Quảng Ninh sẽ hỗ trợ tỉnh Shiga tổ chức hội thảo và mời rộng rãi tới các doanh nghiệp và cơ quan liên quan thuộc các lĩnh vực khác nhau đến dự hội thảo.

< Hoạt động cụ thể phía tỉnh Quảng Ninh >

- Đồng tổ chức hội thảo hợp tác công nghệ môi trường thông qua sự phối hợp giữa công nghiệp – chính phủ - học viện liên quan đến toàn bộ nội dung của MOU.
- Hỗ trợ tổ chức hội thảo của tỉnh Shiga tại tỉnh Quảng Ninh cho các doanh nghiệp kinh doanh liên quan tới VINACOMIN,
- Tăng cường quan hệ hợp tác trung hạn và dài hạn để phối hợp trong công tác nghiên cứu và trình diễn thử nghiệm, như thiết lập một đầu mối liên hệ lâu dài cho các doanh nghiệp ở tỉnh Shiga.

(4) Hợp tác cải thiện Hệ thống xử lý nước thải và công tác vận hành bảo dưỡng hệ thống

Trong đợt làm việc hồi tháng 1 năm 2019, phái đoàn cố vấn tỉnh Shiga được Ban quản lý Dự án cải thiện môi trường nước thành phố Hạ Long chia sẻ về một trong những điểm hạn chế của hệ thống liên quan đến tỷ lệ thu gom nước thải thấp.

Với những kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến của hệ thống nước thải tỉnh Shiga nếu áp dụng cho khu vực vịnh Hạ Long chắc chắn sẽ giúp giảm đáng kể tải lượng ô nhiễm xả xuống vịnh Hạ Long.

Dự kiến rằng tỉnh Quảng Ninh sẽ chỉ đạo các phòng ban liên quan thuộc UBND thành phố Hạ Long và tỉnh Shiga tiến hành nghiên cứu chi tiết những vấn đề nêu trên và xem xét các biện pháp cải thiện.

< Hoạt động cụ thể phía tỉnh Quảng Ninh >

- Thực hiện nghiên cứu chi tiết và các biện pháp cải thiện hệ thống nước thải trên địa bàn thành phố Hạ Long;
- Đề nghị Trung ương cấp ngân sách cho Dự án thoát nước thành phố Hạ Long (gồm khởi động lại Dự án cải thiện môi trường nước thành phố Hạ Long);
- Trao đổi ý kiến với các cơ quan liên quan như bộ phận phụ trách nước thải thuộc tỉnh Shiga, JICA và chuyên gia JICA làm việc tại Bộ Xây dựng về hợp tác kỹ thuật đối với Dự án cải thiện môi trường nước tại TP Hạ Long;
- Tiếp nhận hợp tác kỹ thuật xử lý nước thải tiên tiến; và
- Tư vấn kỹ thuật vận hành và bảo dưỡng hệ thống thoát nước căn cứ MOU đã ký với tỉnh Shiga.

(5) Tư vấn về Giáo dục môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng

Qua công cuộc khắc phục hiện tượng phú dưỡng hồ Biwa, tỉnh Shiga đã đúc rút được kinh nghiệm cần thiết phải huy động sự tham gia tích cực và rộng rãi gồm nhiều đối tượng, không chỉ có cơ quan quản lý nhà nước mà phải có cả các người dân, doanh nghiệp và các nhà nghiên cứu cùng góp sức cho hoạt động bảo tồn môi trường

Để huy động người dân hành động vì môi trường, cần ưu tiên cao nhiệm vụ giáo dục môi trường nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết về môi trường cho người dân. Yếu tố đặc biệt ưu tiên nhiệm vụ học tập và giáo dục môi trường chính là yếu tố chủ chốt của mô hình hồ Biwa.

Để tăng cường nguồn nhân lực thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh, cần xây dựng chính sách và kế hoạch cơ bản về học tập và giáo dục môi trường. Trong khuôn khổ hoạt động dài hạn như vậy, sẽ tổ chức triển khai nội dung học tập và giáo dục môi trường từ lứa tuổi mẫu giáo đến trưởng thành.

Khu vực vịnh Hạ Long xây dựng và triển khai các hoạt động, có tham khảo kinh nghiệm và tài liệu giáo dục môi trường tỉnh Shiga, như giáo trình dành cho học sinh lớp 5 của trường học nổi “UMINOKO” trên hồ Biwa. Tỉnh Quảng Ninh có thể khai thác Sách trắng Tăng trưởng xanh để biên soạn giáo trình tương tự để vận dụng.

< Hoạt động cụ thể phía tỉnh Quảng Ninh >

- Tư vấn xây dựng chính sách và kế hoạch cơ bản cho hoạt động học tập và giáo dục môi trường

và về công tác thực thi các hoạt động liên quan căn cứ nội dung chính sách và kế hoạch cơ bản, như học tập trên vịnh Hạ Long, con tàu giáo dục môi trường và bổ sung mới nội dung trong Bảo tàng tỉnh Quảng Ninh.

Tư vấn về việc phát triển và hỗ trợ cho các những người tình nguyện thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường, như các tổ chức phi chính phủ (NGO), thành lập Diễn đàn Môi trường Vịnh Hạ Long, v.v...

(6) Hợp tác thúc đẩy nông nghiệp có cân nhắc về môi trường

Thúc đẩy nông nghiệp có cân nhắc về môi trường trong sản xuất các sản phẩm nông nghiệp an toàn là chủ đề quan trọng của tỉnh Quảng Ninh.

Năm 2001, tỉnh Shiga đã thiết lập “Hệ thống cấp giấy chứng nhận Sản phẩm Nông nghiệp có ý thức môi trường tích cực”, với tiêu chí sử dụng dưới 50% lượng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu trong canh tác. Ngoài ra, năm 2003, tỉnh đã ban hành “Quy định về việc thúc đẩy sản xuất nông nghiệp có ý thức môi trường tích cực”. Mặc dù trên thực tế hai tỉnh có điều kiện nông nghiệp khác biệt nhưng vẫn cần có sự hợp tác, trao đổi thông tin giữa hai tỉnh, tạo điều kiện cho tỉnh Quảng Ninh cơ hội tham khảo những kinh nghiệm và ý tưởng của tỉnh Shiga trong hoạt động thúc đẩy nông nghiệp có cân nhắc về môi trường và canh tác hữu cơ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

< Hoạt động cụ thể phía tỉnh Quảng Ninh >

- Tổ chức chương trình đào tạo và thăm thực địa cho đối tượng là Sở NN&PTNT và các cơ sở sản xuất nông nghiệp học tập “Hệ thống cấp giấy chứng nhận Sản phẩm Nông nghiệp có ý thức môi trường tích cực”, “Quy định về việc thúc đẩy sản xuất nông có ý thức môi trường tích cực” và du lịch xanh.

(7) Hợp tác phát triển du lịch có cân nhắc về bảo vệ môi trường sử dụng nguồn tài nguyên của địa phương

Không chỉ riêng tỉnh Quảng Ninh mà cả tỉnh Shiga cũng gặp phải những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động thúc đẩy du lịch có cân nhắc tới môi trường, chẳng hạn như du lịch sinh thái thông qua khai thác tài nguyên thiên nhiên, văn hóa độc đáo và những sản phẩm của khu vực. Hiện nay tỉnh Shiga đang quảng bá xúc tiến sản phẩm du lịch đạp xe, được gọi là “BIWAICHI” cho khách du lịch đạp xe đạp vòng quanh tỉnh và chương trình “Du lịch vì Sức Khỏe tỉnh Shiga”. Ngoài ra, tỉnh Shiga đã thành lập và đưa vào hoạt động “Hội Du lịch Sinh thái Shiga” và “Du lịch Xanh Shiga” (<https://www.pref.shiga.lg.jp/gt-shiga/>) là trang web giới thiệu du lịch xanh tỉnh Shiga vừa được khởi chạy. Mong rằng sự hợp tác giữa hai tỉnh, cụ thể là thông qua những cán bộ phụ trách liên quan và hoạt động trao đổi thông tin sẽ mang lại lợi ích cho cả đôi bên, thúc đẩy mạnh mẽ du lịch sinh thái tỉnh Quảng Ninh với sản phẩm Dự án đã xây dựng trên đảo Quan Lạn.

< Hoạt động cụ thể phía tỉnh Quảng Ninh >

- Giới thiệu các hoạt động ở tỉnh Shiga, như du lịch sinh thái (Tàu chạy bằng hơi nước Biwako Kisen, tham quan du lịch trên hồ Biwa);
- Xây dựng chương trình kết hợp, như tàu tham quan du lịch vì môi trường phối hợp với các hoạt động thuộc dự án tuyến cơ sở của JICA trên đảo Cát Bà do tỉnh Shiga thực hiện.

5.3 Đề xuất Chương trình thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn sau Dự án

Căn cứ kết quả thực hiện dự án, những vấn đề tồn đọng và đề xuất khuyến nghị trình bày ở trên, bảng sau đây tổng hợp đề xuất các chương trình và hành động thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn sau dự án. Xin lưu ý, bảng không bao gồm đề xuất cho một số ngành và lĩnh vực vốn không thuộc đối tượng của Dự án.

Bảng 5.3-1 Đề xuất Chương trình Thúc đẩy tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn sau Dự án

| Chương trình | Danh mục hành động | Thời gian | Cơ quan chịu trách nhiệm | Nội dung hành động |
|--|--|------------------|-----------------------------|--|
| A. Cân bằng giữa giảm tải lượng ô nhiễm môi trường và tăng trưởng kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp | A.1: Tăng cường thông tin tuyên truyền, quảng bá Quỹ BVMT | ngắn hạn | Sở TN&MT | Lập kế hoạch hoạt động hằng năm của Quỹ BVMT căn cứ Quy hoạch phát triển KT-XH tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020-2025, căn cứ kế hoạch hoạt động giữa kỳ đã lập |
| | A.2: Tăng cường số lượng hồ sơ đăng ký vay vốn Quỹ BVMT và tăng cường hoạt động chấp hành các quy định về môi trường | trung và dài hạn | Sở TN&MT | Chia sẻ thông tin về kết quả hoạt động kiểm tra và thanh tra môi trường với Quỹ BVMT để xác định các doanh nghiệp cần được hỗ trợ |
| | A.3: Triển khai liên tục các hoạt động thuộc chương trình của tỉnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả theo tinh thần Quyết định số 280 của Thủ tướng chính phủ. | ngắn hạn | Sở Công-Thương | Thực thi chính sách của tỉnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả |
| | A.4: Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng các ngành khác ngoài ngành công nghiệp | trung và dài hạn | Sở Công-Thương | Xúc tiến sáu (6) chương trình đã xây dựng thúc đẩy các hoạt động tiết kiệm năng lượng. |
| B. Thúc đẩy du lịch bền vững | B.1: Phát huy chức năng Cơ quan Tiếp thị điểm đến (DMA) thông qua hợp tác với các thành phần chính tham gia trong ngành du lịch. | ngắn hạn | Sở Du lịch | Tổ chức diễn đàn đối thoại, hợp tác và phối hợp giữa các bên liên quan chủ chốt thuộc khu vực nhà nước và tư nhân và xây dựng mối quan hệ cộng tác với các kênh truyền thông và cộng đồng địa phương |
| | B.2: Tăng cường năng lực vận hành của Ban Du lịch sinh thái cộng đồng trên đảo Quan Lạn thông qua phối hợp với chính quyền địa phương cấp cao hơn. | ngắn hạn | Huyện Vân Đồn | Lập nội quy vận hành chính thức và tiến hành hoạt động xúc tiến và tiếp thị |
| | B.3: Xây dựng thương hiệu hệ thống Cảnh Buồm Xanh | ngắn hạn | UBND TP Hạ Long | Tìm kiếm cơ hội thiết lập công cụ nhận diện hoặc đồng cấp chứng nhận phối hợp với các nhãn sinh thái quốc gia và quốc tế như nhãn sinh thái Bông sen xanh dành cho các khách sạn ở Việt Nam, Hội đồng du lịch bền vững toàn cầu (GSTC), Travelife, v.v.. nhằm mục đích giới thiệu và quảng bá về CBX |
| | B.4: Nhân rộng mô hình du lịch sinh thái trên đảo Quan Lạn sang các xã khác thuộc huyện Vân Đồn. | trung và dài hạn | Sở Du lịch và huyện Vân Đồn | Tiếp tục phát huy hai hành trình du lịch khám phá đã xây dựng và nhân rộng mô hình du lịch sinh thái Quan Lạn |

| Chương trình | Danh mục hành động | Thời gian | Cơ quan chịu trách nhiệm | Nội dung hành động |
|--|---|------------------|--------------------------|---|
| C. Duy trì và cải thiện thể chế thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh | C.1: Liên tục bố trí ngân sách cho hoạt động thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh | ngắn hạn | UBND tỉnh | Lập kế hoạch phân bổ ngân sách tỉnh để thực thi chính sách tăng trưởng xanh, căn cứ Quy hoạch tỉnh được lập vào tháng 2 năm 2022 |
| | C.2: Thực hiện đào tạo nâng cao cho nhân viên | trung và dài hạn | UBND tỉnh | Lập kế hoạch và hướng dẫn đào tạo để duy trì thực thi chính sách tăng trưởng xanh |
| | C.3: Tiếp tục các sáng kiến và cam kết của UBND tỉnh | ngắn hạn | Sở KH&ĐT | Báo cáo UBND tỉnh tiến độ thực hiện chính sách TTX, hàng năm tóm tắt các vấn đề cần giải quyết và đề xuất các biện pháp giải quyết |
| | C.4: Kết nối thường xuyên với các bộ, ngành trung ương, trong đó có Bộ KH&ĐT | ngắn hạn | Sở KH&ĐT | Theo dõi chiến lược quốc gia để thực thi chính sách tăng trưởng xanh và tham gia ý kiến. |
| | C.5: Thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga | ngắn hạn | Sở KH&ĐT | Lập và thực thi kế hoạch năm về hợp tác giữa tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Shiga |
| D. Tăng cường sự tham gia của các bên chủ chốt liên quan thực hiện chính sách tăng trưởng xanh | D.1: Tăng cường phối hợp giữa các Sở, Ngành thuộc UBND tỉnh và xem xét các cơ chế tài chính liên ngành để thúc đẩy tăng trưởng xanh | trung và dài hạn | Sở KH&ĐT, Sở Tài chính | Lập kế hoạch và phân bổ ngân sách năm cho việc thực thi các chính sách tăng trưởng xanh, căn cứ Quy hoạch tỉnh, sẽ được ban hành vào tháng 2 năm 2022 |
| | D.2: Tăng cường phối hợp giữa Cơ quan quản lý nhà nước, ngành công nghiệp, viện nghiên cứu và doanh nghiệp thông qua việc sử dụng Sách Trắng Tăng trưởng xanh | trung và dài hạn | Sở KH&ĐT | Phối kết hợp giữa các sở ngành và các bên liên quan, căn cứ kế hoạch xuất bản Sách trắng tăng trưởng xanh hằng năm. |

Nguồn: Nhóm Chuyên gia JICA

5.4 Những khía cạnh thiết yếu cần quan tâm khi thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh

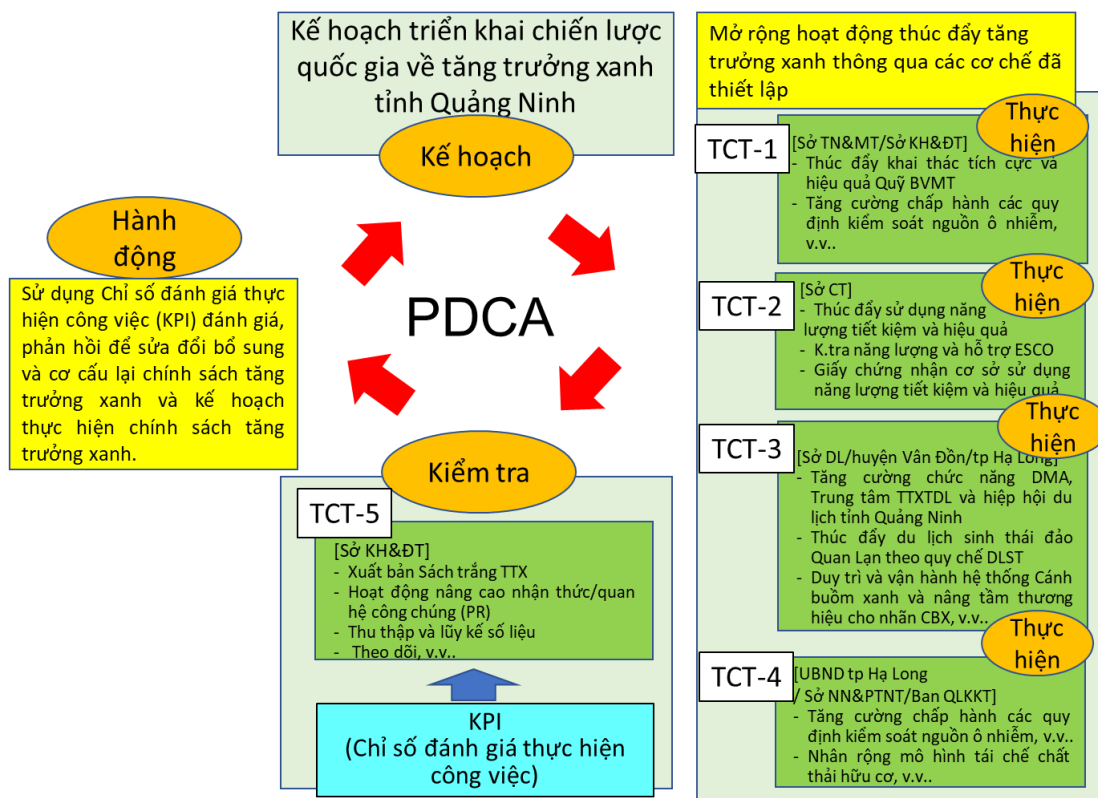
Để thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy và lan tỏa chính sách tăng trưởng xanh trên toàn địa bàn, tỉnh Quảng Ninh cần xem xét i) Có các biện pháp đánh giá kết quả thực hiện, đầu vào thực thi và tác động của kết quả thực hiện đối với quá trình thực thi chính sách tăng trưởng xanh và ii) xây dựng mới, sửa đổi bổ sung và thay đổi cơ cấu chính sách tăng trưởng xanh trên cơ sở nghiên cứu các biện pháp ưu tiên và yêu cầu về định hướng và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh đó, Tỉnh cần quan tâm lưu ý các khía cạnh thiết yếu sau đây khi thực hiện nhiệm vụ thúc đẩy chính sách tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

(1) Giới thiệu chu trình Kế hoạch-Thực hiện-Kiểm tra-Hành động (Chu trình PDCA)

Sách trắng tăng trưởng xanh sẽ đóng vai trò hết sức quan trọng, không chỉ phổ biến thông tin và nâng cao nhận thức mà còn là cuốn sách tích lũy số liệu phản ánh tình hình ô nhiễm và môi trường.

Trên cơ sở những số liệu được lũy kế như vậy, UBND tỉnh Quảng Ninh nên xem xét xây dựng Chỉ số đánh giá thực hiện công việc (KPI) để đánh giá tiến độ và kết quả thực hiện chính sách tăng trưởng xanh. Qua đó, kết quả đánh giá căn cứ KPI sẽ là cơ sở hỗ trợ cho nhiệm vụ xây dựng mới, sửa đổi và điều chỉnh chính sách tăng trưởng xanh. Về vấn đề này, chủ trương cho phép tiếp tục lập và công bố Sách trắng tăng trưởng xanh là hết sức thiết yếu, tạo điều kiện vận dụng chu trình PDCA phối hợp với xây dựng biện pháp đánh giá KPI.



Nguồn: JET

Hình 5.4-1 Mô phỏng vận dụng Chu trình PDCA đối với trường hợp Dự án

- (2) Tích hợp khái niệm tăng trưởng xanh vào các chính sách và quy hoạch tầm cao của Tỉnh
- Để tiến tới lan tỏa hiệu quả thực hiện chính sách tăng trưởng xanh trên toàn địa bàn tỉnh, UBND tỉnh cần xem xét tích hợp khái niệm tăng trưởng xanh vào nội dung Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 sẽ được lập theo chỉ đạo toàn diện của UBND tỉnh và phụ thuộc vào định hướng của Bộ KH&ĐT.
- (3) Tiếp tục phát huy nỗ lực giảm tải lượng ô nhiễm và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Chính sách tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh nhằm i) xanh hóa nền kinh tế nâu và ii) xanh hóa tăng trưởng kinh tế trong ngành dịch vụ. Về việc này, tất cả các ngành công nghiệp phải tiếp tục phát huy nỗ lực bảo vệ và cải thiện môi trường khu vực vịnh Hạ Long, trong đó có cả hoạt động giảm tải lượng ô nhiễm và sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đối với UBND tỉnh Quảng Ninh, cần đưa ra những chính sách khuyến khích các thành phần tham gia chính thuộc mọi ngành (khu vực tư nhân) để định hướng hoạt động của họ theo hướng chính sách tăng trưởng xanh của tỉnh.

6 Các biện pháp đã vận dụng và Bài học kinh nghiệm trong vận hành Dự án

Chương này mô tả các biện pháp đã vận dụng và bài học kinh nghiệm từ hoạt động vận hành Dự án:

- Các biện pháp và bài học vận dụng ở các dự án hợp tác kỹ thuật khác của JICA thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam hoặc quốc gia khác,
- Những yếu tố chính tác động đến hoạt động và kết quả thực thi,
- Đánh giá kết quả quản lý rủi ro dự án và
- Khuyến nghị JICA hỗ trợ UBND tỉnh Quảng Ninh trong nhiệm vụ thực hiện được mục tiêu tổng thể Dự án đề ra.

(1) Hợp thường kỳ với Ban QLDA và tinh thần quyền làm chủ của UBND tỉnh Quảng Ninh

Trong giai đoạn đầu thực hiện dự án, Ban QLDA và JET thường xuyên tổ chức họp giao ban hàng tuần, hai tuần một lần hoặc bất thường theo yêu cầu để rà soát tiến độ hoạt động Dự án. Các cuộc họp giao ban được tổ chức hàng tuần, hai tuần một lần. Các cuộc họp này đã góp phần vận hành trôi chảy các hoạt động, đảm bảo tiến độ Dự án, đối với hoạt động của từng TCT, các mốc thời gian quan trọng, các vấn đề và hành động cần thiết phải giải quyết giữa Ban QLDA và JET. Hơn thế nữa, chính các cuộc họp là cơ hội chuyển giao kỹ thuật cho phía đối tác, không chỉ riêng đối với các thành viên của Ban QLDA. Trong trường hợp các TCT gặp khó khăn vướng mắc thực thi hoạt động thí điểm và thể chế hóa, Ban QLDA kịp thời triệu tập đại diện TCT đến cùng thảo luận với Ban QLDA, JET để tìm hướng tháo gỡ vấn đề.

Thông qua quá trình tổ chức các cuộc họp giao ban, Ban QLDA luôn phát huy được tinh thần quyền làm chủ hoạt động của Dự án. Trong nửa sau giai đoạn Dự án, Ban QLDA và các TCT đã luôn chủ động kịp thời đề xuất thảo luận giải quyết các vấn đề xung quanh hoạt động Dự án. Những cuộc họp như vậy có tác động rất tích cực tới hoạt động của Dự án.

Ngay từ ngày đầu triển khai Dự án, tỉnh Quảng Ninh đã thể hiện rất rõ rệt tinh thần quyền làm chủ đối với Dự án thông qua những cam kết mạnh mẽ và chỉ đạo sát sao, kịp thời của UBND tỉnh và của đồng chí Trưởng Ban Chỉ đạo Dự án. Sự phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ Dự án đã dẫn dắt Dự án trên con đường thực thi ổn định, vững chắc và mang lại những thành quả tốt đẹp, tiêu biểu là việc thể chế hóa các cơ chế chính sách thúc đẩy tăng trưởng xanh trong khuôn khổ Dự án, kết nối sự tham gia của nhiều sở ban ngành, địa phương của tỉnh.

Hơn nữa, ngay từ đầu dự án, lãnh đạo UBND tỉnh và đồng chí Trưởng ban chỉ đạo dự án đã chỉ đạo phân công cán bộ phía đối tác tham gia hoạt động Dự án, trong đó có tổ trưởng các TCT và các cán bộ đầu mối, qua đó tạo điều kiện hiệu quả trong tăng cường mối quan hệ giữa các đối tác thuộc các sở ban ngành khác nhau, góp phần rất lớn cho việc thực hiện các hoạt động thí điểm và thể chế hóa, thông qua sự phối kết hợp của nhiều sở ban ngành, tổ chức của tỉnh.

(2) Thành lập Nhóm Chuyên trách đảm nhận nhiệm vụ liên ngành

Ban QLDA và JET đều nhận thấy vai trò quan trọng của công tác quản lý và vận hành linh hoạt trong quá trình thực thi dự án. Với TCT-1, việc quyết định thành lập một nhóm chuyên trách để thực hiện nhiệm vụ rà soát nghiên cứu cơ chế tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh là một trong những cách xử lý rất chủ động cho dù ngay từ đầu, Dự án không dự đoán trước được nhu cầu cần phải thành lập một nhóm đặc biệt như vậy. Nhóm chuyên trách đã triển khai các hoạt động liên ngành, liên quan đến không chỉ những thành viên TCT-1, mà còn liên quan đến các sở khác như Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, NN&PTNT, TN&MT và v.v... liên quan tới nhiệm vụ đề xuất hệ thống tài chính thúc đẩy tăng trưởng xanh. Nhóm Chuyên trách đã lập đề xuất cho Sở KH&ĐT trình UBND tỉnh xin chủ trương xây dựng mới hoặc cập nhật sửa đổi nghị quyết của tỉnh, ban hành chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư cho thúc đẩy tăng trưởng xanh. Nếu UBND tỉnh thông qua chủ trương cho phép xây dựng cơ chế tài chính thúc đẩy tăng trưởng trên địa bàn tỉnh xanh thì đây sẽ là trường hợp tiền lệ đầu tiên từ trước tới nay. Thật đáng tiếc, UBND tỉnh đã không thông qua chủ trương đó do vấn đề ngân sách và tính chất không phù hợp với các quy định khác. Tuy nhiên, đề xuất đó đã trở thành cơ sở sau này cho TCT-1 và Sở KH&ĐT thực hiện i) nghiên cứu cách tiếp cận cơ chế tài chính liên quan tới các ngân sách môi trường phục vụ thúc đẩy tăng trưởng xanh và ii) tăng cường hợp tác và trao đổi thông tin giữa các sở ban ngành trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng chính sách cấp tỉnh.

(3) Sự tham gia và cộng tác với khu vực tư nhân

Tăng cường thực hiện các hoạt động liên quan đến tăng trưởng xanh trong khu vực tư nhân là một yếu tố quan trọng trong thúc đẩy tăng trưởng xanh trên địa bàn tỉnh. Dự án được triển khai nhằm mục đích không chỉ giúp các bên tham gia hiểu rõ khái niệm tăng trưởng xanh mà còn huy động các đối tượng đó trực tiếp tham gia thực hiện các chính sách tăng trưởng xanh. Trong một số trường hợp, các bên đã tham gia vai trò chủ trì các hoạt động thí điểm và điều đó mang lại hiệu quả hết sức tích cực phổ biến tầm quan trọng và lợi ích thúc đẩy tăng trưởng xanh đối với khu vực tư nhân. Hoạt động thí điểm cũng tạo động lực cho các doanh nghiệp tư nhân chủ động hơn nữa vận dụng các biện pháp tăng trưởng xanh. Chẳng hạn như TCT-2 đã thành công trong khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng thông qua các đề xuất ESCO và Chương trình Giấy chứng nhận sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Đối với trường hợp TCT-3, hoạt động thí điểm đã tạo sự khác biệt cho các công ty tàu du lịch đã được gắn nhãn sinh thái Cánh buồm xanh nhờ cung cấp các dịch vụ thân thiện sinh thái so với các tàu khác chưa gắn nhãn, tạo sức hấp dẫn, thu hút được nhiều khách du lịch quan tâm sử dụng dịch vụ.

Sự tham gia và hợp tác của khu vực tư nhân có vai trò hết sức thiết yếu trong quá trình thực hiện các chính sách của tỉnh, trong đó có chính sách tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn sau Dự án. Vì vậy, cần tiếp tục tăng cường mạng lưới hợp tác với khu vực tư nhân và Dự án đã thiết lập.

(4) Hợp tác giữa chính quyền các địa phương

Căn cứ kế hoạch dự án, tỉnh Quảng Ninh có cơ hội hợp tác với tỉnh Shiga, Nhật Bản và được tỉnh Shiga chia sẻ những kinh nghiệm quý báu của họ trong các hoạt động đối tác công-tư và công tác hành chính khác liên quan tới mô hình Hồ Biwa. Thông qua Dự án, tỉnh Shiga đã tư vấn cho tỉnh

Quảng Ninh về thúc đẩy tăng trưởng xanh khu vực vịnh Hạ Long, đặc biệt với hoạt động quản lý nhà nước của tỉnh đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường nước và phát triển bền vững các vùng nước.

Trong giai đoạn đầu của Dự án, chính quyền hai tỉnh đã có những khó khăn, trở ngại trong trao đổi thông tin và xác định cụ thể hơn các nội dung tư vấn và bài học kinh nghiệm tỉnh Shiga cần chia sẻ để điều chỉnh phù hợp áp dụng cho khu vực vịnh Hạ Long.

Trong bối cảnh đó, tháng 10 năm 2017 (một năm sau khi Dự án khởi động), chính quyền tỉnh Shiga và tỉnh Quảng Ninh đã cùng ký kết Biên bản Ghi nhớ (MOU) hợp tác kinh tế và môi trường. Trong quá trình xây dựng nội dung MOU, cả hai phía đã cùng nhau làm rõ i) các chủ đề hợp tác trong Dự án, ii) những ý kiến tư vấn và kinh nghiệm tỉnh Shiga sẽ chia sẻ, iii) các chủ đề cụ thể chính quyền hai tỉnh sẽ chia sẻ về nhu cầu về kỹ thuật và ứng dụng công nghệ và iv) cơ chế hợp tác, giao các đầu mối hoạt động gồm Phòng Thoát nước thuộc Sở Hồ và Môi trường Biwa của tỉnh Shiga và Sở KH&ĐT của tỉnh Quảng Ninh. Bước ký kết MOU ngay trong giai đoạn đầu triển khai Dự án đã tạo điều kiện thuận lợi cho cả hai bên xây dựng mối quan hệ hợp tác hữu nghị bền vững cho giai đoạn sau Dự án.

Thông thường, các Biên bản Ghi nhớ (MOU) hợp tác giữa chính quyền các địa phương liên quan đến dự án sẽ được ký kết vào giai đoạn cuối của dự án, xét đến hoạt động hợp tác giữa hai bên cho giai đoạn sau dự án. Tuy nhiên, với trường hợp MOU được thiết lập và ký trong thời kỳ giữa hoặc đầu dự án thì điều đó lại càng mang lại hiệu quả cụ thể và tích cực hơn cho Dự án.

(5) Các chuyến tham quan học tập các thực tiễn tốt ở các tỉnh thành hoặc khu vực khác trên cả nước

Trong quá trình thực thi hoạt động thí điểm và thể chế hóa các cơ chế đề xuất, đã có lúc các TCT gặp khó khăn, thách thức thực hiện mục tiêu đề ra do chưa có tiền lệ để tham khảo hoặc do bị hạn chế về mặt kiến thức chọn công nghệ tiên tiến hoặc khi xác định cơ chế cụ thể để thể chế hóa, v.v... Do đó, các TCT và JET đã đề xuất tổ chức một số đợt tham quan học tập các nơi hoặc địa bàn khác trên cả nước đã đi trước, có tiền lệ về ứng dụng các công nghệ tiên tiến, vận hành tốt các quỹ và cơ chế tài chính môi trường cấp tỉnh, điển hình du lịch sinh thái.

Các chuyến tham quan học tập đã được tổ chức cho i) TCT-1 (Nhóm chuyên trách): tham quan tỉnh Bình Dương và tỉnh Đồng Nai tìm hiểu vận hành hiệu quả của các quỹ/cơ chế tài chính, ii) TCT3: các mô hình du lịch sinh thái tại Hà Nội và khu vực lân cận và iii) TCT-4: Hệ thống tái chế chất thải hữu cơ đã lắp và đang hoạt động ở khu vực Hà Nội.

Những thông tin và quan điểm học hỏi được từ các chuyến tham quan học tập này đã đóng góp tích cực cho các hoạt động thí điểm hoàn thành mục tiêu của Dự án.

(6) Kết nối với các bộ ngành trung ương và chia sẻ với các địa phương khác trong cả nước

Kế hoạch triển khai thực hiện chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020 được xây dựng tuân thủ theo Chiến lược tăng trưởng xanh của Việt Nam. Trong thời gian tới, Tỉnh sẽ phải xây dựng kế hoạch cho giai đoạn mới từ năm 2020 trở đi, đó cũng chính là giai đoạn sau Dự án. Trong thời gian thực hiện Dự án, Sở KH&ĐT tỉnh Quảng Ninh đã quan tâm tới các hoạt động tăng cường kết nối với Bộ KH&ĐT như chủ động mời đại diện của Bộ KH&ĐT tham

dự các sự kiện khởi động dự án, các hội thảo thúc đẩy tăng trưởng xanh, hội nghị tổng kết Dự án và đăng ký làm việc để tìm hiểu định hướng chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia giai đoạn tới, làm căn cứ điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh của tỉnh giai đoạn mới. Dự án cũng có cơ hội quý báu được lắng nghe ý kiến tham gia về bài học kinh nghiệm thúc đẩy tăng trưởng xanh từ phía các tỉnh thành khác và các cơ quan trung ương. Ngoài ra, tỉnh Quảng Ninh còn mời các địa phương hiện cũng đang triển khai chiến lược tăng trưởng xanh tương tự như tỉnh Quảng Ninh, gồm tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và thành phố Hải Phòng tới tham dự các hội nghị, hội thảo của dự án để chia sẻ những bài học kinh nghiệm và kiến thức liên quan. Những hoạt động nêu trên có ý nghĩa tăng cường i) sự kết nối giữa các cơ quan cấp trung ương và cấp địa phương và ii) phổ biến và chia sẻ những bài học kinh nghiệm, mô hình hiệu quả giữa các địa phương trong cả nước.

(7) Đặt mục tiêu thể chế hóa khả thi ngay từ giai đoạn lập kế hoạch

TCT-4 có nhiệm vụ xây dựng các cơ chế khuyến khích kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp xuống vịnh. Tuy nhiên, trong Giai đoạn 1 khi thiết kế Dự án không đề cập đến kết quả đầu ra đối với nhiệm vụ thể chế hóa này bởi hoạt động thí điểm của TCT-4 là hoạt động được quyết định bổ sung ngay tại cuộc họp Ban chỉ đạo tổng kết Dự án giai đoạn 1 trong khi các hoạt động thí điểm khác đã được đưa vào nội dung thiết kế từ đầu, trên cơ sở trải qua hàng loạt các cuộc tham vấn chuyên sâu với phía đối tác. Như vậy, vì thời gian hạn hẹp nên nội dung hoạt động thí điểm của TCT-4 chưa được xem xét kỹ so với các hoạt động thí điểm khác. Trên thực tế, UBND thành phố Hạ Long là cơ quan giữ vai trò tổ trưởng TCT-4 đã gặp rất nhiều khó khăn khi cân nhắc loại cơ chế cụ thể cần xây dựng trong khuôn khổ quyền hạn hạn chế ở cấp chính quyền thành phố bởi UBND thành phố Hạ Long không có chức năng cơ quan hoạch định chính sách. Từ thực tế này đối với TCT-4, cần lưu ý những bài học kinh nghiệm cụ thể như sau:

- Ngay từ khi thiết kế hoạt động, cần phải xem xét kỹ lưỡng, xác nhận về cơ sở pháp lý khi đề xuất nội dung thể chế hóa.
- Cần thiết kế nhiệm vụ thể chế hóa phù hợp với chức năng và nhiệm vụ cụ thể của sở ban ngành, đơn vị hành chính sẽ được giao nhiệm vụ.

Tuy nhiên, trong bối cảnh điều kiện hạn chế đó, UBND thành phố Hạ Long đã tích cực tăng cường phối hợp với Ban QLDA và Sở NN&PTNT và TCT-4 đã thực hiện được hoạt động này, thông qua nghị quyết mới ban hành của tỉnh về chính sách hỗ trợ cho hoạt động sản xuất phân bón hữu cơ. Đóng góp tích cực cho thành quả đó là sự tích cực tạo thuận lợi từ phía JET và Ban QLDA thông qua các cuộc làm việc trực tiếp với các cấp có thẩm quyền ra quyết định liên quan đến các hoạt động của Dự án, trong đó có thành viên Ban chỉ đạo thuộc Sở NN&PTNT và kết nối với các bên liên quan để hướng dẫn hoạt động cho TCT-4.

(8) Những yếu tố chính tác động đến hoạt động và kết quả thực thi

Giai đoạn 1 của Dự án đã xác định những giả thiết sau đây, như đã thể hiện trong Ma trận thiết kế Dự án:

- Không có thay đổi trong chính sách thúc đẩy chiến lược tăng trưởng xanh tỉnh Quảng Ninh.
- Không có thay đổi về tình hình xã hội gây cản trở hoạt động của các đơn vị tư nhân liên quan, như khủng hoảng kinh tế, v.v...

- Không xảy ra thiên tai gây thiệt hại tới các tài nguyên du lịch.

Quá trình triển khai thực tế Giai đoạn 2 (giai đoạn thực thi Dự án) đã diễn ra thuận lợi và không xảy ra thay đổi gì như giả thiết. Tuy nhiên, có hai vấn đề có thể có nguy cơ gây ảnh hưởng quá trình thực thi Dự án, gồm 1) thay đổi địa bàn thúc đẩy du lịch sinh thái và 2) mua thiết bị. Tuy nhiên, Ban QLDA và JET đã hết sức nỗ lực giảm thiểu tác động của các vấn đề này nhờ sự tích cực kịp thời kết nối báo cáo định kỳ và khi cần với UBND tỉnh để xin ý kiến chỉ đạo liên quan. Những nỗ lực như vậy cũng góp phần điều chỉnh Dự án phù hợp với chiến lược tổng thể của tỉnh và những điều kiện xã hội khác, tránh gây tác động làm thay đổi hoạt động của Dự án. Như vậy, không có yếu tố trọng yếu nào gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động và kết quả thực thi Dự án.

(9) Đánh giá kết quả hoạt động quản lý rủi ro Dự án

Trong quá trình thực thi Dự án đã phát sinh những vấn đề sau đây:

1) Thay đổi địa bàn thí điểm hoạt động thúc đẩy du lịch sinh thái thuộc TCT-3, Đầu ra 3

Địa bàn thí điểm hoạt động du lịch sinh thái thay đổi từ thị xã Quảng Yên sang huyện Vân Đồn. Khi bắt đầu Giai đoạn 2 xuất phát từ thực tế triển khai các quy hoạch phát triển khu công nghiệp và đô thị trên địa bàn thí điểm ban đầu được chọn (thị xã Quảng Yên). Bài học từ thực tế này cho thấy nhu cầu hết sức quan trọng cần xác nhận càng sớm càng tốt về chủ trương của chính phủ đối với các quy hoạch phát triển vùng cho dù vấn đề đó chưa hề phát sinh trong giai đoạn thiết kế Dự án (Giai đoạn 1). Trong Dự án, Ban QLDA luôn được cập nhật các xu hướng mới nhất trong quy hoạch phát triển vùng bởi Ban QLDA thuộc Sở KH&ĐT, là sở quản lý các hoạt động quy hoạch và đầu tư toàn tỉnh. Như vậy, Ban QLDA được thành lập trực thuộc Sở KH&ĐT hoặc có mối quan hệ công tác liên quan và chia sẻ thông tin sẽ giúp giảm thiểu những rủi ro dự án như vậy.

2) Mua thiết bị cho hoạt động thuộc TCT-4, Đầu ra 2

Trong thời gian thực hiện, Dự án đã dành gần hai năm để xác định cụ thể danh mục chi tiết thiết bị cần mua sắm cho hoạt động TCT-4 do tổ đã phải thảo luận kéo dài trước khi quyết định đặc tính kỹ thuật thiết bị, kế hoạch mua sắm và thiết kế hoạt động thí điểm khai thác thiết bị. Với mục tiêu giảm thiểu thời gian chậm tiến độ, bên đối tác và JET đã giám sát và quản lý hết sức sát sao quy trình nhập khẩu / tiếp nhận và thủ tục thuế đối với thiết bị. Ngoài ra, song song với vận hành thiết bị trước khi làm rõ được yêu cầu kết quả đầu ra của hoạt động thí điểm, TCT-4 chủ động triển khai cân nhắc các cơ chế khuyến khích kiểm soát tải lượng ô nhiễm trực tiếp. Kết quả cho thấy TCT-4 đã nỗ lực hoàn thành các hoạt động thí điểm thuộc tổ trước khi Dự án kết thúc.

Bài học kinh nghiệm cho thấy lẽ ra ngay từ đầu Dự án cần phải xác nhận được nhiệm vụ mua sắm thiết bị, trong đó bao gồm danh mục thiết bị và dự kiến đối tượng sử dụng thiết bị trên cơ sở làm rõ mục tiêu và tính cần thiết đối với thiết bị được chọn. Mặt khác, sự linh hoạt trong vận hành dự án đã giúp giảm thiểu nguy cơ chậm tiến độ do quy trình mua sắm thiết bị. JET liên tục nhắc nhở những mốc thời gian trong hoạt động của TCT, đảm bảo kịp tiến độ và cùng chia sẻ kế hoạch công việc với phía đối tác. Tựu chung, TCT-4 đã hoàn thành nhiệm vụ hoạt động thí điểm trước khi kết thúc Dự án nhờ sự quản lý thời gian hiệu quả của tổ.

3) Khác

Bài học kinh nghiệm chia sẻ từ dự án hợp tác kỹ trước đây của JICA về quản lý môi trường vịnh Hạ Long (Dự án bảo vệ môi trường vịnh Hạ Long, giai đoạn 2010 – 2012) về hiệu quả thiết lập bộ máy thực thi Dự án trong đó có Ban Quản lý Dự án và các tổ công tác. Dự án tăng trưởng xanh cũng vận dụng mô hình tổ chức thực hiện tương tự và hoạt động Dự án triển khai hết sức thuận lợi bởi phía đối tác rất quen thuộc với cách thức tổ chức như vậy.

(10) Khuyến nghị JICA tiếp tục hỗ trợ tỉnh Quảng Ninh thực hiện được mục tiêu tổng thể

Thông qua Dự án, UBND tỉnh Quảng Ninh đã ban hành các cơ chế thực thi chính sách tăng trưởng xanh của Tỉnh. UBND tỉnh Quảng Ninh cần quan tâm chỉ đạo thực hiện bền vững các cơ chế đó trong giai đoạn sau Dự án theo những nội dung khuyến nghị trình bày trong Chương 5 của báo cáo này. Đề nghị JICA theo dõi tiến độ hoặc nắm bắt những thách thức tác động đến quá trình thực hiện mục tiêu tổng thể Dự án đã đặt ra, đặc biệt chú trọng đến tính bền vững của hoạt động thúc đẩy tăng trưởng xanh của tỉnh. Bên cạnh đó, đề nghị JICA lan tỏa bài học kinh nghiệm của Dự án trong quá trình thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh tới các tỉnh thành khác hoặc trên toàn quốc.